

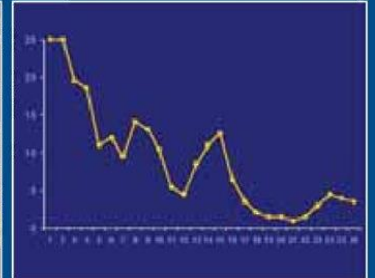
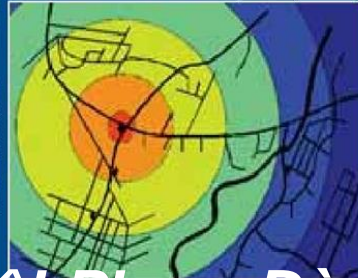


Bộ Tư pháp Hoa Kỳ

Cơ quan quản lý các hoạt động cảnh sát định hướng tại cộng đồng (COPS)

COPS

COMMUNITY ORIENTED POLICING SERVICES
U.S. DEPARTMENT OF JUSTICE



Phân Tích Tội Phạm Dành Cho Những Người Giải Quyết Vấn Đề

Trong 60 Bước Cơ Bản

Ronald V. Clarke & John E. Eck

Trung tâm Nghiên cứu Hoạt động Cảnh sát Ứng dụng Thực tiễn



LỜI NGƯỜI DỊCH

Sổ tay hướng dẫn **Phân tích tội phạm dành cho những người giải quyết vấn đề trong 60 bước cơ bản** là một trong những công trình nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn trong hoạt động cảnh sát tại Trung tâm nghiên cứu hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết (Problem-Oriented Policing, POP Center). Nội dung của sổ tay hướng dẫn cũng đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ khác nhau để đưa đến cho cộng đồng học thuật, người làm chính sách và các cán bộ thực thi pháp luật được tiếp cận và trao đổi trong áp dụng các hoạt động cảnh sát.

Bản dịch từ Tiếng Anh sang Tiếng Việt này là công việc tình nguyện phi lợi nhuận vì mục đích giáo dục và chia sẻ kiến thức về tội phạm học và đào tạo cảnh sát của người dịch. Bản dịch đã được sự đồng ý chính thức và cho phép dịch thuật bằng văn bản từ Giám đốc (Michael S. Scott) và Phó Giám đốc (Graeme R. Newman) quản lý Trung tâm POP và tác giả của cuốn sổ tay này (Giáo sư Ronald V. Clarke và Giáo sư John E. Eck). Như một cách góp phần lan tỏa tri thức từ bản dịch thuật này, toàn bộ tài liệu sau khi hiệu đính sẽ được trình bày và giới thiệu tại trang website chính thức của Trung tâm POP để mọi người có thể tham khảo miễn phí.

Toàn bộ nội dung dịch thuật, hiệu đính và độ chính xác của sổ tay hướng dẫn này do người dịch chịu trách nhiệm, không nhất thiết đại diện cho quan điểm chính thức của các tác giả, Trung tâm POP, cũng như Cơ quan quản lý các hoạt động cảnh sát định hướng tại cộng đồng (COPS, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ). Mọi liên hệ về bản dịch, xin vui lòng trực tiếp trao đổi với TS. Lương Thanh Hải, Giảng viên về Tội phạm học, Trường Tội phạm học và Tư pháp hình sự, Đại học Tổng hợp Griffith, Queensland, Úc qua email: h.luong@griffith.edu.au

LỜI CẢM ƠN

Đây là một phiên bản đã được tái bản và bổ sung từ phiên bản gốc – “Trở thành một chuyên gia phân tích tội phạm và giải quyết vấn đề”, một quyển cẩm nang đã được chúng tôi xuất bản tại Viện Nghiên cứu khoa học về Tội phạm Jill Dando, thuộc Đại học Tổng hợp London, với sự hỗ trợ tài chính từ Bộ Nội vụ Vương quốc Anh. Chúng tôi tỏ lòng hàm ơn tới Viện Jill Dando và Bộ Nội vụ đã cho phép chúng tôi xuất bản ấn phẩm này tại Hoa Kỳ. Chúng tôi cũng tỏ lòng biết ơn tới Cơ quan quản lý các hoạt động cảnh sát định hướng tại cộng đồng đã ủng hộ cho quá trình nghiên cứu này. Trong phần lời cảm tạ của ấn phẩm trước đây chúng tôi đã bày tỏ sự cảm ơn của mình đến các đồng nghiệp và những người bạn đã làm việc và nhiệt tình giúp đỡ chúng tôi. Đây là những con người đã hỗ trợ chúng tôi hoàn thành phiên bản mới này thông qua việc cung cấp các tài liệu cũng như các lời bình luận cho bản nháp, bao gồm Stacy Belledin, Rachel Boba, Karen Bullock, Barbie Brookover, Christopher Bruce, Andy Brumwell, Graham Farrell, Rob Guerette, Samantha Gwinn, Shane Johnson, Johannes Knutsson, Gloria Laycock, Nancy Leach, Deborah Loewen, Tamara Madensen, Mangai Natarajan, Cynthia Pappas, Ken Pease, Nanci Plouffe, Barry Poyner, Jerry Ratcliffe, George Rengert, Nick Ross, Kim Rossmo, Rana Sampson, Matthew Scheider, Karin Schmerler, Michael Scott, Nick Tilley, Susan Wernicke, Matt White, và Deborah Lamm Weisel. Chúng tôi chân thành cảm ơn tất cả họ.

RONALD V. CLARKE

Ronald Clarke là Giáo sư của trường tư pháp hình sự Rutgers, thuộc Đại học tổng hợp New Jersey, Hoa Kỳ và đồng thời là giáo sư thỉnh giảng tại Viện Nghiên cứu khoa học về Tội phạm Jill Dando, thuộc Đại học Tổng hợp London, Vương quốc Anh. Giáo sư đã làm việc nhiều năm trong Bộ phận Nghiên cứu và Hoạch định chiến lược của Bộ Nội vụ Vương quốc Anh, nơi mà ông ấy đã đóng góp đáng kể về sự phát triển học thuyết phòng chống các tình huống tội phạm và Chương trình quốc gia Thống kê về tội phạm. Ông cũng đồng thời là Phó Giám đốc của Trung tâm Nghiên cứu về Giải quyết các vấn đề dựa trên định hướng của cảnh sát, và đồng thời giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng và đánh giá Giải thưởng Herman Goldstein giành cho những đóng góp xuất sắc trong lĩnh vực này. Địa chỉ liên lạc với ông thông qua email: rclarke@andromeda.rutgers.edu.

JOHN E. ECK

John Eck là Giáo sư trong lĩnh vực Tư pháp hình sự, thuộc Đại học Tổng hợp Cincinnati, Hoa Kỳ. Ông ấy đã đóng góp vào sự phát triển của học thuyết Giải quyết các vấn đề dựa trên định hướng của cảnh sát từ năm 1984 khi ông ấy đang tham gia toàn thời gian tại thành phố Newport News (Virginia, Hoa Kỳ). Ông cũng đã giúp đỡ phát triển một số các chuẩn mực trong Giải quyết các vấn đề dựa trên định hướng của cảnh sát, bao gồm mô hình SARA và xây dựng mô hình tam giác phân tích và đánh giá sự kiện. Tiến sỹ Eck cũng đồng thời là thành viên kiêm nhiệm của Trung tâm nghiên cứu về Giải quyết các vấn đề dựa trên định hướng của cảnh sát và là thành viên Hội đồng đánh giá giải thưởng Tilley hàng năm trao cho các ứng cử viên xuất sắc. Tiến sỹ Eck đã từng là thành viên của Hội đồng đánh giá nghiên cứu về các chính sách và thực tiễn trong lực lượng Cảnh sát (2000-2003), thuộc Học viện quốc gia về Nghiên cứu khoa học Hoa Kỳ. Địa chỉ email liên lạc: john.eck@uc.edu

LỜI NÓI ĐẦU

Một trong những lo lắng hàng đầu trong hoạt động cảnh sát ở Hoa Kỳ hiện nay – và có thể là trong tương lai tới đây, đó là những trở ngại khó khăn trong việc chi tiêu. Những chia sẻ vào các việc lớn trong hệ thống ngân sách của lực lượng cảnh sát lại nằm vào chính các chi tiêu cụ thể đối với giá trị cá nhân. Như một kết quả tất yếu, nhiều cơ quan cảnh sát đang sẵn sàng hoạt động năng nổ trong phạm vi quyền năng của mình. Trong khi đó, việc tìm kiếm những nguồn tài chính hỗ trợ cho công việc tìm kiếm các nhân viên cảnh sát mới đang gặp phải những trở ngại nhất định. Và thậm chí trong một số trường hợp cụ thể, những hoạt động nghiệp vụ của cảnh sát – phụ thuộc vào yếu tố con người, đang bị cắt giảm đáng kể. Tiếng nói của lực lượng cảnh sát không thể thực hiện một cách triệt để và nhanh chóng như trong quá khứ được. Hơn nữa vấn đề nhân sự trong lực lượng không thể tự do sắp xếp để tăng cường sự hiện diện của cảnh sát trên đường phố trong triển khai các kỹ chiến thuật trên đường phố, bao gồm như các vụ trấn áp bạo động, các vụ càn quét và các nhiệm vụ cụ thể của lực lượng đặc nhiệm.

Thực tế này là một thách thức mới để chúng ta suy nghĩ lại về các hoạt động của lực lượng cảnh sát hiện nay. Nó kết nối với những nỗ lực trước đây để thúc đẩy mối quan tâm lớn hơn về hiệu quả của cảnh sát. Và điều đó sẽ thêm phần tạo động lực mới để xác định những chuẩn mực lâu dài có tính chiến lược và thay thế những vấn đề không cần thiết nhằm mục đích không chỉ để kiểm tra chất lượng công việc hàng ngày mà còn để đánh giá những cam kết thực hiện của cảnh sát sẽ thực hiện và thực hiện như thế nào để mang lại tính hiệu quả cao hơn.

Suy nghĩ lại các phương pháp hiện nay đòi hỏi một sự hiểu biết mới về vai trò của cảnh sát - cả trên một phần của cảnh sát và công chúng mà họ phục vụ. Nó là điều cần thiết để nhận ra rằng chức năng của cảnh sát là không đơn giản như nó đôi khi được

miêu tả. Nó là vô cùng phức tạp. Nó không phải là một chức năng đơn lẻ, thường được định nghĩa là thực thi pháp luật. Nó đòi hỏi phải đối phó với một loạt các vấn đề về hành vi và ứng xử dựa trên từng hoàn cảnh và điều kiện khác nhau. Nó không bao gồm đơn giản là phản ứng với vô số các sự cố. Hiện nay, cảnh sát đang được kỳ vọng sẽ ngăn chặn các sự cố này từ ngay khi chúng mới xuất hiện lần đầu tiên.

Trong một cách tiếp cận sâu hơn về công tác cảnh sát hiện nay với một cách nhìn mới hiện nay đòi hỏi phải đánh giá dựa trên tổng thể các hành vi và ứng xử mà Cảnh sát tham gia. Lực lượng Cảnh sát cần xem xét một phạm vi rộng lớn hơn với những chiến lược cụ thể về xây dựng các chiến thuật tốt nhất để ngăn ngừa, giảm thiểu, hoặc loại bỏ mỗi hành vi phạm tội. Hơn thế nữa, học phải cân nhắc chính xác hơn hiệu quả khi áp dụng với một mục tiêu mới. Đây là bản chất của vấn đề định hướng chiến lược của *hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết* (problem-oriented policing).

Nhiều tiên bộ đã được thực hiện dưới sự bảo trợ của vấn đề định hướng chiến lược cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết vì khái niệm lần đầu tiên được giới thiệu vào năm 1979. Tuy nhiên, những điều này đã không được lồng ghép trong công tác hoạch định chính sách. Những thực hiện của họ chỉ được triển khai một cách rời rạc, thiếu tính hệ thống, và không có nguồn gốc sâu xa và lâu dài. Họ vẫn bị lu mờ bởi sự chi phối của những phương pháp truyền thống trong hoạt động Cảnh sát, và thậm chí là còn phụ thuộc quá lớn vào rất nhiều nhân viên cảnh sát trong công tác tuần tra và bắt giữ.

Những mối quan tâm lớn hơn về hiệu quả của cảnh sát trong việc đối phó với các vấn đề hành vi cụ thể cần phải bắt đầu lại từ đầu. Nói chung, chúng ta biết nhiều về hàng loạt các vấn đề hành vi cấu thành nên các hoạt động cảnh sát và cách tốt nhất để phòng ngừa chúng. Kiến thức này có thể được tìm thấy trong các tài liệu quan trọng về

tội phạm và phòng chống tội phạm, đặc biệt là trong các tài liệu về phòng chống các tình huống phạm tội. Phần lớn các giá trị này có thể được tìm thấy phần nhiều trong số các hoạt động thực tiễn phòng chống tội phạm của cơ quan cảnh sát và trong tâm trí của nhân viên cảnh sát có kinh nghiệm. Tuy nhiên, những kinh nghiệm và chuyên gia này cần phải được tiếp cận và khai thác để phân tích nghiêm ngặt.

Trung tâm nghiên cứu hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết (Problem-Oriented Policing, POP Center, www.popcenter.org) hiện nay phục vụ như là một trung tâm thu thập các vấn đề liên quan đến kiến thức thường gặp của cảnh sát. Trung tâm này đóng vai trò phổ biến các tài liệu này theo những cách khác nhau, nhưng chủ yếu thông qua các ấn phẩm của mình hướng dẫn các vấn đề mang tính định hướng. Mỗi hướng dẫn tổng hợp kiến thức đã có và đánh giá các hoạt động thực tiễn về một vấn đề cụ thể, và khích thích cảnh sát thúc đẩy suy nghĩ của mình về cách tốt nhất để xử lý các vấn đề trong bối cảnh địa bàn mình đang hoạt động.

Trong khi Trung tâm POP đã ghi nhận hàng trăm trường hợp thành công trong vấn đề định hướng chính sách thì một trở ngại chính trong việc hình thành các khái niệm đã có những thiếu sót trong năng lực phân tích của các cơ quan cảnh sát. Nhiều cơ quan cảnh sát đã cho sử dụng một hoặc nhiều chuyên gia phân tích tội phạm hỗ trợ cho hoạt động cảnh sát. Tuy nhiên cũng có một số các tổ chức cảnh sát lớn nhất và tiên tiến hơn thì chưa áp dụng vấn đề này trong thực tiễn. Khi triển khai mô hình này, công việc của các chuyên gia phân tích tội phạm tập trung sâu vào việc hình thành và lập bảng các loại tội phạm xảy ra. Một vài người khác, công việc phân tích này được mở rộng để xác định mô hình của tội phạm với mục tiêu chính là xác định cụ thể người phạm tội (anh/cô ấy) để có thể được ngăn chặn, bắt giữ. Nếu nói tham vọng hơn về mô hình này, công việc của các chuyên gia phân tích tội phạm có thể bao gồm việc xác định các yếu tố góp phần vào một mô hình tội phạm. Tuy nhiên, việc đưa ra các quyết

định làm thế nào để đáp ứng với những yếu tố này thường sẽ bị hoãn lại bởi nhân viên điều hành, những người có xu hướng sử dụng các phương tiện truyền thống để đối phó với chúng.

Trong khi đó, bản thân lĩnh vực phân tích tội phạm đã phát triển tiên bộ hơn nhiều. Một nền lý thuyết về những tiềm năng của lĩnh vực này hiện nay đã được xây dựng. Khả năng chụp, lưu trữ điện tử và lấy số lượng lớn dữ liệu mà cảnh sát thường xuyên thu thập được là vô cùng lớn so với một thập kỷ trước đây. Năng lực để lập bản đồ địa lý tội phạm là một điều hoàn toàn có cơ sở, và bây giờ là một công cụ không thể thiếu chính trong phân tích tội phạm. phương pháp thông thường đã được phát triển để thu thập, phân tích và phổ biến các thông tin tình báo đối với các hoạt động tư pháp hình sự.

Trong hướng dẫn này, Ronald Clarke và John Eck đặt ra một chương trình nghị sự đầy tham vọng nhiều hơn và có khả năng sản xuất cho các nhà phân tích. Họ phác thảo một vai trò trong đó các chuyên gia phân tích tội phạm đầu tư rất nhiều trong việc tìm kiếm giải pháp mới cho các vấn đề đó được chẩn đoán và tham gia trực tiếp vào các nỗ lực để kiểm tra và thực hiện chúng. Các nhà phân tích dự kiến sẽ đóng góp để khám phá những cách thức mới, sáng tạo hơn, và tiềm năng hiệu quả của việc thực hiện công việc của cảnh sát. Thông qua tài liệu này, Clarke và Eck chứng minh làm thế nào một nhà phân tích (những người đã được đào tạo và sử dụng trong thực tiễn), có khả năng áp dụng hiệu quả các hoạt động của họ hơn nhiều lần so với năng suất và hiệu quả của hàng trăm sĩ quan cảnh sát trong phạm vi phân tích tội phạm. Hiểu theo cách này, đầu tư vào các chuyên gia phân tích tội phạm có thể là một cách thông minh để tăng lợi nhuận trên đầu tư đáng kể mà các cộng đồng thực hiện trong nhân viên cảnh sát tuyển thệ nhiệm chức.

Tổng hợp giữa chuyên môn của họ như các nhà nghiên cứu và các hoạt động thực tiễn của lực lượng Cảnh sát, Clarke và Eck đã thu thập tất cả các kiến thức và phương pháp có liên quan và hiện có để tổ chức nó trong 60 phân đoạn nhỏ hay các bước xây dựng hợp lý. Tài liệu hướng dẫn này được truyền tải với một phong cách ngắn gọn và hấp dẫn, và chính điều này, đã làm cho nó trở thành một trong những ấn phẩm quan trọng nhất góp phần xây dựng các chính sách, chiến lược của hoạt động Cảnh sát trong vài thập kỷ qua.

Mục tiêu quan trọng nhất của sổ tay hướng dẫn này là giúp số lượng tương đối nhỏ các cá nhân hiện nay thường được sử dụng trong các đơn vị Cảnh sát như các chuyên gia phân tích tội phạm để mở rộng chức năng của họ. Xa hơn, chính những chuyên gia phân tích tội phạm này có thể đóng góp nhiều hơn vào hiệu quả của các hoạt động của lực lượng Cảnh sát trong phòng chống tội phạm. Đó là dự định, tham vọng hơn, tài liệu này có thể góp phần vào việc đào tạo các chuyên gia phân tích tội phạm mới hoặc những chuyên gia giải quyết các vấn đề, để tăng số lượng cho họ và phát triển hoạt động này trở nên chuyên nghiệp hơn. Nhưng phân tích vấn đề không phải là một lĩnh vực độc quyền của kỹ thuật viên. Chúng tôi hy vọng rằng, tất cả mọi người khác trong một cơ quan Cảnh sát, từ cán bộ cấp cơ sở tới thủ trưởng trong lực lượng Cảnh sát, và rộng hơn, những người ở cả hai phạm vi khác nhau liên quan đến phòng chống tội phạm, công và tư nhân (public and private sectors) sẽ có thể kết hợp các dòng tư duy nêu trong cuốn hướng dẫn này áp dụng hiệu quả vào công việc.

Herman Goldstein

Giáo sư danh dự về Luật học

Đại học Wisconsin-Madison

LỜI TỰA

Hướng dẫn đọc tài liệu

Tài liệu sổ tay 60 bước này được giả định rằng bạn là một chuyên gia phân tích có kinh nghiệm và bạn đang quen với việc cung cấp các loại thông tin cần thiết để hỗ trợ các hoạt động của cảnh sát. Điều này có nghĩa rằng:

1. Bạn sử dụng được máy tính hiện đại và biết làm thế nào để truy cập và các thao tác xử lý cơ sở dữ liệu toàn diện.
2. Bạn biết làm thế nào để sử dụng phần mềm bản đồ tội phạm, để xác định các điểm nóng, và những đầu mối liên quan đến hồ sơ cá nhân và các dữ liệu.
3. Bạn thường xuyên xử lý các biểu đồ liên quan đến thay đổi tội phạm theo tuần hoặc theo tháng ở cấp phòng ban, với sự hỗ của phần mềm thống kê so sánh về tội phạm (COMPARE STATISTICS – CompStat).
4. Bạn đã quen với việc thực hiện các phân tích về những chủ đề giữa mối quan hệ giữa người phạm tội và những hành vi trộm cắp xe ô tô và trộm cắp tài sản ở địa phương.
5. Bạn có thể đã thực hiện một đánh giá trước và sau khi xảy ra những cuộc trấn áp, chẳng hạn như trộm cắp ở khu vực nhà dân hoặc trộm cắp xe ô tô.
6. Bạn có một số kiến thức cơ bản về thống kê và phương pháp nghiên cứu đã được cung cấp bởi một lĩnh vực khoa học xã hội cấp bậc đại học.

Hướng dẫn này xây dựng dựa trên kinh nghiệm để bạn chuẩn bị cho việc đóng vai trò phân tích khác nhau như là một thành viên chủ chốt của một đội giải quyết vấn đề (problem-solving). Thật vậy, các tác phẩm mới nhất về hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết xác định những phân tích về tội phạm là trung tâm của những quan điểm mới về cảnh sát tại cộng đồng. Những tác giả này cho rằng có nhiều điểm yếu, hạn chế của kết quả hoạt động trong thực tiễn của cảnh sát là hệ quả từ những thiếu

sót có liên quan đến công tác đào tạo về kỹ năng phân tích tội phạm tại mỗi giai đoạn trong quá trình xử lý tình huống.

Hướng dẫn này chuẩn bị cho bạn vai trò mới này bằng cách cung cấp cho bạn một kiến thức cơ bản về vấn đề hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết và các lĩnh vực liên quan của tội phạm môi trường và phòng chống tình huống tội phạm. Bạn không thể hoạt động đầy đủ như là một chuyên gia phân tích tội phạm giải quyết vấn đề mà không được trang bị kiến thức của các lĩnh vực này. Bạn cũng không thể hoàn thành vai trò này tốt nếu như bạn không cân nhắc và đầu tư cho công việc của bạn, và cần phải nắm rõ phần đầu của hướng dẫn này làm thế nào để có một cách tiếp cận chủ động hơn. Bạn có thể không chỉ đơn giản là chờ đợi cho các đồng nghiệp cảnh sát của bạn đến để yêu cầu cung cấp thông tin. Thay vào đó, bạn phải chủ động ở mọi giai đoạn của hoạt động trong việc xác định phạm vi của các nỗ lực giải quyết vấn đề, trong cố gắng để phân tích nguyên nhân của vấn đề, trong việc giúp đỡ để tìm một kế hoạch có hiệu quả, và trong việc thiết lập dự án để nó có thể được đánh giá và cảnh sát có thể học hỏi từ các kết quả. Điều này có nghĩa rằng bạn phải là một thành viên không thể thiếu của nhóm giải quyết vấn đề, mà bạn phải khám phá các nguồn thông tin và dữ liệu vượt quá xa những người mà bạn thường sử dụng trong công việc của bạn. Thậm chí, bạn cần phải theo sát vào những chuyên án cụ thể lâu hơn nhiều so với bình thường. Và tất nhiên, cuối cùng, bạn cần phải bình đẳng với các thành viên khác của nhóm để chia sẻ những thành quả, khó khăn hoặc sự thất vọng của những thất bại trong chuyên án của nó.

Hướng dẫn này giả định rằng các nhà phân tích, người đảm nhận vai trò mới này muốn đóng góp vào sự phát triển của nghề này. Hỗ trợ bởi cải tiến đáng kể dữ liệu cơ sở, phần cứng và phần mềm máy tính mạnh mẽ, phân tích tội phạm đang trên đường trở thành một nội dung mới rất thú vị. Thật vậy, nó đã bắt đầu thu hút một loạt các

chuyên gia được đào tạo tốt và có động lực cao để trở thành những nguồn nhân lực rất quan trọng cho sự phát triển trong lĩnh vực Cảnh sát trong thế kỷ 21. Bạn có thể làm cho những đóng góp của bạn bằng cách trao đổi, thông tin kết quả công việc của bạn trong các cuộc họp chuyên nghiệp và trong các tạp chí theo nghề nghiệp của bạn. Bằng cách đó, bạn sẽ không chỉ giúp nâng cao hoạt động của Cảnh sát nói chung, bạn còn sẽ trở thành một đầu mối có giá trị để cung cấp nguồn tài nguyên thông tin cho các lực lượng của riêng bạn.

Nội dung của hướng dẫn này ngắn gọn, vừa đủ để có nắm bắt được trong một ngày cuối tuần. Nó sẽ là công việc khó khăn và có lẽ đáng làm, nhưng nó không được thiết kế để đọc và sau đó xếp vào tủ. Thay vào đó, chúng tôi hy vọng rằng bạn sẽ tìm thấy nó là một nguồn tài liệu tham khảo không thể thiếu mà bạn sẽ giữ nơi bàn làm việc của bạn, tư vấn bất cứ khi nào cần thiết trong quá trình của một hoạt động liên quan đến giải quyết vấn đề tội phạm. Đây là lý do tại sao nó được thiết kế mang tính chất chỉ dẫn, cho phép sử dụng liên tục. Như một cuốn cẩm nang, khi mở tại một bước đặc biệt nào đó trong sổ tay này là bạn sẽ thấy nó được thiết kế để nằm thẳng trên bàn của bạn, để bạn có thể tham khảo ý kiến một cách dễ dàng khi làm việc tại máy tính của bạn.

Chúng tôi đã sắp xếp các bước để làm theo một cách hợp lý và lô gic, phù hợp với mô hình SARA (Scanning - rà soát, Analysing - phân tích, Responding - ứng phó và Assesing - đánh giá), mặc dù mỗi một hoạt động là khép kín và giải quyết theo từng chủ đề cụ thể. Điều này sẽ làm cho nó không cần thiết yêu cầu bạn phải lật từng trang một để theo dõi, thay vào đó, bạn có thể nhảy từ nơi này đến nơi khác, khi làm việc với một chủ đề cụ thể. Để tận dụng tốt nhất của hướng dẫn bạn nên làm quen nhuần nhuyễn với danh sách các nội dung trong cuốn hướng dẫn này. Hay nói cách khác, bạn nên xem qua các phần mà bạn quan tâm để có được một ý tưởng tổng quan. Nhưng bạn chỉ cần học một bước cụ thể khi bạn có một nhu cầu cấp thiết cho các thông tin mà nó chứa.

Trong mọi trường hợp, đây là cách tốt nhất để học: tìm kiếm và áp dụng các thông tin khi bạn có nhu cầu thiết thực cho nó.

Trong một số trường hợp, chúng ta đối phó với một chủ đề cụ thể trong phạm vi nhiều hơn một địa điểm. Ví dụ, bước 12 cung cấp một giới thiệu chung về các khái niệm về di chuyển, trong khi bước 48 và 49 giải thích làm thế nào để kiểm tra các loại hình di chuyển ở mỗi giai đoạn đánh giá. Các thuật ngữ kết hợp và chỉ số ở cuối của cuốn hướng dẫn này sẽ giúp bạn tìm thấy nơi một chủ đề được đề cập trong nhiều bước khác nhau trong tập tài liệu này.

Chúng tôi sử dụng các ví dụ từ các nước khác cũng như từ Hoa Kỳ. Chúng tôi tìm kiếm những ví dụ tốt nhất để minh họa và chứng minh cho những quan điểm và lập luận của chúng tôi. Do đó, ngay cả khi bối cảnh là nước ngoài thì các nguyên tắc áp dụng ở đây là phổ quát. Chúng tôi hy vọng sự đa dạng về ý tưởng kích thích tư duy sáng tạo như khi chúng ta đặt câu hỏi: “Cách tiếp cận nào có thể được điều chỉnh cho vấn đề này? Chúng ta có thể làm điều đó như thế nào?”

Chúng tôi đã không xem tài liệu hướng dẫn này được đầy đủ như một ấn phẩm học thuật vì nhiều lý do. Chúng tôi đã cố gắng chất lọc những yếu tố cần thiết của tài liệu chuyên sâu ở mỗi bước. Chúng tôi cũng nghi ngờ rằng các chuyên gia phân tích tội phạm bận rộn sẽ có nhiều thời gian cho việc đọc các tài liệu học thuật. Cuối cùng, vài người trong số bạn sẽ có quyền sẵn sàng truy cập và lưu trữ tài liệu này tại các thư viện chuyên ngành. Nhưng đôi khi bạn sẽ cần phải biết thêm về một chủ đề, và ở mỗi bước chúng tôi xác định những bài báo hoặc quyển sách quan trọng mà bạn sẽ có được một cách dễ dàng hơn. Nếu có thể, chúng tôi đã lựa chọn những người có thể truy cập vào trang web. Nếu bạn cần giúp đỡ tài liệu tham khảo, hãy thoải mái tự do để gửi email cho một người trong chúng ta tại các địa chỉ đã nêu trước đây. Chúng tôi cũng sẽ vui mừng khi nhận được bất kỳ ý kiến về việc sử dụng, đặc biệt là đề xuất cải tiến, có thể

hữu ích nếu chúng ta chuẩn bị các phiên bản sau. Quan trọng nhất, xin đừng ngần ngại cho thấy phân tích của riêng bạn để chúng tôi có thể đưa vào!

Bộ Nội vụ và Cảnh sát Anh

Như đã giải thích trong Lời cảm ơn, chúng tôi đã phát triển cuốn hướng dẫn này từ phiên bản trước mà chúng tôi chuẩn bị cho Viện Tội phạm học Jill Dando của Đại học Tổng hợp London. Chúng tôi đã loại bỏ điều khoản và chính tả của Vương quốc Anh và đã thay thế rất nhiều các ví dụ của Vương quốc Anh bằng những ví dụ của nước Hoa Kỳ. Nhưng bạn vẫn sẽ tìm thấy nhiều tài liệu tham khảo liên quan đến Anh. Đặc biệt, bạn sẽ thấy những đề cập thường xuyên của Bộ Nội vụ Vương quốc, tương đương với Bộ Tư pháp Hoa Kỳ. Nó có trách nhiệm tổng thể cho các vấn đề liên quan đến tội phạm và tư pháp ở Vương quốc Anh và xứ Wales, bao gồm cả Cảnh sát. Chỉ có 43 bộ phận Cảnh sát ở Anh và xứ Wales (đối với dân số khoảng 50 triệu), vì vậy các lực lượng này lớn hơn nhiều so với hầu hết các sở cảnh sát Hoa Kỳ. Ngoài ra còn có tính thống nhất nhiều hơn nữa giữa các lực lượng cảnh sát Anh trong các chính sách, cơ cấu cấp bậc, trang thiết bị hậu cần và triển khai thực hiện. Điều này một phần là do việc giám sát được cung cấp bởi Bộ Nội vụ (cung cấp 51 phần trăm ngân sách của từng lực lượng) và các hoạt động kiểm tra thường xuyên bởi Cơ quan Thanh tra cảnh sát của Nữ hoàng. Bộ Nội vụ cũng tài trợ cho rất nhiều nghiên cứu về tội phạm và tư pháp hình sự và có bộ phận nghiên cứu lớn của riêng mình để công bố nhiều nghiên cứu về các hoạt động thực tiễn của cảnh sát. Gần đây, Bộ Nội vụ cũng đã tài trợ cho nhiều công việc về vấn đề định hướng chính sách, bao gồm cả phiên bản gốc của sổ tay này.

MỤC LỤC

Lời cảm ơn

Tác giả

Lời tựa

Hướng dẫn đọc tài liệu

Chuẩn bị cho mình

1. Suy nghĩ lại công việc của bạn
2. Hãy là chuyên gia tội phạm địa phương
3. Biết những gì hiệu quả (và không) trong việc trị an

Tìm hiểu về hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết (POP)

4. Trở thành một chuyên gia về POP
5. Hãy thành thật với POP
6. Hãy là một chuyên gia về tội phạm
7. Được hướng dẫn bởi SARA - không đi lạc đường!

Nghiên cứu các yếu tố môi trường trong tội phạm học

8. Sử dụng phân tích vấn đề theo phương pháp ‘tam giác’
9. Biết cơ hội tạo thuận lợi cho đối tượng trộm
10. Đặt mình vào vị trí của người phạm tội
11. Mong đợi người phạm tội để phản ứng
12. Đừng nản chí bởi những người dự báo (doomsters) về thay đổi địa điểm
13. Mong đợi sự khuếch tán của các lợi ích

Rà soát những vấn đề liên quan đến tội phạm

14. Dùng CHEERStest khi xác định các vấn đề
15. Biết những loại vấn đề bạn có
16. Nghiên cứu hành trình tội phạm

17. Biết cách hình thành các điểm nóng (hot spots)
18. Tìm hiểu thêm các quy tắc áp dụng mô hình 80-20

Phân tích chiều sâu

19. Nghiên cứu vấn đề của bạn
20. Xây dựng các giả thuyết
21. Thu thập dữ liệu của riêng bạn
22. Kiểm tra các bản phân phối dữ liệu của bạn
23. Chẩn đoán điểm nóng của bạn
24. Biết thời điểm sử dụng bản đồ có độ nét cao
25. Chú ý đến những biến đổi hàng ngày và hàng tuần
26. Lập tài khoản của sự thay đổi dài hạn
27. Biết cách sử dụng tỷ giá và mẫu số
28. Xác định các cơ sở rủi ro
29. Xem xét các hành vi lặp lại của nạn nhân
30. Xem xét các vi phạm lặp lại
31. Biết các sản phẩm của mô hình 6 điểm (CRAVED) từ những tên trộm
32. Tiến hành các hoạt động kiểm soát
33. Xây dựng các hệ thống biện pháp
34. Chú ý đến các yếu tố thuận lợi của tội phạm
35. Hiểu các tội phạm từ đầu đến cuối
36. Hãy chắc chắn để trả lời những năm câu hỏi dạng "W" (và một "H")
37. Hãy nhận ra rằng hành vi lỗi là do con người

Tìm một cách giải quyết theo thực tiễn

38. Xác định rõ vai trò quan trọng của bạn đối với yêu cầu cần giải quyết
 39. Tăng các nỗ lực của tội phạm
-

40. Tăng các nguy cơ của tội phạm
41. Giảm những phần thưởng của tội phạm
42. Giảm những khiêu khích
43. Loại bỏ lời bào chữa cho tội phạm
44. Tìm cốt lõi của vấn đề
45. Chọn câu trả lời có thể được thực hiện

Đánh giá tác động

46. Tiến hành đánh giá quá trình
47. Biết cách sử dụng cách kiểm soát
48. Hãy xem xét vị trí và thời gian
49. Kiểm tra sự thay đổi của mục tiêu, chiến thuật và các loại tội phạm
50. Đề ý đến nhưng các đối tượng phạm tội khác có thể di chuyển đến
51. Hãy cảnh giác với những phát sinh bất ngờ
52. Mong đợi những sơ sẩy, sai sót trong gậy án của đối tượng
53. Thử nghiệm đối với những vấn đề cần thiết khi triển khai

Thông tin hiệu quả

54. Kể một câu chuyện rõ ràng
55. Lập những bản đồ rõ ràng
56. Sử dụng bảng đơn giản
57. Sử dụng các con số đơn giản
58. Tổ chức thuyết trình mạnh mẽ
59. Trở thành một người thuyết trình hiệu quả
60. Đóng góp vào kho lưu trữ kiến thức

Thuật ngữ/Chỉ số

MỤC LỤC

Bước 1. Suy nghĩ lại công việc của bạn

Giống như hầu hết các chuyên gia phân tích tội phạm, bạn có thể nghĩ đến công việc của bạn trong điều kiện khá khiêm tốn. Bạn không thể giải quyết các vấn đề tội phạm bằng các phương pháp đơn lẻ. Bạn cũng không thể đứng vị trí lãnh đạo để chỉ tập trung ưu tiên giải quyết vấn đề tội phạm. Thay vào đó, bạn cần phải nghiên cứu kỹ các loại dữ liệu để phục vụ cho những người làm công việc “thực sự” trong quá trình bắt giữ tội phạm. Bạn phải đáp ứng các yêu cầu về số liệu thống kê mới nhất về vụ trộm hoặc trộm cắp xe ô tô các cán bộ cấp dưới của mình. Bạn phải mô hình hoá tội phạm trong các buổi giao ban hàng tuần để cấp trên nắm bắt được những nơi nào yêu cầu nỗ lực nhiều hơn nữa. Thêm vào đó, bạn cần phải biên dịch thống kê hàng tháng mà người khác cần cho các báo cáo của họ. Nói cách khác, bạn ngồi ở ghế sau trong khi những người khác đang lái xe thì họ chỉ yêu cầu giúp đỡ của bạn khi họ thấy cần thiết.

Hướng dẫn này sẽ giúp bạn suy nghĩ lại vai trò của mình. Thậm chí có người ngồi ở ghế sau có thể giúp các lái xe mất phương hướng tìm được cách khắc phục. Kiểm soát thông tin là rất quan trọng, và khả năng để phân tích nó là hết sức quan trọng. Người biết làm thế nào để trở thành một thành viên quan trọng của đội. Nhưng chúng tôi không nói ở đây về quyền lực hay địa vị của họ. Chúng tôi đang đề cập thay vì để một thách thức phải đối mặt với mọi lực lượng cảnh sát: làm thế nào để giải quyết vấn đề tội phạm một cách triệt để và đảm bảo tính bền vững. Hãy suy nghĩ về bản thân mình như một thành viên của một nhóm giúp đỡ để giải quyết những vấn đề này với một vai trò đặc biệt trong nhóm đó. Khi bạn sử dụng hướng dẫn này, bạn sẽ bắt đầu thấy làm thế nào để thực hiện vai trò đó và bạn cũng sẽ thấy cách thiết yếu của nó.

Để trở thành người đóng vai trò thiết yếu trong quá trình này, bạn cần phải biết nhiều hơn. Chúng tôi không đề cập đến cải thiện các kỹ năng máy tính hay khả năng lập bản đồ, mặc dù chúng cũng rất quan trọng. Như một chuyên gia phân tích tội phạm

tại địa bàn của mình, bạn cần phải tìm hiểu thêm các loại tội phạm với những đặc điểm riêng biệt của nó để tạo thành những nguồn cơ sở dữ liệu để đơn vị mình có thể khai thác. Bất kỳ thời điểm nào có những tên trộm cắp tài sản nào mới nổi, bạn phải là nắm bắt đầu tiên. Bản thân bạn phải lên kế hoạch để thu thập và phân tích dữ liệu cơ bản liên quan đến các nhóm đối tượng này. Nếu bạn chờ đợi, những người khác sẽ nói những gì đang xảy ra mà không có bất kỳ cơ sở thực tế. Một lần nữa, bạn sẽ được chuyển xuống ghế sau. Hãy nên nhớ, bạn là người nắm bắt “sự kiện” đó và bạn phải xác định điều trên càng sớm càng tốt, bằng cách sử dụng tốt nhất có thể. Điều này thường có nghĩa là sẽ đi xa hơn dữ liệu của cảnh sát, và hướng dẫn này sẽ cho bạn biết làm thế nào để sử dụng nguồn dữ liệu khác, bao gồm cả các cuộc phỏng vấn với các nạn nhân và người phạm tội và các hồ sơ tội phạm được thu thập từ những nguồn khác bởi các thám tử tư. Trở thành người nắm bắt và sở hữu nguồn thông tin là một bước quan trọng đầu tiên. Cho dù bạn có thể làm điều này phụ thuộc vào sự cởi mở của người giám sát nhưng ít nhất bạn có thể cung cấp các tùy chọn hoặc hỗ trợ những đề nghị của người khác với thông tin và dữ liệu mà mình có được.

Cụ thể hơn là bạn nên biết những việc gì cần và những việc gì không được giải quyết theo trình tự của cảnh sát. Làm thế nào để tuần tra kiểm soát ngẫu nhiên có hiệu quả? Làm thế nào để cảnh sát thường xuất hiện khi một tội ác đang diễn ra? Làm thế nào để giải quyết các loại tội phạm thông qua các hoạt động nghiệp vụ hoặc các chứng cứ kỹ thuật hình sự? Làm thế nào để những hoạt động giám sát bí mật và trinh sát trong các tình huống bắt người phạm tội có hiệu quả? Bao nhiêu chi phí phải đầu tư trong các cuộc tấn công của các lực lượng thi hành? Những tỷ lệ thể hiện thế nào trong việc bắt giữ đối với các nhóm tội phạm khác nhau? Bao nhiêu loại tội phạm khác nhau đã được làm rõ và giải quyết bởi cảnh sát? Biết các câu trả lời cho những câu hỏi này sẽ cho bạn biết lý do tại sao ngay cả những nhân viên chăm chỉ nhất làm việc khá hiệu quả trong

việc phòng ngừa tội phạm, và lý do tại sao một số lượng ngày càng tăng của lực lượng cảnh sát hiện nay, đang chuyển sang hướng hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết.

Mục đích chính của hướng dẫn này là để cho bạn biết về bản chất của hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết và một phần quan trọng từ vai trò của bạn trong việc thực hiện nội dung này. Hướng dẫn này giúp bạn phân biệt hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết từ các hình thức khác của cảnh sát cộng đồng. Nó cho thấy bạn làm thế nào để hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết có thể trở nên hiệu quả hơn bằng cách sử dụng các yếu tố môi trường gắn liền với các hành vi phạm tội và phòng chống tình huống tội phạm. Nó mô tả một trong bốn giai đoạn của một dự án về hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết, bao gồm rà soát các vấn đề tội phạm (scanning), phân tích một vấn đề cụ thể trong chiều sâu (analysing), giải quyết các vấn đề bằng cách thực hiện các giải pháp (responding) và đánh giá kết quả của dự án (assessing) - và cho ví dụ về các dữ liệu và thông tin mà bạn có thể cung cấp theo từng giai đoạn. Cuối cùng, nó minh họa các loại phân tích mà bạn có thể thực hiện ở tất cả bốn giai đoạn để làm việc hiệu quả như một thành viên của nhóm hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết.

Các giai đoạn của một dự án hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết sẽ yêu cầu bạn làm việc dựa trên một dự án đơn lẻ còn nhiều hơn so với vai trò phân tích của bạn theo phong cách truyền thống đặt ra. Bạn có thể mong đợi tiếp tục gắn bó với hình thức mới này theo hàng tuần hoặc hàng tháng, thay vì chỉ vài giờ cần thiết để vẽ một điểm nóng các vụ trộm hoặc cung cấp một báo cáo hàng tháng. Trường hợp đánh giá chi tiết về kết quả là cần thiết, sự tham gia của bạn thậm chí có thể kéo dài hơn một năm. Bạn có thể phải giải thích điều này với các sĩ quan người đến với bạn để được giúp đỡ. Lúc đầu, họ có thể ngạc nhiên mà bạn mong đợi để dính quá lâu với

một dự án, nhưng sau đó họ sẽ đánh giá cao cam kết của bạn để làm cho các nỗ lực đáng giá.

Thời gian của bạn đã bị lãng phí nếu bạn không thể giao kết quả công việc của bạn. phần sau của hướng dẫn gợi ý để giao tiếp hiệu quả hơn bằng cách kể một câu chuyện đơn giản sử dụng bản đồ và bảng biểu. bài thuyết trình của bạn nên cố gắng để dẫn đến một quá trình hành động, nhưng bạn phải luôn luôn giải thích các giới hạn của dữ liệu của bạn và nói với nhân viên nơi các khuyến nghị của bạn dựa trên những dự đoán chứ không phải sự thật.

Hướng dẫn này không thể nói cho bạn biết tất cả mọi thứ bạn phải biết hoặc làm gì để trở thành một nhà phân tích giải quyết vấn đề. Bạn phải tìm cách liên tục để nâng cao kỹ năng chuyên môn và kỹ thuật của bạn và cập nhật những phát triển mới nhất trong lĩnh vực liên quan. Bạn phải chủ động trong việc tìm kiếm những cách hiệu quả hơn để nắm bắt thông tin và cách hiệu quả hơn để xử lý nó, như thời gian giải phóng lên từ công việc thường có nghĩa là nhiều thời gian cho công việc mới của phân tích vấn đề. Bạn phải đọc rộng rãi hơn và khám phá các nguồn thông tin khác. bài đọc bổ sung được đề nghị trong suốt hướng dẫn này, nhưng bạn cũng sẽ phải tìm tài liệu cho chính mình. Một cách tốt để làm điều này là thông qua kết nối mạng với các nhà phân tích tại các phòng ban khác và bằng cách tham dự các cuộc họp chuyên môn của các nhà phân tích, cảnh sát và tội phạm học. Và cố gắng để vượt qua bài học mà bạn đã học được bằng cách làm cho bài thuyết trình tại các cuộc họp của các giá trị hoặc tiểu thuyết phân tích bạn đã thực hiện.

Trong ngắn hạn, bạn nên bắt đầu thấy mình là nhiều hơn chỉ là một kỹ thuật, tay nghề cao trong việc điều khiển và trình bày dữ liệu. Bạn sẽ trở nên giống như một nhà nghiên cứu - dù với một tập trung cao thực tế - một trong những người được đưa khoa học tốt nhất mà có thể cung cấp để lập chính sách hiệu quả hơn. Tương tự như

vậy, cũng nhận ra rằng bạn là một phần của một nghề mới nổi, trong đó bạn có thể giúp đỡ phát triển.

Suy nghĩ lại công việc của bạn:

- Trở thành một chuyên gia về tội phạm
- Biết những gì hoạt động trong việc trị an
- Thúc đẩy giải quyết vấn đề
- Hãy vị trí của bạn trên các nhóm dự án
- Tìm hiểu về tội phạm môi trường
- Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu của bạn
- Giao tiếp hiệu quả
- Nâng cao nghề nghiệp của bạn

Đọc thêm:

Braga, Anthony (2002), Chính sách định hướng vấn đề và phòng chống tội phạm, Monsey, NY: Nhà xuất bản Tư pháp hình sự.

Bước 2: Trở thành chuyên gia phân tích tội phạm ở địa phương

Bạn có thường xuyên được hỏi những loại câu hỏi sau đây trong công việc của mình hay không?

- Những địa điểm nào đang nóng nạt trộm xe ô tô hiện nay?
- Cửa hàng tiện lợi nào liên tục bị cướp và tại sao?
- Kẻ trộm lấy gì từ các cửa hàng và chúng rào hàng hóa ở đâu?
- Có ít tội phạm hơn ở những con phố có ánh sáng tốt hơn không?
- Những khu chung cư nào chứa đựng thị trường ma túy?

Một số trong số này bạn có thể không trả lời được - một số khác chỉ trả lời được sau khi có được sự phân tích cụ thể. Nhưng giả sử bạn có câu trả lời cho chúng và nhiều câu trả lời khác trong tầm tay? Giả sử bạn là chuyên gia về tội phạm trong khu vực của bạn? Trên thực tế, không ai khác có thể đảm nhận vai trò đó:

- Các sĩ quan cá nhân quá bận rộn trả lời các cuộc gọi.
- Các thám tử đang tập trung vào các trường hợp cụ thể.
- Các trung sĩ đang giám sát các sĩ quan của họ.
- Các trung úy đang giám sát các hoạt động tuần tra tại các khu vực địa lý rộng lớn.
- Người đứng đầu, các trợ lý và thuyền trưởng của họ đều bận rộn với các vấn đề hành chính.

Nói tóm lại, không ai có thể nhìn thấy toàn bộ bức tranh tội phạm. Nhưng nếu bạn trở thành chuyên gia về tội phạm tại địa phương, điều đó sẽ giúp cơ quan chức năng tại nơi bạn sinh sống có nhiều thông tin hơn, hiệu quả hơn và có khả năng sử dụng các nguồn lực của mình để giảm thiểu tội phạm. Nó sẽ mang lại nhiều cơ hội hơn để cảnh

báo người dân, phát hiện người phạm tội và bắt đầu các nỗ lực phòng ngừa. Nói tóm lại, bạn có thể giúp đỡ nhiều người bằng cách thu thập thông tin phù hợp. Để trở thành chuyên gia về tội phạm tại địa phương, hãy thường xuyên gặp những người điều phối và nói chuyện với cảnh sát về những gì họ đang thấy. Hãy nhớ rằng, các sĩ quan giữa ca muộn và ca sớm có thể không gặp được nhau và những người ở bên này thị trấn có thể không nhìn thấy các sĩ quan ở bên kia. Họ thường nói về những trường hợp ngoại lệ chứ không phải về các quy tắc, về điều khiến họ tức giận chứ không phải về thói quen. Tuy nhiên, thói quen này lại là cốt lõi của việc phân tích tội phạm. Hãy đi cùng xe thường xuyên nếu thời gian cho phép. Bạn không chỉ biết nhiều hơn về các sĩ quan trong địa phận của mình mà còn hiểu rõ hơn về công việc của họ cũng như những vấn đề họ gặp phải trên đường phố. Matt White, chuyên gia phân tích tội phạm của Văn phòng Cảnh sát trưởng Jacksonville, Florida, khuyên bạn nên mang theo một máy tính xách tay chứa dữ liệu Hệ thống Thông tin Địa lý (Geographic Informatic System, GIS). Sau đó, bạn có thể so sánh thông tin về khu vực với nhận thức của cảnh sát. Hiện trường vụ án nhận được nhiều sự chú ý trong các tội phạm nghiêm trọng, nhưng thường không phải ở các tội phạm thông thường. Bạn có thể học được nhiều điều khi đến thăm họ, đặc biệt là khi cố gắng tìm hiểu một vấn đề tội phạm cụ thể. So sánh các báo cáo sự cố với quan sát của chính bạn có thể tiết lộ rằng các chi tiết quan trọng về bối cảnh và hoàn cảnh xảy ra sự cố có thể đã không được ghi lại - có lẽ vì mẫu báo cáo không yêu cầu cụ thể chúng. Được trang bị kiến thức này, bạn có thể đề xuất các thay đổi đối với biểu mẫu để nắm bắt thông tin hữu ích cho cả việc phát hiện kẻ phạm tội và suy nghĩ về cách ngăn chặn những tội ác này trong tương lai. Hãy cố gắng theo kịp các xu hướng mới về tội phạm. Đọc qua một loạt báo cáo tội phạm mỗi tuần để xem có gì mới không. Cũng cố gắng chú ý đến những nỗ lực phạm tội thất bại (*xem chú giải*). Một số người phạm

tội trải qua quá trình thử và sai khi họ tìm kiếm những cách mới để có được thứ gì đó mà không mất gì.

Những người cố gắng gian lận máy bán vé hoặc máy ATM có thể gặp khó khăn trong việc tìm ra phương pháp hiệu quả. Nhưng khi họ làm vậy, tin đồn sẽ lan rộng. Nếu bạn biết phương pháp của họ, bạn có thể cảnh báo các sĩ quan và những người khác. Thông thường vấn đề tội phạm địa phương cũng được tìm thấy ở những nơi khác. Lực lượng của bạn có thể gặp phải hàng loạt vụ trộm từ các công trường xây dựng khi điều này chưa bao giờ là vấn đề trước đây. Nhưng bạn có thể chắc chắn rằng ở một nơi khác đã gặp phải vấn đề này. Đó là lý do tại sao điều quan trọng là phải cảnh giác trước những thay đổi về mục tiêu và phương thức hoạt động của tội phạm. Internet là một nguồn thông tin hữu ích về những tội ác mà người khác đang nhìn thấy. Bạn cũng nên hỏi các đồng nghiệp phân tích của mình ở các lực lượng lân cận. Họ có thể đang gặp phải cùng một vấn đề, có lẽ liên quan đến cùng một nhóm tội phạm. Đừng giới hạn mình chỉ với cảnh sát vì nhiều người khác biết rất nhiều về các vấn đề tội phạm cụ thể:

- Các thanh tra viên mã thành phố có thể thấy bệnh tàn lụi phát triển trước khi những người khác nhận ra điều này.
- Chủ quán bar biết về việc uống rượu khi chưa đủ tuổi vị thành niên, cách phục vụ kém và quản lý cầu thủ (tất nhiên là ở các quán bar khác!).
- Hiệu trưởng biết rất rõ về bắt nạt và phá hoại trong khuôn viên trường học.
- Các chủ doanh nghiệp nhỏ cảnh giác với các vấn đề liên quan đến cơ sở của họ. Ví dụ, một dược sĩ biết những gì đang bị đánh cắp từ cửa hàng của mình hoặc liệu những người say rượu có đang đi chơi gần đó hay không.
- Nhân viên phòng cấp cứu nhìn thấy nhiều vết thương do tội phạm mà họ ghi lại nhưng có thể không báo cảnh sát.

- Các trung tâm tị nạn dành cho phụ nữ hoặc trung tâm xử lý khủng hoảng các vụ hiếp dâm biết nhiều về các hình thức bạo lực gia đình hơn hầu hết các sĩ quan cảnh sát.
- Nhân viên bảo vệ tư nhân thường là người đầu tiên biết về một vụ việc cụ thể. Nhưng họ cũng có thông tin có thể góp phần giúp bạn hiểu biết chung về các mô hình tội phạm ở địa phương.

Bản thân người phạm tội là nguồn thông tin đáng ngạc nhiên. Mặc dù họ có thể không thừa nhận mình đã làm bất cứ điều gì nhưng họ thường sẵn lòng nói về “việc đó thường được thực hiện như thế nào”. Nhiều đối tượng phạm tội thực sự khá nói nhiều về thủ đoạn phạm tội và sẽ cho bạn biết chính xác cách họ chọn mục tiêu, rào các vật có giá trị, những gì kẻ phạm tội đang tìm kiếm những ngày này và những thứ tương tự. Yêu cầu đồng nghiệp cảnh sát của bạn lấy thông tin này từ người phạm tội đôi khi có thể rất hữu ích. Cuối cùng, nạn nhân có thể cho bạn biết nhiều thông tin về tội phạm. Đối với các hành vi phạm tội như trộm cắp, họ có thể không đưa ra thời điểm phạm tội chính xác, nhưng họ vẫn có thể cho bạn biết kẻ phạm tội đã đột nhập vào đâu, thiếu thứ gì, phòng hoặc tầng nào còn sót lại v.v.

Làm thế nào để trở thành chuyên gia phân tích về tội phạm trong khu vực của bạn:

- Hãy tránh xa máy tính của bạn!
- Nói chuyện với cảnh sát về những gì họ đang nhìn thấy.
- Đi cùng và ngồi với người điều phối.
- Thăm hiện trường vụ án và kiểm tra các báo cáo tội phạm.
- Kiểm tra những lần thử thất bại để tìm hiểu chính xác những gì đã xảy ra.
- Nói chuyện với các quan chức thành phố về các vấn đề tội phạm cụ thể.

- Trao đổi thông tin với các doanh nghiệp và an ninh tư nhân.
- Hỏi các nhà phân tích ở các thành phố lân cận về những thay đổi trong mục tiêu và phương pháp tội phạm.
- Yêu cầu cảnh sát thẩm vấn người phạm tội về phương pháp của họ.
- Nhận thông tin từ nạn nhân về thời gian, địa điểm và cách thức chính xác.
- Giúp cải thiện các hình thức sự cố tội phạm và thu thập dữ liệu.

Học hỏi từ những nỗ lực không thành công

Sở Cảnh sát Chula Vista, California nhận thức được rằng sự bùng nổ xây dựng của thành phố có thể làm trầm trọng thêm vấn đề trộm cắp ở khu dân cư. Những ngôi nhà mới dành cho những cặp vợ chồng giàu có, những người sẽ ra ngoài vào ban ngày khi các vụ trộm có nhiều khả năng xảy ra nhất. Do đó, cảnh sát đã quyết định kiểm tra tính hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa an ninh hiện có để xem liệu bất kỳ biện pháp nào trong số này có thể được xây dựng trong nhà mới hoặc được đề xuất cho chủ nhà hay không. Cathy Burciaga, một trong những chuyên gia phân tích tội phạm của sở, đã so sánh các vụ trộm đã hoàn thành với những nỗ lực không thành công đối với mẫu 569 ngôi nhà trong thành phố trong 18 tháng. Điều này cho thấy rằng nên lắp chốt cửa ở cả cửa bên và cửa trước của những ngôi nhà mới. Các cuộc phỏng vấn được thực hiện với 250 nạn nhân và 50 tên trộm cho thấy rằng không một tên trộm nào cố gắng đột nhập vào một ngôi nhà bằng cách phá vỡ cửa sổ lắp kính hai lớp. Điều này dẫn đến khuyến

Vụ trộm đã hoàn thành	Nỗ lực không thành công	Hiệu quả?*	
Ánh sáng từ hoàng hôn đến bình minh	28%	29%	KHÔNG
Bật đèn trong nhà	26%	29%	KHÔNG
Đèn hẹn giờ trong nhà	9%	11%	KHÔNG
Chốt ở cửa trước	28%	25%	KHÔNG
Chốt cửa trước và cửa bên	15%	29%	CÓ
Máy dò chuyển động ngoài trời	23%	36%	CÓ
Radio/TV vẫn bật	9%	18%	CÓ
Dấu hiệu công ty báo động	19%	36%	CÓ

ngợi rằng tất cả các cửa sổ trong nhà ở mới phải được lắp kính hai lớp và đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về cửa vào bắt buộc.

*"Có" có nghĩa là tỷ lệ các vụ trộm không thành công xuất hiện nhiều hơn so với các vụ trộm đã hoàn thành.

Bước 3: Biết điều gì hiệu quả (và không hiệu quả) trong hoạt động cảnh sát

Bằng chứng về điều gì làm cho cảnh sát trở nên hiệu quả chỉ ra vai trò quan trọng của việc phân tích tội phạm trong hoạt động trị an của thế kỷ 21. Hiểu được nghiên cứu này có thể giúp bạn áp dụng những bài học mà ngành cảnh sát đã học được trong hơn một phần ba thế kỷ qua.

Đã có nghiên cứu đáng kể về những hoạt động nào của cảnh sát có hiệu quả trong việc giảm tội phạm và những hoạt động nào không hiệu quả. Gần đây, Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia đã thành lập một nhóm chuyên gia khoa học xã hội để xem xét tất cả các nghiên cứu của cảnh sát, bao gồm cả câu hỏi về tính hiệu quả của cảnh sát. Con số này được điều chỉnh từ báo cáo này. Các cách tiếp cận kém hiệu quả nhất để giảm tội phạm nằm ở góc phần tư phía dưới bên trái và hiệu quả nhất nằm ở góc phần tư phía trên bên phải.

Ở góc dưới bên trái của hình, chúng ta có "mô hình chuẩn" của lực lượng cảnh sát. Đây là chiến lược trị an thống trị ở Bắc Mỹ. Mô hình chuẩn có đặc điểm là phụ thuộc vào việc thực thi pháp luật và thiếu sự tập trung. Ở đây chúng ta thấy hoạt động tuần tra chung để ngăn chặn người phạm tội, phản ứng nhanh trước nhiều yêu cầu gọi đến cơ quan cảnh sát, điều tra tiếp theo về tội phạm và các hoạt động thực thi pháp luật khác hầu như không có sự khác biệt giữa các đặc điểm của con người, địa điểm, thời gian hoặc tình huống. Đối mặt với yêu cầu của công chúng về việc giảm tội phạm, các quan chức nhà nước và giới báo chí theo mô hình tiêu chuẩn sẽ yêu cầu nhiều cảnh sát hơn, giảm thời gian phản hồi, cảnh sát dễ nhận diện hơn, tỷ lệ điều tra thành công cao hơn và nhiều vụ bắt giữ hơn. Điều quan trọng không kém là điều mà báo chí và các quan chức nhà nước không kêu gọi - tăng độ chính xác về ai, cái gì, khi nào, ở đâu, tại sao và tội phạm diễn ra như thế nào, sự phân biệt giữa các loại tội phạm, sự tham gia

của các tổ chức công và tư nhân khác để giải quyết tội phạm hoặc việc áp dụng các giải pháp thay thế phi pháp luật.

Một số nghiên cứu sớm nhất về tính hiệu quả của cảnh sát đã đề cập đến các khía cạnh của mô hình chuẩn. Nghiên cứu này liên tục thất bại trong việc phát hiện ra rằng mô hình chuẩn có bất kỳ tác động đáng chú ý nào đến tội phạm, tình trạng hỗn loạn hoặc nỗi sợ hãi tội phạm. Các chính sách tuần tra ngẫu nhiên, phản ứng nhanh, điều tra tiếp theo và bắt giữ có thể rất có lợi cho các mục đích khác, nhưng chúng ta không nên kỳ vọng bất kỳ hoạt động nào trong số này sẽ có tác động đến tội phạm hoặc rối loạn. Cũng không có bằng chứng chắc chắn nào cho thấy việc bổ sung cảnh sát để thực hiện những hoạt động này sẽ ảnh hưởng đến tội phạm.

Để có tác động đến tội phạm, nghiên cứu cho thấy rõ ràng rằng chiến lược của cảnh sát phải bao gồm hai yếu tố. Chúng được thể hiện trên các trục của hình. Đầu tiên, chiến lược phải đa dạng hóa các cách tiếp cận tội phạm và rối loạn. Nghĩa là, lực lượng cảnh sát phải giải quyết tội phạm và tình trạng hỗn loạn bằng cách sử dụng nhiều công cụ hơn là chỉ thực thi luật pháp. Ý tưởng này được thể hiện trên trục tung. Có bằng chứng cho thấy làm việc với công chúng, và vượt ra ngoài phạm vi thực thi pháp luật, có thể có tác dụng giảm tội phạm và rối loạn ở mức độ khiêm tốn, và mối liên hệ giữa cảnh sát-công dân càng mang tính cá nhân thì càng có nhiều khả năng tác động đến tội phạm.

Yếu tố thứ hai cần thiết để hoạt động trị an có hiệu quả cao là sự tập trung. Yếu tố này được thể hiện theo trục hoành của hình. Nhìn chung có bằng chứng chắc chắn rằng việc thực thi tập trung về mặt địa lý tại các điểm nóng về tội phạm hoặc rối loạn có thể có hiệu quả, ít nhất là trong ngắn hạn. Nghĩa là, việc tuần tra tập trung ở những địa điểm có tỷ lệ tội phạm cao rất nhỏ (ví dụ như góc phố và mặt phố) có tác động

khiêm tốn đến tội phạm nhưng có tác động lớn đến tình trạng mất trật tự. Điều này có thể được thực hiện có hoặc không có các hành động bắt giữ chuyên sâu. CompStat và những đổi mới liên quan khác vào cuối những năm 1990 tìm cách tận dụng những phát hiện này. Văn phòng Dịch vụ Cảnh sát Định hướng Cộng đồng đã xuất bản Hướng dẫn Định hướng Vấn đề về thời điểm các cuộc trấn áp và các chiến thuật liên quan có hiệu quả và không hiệu quả (*xem Đọc thêm*).

Nếu một vài cá nhân chịu trách nhiệm về hầu hết tội ác hoặc rối loạn thì việc loại bỏ họ sẽ làm giảm tội phạm. Mặc dù về mặt nguyên tắc là hợp lý, nhưng nghiên cứu thử nghiệm ý tưởng này rất kém nên chúng tôi không biết liệu các chương trình dành cho người tái phạm có hiệu quả trong thực tế hay không, hay liệu chúng là một khái niệm có vẻ đầy hứa hẹn nhưng không thể thực hiện một cách hiệu quả.

Chính sách định hướng vấn đề áp dụng cả hai yếu tố kết hợp việc sử dụng các phương pháp tiếp cận đa dạng với hành động tập trung. Hiệu quả của nó như thế nào? Có rất nhiều bằng chứng đánh giá ở đây áp dụng các phương pháp nghiên cứu từ yếu đến mạnh và luôn phát hiện ra rằng sự kết hợp này làm giảm tội phạm và rối loạn. Đầu tiên, nhiều nỗ lực giải quyết vấn đề đã được áp dụng sau khi việc thực thi tập trung không tạo ra được tác động lâu dài đối với tội phạm, vì vậy cần phải làm một số việc khác. Một trong những ví dụ sớm nhất là cảnh sát ở Newport News, Virginia, đã phải vật lộn với tỷ lệ trộm cắp đặc biệt cao tại các căn hộ ở New Briarfield trong hơn một thập kỷ. Họ đã đạt được một số kết quả ngắn hạn từ nhiều phương pháp thực thi khác nhau, chẳng hạn như tuần tra bằng chân và các chương trình trạm nhỏ. Nhưng mỗi lần cảnh sát điều động lại khỏi New Briarfield thì tỷ lệ trộm lại tăng cao. Chỉ sau khi áp dụng cách tiếp cận theo định hướng vấn đề - có sự tham gia của người dân, cơ quan quản lý nhà ở công cộng, sở cứu hỏa, sở quy định thành phố và Bộ Phát triển Đô thị và

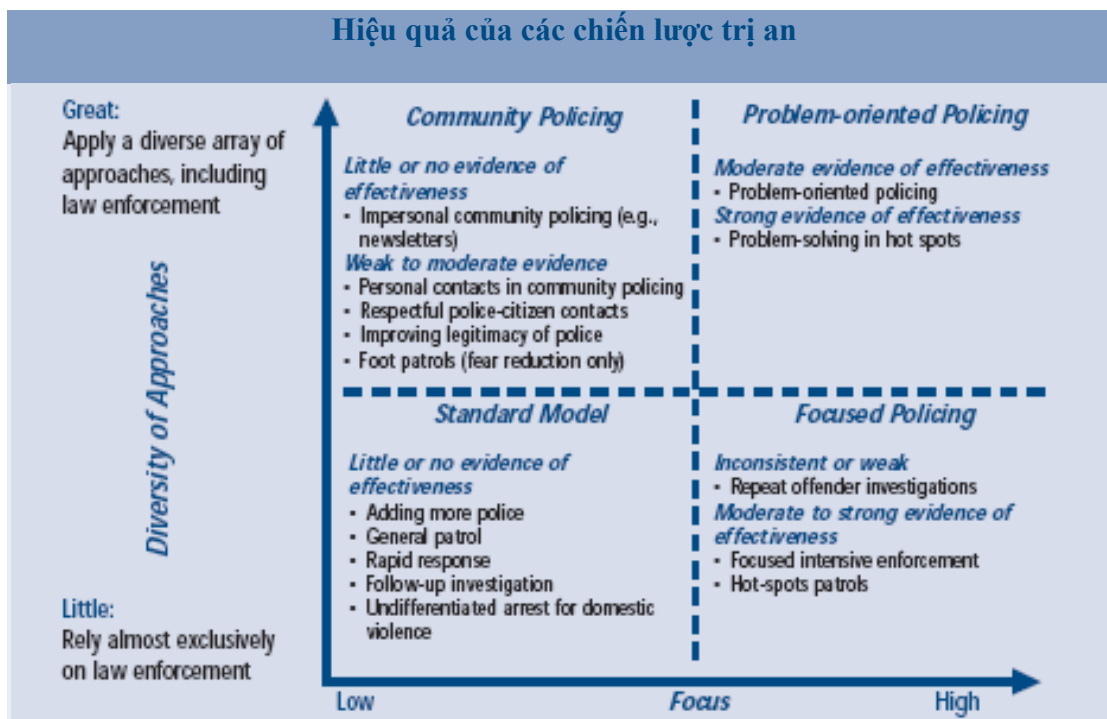
Nhà ở Hoa Kỳ - họ mới có thể giảm đáng kể các vụ trộm. Thứ hai, khi so sánh việc giải quyết vấn đề tại các điểm nóng về ma túy với việc thực thi pháp luật truyền thống tại các điểm nóng về ma túy ở Thành phố Jersey, New Jersey, một thí nghiệm ngẫu nhiên, David Weisburd và Lorraine Green nhận thấy rằng việc giải quyết vấn đề có tác động lớn hơn. Vì vậy, mặc dù việc thực thi pháp luật tập trung có hiệu quả hơn việc thực thi pháp luật không tập trung, nhưng việc giải quyết vấn đề có trọng tâm thậm chí còn hiệu quả hơn.

Những bài học trong suốt một phần ba thế kỷ nghiên cứu nay đã rõ ràng. Công việc cảnh sát hiệu quả đòi hỏi cả sự chú ý tập trung và cách tiếp cận đa dạng. Chính sách kém hiệu quả nhất không sử dụng yếu tố nào. Lời giải thích cho điều này cũng rõ ràng. Nếu sử dụng các phương pháp tiếp cận đa dạng mà không có trọng tâm thì rất khó áp dụng phương pháp tiếp cận phù hợp cho những địa điểm và những người cần đến nó nhất. Nếu cảnh sát chỉ tập trung vào các điểm nóng mà chỉ thực thi pháp luật thì hiệu quả của họ sẽ bị hạn chế. Một cơ quan cảnh sát có hiệu quả đầy đủ phải tận dụng các chi tiết của tình huống tội phạm để giảm thiểu cơ hội phạm tội. Các chuyên gia phân tích tội phạm có vai trò quan trọng trong việc áp dụng cả hai yếu tố - tập trung chính xác bằng cách sử dụng các phương pháp phân tích của họ và giúp xây dựng các chiến thuật cảnh sát phù hợp với chi tiết của các vấn đề mà họ đã phát hiện ra. Điều này làm cho thế kỷ 21 trở thành thế kỷ của phân tích tội phạm trong ngành cảnh sát.

Đọc thêm

- Scott, Michael (2003). Lợi ích và hậu quả của việc trấn áp cảnh sát. Hướng dẫn lập chính sách theo định hướng vấn đề. Loạt Hướng dẫn Ứng phó Số 1. Washington, DC: Văn phòng Dịch vụ Chính sách Hướng tới Cộng đồng. (có thể truy cập tại www.popcenter.org và www.cops.usdoj.gov).

- Weisburd, David và John Eck (2004). "Cảnh sát có thể làm gì để giảm tội phạm, rối loạn và sợ hãi?" Biên niên sử của Viện Hàn lâm Khoa học Chính trị và Xã hội Hoa Kỳ 593: 42-65.



Chú thích:

Diversity of approaches: Đa dạng các cách tiếp cận

- Great - Apply a diversy array of approaches, including law enforcement: Nhiều – Áp dụng đa dạng các phương pháp, bao gồm thực thi pháp luật
- Little – Rely almost exclusively on law enforcement: Ít – Dựa vào chủ yếu thực thi pháp luật

Community policing: Hoạt động cảnh sát Cộng đồng

- Little or no evidence of effectiveness – impersonal community policing (e.g., newwsletters): Ít hoặc không có bằng chứng về sự hiệu quả - Hoạt động cảnh sát Cộng đồng chung chung
- Weak to moderate evidence: Các chứng cứ yếu đến vừa phải

- Personal contacts in community policing: Các một liên lạc cá nhân trong cảnh sát cộng đồng
- Respectful police-citizen contacts: Tôn trọng các mối quan hệ công dân và cảnh sát
- Improving the legitimacy of police: Nâng cao các hoạt động hợp pháp của cảnh sát
- Foot patrols (fear reduction only): Tuần tra bộ hành (giảm các nỗi sợ hãi cho cộng đồng)

Problem-oriented policing: Hoạt động cảnh sát dựa trên vấn đề cần phải giải quyết

- Moderate evidence of effectiveness: Chứng cứ vừa phải của sự hiệu quả
 - Problem-oriented policing: Hoạt động cảnh sát dựa trên vấn đề cần giải quyết
- Strong evidence of effectiveness: Chứng cứ mạnh của sự hiệu quả
 - Problem-solving in hot spots: Giải quyết vấn đề tại các điểm nóng

Standard model: Mô hình chuẩn

- Little or no evidence of effectiveness: Ít hoặc không có bằng chứng của sự hiệu quả
 - Adding more police: Tăng cường thêm cảnh sát
 - General patrol: Tuần tra chung
 - Rapid response: Phản ứng nhanh
 - Follow-up investigation: Các cách động điều tra tiếp theo
 - Undifferentiated arrest for domestic violence: Các vụ bắt không phân hoá đối với bạo lực gia đình

Focused policing: Tập trung vào hoạt động cảnh sát

- Inconsistent or weak: Không thống nhất hoặc yếu
 - Repeat offender investigation: Điều tra các đối tượng tái phạm
- Moderate to strong evidence of effectiveness: Các chứng cứ từ vừa đến mạnh của sự hiệu quả
 - Focused intensive enforcement: Sử dụng vũ lực tăng cường à tập trung
 - Hot-spots patrols: Các cuộc tuần tra điểm nóng

Chuyển thể từ Hội đồng Nghiên cứu Quốc gia (2003), Công bằng và Hiệu quả trong Chính sách: Bằng chứng. Ủy ban xem xét nghiên cứu về chính sách và thực hành của cảnh sát. Biên tập bởi Wesley Skogan và Kathleen Frydl. Washington, DC: Nhà xuất bản Học viện Quốc gia. Hình 6.1 và Bảng 6.1, trang 248-249.

Bước 4: Trở thành chuyên gia POP

Khi xảy ra tội phạm nghiêm trọng, cảnh sát phải phản ứng ngay lập tức. Họ phải giúp đỡ và trấn an nạn nhân và nhanh chóng bắt giữ những kẻ phạm tội. Tuy nhiên, chúng ta đã thấy rằng nhiều khi cảnh sát không thể bắt giữ thủ phạm và có thể không thể buộc tội họ khi họ làm vậy. Chúng tôi cũng thấy rằng việc tuần tra ngẫu nhiên, điều mà công chúng mong đợi, không phải là cách hiệu quả để truy bắt tội phạm. Điều này có nghĩa là nhiều công việc của cảnh sát được thực hiện để đáp ứng mong đợi của công chúng có giá trị hạn chế trong việc kiểm soát tội phạm.

Nếu biết những sự thật này, người dân sẽ không bằng lòng khi cảnh sát từ bỏ việc tuần tra hoặc hạ thấp mức độ phản ứng của họ đối với những tội phạm nghiêm trọng. Đúng hơn, họ mong đợi cảnh sát tìm ra những cách mới và tốt hơn để kiểm soát tội phạm, trong khi vẫn tiếp tục công việc truyền thống của họ. Trên thực tế, đây chính là điều mà lãnh đạo cảnh sát đã cố gắng thực hiện bằng cách thử nghiệm CompStat, không khoan nhượng, trị an cộng đồng và trị an theo định hướng vấn đề (hoặc giải quyết vấn đề như người ta thường gọi). Trong khi các chuyên gia phân tích tội phạm có vai trò trong tất cả những đổi mới này, thì chính sách định hướng vấn đề (POP) lại đẩy họ vào tầm ngắm và trao cho họ chức năng nhóm quan trọng. Đó là lý do tại sao bạn nên tìm hiểu về nó.

Herman Goldstein đưa ra khái niệm hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết trong một bài báo xuất bản năm 1979. Ý tưởng của ông rất đơn giản. Đó là công tác cảnh sát về cơ bản phải là việc thay đổi các điều kiện làm phát sinh các vấn đề tội phạm tái diễn chứ không chỉ đơn giản là ứng phó với các sự cố khi chúng xảy ra hoặc cố gắng ngăn chặn chúng thông qua các cuộc tuần tra phòng ngừa. Cảnh sát cảm thấy mất tinh thần khi liên tục quay lại cùng một địa điểm hoặc liên tục giải quyết các

vấn đề do cùng một nhóm nhỏ người phạm tội gây ra. Họ cảm thấy choáng ngợp trước số lượng cuộc gọi và chạy đi chạy lại với nỗ lực vô ích để giải quyết tất cả. Để thoát khỏi cái bẫy này, Goldstein cho biết cảnh sát phải áp dụng cách tiếp cận giải quyết vấn đề, trong đó họ thực hiện qua bốn giai đoạn sau:

1. Rà soát dữ liệu để xác định các mẫu sự cố mà họ thường xuyên xử lý.
2. Đưa những mô hình (hoặc vấn đề) này vào phân tích chuyên sâu về nguyên nhân.
3. Tìm những cách mới để can thiệp sớm hơn vào chuỗi nhân quả để những vấn đề này ít có khả năng xảy ra hơn trong tương lai. Những chiến lược mới này không chỉ giới hạn ở những nỗ lực xác định, bắt giữ và truy tố những kẻ phạm tội. Đúng hơn, không từ bỏ việc sử dụng luật hình sự khi nó có thể là biện pháp ứng phó hiệu quả nhất, hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề giải quyết tìm cách tìm ra những biện pháp ứng phó hiệu quả tiềm năng khác (có thể cần có sự hợp tác với những người khác) với mức độ ưu tiên cao là phòng ngừa.
4. Đánh giá tác động của các biện pháp can thiệp và nếu chúng không hiệu quả, hãy bắt đầu lại quá trình.

SARA là từ viết tắt dùng để chỉ bốn giai đoạn giải quyết vấn đề - Scanning (Rà soát), Analysing (Phân tích), Responding (Phản hồi) và Assessing (Đánh giá). Các phần sau của Sổ tay này sẽ thảo luận chi tiết về những vấn đề này, nhưng bạn có thể hiểu tại sao bạn lại đóng vai trò trung tâm trong việc quản lý trật tự theo vấn đề. Bạn là người quen thuộc nhất với dữ liệu của cảnh sát và bạn biết cách phân tích và ánh xạ dữ liệu đó tốt nhất để xác định các mẫu cơ bản. Bạn có thể biết rõ hơn bất kỳ ai khác trong bộ phận cách sử dụng dữ liệu để đánh giá các sáng kiến mới. Nếu bạn quyết tâm trở thành chuyên gia tội phạm địa phương, bạn cũng sẽ biết tìm thông tin liên quan khác về các

vấn đề ở đâu; nơi tìm thông tin trên Internet và trong tài liệu chuyên môn về các phản hồi thành công được sử dụng ở nơi khác; cách sử dụng những hiểu biết sâu sắc về tội phạm học môi trường trong việc phát triển phân tích vấn đề; và làm thế nào để dự đoán và đo lường bất kỳ sự dịch chuyển nào có thể xảy ra. Nếu không có sự tham gia hàng ngày của bạn ở cả bốn giai đoạn, dự án POP sẽ không thể giảm thiểu đáng kể và bền vững vấn đề này.

Giải quyết vấn đề có thể khó khăn. Những khó khăn lớn nhất nằm ở khâu phân tích và đánh giá, chính xác là nơi bạn có thể đóng góp nhiều nhất. Thật vậy, ngay từ đầu, Goldstein đã lập luận rằng việc quản lý chính sách theo định hướng vấn đề phụ thuộc chủ yếu vào khả năng sẵn có của năng lực phân tích cấp cao trong sở; một lập luận được lặp lại trong các ấn phẩm gần đây nhất của ông. Trên thực tế, anh ấy rất ủng hộ ý tưởng viết cuốn cẩm nang này, nó đề cập trực tiếp đến vai trò của chuyên gia phân tích tội phạm trong hoạt động trị an theo định hướng vấn đề.

Bạn có thể đồng ý rằng bạn có một vai trò quan trọng trong các dự án hướng tới vấn đề, nhưng bạn có thể hỏi làm thế nào bạn có thể thành công trong vai trò đó dựa trên thực tế công việc của bạn. Làm thế nào bạn có thể dành thời gian cần thiết cho loại phân tích cẩn thận cần thiết? Làm sao bạn có thể cam kết lâu dài với một dự án khi bạn liên tục được yêu cầu lập báo cáo và bản đồ thống kê ngay lập tức, nếu không phải là trước đó? Làm thế nào bạn có thể được chấp nhận như một thành viên bình đẳng trong nhóm, đặc biệt nếu bạn chỉ là một thường dân? Làm sao bạn có thể hoạt động như một thành viên bình đẳng khi sếp muốn phê duyệt mọi phân tích bạn đề xuất và muốn xem tất cả công việc của bạn trước khi rời đơn vị? Làm thế nào bạn có thể kiểm chế sự thiếu kiên nhẫn tự nhiên của các sĩ quan để tìm ra giải pháp trước khi quá trình phân tích hoàn tất? Làm thế nào bạn có thể thuyết phục họ xem xét các giải pháp khác ngoài việc

xác định và bắt giữ những kẻ phạm tội? Bạn sẽ giải quyết thế nào trước những lời chỉ trích rằng bạn quan tâm đến nghiên cứu hơn là hành động thực tế? Nói tóm lại, bạn có thể thắc mắc chúng ta đang sống trên hành tinh nào vì nó chắc chắn không giống với những gì bạn từng thấy.

Đây là những câu hỏi hay, nhưng chúng tôi tin rằng chính sách đang thay đổi và bạn có thể giúp đẩy nhanh những thay đổi này. Áp lực buộc cảnh sát phải trở nên hiệu quả hơn tuy chậm nhưng ngày càng tăng và đã qua lâu rồi thời mà các cảnh sát trưởng có thể nói rằng họ sẽ cắt giảm tội phạm nếu họ có nhiều nguồn lực hơn. Giờ đây, ít nhất là ở những bộ phận lớn hơn, họ phải đưa ra những lập luận chi tiết dựa trên bằng chứng về những nguồn lực này và phải giải thích chính xác cách họ sẽ sử dụng chúng. Hoạt động của họ đang được theo dõi chặt chẽ hơn mỗi ngày, và việc giảm tội phạm mà cảnh sát ở nhiều thành phố tuyên bố đã đạt được đã làm mất đi những lý do bào chữa cho sự thất bại.

Nói tóm lại, chắc chắn rằng cảnh sát sẽ ngày càng phụ thuộc vào dữ liệu để có được nguồn lực và quản lý chúng một cách hiệu quả. Bằng cách cung cấp những dữ liệu này, bạn có thể tận dụng làn sóng thay đổi này để có được sự nghiệp xứng đáng hơn trong ngành cảnh sát, mặc dù bạn sẽ phải kiên nhẫn làm việc để cung cấp thông tin kịp thời dưới hình thức hữu ích cho tổ chức. Nếu bạn làm điều này và vẫn tập trung kiên quyết vào việc giảm tội phạm, bạn và nghề nghiệp của bạn sẽ dần dần chuyển sang vai trò trung tâm của cảnh sát hơn. Nếu vậy, hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết sẽ cung cấp cho bạn phương tiện hoàn hảo. Tất cả chúng ta đều biết rằng hoạt động cảnh sát bị bao vây bởi những trào lưu mới, nóng hổi nối tiếp nhau và gần như nhanh chóng biến mất khi có điều gì đó mới xuất hiện. Nhiều sĩ quan dày dạn kinh nghiệm chơi đùa một thời gian, chờ cấp quản lý hết hứng thú để quay lại công việc kinh

doanh như thường lệ. Nhưng hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết không chỉ là một nhất thời. Nó mang lại kết quả và ở đây để tồn tại.

Đọc thêm:

- Goldstein, Herman (1979). "Cải thiện chính sách: Một cách tiếp cận theo định hướng vấn đề." Tạp chí về Tội phạm & Phạm pháp hình sự, Tháng 4: 234-58.
- Goldstein, Herman (1990). Chính sách định hướng vấn đề. New York: Nhà xuất bản McGraw Hill.
- Goldstein, Herman (2003). "Về việc phát triển hơn nữa hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết", Trong sách *Chính sách định hướng vấn đề: Từ đổi mới đến xu hướng chính thống*. Nghiên cứu phòng chống tội phạm, Tập 15, do Johannes Knutsson biên tập. Monsey, NY: Nhà xuất bản Tư pháp Hình sự.

Bước 5: Hãy trung thực với POP

Một số nhà quản lý cảnh sát bị thu hút bởi hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết (problem-oriented policing, POP) cũng áp dụng các chiến lược khác, chẳng hạn như hoạt động cảnh sát tại cộng đồng, hoạt động cảnh sát theo học thuyết "cửa sổ vỡ", hoạt động cảnh sát dựa trên thông tin tình báo và CompStat. Tùy thuộc vào cách triển khai các chiến lược khác này, chúng có thể tương thích hoặc không tương thích với POP. Ngay cả khi được triển khai theo cách tương thích, chúng cũng không giống với POP. Vì những lý do này, điều quan trọng là phải hiểu POP khác với các chiến lược khác như thế nào.

Hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết là một phương pháp để phân tích và giải quyết các vấn đề tội phạm. Mặt khác, hoạt động trị an cộng đồng thể hiện một triết lý tổ chức rộng lớn hơn. Hoạt động cảnh sát tại cộng đồng bao gồm việc giải quyết vấn đề như được giải quyết trong hoạt động trị an theo định hướng vấn đề, nhưng nó cũng bao gồm việc phát triển quan hệ đối tác bên ngoài với các thành viên và nhóm cộng đồng. Ngoài ra, hoạt động giám sát cộng đồng giải quyết những thay đổi về mặt tổ chức cần diễn ra trong cơ quan cảnh sát (như ra quyết định phi tập trung, trách nhiệm địa lý cố định, đào tạo toàn cơ quan, đánh giá nhân sự) được thiết kế để hỗ trợ hợp tác giải quyết vấn đề, quan hệ đối tác cộng đồng và định hướng chủ động chung đến vấn đề tội phạm và rối loạn xã hội. Do đó, hoạt động trị an cộng đồng tập trung nhiều hơn vào sự tương tác giữa cảnh sát và công chúng hơn là hoạt động trị an theo định hướng vấn đề và thể hiện một triết lý tổ chức rộng hơn kết hợp các nguyên tắc của hoạt động trị an theo định hướng vấn đề trong đó. Khi được thực hiện tốt, việc kiểm soát cộng đồng sẽ mang lại một triết lý bao quát mạnh mẽ để tham gia vào POP, nhưng

việc kiểm soát cộng đồng không kết hợp các nguyên tắc của POP trong đó khó có thể có tác động đáng kể đến việc giảm tội phạm.

Hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết *xác định các đối tác cần sự trợ giúp để giải quyết vấn đề cụ thể*. Trong trường hợp lý tưởng, chính sách cộng đồng cũng thực hiện điều này. Nếu vấn đề là các vụ hành hung xung quanh các điểm dừng xe buýt, đối tác cần thiết sẽ là cơ quan quản lý vận tải địa phương. Nếu vấn đề là trộm cắp thì cần có sự chung tay của doanh nghiệp địa phương. Các thành viên cộng đồng thường xác định vấn đề. Các thành viên cụ thể của công chúng (bao gồm cả người phạm tội) có thể có những hiểu biết quan trọng hữu ích cho việc phân tích vấn đề. Các thành viên cộng đồng có thể giúp thực hiện các giải pháp (ví dụ như lắp chốt cửa hoặc không cho tiền người ăn xin). Và sự thành công của nỗ lực giải quyết vấn đề có thể được xác định dựa trên phản ứng của cộng đồng. Nhưng hiếm khi cộng đồng nói chung có thể trợ giúp công việc kỹ thuật chuyên biệt liên quan đến phân tích vấn đề, phát triển giải pháp và đánh giá. Ngoài việc hợp tác giải quyết các vấn đề cụ thể, lực lượng cảnh sát cộng đồng còn tìm kiếm mối quan hệ hợp tác giữa cộng đồng nói chung (và các tổ chức chính phủ) để tăng mức độ tin cậy và hợp tác chung với họ. Theo nghĩa này, nó vượt xa các mối quan hệ đối tác được mô tả trong chính sách định hướng vấn đề. Các cơ quan áp dụng triết lý chung rộng hơn về trị an cộng đồng nên cẩn thận không để những mối quan hệ hợp tác với mục đích khác (xây dựng lòng tin và hợp tác) làm loãng đi các mối quan hệ đối tác và nỗ lực giải quyết vấn đề tập trung hơn mà triết lý trị an cộng đồng cũng khuyến khích.

Những khác biệt này dễ bị nhầm lẫn nhất khi trọng tâm của một dự án hướng tới vấn đề là một khu dân cư thiếu thốn. Trong trường hợp này, dự án nên tiến hành bằng cách xác định tập hợp các vấn đề riêng lẻ cùng nhau tạo nên vấn đề lớn hơn (*xem*

Bước 14). Thay vì cố gắng xây dựng mối quan hệ với cộng đồng nói chung, một dự án hướng đến vấn đề tập trung vào việc giải quyết các vấn đề cụ thể như nhà chứa ma túy, trộm cắp thương mại và đánh nhau ở quán bar. Trong chừng mực mà các thành viên của cộng đồng tham gia một cách hiệu quả vào việc giải quyết những vấn đề riêng biệt này, họ có thể là một nhóm cá nhân khá khác nhau trong mỗi trường hợp. Có thể phát triển mối quan hệ hợp tác rộng rãi hơn với cộng đồng để xây dựng niềm tin giữa cảnh sát và cộng đồng và điều này có thể giúp quá trình giải quyết vấn đề trở nên dễ dàng hơn; tuy nhiên, ngay cả khi không có sự hỗ trợ rộng rãi của cộng đồng, các vấn đề vẫn cần được giải quyết một cách có hệ thống.

Điều quan trọng là phải hiểu sự khác biệt giữa chính sách định hướng vấn đề và chính sách cửa sổ bị hỏng. Theo giải pháp trước đây, các giải pháp *cụ thể* cho nhiều vấn đề mà cảnh sát phải đối mặt xuất hiện từ việc phân tích cẩn thận và chi tiết về nguyên nhân góp phần của từng vấn đề. Ngược lại, hoạt động cảnh sát dựa trên học thuyết "cửa sổ vỡ" ủng hộ cùng một giải pháp *chung* - kiểm soát hành vi vi phạm pháp luật và duy trì trật tự bất cứ khi nào tội phạm có dấu hiệu vượt quá tầm kiểm soát. Cách tiếp cận này dựa trên hai nguyên tắc, nguyên tắc thứ nhất là những vi phạm nhỏ cộng lại sẽ phá hủy đời sống cộng đồng. Ví dụ, xả rác một tờ giấy không có gì là khủng khiếp, nhưng nếu mọi người cùng làm thì khu phố sẽ trở thành bãi rác. Nguyên tắc thứ hai của cửa sổ vỡ là những lỗi nhỏ sẽ khuyến khích những lỗi lớn hơn. Ví dụ, những ngôi nhà bị bỏ hoang và cất giữ thường trở thành nơi buôn bán ma túy và có thể sinh ra những tội ác nghiêm trọng hơn. Cái nhìn sâu sắc quan trọng này đã khiến một số thành phố chú ý hơn nhiều đến việc kiểm soát các hành vi phạm tội nhỏ.

Tất cả hoạt động tuần tra đều cần có sự thận trọng, và việc kiểm soát cửa sổ bị vỡ đòi hỏi các sĩ quan trên đường phố phải đưa ra một số quyết định rất quan trọng.

(Đây là lý do tại sao không nên nhầm lẫn nó với "không khoan nhượng", một khẩu hiệu chính trị, cảnh sát không thể thực hiện được vì nó sẽ sớm dẫn đến các tòa án bị tắc nghẽn và người dân xa lánh.) Người ta phải tìm ra những tội phạm nhỏ nào nhân lên nhiều tội ác hơn và cái nào thì không. Ví dụ, các nhà quản lý hệ thống tàu điện ngầm ở thành phố New York biết được rằng những thanh niên nhảy cửa quay để đi tự do thường phạm tội cướp trong hệ thống. Kiểm soát tội phạm nhỏ đã giúp giảm bớt tội lớn. Nhưng những người quản lý tàu điện ngầm cũng biết được rằng những người vẽ graffiti thường không phạm tội nghiêm trọng hơn. Mặc dù nỗ lực kiểm soát hoạt động vẽ bậy của họ rất hiệu quả (*xem Bước 41*), nhưng họ vẫn không làm giảm tình trạng cướp giật.

Hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết cũng giải quyết những hành vi phạm tội ít nghiêm trọng hơn ngay cả khi không có kỳ vọng rằng chúng sẽ dẫn đến những vấn đề tồi tệ hơn. Phá hoại ở công viên công cộng có thể không làm tăng nguy cơ bị cướp nhưng nó phá hủy các cơ sở công cộng, vì vậy đây là một vấn đề cần được giải quyết. Người dân trong khu vực lân cận có thể rất lo ngại về tốc độ, tắc nghẽn giao thông hoặc tiếng ồn. Miễn là những điều này đáp ứng các tiêu chí cho một vấn đề (*Bước 14*), chúng có thể được giải quyết bằng POP, ngay cả khi không có kỳ vọng rằng khu vực lân cận sẽ xuống cấp nếu những vấn đề này không được giải quyết.

Các chuyên gia phân tích tội phạm được giao vai trò trung tâm trong hoạt động trị an do tình báo chỉ đạo, điều này đặt lên nhu cầu về thông tin chính xác để hướng dẫn các hoạt động trị an. Tuy nhiên, hoạt động trị an do tình báo chỉ đạo chủ yếu là một phương pháp để tạo ra thông tin tình báo hợp lý và có thể sử dụng được. Nó không hướng dẫn cảnh sát trong toàn bộ quá trình thiết kế và thực hiện sáng kiến giảm tội phạm theo cách mà mô hình SARA hướng tới. Nó cũng không trao vai trò trung tâm cho các chuyên gia phân tích tội phạm ở mọi giai đoạn trong một sáng kiến như vậy.

Đây là lý do tại sao lực lượng cảnh sát định hướng vấn đề có rất nhiều thứ để cung cấp cho các chuyên gia phân tích tội phạm và tại sao họ lại mong đợi nhiều hơn thế ở họ.

Cuối cùng, hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết không giống như CompStat, mặc dù chúng có chung một số tính năng. Cả hai đều tập trung sự chú ý của cảnh sát, mặc dù CompStat như thường lệ chỉ giới hạn ở các điểm nóng về mặt địa lý trong khi POP có thể được áp dụng cho nhiều phạm vi tập trung tội phạm hơn. Mặc dù cả hai đều sử dụng dữ liệu để thúc đẩy hành động của cảnh sát, nhưng sự đa dạng của dữ liệu và độ sâu phân tích được sử dụng trong POP vẫn lớn hơn việc nhắm mục tiêu CompStat tốc độ nhanh. CompStat hầu như chỉ sử dụng các chiến thuật thực thi pháp luật, trong khi POP sử dụng những chiến thuật này cùng với nhiều phản ứng khác nhau. CompStat có thể có tác động ngắn hạn đến các điểm nóng tội phạm về mặt địa lý đang dần biến mất và cần được thực thi nhiều hơn. Cách tiếp cận theo định hướng vấn đề tìm kiếm các giải pháp dài hạn hơn. Nếu CompStat được sử dụng làm phản ứng "sơ cứu" trong khi POP được áp dụng để thực hiện phương pháp điều trị lâu dài thì hai phương pháp này có thể phối hợp tốt với nhau.

Đọc thêm:

- Wilson, James Q. và George Kelling (1982). "Cửa sổ vỡ." The Atlantic hàng tháng tháng 3: 29-38.

Những điểm khác nhau giữa hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết và các chiến thuật khác

Hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết

- Tập trung: Vấn đề tội phạm cụ thể và tái diễn

- Mục tiêu: Loại bỏ nguyên nhân của những vấn đề này
- Lý do: Phòng ngừa hiệu quả hơn là thực thi
- Phương pháp: Thực hiện nghiên cứu hành động tập trung (SARA)
- Bước đầu tiên: Xác định vấn đề cần chú ý

Hoạt động cảnh sát cộng đồng

- Tập trung: Môi quan hệ công chúng-cảnh sát, thay đổi tổ chức, giải quyết vấn đề
- Mục tiêu: Phòng ngừa chủ động tội phạm và rối loạn xã hội và tăng lòng tin cậy của công chúng vào và hỗ trợ cảnh sát
- Lý do: Sự hỗ trợ là quan trọng cho hiệu quả của cảnh sát. Thay đổi tổ chức là cần thiết để duy trì những thay đổi.
- Phương pháp: Xây dựng lòng tin bằng cách liên hệ với cư dân và hợp cộng đồng, thực hiện thay đổi tổ chức để hỗ trợ nỗ lực, tham gia giải quyết vấn đề
- Bước đầu tiên: Bổ nhiệm một sĩ quan cộng đồng cho khu vực, xác định vấn đề cần chú ý, xác định thay đổi tổ chức cần thiết để hỗ trợ nỗ lực

Hoạt động cảnh sát dựa trên học thuyết “cửa sổ vỡ”

- Tập trung: Các khu vực đang tội tệ
- Mục tiêu: Ngăn chặn sự suy giảm của khu vực thành tội phạm nghiêm trọng
- Lý do: Nắm bắt rắc rối ngay từ khi mới nảy sinh
- Phương pháp: Cảnh sát không tuân thủ/duy trì trật tự
- Bước đầu tiên: Xác định một khu vực đang suy giảm

Hoạt động cảnh sát dựa trên thông tin tình báo

- Tập trung: Quá trình thu thập, phân tích và phổ biến thông tin
- Mục tiêu: Dựa vào chiến lược và tác chiến cảnh sát trên thông tin chính xác
- Lý do: Hành động chỉ hiệu quả khi dựa trên thông tin chính xác
- Phương pháp: Thúc đẩy chu trình thông tin của việc thu thập, đánh giá, tổng hợp, phân tích và phổ biến
- Bước đầu tiên: Phát triển việc thu thập dữ liệu, xử lý và phổ biến

Hoạt động cảnh sát dựa trên số liệu thống kê (CompStat)

- Tập trung: Các loại tội phạm tại địa bàn phức tạp, cấp bách
- Mục tiêu: Giảm điểm nóng tội phạm
- Lý do: Ít điểm nóng giảm tội phạm tổng thể acute
- Phương pháp: Xác định điểm nóng máy tính và tuần tra và thực thi mạnh mẽ
- Bước đầu tiên: Xây dựng bản đồ tội phạm và trách nhiệm địa lý

Bước 6: Hãy thật cụ thể về tội phạm

Bộ phận của bạn đôi khi sẽ tiến hành trấn áp một tội phạm cụ thể như tội phạm ô tô hoặc trộm cắp và bạn có thể được yêu cầu lập bản đồ các hành vi phạm tội này hoặc cung cấp dữ liệu khác để hỗ trợ hoạt động. Nhưng những danh mục này quá rộng đối với việc quản lý chính sách theo định hướng vấn đề. Chúng bao gồm quá nhiều loại tội phạm khác nhau, tất cả đều cần được phân tích riêng biệt. Ví dụ: "tội phạm liên quan đến ô tô" có thể bao gồm:

- Ăn trộm vành khung để bán lại hoặc huy hiệu cho các bộ sưu tập.
- Đột nhập vào ô tô để trộm đồ để quên bên trong.
- Đột nhập vào ô tô và trộm radio và các phụ kiện khác.
- Trộm xe và lãng lách đánh võng của trẻ vị thành niên.
- Đi xe ô tô để vận chuyển tạm thời.
- Trộm xe để sử dụng vào việc khác.
- Trộm và giữ xe.
- Trộm xe để "tháo" bán phụ tùng.
- Trộm xe để bán lại.
- Trộm xe để xuất khẩu ra nước ngoài
- Cướp xe.

Bạn có thể thấy những tội ác này được thực hiện vì nhiều động cơ khác nhau, bởi những kẻ phạm tội khác nhau, với mức độ tổ chức, kiến thức và kỹ năng khác nhau. Ăn cắp mũ trực là việc ít khó khăn và táo bạo nhất và được thực hiện bởi những con ong non. Trộm xe và lãng lách đánh võng thường đòi hỏi nhiều can đảm hơn và một số kiến thức cơ bản về khởi động và lái ô tô. Trộm xe xuất khẩu là loại tội phạm phức tạp hơn nhiều, đòi hỏi trình độ tổ chức cao, nhiều khâu và nhiều người tham gia. Những

người phạm tội có thể là những doanh nhân không trung thực cũng như những tội phạm chuyên nghiệp. Những tội phạm tàn nhẫn hơn, cứng rắn hơn phạm tội cướp xe.

Những khác biệt giữa các tội phạm này giải thích tại sao các giải pháp cho từng tội phạm không thể giống nhau. Trộm xe và lãn lách đánh võng có thể được giảm bớt nhờ hệ thống bảo mật tích hợp tốt hơn, điều này giải thích tại sao thiết bị cố định hiện đang làm giảm mức độ trộm xe nói chung. Tuy nhiên, thiết bị cố định không thể ngăn chặn nạn cướp xe vì nạn nhân có thể bị buộc phải giao chìa khóa nếu chìa khóa chưa cắm vào ổ điện. Trên thực tế, một số nhà bình luận cho rằng nạn cướp xe ngày càng gia tăng vì những chiếc xe đời mới có thiết bị cố định đánh lửa rất khó bị trộm theo cách thông thường. Những người có đủ trình độ kỹ thuật cũng có thể khắc phục được thiết bị cố định và chúng có thể làm giảm rất ít tình trạng trộm cắp ô tô xuất khẩu. Giải pháp cho vấn đề này có thể nằm ở việc kiểm soát cảng và biên giới tốt hơn cũng như các tài liệu khó giả mạo hơn.

Việc chia nhỏ vấn đề lớn hơn liên quan đến tội phạm thành các bước nhỏ hơn chỉ là bước đầu tiên trong việc thắt chặt trọng tâm của dự án POP. Ví dụ, một dự án POP gần đây ở Charlotte, NC, ban đầu tập trung vào các vụ trộm ô tô ở trung tâm thành phố, ngày càng trở nên cụ thể hơn khi việc phân tích vấn đề được tiến hành. Đầu tiên, rõ ràng là vấn đề tập trung ở các bãi đỗ xe. Chỉ có 17% liên quan đến ô tô đậu trong khu dân cư hoặc trên đường phố. Sau đó, sau khi đếm số chỗ đậu xe, người ta phát hiện ra rằng ô tô ở các bãi đỗ xe trên mặt đất có nguy cơ cao gấp sáu lần so với ô tô trong gara đỗ xe, nơi thường an toàn hơn (*xem Bước 27*). Điều này có nghĩa là dự án có thể tập trung vào việc cải thiện an ninh ở các lô trên mặt đất thông qua hệ thống chiếu sáng và hàng rào tốt hơn cũng như sự giám sát chặt chẽ hơn của người phục vụ. Điều này sẽ dễ dàng hơn nhiều so với việc cố gắng giảm mức độ trộm cắp vốn đã thấp ở các gara

đỗ xe. Thất chặt trọng tâm của dự án POP theo cách này sẽ tăng khả năng thành công và sử dụng tài nguyên một cách hiệu quả.

Có rất ít quy tắc để xác định chính xác mức độ cụ thể cần thiết cho một dự án POP thành công. Việc thất chặt trọng tâm quá mức có thể dẫn đến có quá ít tội phạm được giải quyết để bù đắp cho việc chi tiêu nguồn lực, mặc dù điều này phụ thuộc vào tính chất và mức độ nghiêm trọng của tội phạm. Nếu chỉ có một số hubcap bị đánh cắp thì vấn đề này sẽ không đáng có đối với một dự án POP toàn diện. Mặt khác, một dự án POP nhằm giảm bớt các vụ cướp cửa hàng ở góc đường có thể đáng được thực hiện, ngay cả khi chỉ có một số vụ cướp như vậy xảy ra mỗi năm, bởi vì những vụ cướp này có thể leo thang thành những tội ác tội tệ hơn như giết người và vì chúng làm tăng thêm nỗi sợ hãi của công chúng.

"Bởi vì có quá nhiều nỗ lực tập trung vào các nhóm tội phạm thô sơ, chẳng hạn như trộm, cướp hoặc trộm ô tô, nên hầu như không thể tìm thấy những sự thật thực sự phổ biến về các điều kiện dẫn đến từng nhóm tội phạm này. Điều này ngụ ý rằng chúng ta phải rất kiên nhẫn và cố gắng giải quyết các vấn đề tội phạm dần dần, từng bước một."

Nguồn: Poyner, Barry (1986). "Mô hình hành động". Phòng chống tội phạm theo tình huống, do Gloria Laycock và Kevin Heal biên tập. Luân Đôn: Văn phòng Văn phòng Quản lý của Nữ hoàng.

Cụ thể hơn về vụ trộm khu dân cư

Barry Poyner và Barry Webb đã lập luận rằng việc ngăn chặn các vụ trộm nhằm vào hàng hóa điện tử đòi hỏi các biện pháp hoàn toàn khác với các biện pháp ngăn chặn các vụ trộm nhằm vào tiền mặt hoặc đồ trang sức. Điều này là do họ đã tìm thấy nhiều điểm khác biệt giữa hai loại vụ trộm này trong thành phố mà họ nghiên cứu. Khi mục tiêu là tiền mặt hoặc đồ trang sức, các vụ trộm chủ yếu xảy ra ở những ngôi nhà cũ gần khu

vực trung tâm thành phố và rõ ràng là do những kẻ phạm tội đi bộ thực hiện. Khi mục tiêu là hàng điện tử như TV và VCR, các vụ trộm thường diễn ra ở những vùng ngoại ô mới hơn, xa hơn và được thực hiện bởi những kẻ phạm tội bằng ô tô. Cần ô tô để vận chuyển đồ ăn trộm và phải đỗ gần nhà nhưng không quá gần để gây chú ý. Việc bố trí nhà ở ở những vùng ngoại ô mới hơn cho phép đáp ứng những điều kiện này, đồng thời những đề xuất phòng ngừa của Poyner và Webb chủ yếu bao gồm các phương tiện để chống lại việc thiếu giám sát tự nhiên các nơi đỗ xe và đường bộ. Đề xuất của họ nhằm ngăn chặn các vụ trộm trong nội thành tập trung nhiều hơn vào việc cải thiện an ninh và giám sát tại các điểm vào.

Nguồn: Poyner, Barry và Barry Webb (1991). Nhà ở không có tội phạm. Oxford: Nhà xuất bản Butterworth-Architecture.

Một số tội phạm nghiêm trọng, chẳng hạn như xả súng ở trường học, hiếm đến mức chúng không thể được giải quyết thỏa đáng ở cấp địa phương bằng chính sách định hướng vấn đề. Điều này là do phương pháp này phụ thuộc vào một mức độ lặp lại nhất định để cho phép xác định được các nguyên nhân cơ bản. Đối với những loại tội phạm này, lực lượng cảnh sát phải đảm bảo áp dụng các biện pháp an ninh thường xuyên và có kế hoạch ứng phó tốt với các sự cố.

Mặc dù người ta nên tránh bắt đầu bằng một giải pháp, nhưng một số giải pháp dành cho các tội phạm cụ thể lại hứa hẹn đến mức chúng có thể giúp xác định trọng tâm của dự án POP. Trờ lại ví dụ về vụ cướp ở các cửa hàng ở góc đường, có một nghiên cứu tốt cho thấy rằng việc có ít nhất hai nhân viên trực có thể làm giảm các vụ cướp vào đêm khuya ở những cửa hàng này. Do đó, bạn có thể xem có bao nhiêu vụ cướp cửa hàng ở góc đường xảy ra vào đêm khuya trong khu vực của bạn. Nếu có đủ,

bạn có thể thuyết phục đội của mình thực hiện một dự án POP tập trung vào những vụ cướp đêm khuya này bởi vì bạn biết rằng có một giải pháp hiệu quả.

Cuối cùng, khi bạn tìm hiểu thêm về một vấn đề trong giai đoạn phân tích, bạn có thể quyết định rằng nó rất giống với một vấn đề liên quan nên đáng để giải quyết cả hai vấn đề đó cùng nhau. Ví dụ, khi giải quyết vấn đề hành hung tài xế taxi, bạn có thể phát hiện ra rằng nhiều vụ trong số này có liên quan đến các vụ cướp và sẽ kinh tế hơn nếu tập trung dự án của bạn vào cả vụ cướp và hành hung. Bằng cách này, bạn có thể xác định được một loạt các biện pháp có thể cùng nhau giảm thiểu hai vấn đề này.

Vấn đề riêng biệt, giải pháp chung

GIẢI PHÁP ĐƯỢC XÁC ĐỊNH (từ ít tốn kém nhất đến nhiều nhất)	Phá hoại THANG MÁY	Trộm Ô TÔ (hoặc trộm từ xe ô tô)	Trộm CĂN HỘ
Cắt tỉa bụi cây để cải thiện khả năng giám sát (\$)		**	**
Đề án theo dõi toà nhà (\$)	***	*	*
Báo động cho thang máy (\$\$)	****		
Truy cập điện tử vào bãi đậu xe (\$\$)		****	****
Lắp đặt điện thoại đầu vào (\$\$\$)	**		
Tuần tra an ninh (\$\$\$\$)			
Khóa cửa sổ và cửa cường lực cho căn hộ (\$\$\$\$)	*	**	**
Người gác cổng và camera quan sát toàn khu phức hợp (\$\$\$\$\$)	****	****	****
\$ Chi phí dự kiến	* Hiệu quả dự kiến		

Các vấn đề cụ thể trong một khu dân cư hoặc khu chung cư đồ nát phải luôn được phân tích riêng biệt, nhưng vì lý do hiệu quả về mặt chi phí, các giải pháp phải được xem xét

cùng nhau. Trong ví dụ giả định dưới đây, giải pháp được xác định cuối cùng, hệ thống gác cổng và truyền hình mạch kín (CCTV), là giải pháp tốn kém nhất trong số những giải pháp được liệt kê. Nhưng nó cũng được dự đoán là giải pháp hiệu quả nhất cho từng vấn đề. Do đó, nó có thể được chọn làm giải pháp cho cả ba vấn đề khi chi phí có thể loại trừ sự lựa chọn của nó cho chỉ một trong các vấn đề.

Bước 7: Được SARA hướng dẫn - nhưng không bị lạc lối!

Trong hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết (POP), cảnh sát được yêu cầu: (1) xác định cẩn thận các vấn đề cụ thể (xem *Bước 14* để biết định nghĩa về "vấn đề"); (2) tiến hành phân tích chuyên sâu để tìm hiểu nguyên nhân; (3) tiến hành tìm kiếm rộng rãi các giải pháp nhằm loại bỏ những nguyên nhân này và mang lại sự giảm thiểu lâu dài các vấn đề; và (4) đánh giá mức độ thành công của các hoạt động này. Đây là một hình thức *nghiên cứu hành động*, một phương pháp khoa học xã hội lâu đời, trong đó các nhà nghiên cứu làm việc cùng với những người thực hành, giúp hình thành và cải tiến các biện pháp can thiệp cho đến khi đạt được thành công. Điều này có thể trái ngược với vai trò thông thường của các nhà nghiên cứu, trong đó họ làm việc tách biệt với những người thực hành, thu thập thông tin cơ bản về các vấn đề và tiến hành đánh giá độc lập. Tuy nhiên, trong nghiên cứu hành động, nhà nghiên cứu là thành viên không thể thiếu của nhóm giải quyết vấn đề. Đây là vai trò của chuyên gia phân tích tội phạm. Các phân tích của bạn phải cung cấp thông tin và hướng dẫn hành động ở mọi giai đoạn.

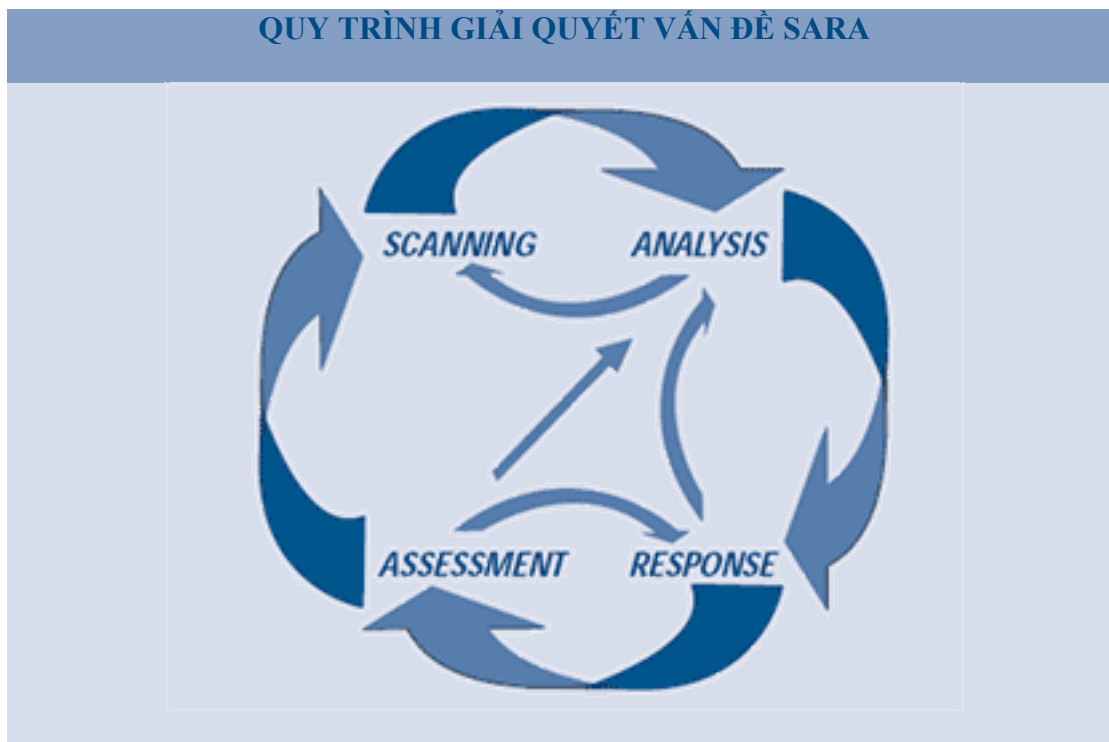
Bạn sẽ thấy rằng SARA sẽ giúp bạn và nhóm của bạn đi đúng hướng. Đây là từ viết tắt được John Eck và Bill Spelman xây dựng để chỉ bốn giai đoạn giải quyết vấn đề là Scanning (Rà soát), Analysing (Phân tích), Responding (Giải quyết) và Assessing (Đánh giá). Quá trình này rất giống với nhiều quy trình phân tích khác, bao gồm quy trình phân tích tội phạm tiêu chuẩn về thu thập, đối chiếu, phân tích, phổ biến và phản hồi. Bằng cách chia dự án tổng thể thành các giai đoạn riêng biệt, SARA giúp đảm bảo rằng các bước cần thiết được thực hiện theo trình tự thích hợp - ví dụ: các giải pháp không được áp dụng trước khi tiến hành phân tích vấn đề. Đây là một cách kiểm tra

hữu ích về xu hướng tự nhiên là nhảy thẳng đến câu trả lời cuối cùng, trong khi bỏ qua việc xác định và phân tích vấn đề mà quên đánh giá tác động của chúng đối với vấn đề.

Các hoạt động giải quyết vấn đề có thể phức tạp. Trong nghiên cứu hành động, nhóm dự kiến sẽ kiên trì cho đến khi đạt được thành công, cải tiến và cải thiện biện pháp can thiệp dựa trên những gì đã học được từ kinh nghiệm trước đó. Quá trình này không nhất thiết phải hoàn tất sau khi việc đánh giá đã được thực hiện. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn hoặc đã thay đổi hình thức, nhóm có thể phải bắt đầu lại. Điều này được thể hiện trong hình minh họa dưới, trong đó các mũi tên bên ngoài mô tả phản hồi giữa đánh giá và rà soát.

Tuy nhiên, bốn giai đoạn giải quyết vấn đề không phải lúc nào cũng tuân theo một cách tuyến tính chặt chẽ. Trên thực tế, các dự án hiếm khi đi theo một lộ trình tuyến tính từ giai đoạn rà soát và phân tích ban đầu cho đến giai đoạn phản hồi và đánh giá. Đúng hơn, quá trình này thường có các vòng lặp, do đó việc phân tích diễn biến có thể dẫn đến việc tái tập trung vào dự án và các câu hỏi về các phản hồi khả thi có thể dẫn đến nhu cầu về các phân tích mới. Dự án càng dài và phức tạp thì càng có nhiều khả năng xảy ra các vòng lặp kiểu này. Tập hợp các mũi tên bên trong nhỏ hơn trong hình minh họa quá trình động này. Ví dụ: người ta có thể chuyển từ rà soát sang triển khai ứng phó khẩn cấp ngắn hạn để ổn định vấn đề trong khi tiến hành phân tích sâu hơn. Việc đánh giá phản ứng ngắn hạn có thể bổ sung vào phân tích và góp phần hình thành phản ứng mới, sau đó được đánh giá. Điều này có thể dẫn đến việc rà soát lại khi thông tin mới buộc phải sửa đổi định nghĩa vấn đề hoặc phát hiện ra các vấn đề mới. Điểm quan trọng là việc phân tích và đánh giá được lồng ghép một cách có ý nghĩa vào chuỗi các sự kiện và người ta không chỉ đơn giản chuyển từ rà soát sang phản ứng và tuyên bố chiến thắng.

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ SARA



Chú thích: Scanning: Rà soát; Analysis: Phân tích; Response: Giải quyết; và Assessment: Đánh giá

Một người trong chúng tôi (Clarke) gần đây đã làm việc với Herman Goldstein trong một dự án nhằm giảm thiểu tình trạng trộm cắp thiết bị từ những ngôi nhà đang được xây dựng ở Charlotte, Bắc Carolina. Các khu phát triển nhà ở thường ở những vùng nông thôn khá biệt lập và không thể tuần tra hiệu quả. Chúng khó đảm bảo an toàn vì các nhà xây dựng muốn khuyến khích những người mua tiềm năng tham quan địa điểm vào buổi tối và cuối tuần. Bởi vì rất ít kẻ phạm tội bị bắt nên chúng tôi biết rất ít về họ cũng như cách họ vứt bỏ các thiết bị đó. Chúng tôi đã xem xét nhiều giải pháp khả thi bao gồm cất giữ các thiết bị trong các thùng chứa an toàn tại chỗ và sử dụng thiết bị báo động di động cũng như camera truyền hình mạch kín. Sau đó, chúng tôi tìm ra một giải pháp đang được một số nhà xây dựng nhỏ sử dụng - trì hoãn việc lắp đặt các thiết bị cho đến ngày người mua nhận được.

Nhiều nhà xây dựng ban đầu phản đối ý tưởng này. Nhân viên bán hàng tin rằng việc lắp đặt các thiết bị sẽ giúp ngôi nhà dễ bán hơn và việc không có thiết bị, nếu bị cho là do trộm cắp, có thể cảnh báo người mua về khu vực họ đang chuyển đến. Người giám sát công trường cảm thấy rằng việc giao và lắp đặt các thiết bị khi có người ở trong nhà sẽ khó khăn hơn so với việc giao và lắp đặt theo lô. Một số người đã làm tưởng rằng các thanh tra tòa nhà sẽ không chứng nhận những ngôi nhà phù hợp để ở trừ khi có sẵn các thiết bị. Những người khác đã làm tưởng rằng đây là một yêu cầu thể chấp. Cuối cùng, việc lắp đặt riêng lẻ có nghĩa là các nhà xây dựng không còn có thể sắp xếp để các thanh tra viên xây dựng đến thăm địa điểm và cấp giấy chứng nhận bán buôn cho thuê.

Vì giải pháp có rất nhiều ưu điểm nên chúng tôi quyết định quay lại giai đoạn phân tích để tìm câu trả lời cho những phản đối của người xây dựng. Cuối cùng, thông tin này rất hữu ích trong việc thuyết phục các nhà xây dựng áp dụng giải pháp và do đó giảm số vụ trộm thiết bị.

Điều này cho thấy việc lập chính sách theo định hướng vấn đề là một quá trình trong đó việc thu thập dần dần dữ liệu và thông tin cung cấp thông tin cho dự án, dẫn đến nhiều câu hỏi hơn, phải xác định lại và thậm chí thay đổi trọng tâm khi dự án tiến triển. Ngay khi xác định được một phản ứng đầy hứa hẹn, chi phí và lợi ích của nó cần được phân tích sâu. Giải pháp thay thế là khám phá toàn diện tất cả các phương án ứng phó sẵn có có nguy cơ khiến dự án mất đà và sự hỗ trợ của những người liên quan.

SARA và "5 Chữ I"

Paul Ekblom của Bộ Nội vụ Anh gần đây đã đề xuất phát triển SARA bao gồm: Intelligence (Thông tin), Intervention (Can thiệp), Implementation (Thực hiện),

Involvement (Sự tham gia), và Impact (Tác động) và quy trình đánh giá. “5 chữ I” được hỗ trợ bởi vô số khái niệm và công cụ thực tế.

Bản tóm tắt có thể được tìm thấy tại: www.crimereduction.gov.uk

Đọc thêm:

- Clarke, Ronald và Herman Goldstein (2002). "Giảm trộm cắp tại các công trường xây dựng: Bài học từ một dự án hướng đến vấn đề." Nghiên cứu phòng chống tội phạm, tập 13, do Nick Tilley biên tập. Monsey, New York: Nhà xuất bản Tư pháp Hình sự. (có thể truy cập tại: www.popcenter.org/library.htm)
- Eck, John (2003). "Tại sao vấn đề không được giải quyết?" Chính sách Cộng đồng: Nó có thể hoạt động được không?, do Wesley Skogan biên tập. Belmont, California: Nhà xuất bản Wadsworth.

Bước 8: Sử dụng tam giác phân tích vấn đề

Hầu hết các lý thuyết tội phạm học đều tập trung vào điều gì khiến con người trở thành "tội phạm". Họ tìm thấy nguyên nhân ở những yếu tố liên quan đến môi trường sống, chẳng hạn như cách nuôi dạy con cái, cấu trúc di truyền và các quá trình tác động của tâm lý hoặc xã hội. Những lý thuyết này rất khó kiểm tra; có giá trị khoa học khác nhau và chưa được biết đến; và mang lại những hàm ý chính sách mơ hồ mà hầu như nằm ngoài tầm với của cảnh sát. Nhưng bạn sẽ thấy rằng các lý thuyết và khái niệm về tội phạm học liên quan đến môi trường (và ngành mới về *khoa học tội phạm*) rất hữu ích trong công việc hàng ngày của cảnh sát. Điều này là do chúng giải quyết các nguyên nhân tình huống tức thời của các sự kiện tội phạm, bao gồm cả những cám dỗ và cơ hội cũng như việc bảo vệ mục tiêu không đầy đủ. Bạn sẽ là thành viên mạnh mẽ hơn trong nhóm định hướng vấn đề nếu quen thuộc với những khái niệm này. Tam giác phân tích vấn đề (còn gọi là tam giác tội phạm) xuất phát từ một trong những lý thuyết chính của tội phạm học môi trường – Routine Activity Theory (lý thuyết hoạt động thường ngày). Lý thuyết này, do Lawrence Cohen và Marcus Felson đưa ra ban đầu, tuyên bố rằng tội phạm sẵn mỗi xảy ra khi một *likely offender* (người có khả năng phạm tội) và *suitable target* (mục tiêu phù hợp) đến với nhau vào *time and place* (thời gian và địa điểm) mà không có sự hiện diện của người giám hộ có năng lực. Sự tồn tại của một kẻ có khả năng phạm tội là điều hiển nhiên vì lòng tham và sự ích kỷ bình thường của con người là những lời giải thích đầy đủ cho hầu hết động cơ phạm tội. Nó không phân biệt giữa nạn nhân là con người và mục tiêu vô tri vì cả hai đều có thể đáp ứng mục đích của kẻ phạm tội. Và nó xác định một *người giám hộ có năng lực* xét về cả yếu tố con người và thiết bị an ninh. Công thức này dẫn đến tam giác phân tích vấn đề ban đầu với ba cạnh đại diện cho người phạm tội, mục tiêu và vị trí hoặc địa điểm (*xem tam giác bên trong của hình*). Bằng cách hướng sự chú ý đến ba thành phần chính của bất kỳ vấn

đề nào, tam giác bên trong giúp đảm bảo rằng phân tích của bạn bao gồm cả ba. Cảnh sát đã quen nghĩ đến vấn đề liên quan đến những người phạm tội - quả thực, trọng tâm thông thường hầu như chỉ là làm thế nào để xác định và bắt giữ chúng. Nhưng POP yêu cầu bạn khám phá phạm vi yếu tố rộng hơn và điều này đòi hỏi thông tin về nạn nhân và những nơi liên quan. Công thức mới nhất của tam giác phân tích vấn đề bổ sung thêm một tam giác bên ngoài gồm các "yết tố kiểm soát" cho mỗi phần tử trong số ba phần tử ban đầu (*xem hình*):

- Đối với mục tiêu/nạn nhân, đây là *người có khả năng bảo vệ* cho công thức ban đầu của lý thuyết hoạt động thường ngày - thường là người bảo vệ bản thân, tài sản của chính họ hoặc của các thành viên trong gia đình, bạn bè và đồng nghiệp. Những người giám hộ cũng bao gồm cảnh sát công cộng và an ninh tư nhân.
- Đối với người phạm tội, đây là người *xử lý*, một người biết rõ về người phạm tội và là người có khả năng kiểm soát hành động của người đó. Người xử lý bao gồm cha mẹ, anh chị em, giáo viên, bạn bè và vợ chồng. Cơ quan quản chế và tạm tha thường tăng cường hoặc thay thế những người xử lý thông thường.
- Đối với địa điểm, người kiểm soát là người *quản lý*, chủ sở hữu hoặc người được chỉ định, người có một số trách nhiệm kiểm soát hành vi ở một địa điểm cụ thể, chẳng hạn như tài xế xe buýt hoặc giáo viên trong trường học, chủ quán bar trong các cơ sở bán đồ uống, chủ nhà cho thuê hoặc tiếp viên hàng không trên máy bay thương mại.



Chú thích:

Manger: Người quản lí;

Guardian: Người bảo hộ;

Handler: Người xử lí;

Offender: Người phạm tội;

Target/victim: Mục tiêu/nạn nhân;

Place: Địa điểm;

Crime: Tội phạm

Tam giác phân tích vấn đề là cơ sở cho một công cụ phân tích hữu ích khác - phân loại ba loại vấn đề chính mà cảnh sát phải đối mặt và lý thuyết về cách thức phát sinh những vấn đề này. John Eck và William Spelman đã đề xuất phân loại các vấn đề như “hung hăng của chó sói”, “lặp lại của vịt” và “sao huyệt”:

1. Các vấn đề vi phạm lặp lại liên quan đến việc người phạm tội tấn công các mục tiêu khác nhau ở những nơi khác nhau. Đây là những vấn đề hung hãn của chó

sói (wolf). Một tên cướp có vũ trang tấn công hàng loạt ngân hàng khác nhau là một ví dụ về vấn đề sói thuần chủng. Vấn đề về sói xảy ra khi kẻ phạm tội có thể xác định được các mục tiêu và địa điểm dễ bị tổn thương tạm thời. Người kiểm soát các mục tiêu và địa điểm này có thể hành động để ngăn chặn các cuộc tấn công trong tương lai, nhưng những kẻ phạm tội sẽ chuyển sang các mục tiêu và địa điểm khác. Chính sự thiếu kiểm soát của người xử lý đã tạo điều kiện cho các vấn đề về sói.

2. Vấn đề nạn nhân tái diễn liên quan đến việc nạn nhân bị tấn công liên tục bởi những kẻ phạm tội khác nhau. Đây là những vấn đề lặp đi lặp lại như nước đổ đầu vịt (duck). Tài xế taxi liên tục bị nhiều người khác nhau cướp ở những địa điểm khác nhau là một ví dụ về vấn đề tái lặp thuần túy. Vấn đề tái diễn xảy ra khi nạn nhân liên tục tiếp xúc với kẻ phạm tội tiềm năng ở những nơi khác nhau, nhưng nạn nhân không tăng cường các biện pháp phòng ngừa và người giám hộ của họ vắng mặt hoặc không hiệu quả.
3. Các vấn đề về vị trí lặp lại liên quan đến những kẻ phạm tội khác nhau và các mục tiêu khác nhau tương tác tại cùng một địa điểm. Đây là sào huyệt (*den*) của các vấn đề nảy sinh tội phạm. Một cơ sở uống rượu có nhiều vụ đánh nhau, nhưng luôn xảy ra giữa những người khác nhau, là một ví dụ về vấn đề hang ổ/địa bàn thuần túy. Vấn đề về địa bàn xảy ra khi những kẻ phạm tội tiềm năng mới và các mục tiêu tiềm năng mới gặp nhau ở một nơi mà việc quản lý không hiệu quả. Việc cài đặt tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho các sự kiện có vấn đề.

Lưu ý rằng các vấn đề gốc lõi về “hung hăng của chó sói”, “lặp lại của vịt” và “sào huyệt” rất hiếm khi xảy ra. Hầu hết các vấn đề liên quan đến một hỗn hợp. Câu hỏi là, cái nào chiếm ưu thế nhất trong một vấn đề nhất định: “hung hăng của chó sói”, “lặp lại của vịt” hay “sào huyệt”?

Khi tội phạm xảy ra, tất cả các yếu tố bên trong của tam giác phải có mặt và tất cả các yếu tố bên ngoài thường yếu hoặc vắng mặt. Ví dụ, nếu người phạm tội tiềm năng thường xuyên có mặt, nhưng tội phạm chỉ xảy ra khi người giám hộ vắng mặt thì việc sắp xếp lại thời gian cho người giám hộ có thể là một giải pháp. Hãy tự hỏi bản thân: "Tam giác phân tích vấn đề trông như thế nào trước, trong và sau khi phạm tội?"

Hiểu được các cơ hội tạo ra vấn đề như thế nào sẽ giúp bạn suy nghĩ về những gì có thể làm để: ngăn chặn người phạm tội tái phạm bằng cách tận dụng tốt hơn những người xử lý; giúp nạn nhân giảm khả năng trở thành mục tiêu; và để thay đổi những nơi xảy ra vấn đề, có thể là trường học, quán rượu hoặc bãi đậu xe. Nói tóm lại, ngay từ đầu, nó đã giúp bạn tập trung thu thập dữ liệu vào sáu khía cạnh có nhiều khả năng dẫn đến các giải pháp thiết thực nhất.

Khoa học về tội phạm là gì?

Tội phạm học truyền thống tìm cách nâng cao hiểu biết về các động lực tâm lý và xã hội khiến con người trở thành tội phạm với hy vọng tìm ra cách thay đổi những nguyên nhân này. Khoa học về tội phạm có một cách tiếp cận hoàn toàn khác. Nó không tập trung vào lý do tại sao tội phạm được sinh ra hoặc hình thành mà vào hành vi phạm tội. Nó tìm cách giảm thiểu các cơ hội và sự cám dỗ phạm tội và tăng nguy cơ bị phát hiện. Khi làm như vậy, nó tìm kiếm sự đóng góp từ nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm tâm lý học, địa lý, y học, quy hoạch thị trấn và kiến trúc. Khoa học về tội phạm rõ ràng muốn được đánh giá theo mức độ mà nó giúp giảm tội phạm trên đường phố, trong nhà và cơ sở kinh doanh của chúng ta.

Nguồn: Viện Khoa học Tội phạm Jill Dando. (2004). www.jdi.ucl.ac.uk

Bước 9: Nắm bắt các yếu tố cơ hội tạo nên vụ trộm

Đối với các nhà tội phạm học môi trường, “cơ hội tạo vụ kẻ trộm” không chỉ là một câu nói phổ biến; nó là nền tảng trong cách tiếp cận của họ. Họ tin rằng nếu cơ hội tăng lên thì tội phạm cũng tăng theo. Để xem bạn có đồng ý hay không, hãy xem xét kịch bản do Gloria Laycock và Nick Tilley thuộc Viện Khoa học Tội phạm Jill Dando đề xuất:

Giả sử tất cả các biện pháp kiểm soát tình huống đều bị bỏ đi: không có khóa, không có biện pháp kiểm soát tùy chỉnh, tiền còn lại để đậu trong một chiếc thùng mở để thỉnh thoảng thu gom, không có quầy kiểm tra thư viện, không có sàng lọc hành lý tại sân bay, không có kiểm tra vé ở ga xe lửa, không có đèn giao thông v.v., liệu số lượng tội phạm và tình trạng hỗn loạn có thay đổi không?

Nếu bạn trả lời rằng tất nhiên tội phạm và rối loạn sẽ gia tăng thì bạn cũng nghĩ rằng cơ hội là nguyên nhân của tội ác. Thật đáng kinh ngạc là hầu hết các nhà tội phạm học đều không đồng ý. Họ tin rằng cơ hội chỉ có thể xác định thời điểm và địa điểm xảy ra tội phạm chứ không phải liệu nó có xảy ra hay không. Theo quan điểm của họ, việc tội phạm có xảy ra hay không hoàn toàn phụ thuộc vào xu hướng của người phạm tội và những xu hướng này quyết định chung số lượng tội phạm trong xã hội.

Trên thực tế, mức độ tội phạm được quyết định bởi những cơ hội được tạo ra do các yếu tố vật chất và xã hội tác động cũng như bởi thái độ và khuynh hướng của người dân. Điều này khó có thể chứng minh nếu không tiến hành thí nghiệm, nhưng sẽ là phi đạo đức nếu tạo ra những cơ hội mới để trộm hoặc cướp và chờ xem điều gì sẽ xảy ra. Tuy nhiên, các thử nghiệm đã được thực hiện với những vi phạm nhỏ. Vào những năm 1920, các nhà nghiên cứu đã tạo cơ hội cho trẻ em gian lận trong các bài kiểm tra, nói dối về việc gian lận và ăn cắp tiền từ các câu đố được sử dụng. Các nhà

ngiên cứu khác đã rải những lá thư có dán tem và ghi địa chỉ trên đường phố, một số có chứa tiền, để xem liệu chúng có được gửi đi hay không. Trong nhóm thí nghiệm thứ ba trong phòng thí nghiệm, các đối tượng được hướng dẫn "trừng phạt" những người khác vì không tuân theo hướng dẫn kiểm tra bằng cách gây ra những cú sốc điện nghiêm trọng thông qua thiết bị kiểm tra. (Trên thực tế, chẳng có cú sốc nào xảy ra cả!).

Kết quả của những thí nghiệm này ủng hộ vai trò nhân quả của cơ hội. Hầu hết các đối tượng, ngay cả những người thường chống lại sự cám dỗ, đã tận dụng một số cơ hội để cư xử không trung thực hoặc hung hăng - những cơ hội mà họ sẽ không gặp phải nếu không tham gia vào nghiên cứu. Nhưng bạn không thể khái quát hóa từ những vi phạm nhỏ này thành tội cướp hoặc trộm xe. Do đó, chúng ta phải chuyển sang một số nguồn bằng chứng khác về tầm quan trọng của cơ hội trong việc gây ra tội phạm.

Tự sát và cơ hội

Tự sát không phải là một tội ác, nhưng cũng giống như nhiều tội ác khác, người ta thường cho rằng nó có động cơ sâu xa. Tuy nhiên, có bằng chứng rõ ràng từ Vương quốc Anh cho thấy cơ hội đóng vai trò quan trọng trong việc tự tử. Trong những năm 1950, khoảng một nửa số người tự sát ở Vương quốc Anh đã sử dụng khí đốt sinh hoạt, loại khí này chứa lượng carbon monoxide (CO) gây chết người. Điều này được gọi là "đập đầu vào lò gas". Vào những năm 1960, khí đốt bắt đầu được sản xuất từ dầu thay vì than. Loại khí mới có ít CO hơn và số vụ tự tử bằng khí bắt đầu giảm. Đến năm 1968, chỉ có khoảng 20% số vụ tự tử liên quan đến hơi ngạt. Đây là lúc sự thay đổi thứ hai bắt đầu: khí đốt sản xuất được thay thế bằng khí đốt tự nhiên từ Biển Bắc. Khí tự nhiên không chứa CO và gần như không thể sử dụng để tự sát. Vào giữa những năm 1970, chưa đến 1% số vụ tự tử ở Anh sử dụng phương pháp này.

Sổ Tay 60 Bước Cơ bản Trong Phân Tích Tội Phạm

Điều đáng ngạc nhiên sâu sắc là các vụ tự tử không thay thế hoàn toàn bằng các phương pháp khác. Bảng này cho thấy từ năm 1958 đến năm 1976 số vụ tự tử đã giảm gần 30%, từ 5.298 xuống còn 3.816. (Đây là thời điểm kinh tế suy thoái, người ta dự đoán số vụ tự tử sẽ gia tăng và thực tế là đang gia tăng ở các nước châu Âu khác.) Người ta không chuyển sang các phương pháp khác vì tất cả các phương pháp này đều có nhược điểm. Quá liều ít gây chết người hơn nhiều so với carbon monoxide. Việc treo cổ đòi hỏi nhiều kiến thức cũng như lòng dũng cảm hơn. Không phải ai cũng có quyền sử dụng súng, điều này có thể khiến cơ thể bị biến dạng thay vì tử vong. Mặt khác, khí đốt sinh hoạt luôn có sẵn ở hầu hết các gia đình. Nó có khả năng gây chết người cao và việc sử dụng nó không gây chảy máu và đau đớn. Không có gì ngạc nhiên khi nó là phương pháp được ưa chuộng từ lâu và khi cơ hội sử dụng nó bị loại bỏ, số vụ tự tử đã giảm.

Các vụ tự tử ở Anh và xứ Wales 1958-1977

Năm	Tổng số vụ tự tử	Tự tử bằng khí đốt sinh hoạt	Phần trăm của tổng số
1958	5.298	2.637	49,8
1960	5.112	2.499	48,9
1962	5.588	2.469	44,2
1964	5.566	2.088	37,5
1966	4.994	1.593	31,9
1968	4.584	988	21,6
1970	3.940	511	13,0
1972	3.770	197	5,2
1974	3.899	50	1,3
1976	3.816	14	0,4

Nguồn: Thống kê tử vong hàng năm, Anh và xứ Wales: Nguyên nhân. Luân Đôn: Văn phòng Quản lý của Nữ hoàng.

Giết người và cơ hội.

Cơ hội cũng đóng một vai trò nhân quả quan trọng trong việc giết người, như được thể hiện qua một so sánh được thực hiện cách đây vài năm về tỷ lệ giết người ở Hoa Kỳ và Vương quốc Anh. Trong giai đoạn 1980-84, giai đoạn được nghiên cứu, tỷ lệ giết người tổng thể ở quốc gia này là 8,5 lớn hơn nhiều lần so với ở Anh và xứ Wales. Tỷ lệ giết người bằng súng và giết người bằng súng ngắn lần lượt là 63 lần và 75 lần. Trên toàn nước Anh và xứ Wales trong thời kỳ này (với khoảng 50 triệu dân), chỉ có 57 vụ giết người bằng súng ngắn xảy ra. Tại Hoa Kỳ, với dân số khoảng 230 triệu người (ít hơn năm lần), tổng cộng có 46.553 người bị sát hại bằng súng ngắn.

Những phát hiện này có xu hướng bị bác bỏ vì tỷ lệ tội phạm tổng thể ở Hoa Kỳ nhìn chung cao hơn ở Anh và xứ Wales trong thời kỳ đó. Tuy nhiên, trong 15 năm qua, tỷ lệ tội phạm tổng thể của hai nước đã bằng nhau nên hiện nay có rất ít sự khác biệt giữa chúng, ngoại trừ tội giết người. Tỷ lệ giết người ở đất nước này vẫn cao hơn nhiều vì ở đây có nhiều người sở hữu súng hơn, đặc biệt là súng ngắn, so với ở Vương quốc Anh. Ngay cả cảnh sát ở Anh cũng không thường xuyên mang theo súng! Vì vậy, khi mọi người đánh nhau ở đây, ai đó có nhiều khả năng bị bắn hơn ở Vương quốc Anh. Tương tự, nhưng không phải là những phát hiện nổi bật như vậy, xuất phát từ việc so sánh tỷ lệ giết người ở Hoa Kỳ và Canada (*xem chú thích*). Tổng hợp lại, những so sánh này cho thấy rằng sự sẵn có của súng (một biến số cơ hội) đóng vai trò quan trọng trong nguyên nhân gây ra vụ giết người.

Hiểu các lập luận trong phần này và chấp nhận cơ hội đó gây ra tội phạm không có nghĩa là bạn phải phủ nhận tầm quan trọng của các nguyên nhân khác, chẳng hạn như tính cách di truyền, gia đình tan vỡ và kỷ luật không nhất quán. Nhưng bạn có thể làm rất ít để thay đổi tính cách của mọi người hoặc tỷ lệ ly hôn hoặc nuôi dạy con cái

kém. Tuy nhiên, bạn có thể thay đổi các tình huống gây tội phạm mà họ gặp phải. Hiểu được cơ hội đó sẽ giúp kẻ trộm hướng sự chú ý của bạn đến các biện pháp thiết thực để ngăn chặn tội phạm và giúp bạn bảo vệ chúng khỏi bị chi trích.

Súng và án mạng ở Hoa Kỳ và Canada

Một nghiên cứu cổ điển đã so sánh tỷ lệ các vụ giết người và hành hung ở Seattle (Hoa Kỳ) và Vancouver (Canada) từ năm 1980-1986 để xác định ảnh hưởng của việc có sẵn súng ngắn đối với tỷ lệ tội phạm. Mặc dù tương tự như Seattle về nhiều mặt, Vancouver có cách tiếp cận hạn chế hơn đối với việc sở hữu súng ngắn. Nghiên cứu cho thấy việc sử dụng rộng rãi súng ngắn làm tăng tỷ lệ giết người. Những phát hiện chính là:

1. Hai thành phố khác nhau rất ít về tỷ lệ tấn công.
2. Nguy cơ giết người ở Seattle cao hơn đáng kể so với Vancouver, chủ yếu là do nguy cơ bị sát hại bằng súng ngắn ở Seattle cao gấp **5 lần**.
3. Tỷ lệ giết người không dùng súng khác nhau rất ít giữa hai thành phố.

Nguồn: Sloan, John và cộng sự (1988). “Quy định về súng ngắn, tội phạm, tấn công và giết người.” *Tạp chí Y học New England*, số 319, trang 1256-1262.

Đọc thêm

- Felson, Marcus và Ronald Clarke (1998). *Cơ hội tạo nên kẻ trộm*. Loạt nghiên cứu của cảnh sát, Bài báo số 98. Luân Đôn: Bộ Nội vụ

Bước 10: Đặt mình vào vị trí của người phạm tội

Bất cứ khi nào bạn phân tích một vấn đề tội phạm hoặc nghĩ về giải pháp, hãy cố gắng nhìn tội phạm từ góc độ của người phạm tội. Hãy cố gắng hiểu lý do tại sao họ phạm tội - không phải vì những nguyên nhân tâm lý hay xã hội xa xôi mà là những lợi ích mà họ đang tìm kiếm. Một lời phê bình triết đề về tội phạm học đã chỉ ra cách đây 30 năm rằng gen của họ không phải là yếu tố thúc đẩy những tên cướp ngân hàng bước vào ngân hàng: chúng cướp ngân hàng vì chúng muốn làm giàu.

Trong nhiều trường hợp trộm cắp, lợi ích là hiển nhiên, nhưng chúng có thể không rõ ràng đối với bạo lực băng đảng hay cái gọi là phá hoại và vẽ bậy "vô nghĩa". Trên thực tế, graffiti (nghệ thuật vẽ đường phố) có thể đánh dấu lãnh thổ của một băng đảng vị thành niên, có thể chỉ ra nơi mua ma túy hoặc có thể đơn giản là một cách để thể hiện. Biết lý do nào trong số những lý do này chiếm ưu thế sẽ giúp xác định trọng tâm của dự án giải quyết vấn đề và làm sáng tỏ các yếu tố góp phần. Nó cũng có thể giúp nhóm dự án xác định các giải pháp. Do đó, chính quyền tàu điện ngầm Thành phố New York chỉ thành công trong việc xóa bỏ hình vẽ bậy khi họ hiểu được động cơ của những "người gắn thẻ", tức là để xem tác phẩm thủ công của họ được trưng bày khi tàu chạy quanh hệ thống (*xem Bước 41*).

Tìm hiểu *cách* người phạm tội phạm tội cũng quan trọng như tìm hiểu *lý do tại sao* họ phạm tội. Bạn sẽ thấy lý thuyết lựa chọn hợp lý rất hữu ích khi suy nghĩ về những câu hỏi này. Cái tên này gây hiểu nhầm vì lý thuyết không cho rằng kẻ phạm tội lên kế hoạch phạm tội một cách cẩn thận; nó chỉ giả định rằng họ đang tìm cách thu lợi từ tội ác của mình, điều đó là đủ hợp lý. Lý thuyết này thậm chí không cho rằng người phạm tội thành công trong việc đạt được những lợi ích mà họ tìm kiếm. Điều này là do họ hiếm khi có đủ thông tin cần thiết, họ không dành đủ thời gian để lập kế hoạch hành

động, họ chấp nhận rủi ro và mắc sai lầm. Đây là cách tất cả chúng ta cư xử trong việc ra quyết định hàng ngày và là điều mà các nhà lý thuyết gọi là tính hợp lý có giới hạn hoặc có giới hạn.

Người phạm tội thường phải nhanh chóng quyết định làm thế nào để đạt được mục tiêu của mình và làm thế nào để trốn thoát mà không bị bắt. Phỏng vấn người phạm tội sẽ giúp bạn hiểu cách họ đưa ra những quyết định này. (Hướng dẫn COPS về phỏng vấn người phạm tội sẽ giúp bạn suy nghĩ về những khó khăn về mặt pháp lý và kỹ thuật khi thực hiện những cuộc phỏng vấn này. *Xem Đọc thêm.*) Đáng ngạc nhiên là thường không khó để khiến người phạm tội nói chuyện, đặc biệt nếu bạn chỉ giới hạn bản thân trong bản chất chung của vấn đề bạn đang cố gắng giải quyết và tránh những câu hỏi cụ thể về tội ác mà họ đã phạm phải. Người phạm tội cũng không ngoại lệ với quy luật là chúng ta thích nói về bản thân và về công việc chúng ta làm. Mặt khác, hãy luôn giữ thái độ hoài nghi vì những người thường xuyên vi phạm pháp luật cũng có thể có thói quen phóng đại và nói dối.

Martin Gill của Đại học Leicester ở Anh kể câu chuyện phỏng vấn một phạm nhân có kinh nghiệm trong tù. Khi giải quyết tội ác dẫn đến việc mình bị bắt, Gill hỏi: "Bạn có nghĩ mình sẽ bị bắt không?" Người tù tựa lưng vào ghế, nhìn anh ta một lúc lâu trước khi nói: "Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng có người ở trường đại học lại hỏi một câu hỏi ngu ngốc như vậy. Anh nghĩ tôi sẽ làm vậy nếu tôi nghĩ mình sẽ bị bắt." ?"

Nếu bạn không thể phỏng vấn người phạm tội, hãy thử tưởng tượng diễn biến của vụ án (*xem Bước 35*). Mỗi giai đoạn phải làm gì? Các mục tiêu được lựa chọn như thế nào? Làm thế nào nạn nhân có thể bị khuất phục hoặc bị lừa? Trốn thoát khỏi Cảnh sát? Hàng hóa được xử lý như thế nào? Ngay cả khi bạn không thể trả lời tất cả những câu hỏi này về cách thức hoạt động, nỗ lực thâm nhập vào tâm trí của kẻ phạm tội có

thể giúp bạn suy nghĩ về các phản ứng. Đây không phải là lời mời bạn thử sức với phân tâm học. Thay vì đi sâu vào vô thức của người phạm tội, bạn nên cố gắng hiểu những *lợi ích* hữu hình mà người phạm tội đang tìm kiếm và cách anh ta phải quản lý việc phạm tội mà không cần quá nhiều nỗ lực hoặc rủi ro. Đây chính là điều mà Paul Ekblom của Phòng Nghiên cứu Bộ Nội vụ muốn ám chỉ khi ông khuyên những người giải quyết vấn đề hãy “tư duy như kẻ trộm”.

Paul Ekblom đã phỏng vấn những tên trộm trên Tàu điện ngầm Luân Đôn (hệ thống tàu điện ngầm), chúng nói với anh rằng chúng sẽ đứng gần các biển báo cảnh báo rằng "những kẻ móc túi" đang hoạt động. Khi nhận thấy các dấu hiệu, hành khách sẽ yên tâm vỗ nhẹ vào túi nào có ví của họ, điều này đã giúp ích đáng kể cho bọn trộm.

Một cách khác để phỏng vấn nhóm tội phạm của chính bạn là tìm kiếm tài liệu về các báo cáo phỏng vấn các nhóm tội phạm tương tự. Các nhà tội phạm học môi trường đã mở rộng đáng kể kiến thức của chúng ta về các phương pháp mà bọn tội phạm sử dụng bằng cách phỏng vấn những tên trộm xe, cướp bóc, trộm cắp trong cửa hàng, và những tên trộm ở khu dân cư và thương mại. Những người phạm tội có thể không cùng nhóm với nhóm của bạn, nhưng việc xem xét cẩn thận kết quả của những nghiên cứu phỏng vấn này có thể gợi ý những giả thuyết mà bạn có thể khám phá liên quan đến vấn đề của chính mình.

Tên cướp có vũ trang đang nói chuyện

Động cơ

"Bạn đang ngồi đó một mình và cảm thấy nhẹ nhõm trong túi, tiền thuê nhà sắp đến hạn, hóa đơn điện và gas, bạn nhận được những người thu phí này liên tục gửi thư cho bạn và bạn nói, 'Tôi ước gì tôi có một ít tiền. Tôi cần' một ít tiền.' Đó là những gợi ý. [Bạn không có cái này và bạn không có cái kia.] Tâm trí bạn bắt đầu choáng váng vì

bạn không có tiền và lũ sói đang rình rập... [Sau lần dính líu cuối cùng của tôi] Tôi đã đưa cho chủ nhà của mình một ít tiền và gửi một ít tiền cho công ty điện lực, một ít cho công ty gas. Tôi vẫn còn khoảng hai mươi hoặc ba mươi đô la trong túi. Tôi mua một ít bia, một ít thuốc lá và [tiêu] một ít vào một hòn đá. [của cocaine]; hãy tận hưởng một phút" (trang 43-44).

Lợi ích của việc cướp

"Cướp là cách kiếm tiền nhanh nhất. Cướp là cách kiếm được nhiều tiền nhất... Trộm cắp, bạn sẽ phải bán hàng và lấy tiền. Ma túy, bạn sẽ phải đổi mặt với quá nhiều người, [một] đám người Bạn sẽ bán cho anh ta một chiếc túi năm mươi đô la hoặc một trăm đô la, một chiếc túi năm mươi đô la hoặc một trăm đô la cho anh ta, thì sẽ mất rất nhiều thời gian. Nhưng nếu bạn tìm được tiền mặt ở đâu và chỉ cần lấy nó, bạn sẽ có được tất cả chỉ trong một gói" (trang 51-52).

Lựa chọn nạn nhân

"Thấy chưa, tôi biết những nơi cần đến [để xác định những mục tiêu cướp tốt]. Thường thì tôi đến tất cả những nơi mà những kẻ nghiện ma túy hay lui tới... nhưng tôi [cũng đã] xử lý một số người bước ra từ những người giao dịch tức thời đó" (tr. 78).

"Đó là tất cả những gì tôi đã cướp là những kẻ buôn bán ma túy ... họ sẽ không gọi cảnh sát. Họ sẽ nói gì với cảnh sát? Anh ta cướp tôi để lấy ma túy? Họ là miếng mồi ngon nhất đối với tôi. Tôi không muốn làm hại người vô tội mọi người, về cơ bản tôi chỉ giao dịch với những kẻ buôn bán ma túy thôi" (tr. 64).

Bạo lực

"Chà, nếu [nạn nhân] do dự như vậy, chưa quyết định, bạn sẽ hơi hung hăng và đẩy họ ...Tôi có thể lấy [khẩu súng] và dùng nó đập vỡ đầu họ. 'Hãy cầm lấy số tiền đó và

ngừng việc nhảm nhí hoặc nếu không bạn sẽ gặp rắc rối thực sự!' Thông thường khi họ thấy bạn có ý kinh doanh kiểu đó, họ sẽ ... bắt tay vào làm" (tr. 109).

Nguồn: Wright, Richard và Scott Decker (1997). *Những tên cướp có vũ trang đang hành động*. Boston: Nhà xuất bản Đại học Đông Bắc.

Đọc thêm:

- Decker, Scott (2004). Sử dụng Phòng vấn Phạm nhân để cung cấp thông tin cho Cảnh sát Hướng dẫn Giải quyết Vấn đề Số 3. Hướng dẫn Định hướng Vấn đề dành cho Cảnh sát, Chuỗi Công cụ Giải quyết Vấn đề. Washington, DC: Văn phòng Dịch vụ Cảnh sát Hướng tới Cộng đồng, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ. (Có thể truy cập tại www.popcenter.org và www.cops.usdoj.gov).

Bước 11: Mong đợi người phạm tội phản ứng

Người phạm tội đưa ra lựa chọn dựa trên nhận thức của họ về cơ hội. Hiểu cách người phạm tội nhìn nhận mọi việc là điều quan trọng để ngăn chặn tội phạm vì hầu hết mọi hoạt động phòng ngừa tội phạm đều liên quan đến việc thay đổi nhận thức của người phạm tội về cơ hội phạm tội. Một số chương trình phòng ngừa hoạt động trực tiếp dựa trên nhận thức của người phạm tội, chẳng hạn như khi cảnh sát thông báo cho người phạm tội rằng họ đang bị theo dõi chặt chẽ. Nhưng hầu hết các kế hoạch phòng ngừa đều hoạt động thông qua một hoặc nhiều bước trung gian, chẳng hạn như trong các kế hoạch đánh dấu tài sản bằng cư dân nhấn nơi cửa sổ để thể hiện sự tham gia của mình nơi sinh sống. Những thay đổi trong môi trường làm thay đổi nhận thức của người phạm tội. Những nhận thức này ảnh hưởng đến hành vi của người phạm tội, từ đó làm thay đổi mô hình tội phạm.

Trong nhiều trường hợp, các biện pháp phòng ngừa ngăn cản người phạm tội tiếp tục hoạt động tội phạm. Chúng cũng có thể có những tác động tích cực ngoài ý muốn là: (1) giảm tội phạm vượt quá trọng tâm của các biện pháp, được gọi là *phổ biến lợi ích* (xem Bước 13 và 47); và (2) giảm tội phạm trước khi chúng thực sự xảy ra, được gọi là *lợi ích dự kiến* (Bước 52). Tuy nhiên, các biện pháp phòng ngừa không phải lúc nào cũng đạt được hiệu quả như mong muốn, đôi khi do người phạm tội hoàn toàn không ý thức được các biện pháp can thiệp hiện có. Ví dụ, người phạm tội có thể tiếp tục phạm tội dù bị cưỡng chế bí mật vì họ có thể không nhận thức được rằng nguy cơ bị bắt đã tăng lên. Trong các trường hợp khác, người phạm tội có thể điều chỉnh tiêu cực đối với các biện pháp phòng ngừa. Những điều chỉnh tiêu cực này bao gồm sự dịch chuyển và thích ứng lâu dài.

- Di dời xảy ra khi người phạm tội thay đổi hành vi của họ để cản trở các hành động phòng ngừa. Sự dịch chuyển trái ngược với sự phổ biến lợi ích. Sự dịch chuyển là một mối đe dọa có thể xảy ra, nhưng nó không thể tránh khỏi. Các đánh giá cho thấy nhiều chương trình phòng ngừa theo tình huống cho thấy rất ít hoặc không có bằng chứng về việc di dời, và khi phát hiện thấy việc di dời, nó hiếm khi bù đắp hoàn toàn cho lợi ích phòng ngừa (Bước 12).
- Thích ứng đề cập đến một quá trình dài hạn hơn, trong đó toàn bộ người phạm tội phát hiện ra những điểm yếu mới của tội phạm sau khi các biện pháp phòng ngừa đã được áp dụng trong một thời gian. Paul Ekblom, Ken Pease và các nhà nghiên cứu khác thường sử dụng phép loại suy về một cuộc chạy đua vũ trang giữa những người ngăn chặn và những người phạm tội khi thảo luận về quá trình này. Vì vậy, theo thời gian, chúng ta có thể mong đợi nhiều tội ác đã được giảm bớt nhờ các biện pháp phòng ngừa sẽ xuất hiện trở lại khi bọn tội phạm khám phá ra những cách thức mới để thực hiện chúng. Sự thích ứng có thể xảy ra khi những người phạm tội ban đầu dần dần khám phá ra các phương pháp mới hoặc có thể xảy ra khi những người phạm tội mới tận dụng các cơ hội đang thay đổi.

Một ví dụ điển hình về việc thích ứng là gian lận thẻ tín dụng (*xem Chú thích*).

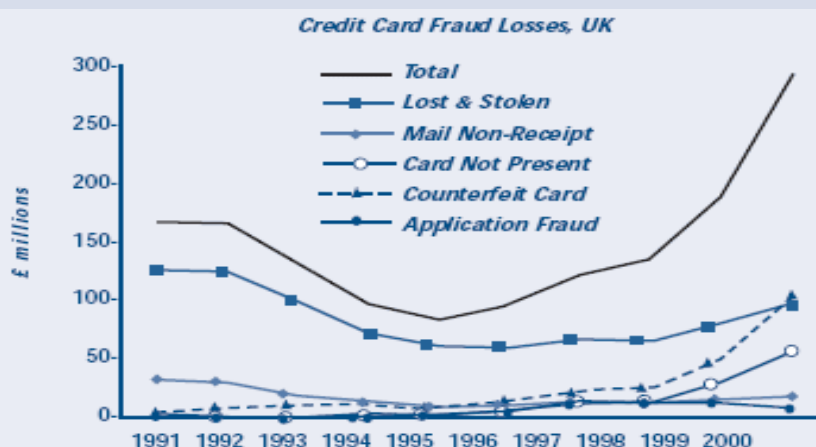
Một ví dụ khác gần đây hơn về sự thích ứng liên quan đến khóa xe đạp. Những tên trộm xe đạp phát hiện ra rằng chúng có thể đánh bại một ổ khóa hiệu quả và được sử dụng rộng rãi bằng cách sử dụng một chiếc bút bi thông thường và rẻ tiền. Nhưng không phải tất cả các biện pháp phòng ngừa đều dễ bị phạm tội khéo léo. Ví dụ, Neal Shover đã lập luận rằng công nghệ đã mang lại sự tạm dừng lâu dài khỏi việc bẻ khóa an toàn, điều này hiện rất hiếm mặc dù trước đây nó khá phổ biến.

Trong một số trường hợp, hành động phòng ngừa có thể kích thích *sự thách thức*. Điều này xảy ra khi người phạm tội thách thức tính hợp pháp của các nỗ lực phòng ngừa và phạm tội nhiều hơn chứ không phải ít hơn. Ví dụ, cảnh sát lo ngại một cách chính đáng rằng việc phô trương vũ lực sớm đôi khi có thể kích thích đám đông tham gia vào hành vi bạo loạn, vì vậy cảnh sát thường không mặc đầy đủ trang phục chống bạo động cho đến khi có bằng chứng rõ ràng cho thấy có thể có hành vi sai trái nghiêm trọng. Có một số bằng chứng nghiên cứu cho thấy hành vi thách thức có nhiều khả năng xảy ra hơn khi cảnh sát được cho là không công bằng và nặng tay, đồng thời mọi người sẽ tuân thủ luật pháp hơn khi cảnh sát đối xử công bằng với họ, ngay cả khi kết quả không như mọi người mong muốn. Nói chung, thách thức không phải là một hiện tượng được ghi chép rõ ràng, nhưng không thể loại trừ khả năng đó, đặc biệt khi cảnh sát sử dụng biện pháp cưỡng chế làm công cụ phòng ngừa chính.

Sự thích ứng của người phạm tội và gian lận thẻ tín dụng

Michael Levi và các đồng nghiệp của ông đã mô tả mối quan hệ hợp tác giữa cảnh sát, Bộ Nội vụ Vương quốc Anh (tương tự như Bộ Tư pháp Hoa Kỳ) và các tổ chức phát hành thẻ tín dụng đã dẫn đến hành động thành công như thế nào vào giữa những năm 1990 nhằm giảm gian lận thẻ tín dụng. Các biện pháp được đưa ra bao gồm các giới hạn mới thấp hơn cho các nhà bán lẻ trong việc xin cấp phép giao dịch và các phương pháp an toàn hơn để cung cấp thẻ tín dụng mới cho người tiêu dùng qua đường bưu điện. Như hình minh họa cho thấy, tổn thất do gian lận đã giảm đáng kể (tổng số, thất lạc và bị đánh cắp cũng như thư không nhận được). Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tổn thất thẻ tín dụng đã bắt đầu tăng trở lại. Điều này chủ yếu là do tổn thất ngày càng tăng do "lừa đảo không xuất trình thẻ" (do việc bán hàng qua Internet mở rộng

nhanh chóng) và làm giả thẻ (được cho là hoạt động của các băng đảng có tổ chức ở Đông Á).



Chú thích:

Million: Triệu bảng Anh;

Credit card fraud losses, UK: Bảng thống kê gian lận thẻ tín dụng ở Vương quốc Anh;

Total: Tổng thể;

Lost & Stolen: Mất và Bị đánh cắp;

Mail non-receipt: Thư không có người nhận;

Card Not Present: Lừa đảo không xuất trình thẻ tín dụng;

Counterfeit card: Thẻ tín dụng giả;

Application fraud: Hồ sơ các vụ gian lận

Đọc thêm:

Ekblom, Paul (1997). "Tăng cường chống tội phạm: Một khuôn khổ năng động giúp các nhà thiết kế theo kịp tội phạm thích ứng trong một thế giới đang thay đổi." Tạp chí Quốc tế về Rủi ro, An ninh và Phòng chống Tội phạm, 2: 249-265. (Có thể truy cập tại www.homeoffice.gov.uk/rds/pdfs/risk.pdf)

Bước 12: Đừng nản lòng trước những người dự báo về sự dịch chuyển

Hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề cần giải quyết (POP) thường cố gắng giảm cơ hội cho tội phạm. Ví dụ, khóa cửa sổ có thể được lắp để ngăn chặn trộm trong khu chung cư hoặc lắp đặt camera truyền hình mạch kín để ngăn chặn trộm ở bãi đậu xe. Những cách làm giảm cơ hội tội phạm này thường gặp phải sự phản đối giống nhau: tất cả những gì chúng làm là di chuyển tội phạm chứ không phải ngăn chặn nó. Lý thuyết về sự dịch chuyển này coi tội phạm được dịch chuyển theo năm cách chính:

1. Tội phạm được chuyển từ nơi này sang nơi khác (*địa lý*).
2. Tội ác được chuyển từ thời điểm này sang thời điểm khác (*tạm thời*).
3. Tội phạm được hướng từ mục tiêu này sang mục tiêu khác (*target*).
4. Một phương pháp phạm tội thay thế một phương pháp khác (*chiến thuật*).
5. Một loại tội phạm được thay thế bằng một loại tội phạm khác (*loại tội phạm*).

Trong mỗi trường hợp, lý thuyết này giả định rằng người phạm tội bị *buộc* phải phạm tội, bất chấp những trở ngại mà họ gặp phải. Cơ sở để giả định là xu hướng phạm tội tích tụ và phải được loại bỏ giống như cách tìm kiếm sự giải phóng tình dục, hoặc tội phạm "chuyên nghiệp" hoặc người nghiện ma túy phải có thu nhập nhất định từ tội phạm để duy trì lối sống của họ. Không có bằng chứng nào cho thấy người phạm tội phải thỏa mãn sự thèm muốn sinh lý sâu sắc nào đó để phạm tội. Trên thực tế, có rất nhiều bằng chứng cho thấy mọi người đưa ra lựa chọn về việc có nên xúc phạm hay không, ở đâu và khi nào. Dù cơ sở của nó là gì, giả định về sự dịch chuyển đã bỏ qua vai trò quan trọng của sự cám dỗ và cơ hội trong tội phạm (*Bước 9*). Ngay cả trong trường hợp những người phạm tội có nhiều hành vi phạm tội hơn, lý thuyết dịch chuyển không coi trọng cơ hội đủ mức. Vì vậy, nghiên cứu về người nghiện ma túy đã chỉ ra rằng họ thích nghi với những thay đổi trong việc cung cấp ma túy. Cũng không có bất

kỳ tiến triển đơn giản nào trong việc sử dụng ma túy. Đúng hơn, người nghiện có thể bị buộc phải sử dụng số lượng nhỏ hơn hoặc loại ma túy kém dễ chịu hơn vì nguồn cung ma túy đã bị cắt. Đối với những tội phạm chuyên nghiệp như cướp ngân hàng, không có lý do gì để cho rằng họ phải kiếm được một số tiền cố định từ tội phạm. Chắc chắn họ sẽ phạm ít vụ cướp hơn nếu việc này trở nên khó khăn và rủi ro, cũng như họ sẽ phạm nhiều vụ cướp hơn nếu việc này trở nên dễ dàng. Những tên cướp ngân hàng, giống như những người khác, đôi khi có thể phải thích nghi với những hoàn cảnh khó khăn hơn và bằng lòng với mức thu nhập thấp hơn. Điều này không có nghĩa là chúng ta có thể bỏ qua việc di dời. Thật vậy, lý thuyết lựa chọn hợp lý dự đoán rằng những kẻ phạm tội sẽ bỏ trốn khi lợi ích của việc làm đó lớn hơn chi phí. Ví dụ, vào đầu những năm 1990, Cảnh sát thành phố New York đã triển khai Đội chống ma túy chiến thuật tới một số khu dân cư có tỷ lệ buôn bán ma túy cao. Các đại lý phản ứng bằng cách chuyển địa điểm bán hàng của họ từ lề đường vào bên trong tiền sảnh của các tòa nhà chung cư. Nhưng nhiều nghiên cứu khác đã phát hiện ra rằng sự dịch chuyển hoàn toàn không xảy ra hoặc chỉ ở một mức độ hạn chế. Ví dụ:

- Các cuộc tuần tra súng chuyên sâu đã làm giảm tội phạm sử dụng súng ở khu vực có tỷ lệ tội phạm súng cao ở Thành phố Kansas, Missouri mà không chuyển những tội phạm này hoặc các tội phạm khác sang các cộng đồng lân cận.
- Các thủ tục nhận dạng mới đã làm giảm đáng kể tình trạng gian lận séc ở Thụy Điển, không có bằng chứng nào về việc chuyển sang một loạt tội phạm thay thế "có thể tưởng tượng được".
- Việc tăng cường mục tiêu rộng rãi được thực hiện tại các ngân hàng ở Úc đã làm giảm tỷ lệ cướp, nhưng không có dấu hiệu nào cho thấy các cửa hàng ở góc đường, trạm xăng, cửa hàng cá cược, nhà nghỉ hoặc người dân trên đường phố bắt đầu gặp nhiều vụ cướp hơn.

- Vụ trộm không được chuyển sang các khu chung cư gần đó khi phương pháp giải quyết vấn đề đã ngăn chặn vụ trộm tại một khu chung cư có tỷ lệ tội phạm cao ở Newport News, Virginia.
- Khi các đường phố ở khu Finsbury Park ở London bị đóng cửa và cảnh sát được tăng cường, có rất ít bằng chứng cho thấy gái mại dâm chỉ đơn giản di chuyển đến các địa điểm lân cận khác. Theo các nhà nghiên cứu, nhiều phụ nữ làm việc trên đường phố ở Công viên Finsbury không quan tâm sâu sắc đến nghề mại dâm nhưng coi đây là một cách kiếm sống tương đối dễ dàng. Khi điều kiện thay đổi thì sự tham gia của họ cũng thay đổi và nhiều người dường như đã từ bỏ "cuộc chơi" (*Bước 50*).
- Việc thiết kế lại trạm dừng xe đẩy để hạn chế các vụ cướp và hành hung đã giúp giảm tội phạm bạo lực tại một địa điểm ở San Diego, California mà không chuyển những tội phạm này sang các điểm dừng xe đẩy khác.

Trong những ví dụ này và nhiều ví dụ khác, chi phí di dời của người phạm tội dường như lớn hơn lợi ích thu được và các ví dụ này đưa ra lập luận rằng việc di dời xảy ra ít hơn nhiều so với những gì người ta thường tin. Đây là sự đồng thuận của bốn đánh giá khác nhau về tài liệu về dịch chuyển được thực hiện ở Vương quốc Anh, Canada, Hoa Kỳ và Hà Lan. Đánh giá của Hà Lan (báo cáo gần đây nhất) báo cáo rằng 22 trong số 55 nghiên cứu từ khắp nơi trên thế giới xem xét sự dịch chuyển, không tìm thấy bằng chứng nào về điều đó. Trong 33 nghiên cứu còn lại, tìm thấy bằng chứng về việc di dời, chỉ một số tội phạm dường như đã bị di dời. Không có trường hợp nào số lượng tội phạm phải di dời bằng số lượng tội phạm được ngăn chặn. Và không có trường hợp nào việc di dời làm gia tăng tội phạm. Việc di dời thường bị hạn chế vì người phạm tội khó thích nghi nhanh chóng. Nếu họ thực hiện những thay đổi, rất có thể họ sẽ thay đổi địa điểm, thời gian, mục tiêu, phương pháp và loại tội phạm tương tự như những

nội dung mà chương trình phòng ngừa ngăn chặn vì đây là những thay đổi dễ dàng nhất đối với họ. Điều này cho thấy rằng sự dịch chuyển có thể được dự đoán bằng cách dự đoán những thay đổi dễ dàng nhất mà người phạm tội thực hiện. Nếu có những thay đổi rõ ràng dễ dàng thì bạn nên xem xét cách kết hợp những thay đổi này vào kế hoạch phòng ngừa của mình. Và nếu bạn không thể bao gồm chúng, thì bạn nên cân nhắc việc theo dõi chúng để phát hiện sự dịch chuyển có thể xảy ra. Tóm lại, sự dịch chuyển luôn là một mối đe dọa, nhưng có những lý do lý thuyết thuyết phục để tin rằng điều đó là không thể tránh khỏi. Ngoài ra, các nghiên cứu về sự dịch chuyển cho thấy rằng ngay cả khi nó xảy ra, nó vẫn có thể chưa hoàn thiện và có thể đạt được mức giảm tội phạm rõ ràng đáng kể bằng các biện pháp giảm cơ hội.

Các tuyên bố về sự dịch chuyển thường biến mất khi được giám sát chặt chẽ hơn

Vào giữa những năm 1980, John Eck quan sát thấy một vụ tranh luận về việc di dời trong Sở Cảnh sát Newport News (VA). Một cuộc trấn áp chợ cần sa ở góc phố đã khiến chợ phải đóng cửa. Một số quan chức cảnh sát khẳng định, các đối tượng chỉ di chuyển đến một góc gần đó để buôn bán ma túy. Tuy nhiên, việc kiểm tra chặt chẽ của các quan chức khác đã tiết lộ một số sự thật quan trọng:

- Những người buôn bán ở góc phố gần đó đang bán heroin chứ không phải cần sa.
- Không ai trong số những kẻ phạm tội từ chợ cần sa được tìm thấy ở chợ heroin.
- Thị trường heroin là một hoạt động có quy mô nhỏ hơn nhiều.
- Nó (heroin) có trước khi thị trường cần sa mở cửa.

Những tuyên bố về sự dịch chuyển có lẽ là do nhận thức có chọn lọc. Trước khi có thị trường cần sa, việc buôn bán ma túy ở góc phố rất ít và không thu hút được nhiều sự chú ý của công chúng. Do đó, thị trường ma túy không phải là ưu tiên hàng đầu của cảnh sát. Khi người dân khu phố phàn nàn về thị trường cần sa, người ta cũng chú ý nhiều hơn đến các thị trường ma túy khác.

Đọc thêm:

- Hesseling, Rene (1994). “Dịch chuyển: Một Khảo sát về Các bằng chứng thực nghiệm.” Nghiên cứu phòng chống tội phạm, tập 3, do Ronald Clarke biên tập. Monsey, NY: Nhà xuất bản Tư pháp Hình sự (có thể truy cập tại www.popcenter.org).

Bước 13: Mong đợi sự lan tỏa của các lợi ích

Các nhà nghiên cứu đang tìm kiếm sự dịch chuyển đôi khi đã tìm thấy chính xác điều ngược lại của nó. Thay vì phát hiện ra rằng tội phạm đã bị đẩy đến một địa điểm hoặc thời điểm khác, họ nhận thấy rằng tội phạm đã giảm trên diện rộng hơn dự kiến, vượt ra ngoài mục tiêu dự kiến của các biện pháp. Đây là một khám phá tương đối gần đây, nhưng đã có nhiều ví dụ tồn tại:

- Đúng như dự đoán, việc gắn thẻ điện tử cho sách trong thư viện Đại học Wisconsin đã làm giảm nạn trộm sách. Tuy nhiên, nạn trộm cắp băng video và các tài liệu khác không được gắn thẻ cũng giảm.
- Khi một nhà bán lẻ điện tử giảm giá ở New Jersey đưa ra chế độ kiểm đếm hàng ngày các mặt hàng có giá trị trong kho, số vụ trộm cắp những mặt hàng này của nhân viên đã giảm mạnh - nhưng nạn trộm cắp cũng giảm mạnh đối với những mặt hàng không được đếm nhiều lần.
- Khi hệ thống theo dõi xe LoJack được giới thiệu ở sáu thành phố lớn, tỷ lệ trộm cắp đã giảm trên toàn thành phố, không chỉ đối với những chủ xe đã mua thiết bị này.
- Simon Hakim và các đồng nghiệp của ông tại Đại học Temple đã chỉ ra rằng việc sử dụng rộng rãi thiết bị báo trộm trong một cộng đồng giàu có gần Philadelphia đã giúp giảm tỷ lệ trộm cắp cho cộng đồng nói chung.
- Khi camera đèn đỏ được lắp đặt tại một số nút giao thông ở Strathclyde, một thành phố lớn ở Scotland, không chỉ có ít người vượt đèn ở những địa điểm này mà còn ở các đèn giao thông khác gần đó. (Ở một thành phố nhỏ hơn, với nhiều phương tiện giao thông địa phương hơn, hiệu

ứng này có thể tồn tại trong thời gian ngắn khi mọi người biết chính xác giao lộ nào có camera.)

- Việc thực hiện tăng cường an ninh cho những ngôi nhà đã nhiều lần bị trộm trong khu nhà ở công cộng của Vương quốc Anh ở Kirkholt đã làm giảm các vụ trộm trên toàn bộ khu nhà, không chỉ đối với những ngôi nhà được bảo vệ bổ sung.

Đây đều là những ví dụ về “sự phân tán lợi ích” do các biện pháp phòng ngừa tội phạm mang lại. Có vẻ như những kẻ phạm tội tiềm năng có thể biết rằng các biện pháp phòng ngừa mới đã được đưa ra nhưng họ thường không chắc chắn về phạm vi chính xác của chúng. Họ có thể tin rằng các biện pháp đã được thực hiện rộng rãi hơn mức họ thực sự có và rằng nỗ lực cần thiết để phạm tội hoặc *rủi ro* phát sinh đã tăng lên ở nhiều địa điểm, thời gian hoặc mục tiêu hơn so với thực tế. Điều này có nghĩa là sự khuếch tán có thể có nhiều dạng, song song với các loại dịch chuyển khác nhau (*xem bảng*).

Việc phổ biến lợi ích là một điều may mắn làm tăng đáng kể tính hấp dẫn thực tế của công tác phòng chống tội phạm theo tình huống, nhưng chúng ta vẫn chưa biết cách tăng cường nó một cách có chủ ý. Một phương pháp quan trọng có thể là thông qua công khai trong cộng đồng. Một chiến dịch quảng bá nơi công cộng đã giúp phổ biến lợi ích của camera giám sát video trên toàn bộ đội xe gồm 80 xe buýt ở miền Bắc Vương quốc Anh, mặc dù chúng chỉ được lắp đặt trên một số xe buýt. Một trong những chiếc xe buýt có gắn camera đã được đưa đi vòng quanh các trường học trong khu vực để cho học sinh thấy rằng họ có thể bị bắt nếu cư xử không đúng mực và phá hoại xe buýt, và những vụ bắt giữ đầu tiên do camera đã được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Di dời và phổ biến lợi ích đối với hành vi trộm cắp căn hộ

Kiểu	Định nghĩa	Dịch chuyển	Khuếch tán
Địa lý	Thay đổi địa lý	Chuyển sang tòa nhà khác	Giám các vụ trộm ở tòa nhà mục tiêu và các tòa nhà lân cận
Thời gian	Công tắc thời gian	Chuyển từ ngày sang tối	Giám trộm vào ban ngày và buổi tối
Mục tiêu	Chuyển đổi đối tượng vi phạm	Chuyển từ căn hộ sang nhà ở	Giám trộm cấp trong căn hộ và nhà ở
Chiến thuật	Thay đổi cách thức vi phạm	Chuyển từ cửa không khóa sang mở khóa	Giám các cuộc tấn công vào các cửa bị khóa và mở khóa
Loại tội phạm	Chuyển đổi tội phạm	Chuyển từ trộm cắp sang đột nhập lấy tài sản	Giám trộm cấp và đột nhập lấy tài sản

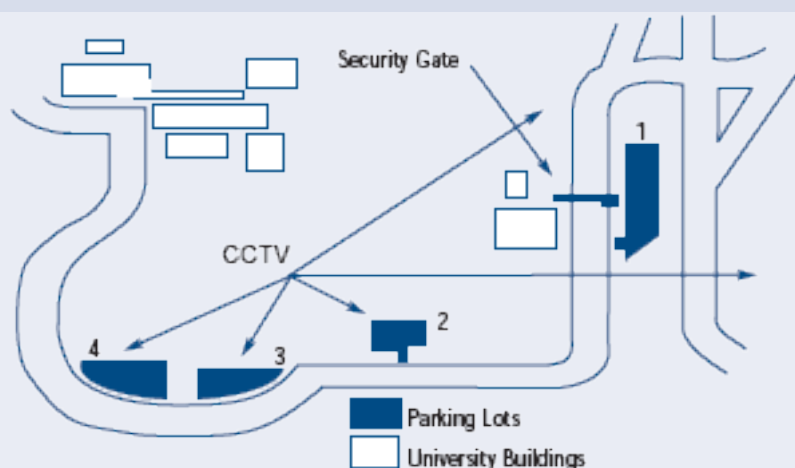
Chúng ta có thể dự đoán rằng lợi ích phổ biến sẽ giảm sút khi người phạm tội phát hiện ra rằng rủi ro và nỗ lực phạm tội không tăng lên nhiều như họ nghĩ. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng điều này xảy ra trong những ngày đầu áp dụng máy đo hơi thở ở Vương quốc Anh, thiết bị này có tác động ngay lập tức đến việc lái xe khi say rượu lớn hơn nhiều so với dự kiến, do nguy cơ bị bắt quả tang thực tế tăng lên. Tuy nhiên, khi các tài xế biết rằng nguy cơ bị dừng xe vẫn còn khá nhỏ, việc lái xe khi say rượu bắt đầu gia tăng trở lại. Điều này có thể có nghĩa là sẽ phải tìm ra cách để khiến những kẻ phạm tội phải đoán về mức độ đe dọa chính xác hoặc về việc cần phải nỗ lực thêm bao nhiêu nếu họ tiếp tục phạm tội.

Ở mức độ thực tế, việc phổ biến là quan trọng như một phản biện đối với việc loại bỏ những người phản đối việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa. Và bạn chắc chắn sẽ gặp phải nhiều trong số đó! Thứ hai, điều quan trọng là bạn phải lập kế hoạch đánh giá của mình có tính đến yếu tố phổ biến. Các cách để thực hiện điều này được

thảo luận ở Bước 51, bằng cách sử dụng hai bộ kiểm soát, cả gần và xa hơn. Nếu không, bạn có thể thấy rằng mọi người đặt câu hỏi về tính hiệu quả của sáng kiến phòng ngừa với lý do tội phạm rơi vào phạm vi rộng hơn so với mục tiêu đã đề ra.

Phổ biến giám sát video và lợi ích của nó trong bãi đậu xe của trường đại học

Một người đứng đầu bộ phận an ninh mới tại Đại học Surrey ở Anh đã quyết định đối phó với nạn trộm cắp trong bãi đậu xe của trường đại học bằng cách giới thiệu hệ thống giám sát video (CCTV - truyền hình mạch kín). Anh ta lắp đặt một camera quan sát trên cột buồm để giám sát các bãi đậu xe. Như sơ đồ cho thấy, camera không thể cung cấp khả năng giám sát như nhau cho cả bốn bãi đậu xe vì các tòa nhà che khuất tầm nhìn của bãi đậu xe 1.



Chú thích:

- Security gate: Cổng an ninh
- CCTV: Truyền hình mạch kín
- Parking lots: Các vị trí đậu xe
- University buildings: Các tòa nhà của trường Đại học

Do đó, người ta có thể mong đợi rằng nếu máy ảnh có bất kỳ giá trị nào trong việc ngăn chặn tội phạm thì điều này chỉ dành cho các bãi đậu xe mà nó được giám sát đầy

đủ. Người ta cũng có thể dự đoán rằng tội phạm sẽ được camera di chuyển từ những bãi đậu xe này sang bãi đậu xe không được giám sát thích hợp. Trên thực tế, vào năm sau khi máy ảnh được giới thiệu, số vụ trộm cắp và phá hoại tại các lô đất đã giảm một nửa, từ 138 vụ vào năm trước xuống còn 65 vụ vào năm sau. Các sự cố cũng giảm nhiều ở bãi đậu xe số 1, không có camera giám sát như ở ba bãi đậu xe còn lại. Sự phổ biến lợi ích của việc giám sát video này có thể là do những kẻ phạm tội tiềm năng biết rằng nó đã được giới thiệu tại trường đại học nhưng không biết những hạn chế của nó. Nhiều người có lẽ đã quyết định rằng việc đến bãi đậu xe của trường đại học để phạm tội không còn đáng để mạo hiểm và nỗ lực nữa.

Nguồn: Poyner, Barry (1997). "Phòng ngừa tình huống ở hai cơ sở đỗ xe". *Phòng chống tội phạm theo tình huống: Nghiên cứu trường hợp thành công*, do Ronald V. Clarke biên tập. Monsey, NY: Nhà xuất bản Tư pháp Hình sự.

Đọc thêm

- Clarke, Ronald và David Weisburd (1994). "Sự phổ biến lợi ích kiểm soát tội phạm: Quan sát về sự dịch chuyển ngược lại". Nghiên cứu Phòng chống Tội phạm, tập 2. Monsey, NY: Nhà xuất bản Tư pháp Hình sự (có thể truy cập tại www.popcenter.org).

Bước 14: Sử dụng bài kiểm tra CHEERS khi xác định sự cố

Sự cố là một tập hợp các sự kiện có hại liên quan xảy ra thường xuyên trong một cộng đồng mà người dân mong đợi cảnh sát giải quyết. Định nghĩa này thu hút sự chú ý tới sáu yếu tố bắt buộc của một vấn đề: Community (Cộng đồng); Harm (Làm hại); Expectation (Kỳ vọng); Events (Sự kiện); Recurring (Định kỳ); và Similarity (Sự tương đồng). Những yếu tố này được ghi lại bằng từ viết tắt CHEERS:

- **Cộng đồng.** Các thành viên của công chúng phải trải qua những sự kiện có hại. Họ bao gồm các cá nhân, doanh nghiệp, cơ quan chính phủ và các nhóm khác. Chỉ một số không phải tất cả hoặc hầu hết - các thành viên cộng đồng cần gặp sự cố.
- **Có hại.** Người dân hoặc tổ chức phải chịu tổn hại. Tác hại có thể liên quan đến mất mát hoặc hư hỏng tài sản, thương tích hoặc tử vong, đau khổ nghiêm trọng về tinh thần hoặc làm suy yếu năng lực của cảnh sát (như trong các cuộc gọi dịch vụ gian lận lặp đi lặp lại). *Bất hợp pháp không phải là đặc điểm xác định của sự cố.* Một số sự cố liên quan đến hành vi pháp lý mà cảnh sát phải giải quyết. Những lời phàn nàn về tiếng ồn phát sinh từ tác động của hoạt động thương mại hợp pháp tới cư dân lân cận là một ví dụ phổ biến. Một số sự cố được báo cáo đầu tiên là liên quan đến hành vi bất hợp pháp, nhưng khi kiểm tra kỹ hơn thì không liên quan đến hành vi bất hợp pháp. Nếu những báo cáo như vậy đáp ứng tất cả các tiêu chí CHEERS thì chúng có vấn đề.
- **Kỳ vọng.** Một số thành viên trong cộng đồng phải mong đợi công an giải quyết nguyên nhân gây hại (số lượng của họ không nhất thiết phải lớn). Không bao giờ nên coi thường kỳ vọng mà phải thể hiện rõ ràng thông qua các quá trình như kêu gọi công dân, họp cộng đồng, báo chí hoặc các phương tiện khác. Yếu

tổ này không yêu cầu cảnh sát phải chấp nhận theo bề ngoài định nghĩa của công chúng về sự cố, ý tưởng của họ về nguyên nhân của nó hoặc những gì nên làm để giải quyết sự cố đó. Công chúng có thể nhầm lẫn về nguyên nhân và đặc điểm của nó. Vai trò của phân tích là tìm ra nguyên nhân.

- **Sự kiện.** Bạn phải có khả năng mô tả loại sự kiện tạo nên sự cố. Các sự cố được tạo thành từ các sự kiện rời rạc. Ví dụ về các sự kiện bao gồm đột nhập vào nhà, một người đánh người khác, hai người trao đổi tiền và tình dục hoặc một vụ nổ tiếng ồn. Hầu hết các sự kiện đều diễn ra ngắn gọn, mặc dù một số sự kiện có thể kéo dài rất nhiều thời gian - ví dụ như một số hành vi gian lận.
- **Định kỳ.** Những sự kiện này phải tái diễn. Sự tái phát có thể là triệu chứng của những rắc rối cấp tính hoặc một vấn đề mãn tính. *Những rắc rối gay gắt* đột nhiên xuất hiện, như trường hợp khu dân cư ít xe đột nhập đột nhiên có nhiều vụ đột nhập như vậy. Một số rắc rối cấp tính sẽ tiêu tan nhanh chóng, ngay cả khi không làm gì cả. Những sự cố khác có thể trở thành vấn đề mãn tính nếu không được giải quyết. Vì lý do này, các vấn đề nghiêm trọng cần được điều tra để xác định xem liệu chúng có báo hiệu điều gì đó cố thủ hơn hay không. *Những vấn đề kinh niên* vẫn tồn tại trong một thời gian dài, như trường hợp một ổ mại dâm nằm dọc theo một con phố trong nhiều năm. Trừ khi điều gì đó được thực hiện, các sự kiện từ các vấn đề mãn tính sẽ tiếp tục xảy ra.
- **Sự tương đồng.** Các sự kiện lặp lại phải có điểm chung. Chúng có thể do cùng một người thực hiện, xảy ra với cùng một loại nạn nhân, xảy ra ở cùng loại địa điểm, diễn ra trong những hoàn cảnh tương tự, liên quan đến cùng một loại vũ khí hoặc có một hoặc nhiều yếu tố chung khác. Nếu không có các yếu tố chung, bạn có một nhóm các sự kiện tùy ý, chứ phát là sự cố. Các phân loại tội phạm phổ biến - chẳng hạn như được sử dụng trong Báo cáo tội phạm định - không

hữu ích. Ví dụ, hành vi trộm cắp phương tiện bao gồm việc trộm xe hơi để lãng lách đánh võng, trộm cắp ở các cửa hàng bán dao, trộm để xuất khẩu sang các nước khác, trộm cắp để sử dụng cho các mục đích tội phạm khác và một loạt các sự kiện khác nhau. Vì vậy, một loạt vụ trộm xe có thể không phải là một vấn đề duy nhất. Cần thêm thông tin. Với các đặc điểm chung, chúng tôi có một mẫu các sự kiện có thể chỉ ra một vấn đề, chẳng hạn như vụ trộm xe tải nhỏ ở các khu vực ngoại ô để sử dụng làm xe taxi gypsy trong nội thành.

Các sự cố cần được xem xét một cách cụ thể (xem *Bước 6 và 15*) vì những chi tiết nhỏ có thể tạo ra sự khác biệt giữa một tập hợp các tình huống dẫn đến các sự kiện có hại và một tập hợp các tình huống tạo ra các sự kiện vô hại. CHEERS gợi ý sáu câu hỏi cơ bản bạn cần trả lời ở giai đoạn rà soát:

- Ai trong cộng đồng bị ảnh hưởng bởi sự cố này?
- Những tác hại do sự cố tạo ra là gì?
- Những mong đợi về phản ứng của cảnh sát là gì?
- Những loại sự kiện góp phần vào sự cố?
- Những sự kiện này có thường xuyên tái diễn không?
- Các sự kiện giống nhau như thế nào?

Không phải tất cả những gì cảnh sát được yêu cầu giải quyết đều là sự cố. CHEERS có thể giúp xác định những nhu cầu không phải là sự cố. Chúng tôi đang sử dụng thuật ngữ "sự cố" theo nghĩa kỹ thuật, POP, không phải như cách chúng tôi sử dụng trong lời nói hàng ngày. Vì vậy, những điều không phải là sự cố có thể gây rắc rối và có thể cần đến sự quan tâm của cảnh sát. Bao gồm một số điểm như sau:

- Sự kiện đơn lẻ. Một sự kiện đơn lẻ, bất kể nghiêm trọng đến mức nào, không phải là sự cố trừ khi có khả năng hợp lý rằng một sự kiện tương tự khác sẽ xảy ra nếu không hành động gì. Một sự kiện đơn lẻ có thể đáng được điều tra hoặc một số hành động khác của cảnh sát, nhưng việc giải quyết vấn đề không thể áp dụng cho những sự kiện riêng lẻ vì không thể ngăn chặn được điều gì.
- Vùng lân cận. Các khu vực nhỏ, chẳng hạn như trung tâm thành phố hoặc các khu chung cư cụ thể, đôi khi bị mang tiếng là có vấn đề, nhưng những khu vực lân cận này hiếm khi gặp vấn đề. Đúng hơn chúng thường là những khu vực có nhiều vấn đề. Các vấn đề riêng lẻ có thể liên quan, nhưng không phải lúc nào cũng vậy. Giải quyết toàn bộ một lĩnh vực như một vấn đề đơn lẻ sẽ làm tăng mức độ phức tạp của nỗ lực và làm giảm cơ hội tìm được những giải pháp hiệu quả. Thay vào đó, bạn nên xác định các vấn đề cụ thể trong khu vực lân cận và giải quyết chúng một cách riêng lẻ. Nếu các vấn đề có liên quan đến nhau (ví dụ: mạng lưới đường phố góp phần gây ra một số vấn đề) thì việc giải quyết mối liên kết này có thể hữu ích. Đừng cho rằng các vấn đề được liên kết với nhau chỉ vì chúng ở gần nhau. Tất nhiên, trong một số trường hợp, có thể có những giải pháp chung cho các vấn đề riêng biệt (xem *Bước 6*).
- Điều kiện trạng thái. Học sinh trốn học, thanh thiếu niên buồn chán, người lớn lang thang và tội phạm bị kết án không phải là vấn đề vì tình trạng của họ là không đến trường, không có gì để làm, không có việc làm hoặc bị kết tội. Một cộng đồng có thể mong đợi cảnh sát sẽ làm gì đó với họ, nhưng các điều kiện về địa vị lại thiếu các đặc điểm về tổn hại và sự kiện. Một số người trong số này có thể đóng vai trò trong các vấn đề, với tư cách là mục tiêu, kẻ phạm tội hoặc với tư cách khác, nhưng điều đó không khiến họ trở thành vấn đề. Việc xác định một vấn đề theo các điều kiện trạng thái là bằng chứng của sự thiếu chính xác

và cần phải xem xét vấn đề một cách sâu sắc hơn. Các điều kiện trạng thái có thể chỉ ra những phần của một vấn đề lớn hơn.

Luôn sử dụng bài kiểm tra CHEERS - sự cố có thể xảy ra có đủ sáu yếu tố không? Nếu không, có lẽ đây không phải là trọng tâm phù hợp cho một hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề thực tế.

Bước 15: Biết bạn đang gặp phải loại vấn đề gì

Vì cảnh sát địa phương phải giải quyết nhiều vấn đề đáp ứng định nghĩa CHEERS (*Bước 14*) nên chúng tôi đã phát triển một cách phân loại cho những vấn đề này. Sơ đồ phân loại này có thể giúp bạn xác định chính xác vấn đề. Nó giúp tách biệt những vấn đề bề ngoài giống nhau nhưng thực sự khác biệt. Nó cũng cho phép bạn so sánh vấn đề của mình với các vấn đề tương tự đã được giải quyết và giúp xác định các đặc điểm quan trọng để kiểm tra. Ví dụ: một bộ hướng dẫn mở rộng để giải quyết các vấn đề phổ biến có sẵn từ Cơ quan quản lý các hoạt động cảnh sát định hướng tại cộng đồng (COPS) và các trang web của Trung tâm POP (*Bước 19*). Biết loại vấn đề bạn đang điều tra có thể giúp bạn xác định các hướng dẫn có thể hữu ích, ngay cả khi chúng không trực tiếp giải quyết vấn đề của bạn. Sơ đồ phân loại dựa trên hai tiêu chí: môi trường phát sinh vấn đề và hành vi của những người tham gia. (Lược đồ này khác với cách phân loại hung hãn của chó sói/lập lại của vịt/sào huyết ở *Bước 8*, đây là cách phân loại các vấn đề dai dẳng).

Môi trường quy định các mục tiêu có sẵn, các hoạt động mà mọi người có thể tham gia và ai kiểm soát địa điểm. Việc chỉ định một môi trường cho phép so sánh các môi trường có và không có sự cố. Môi trường có những người sở hữu có thể đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết vấn đề (*xem Bước 44*). Có 11 môi trường riêng biệt cho hầu hết các vấn đề phổ biến của cảnh sát:

- Khu dân cư - Nơi có người ở. Nhà, căn hộ và phòng khách sạn là những ví dụ. Mặc dù hầu hết đều ở những địa điểm cố định, một số ít là di động, chẳng hạn như các phương tiện giải trí.

- Giải trí - Nơi mọi người đến để có thời gian vui vẻ. Quán bar, câu lạc bộ đêm, nhà hàng, rạp chiếu phim, sân chơi, bến du thuyền và công viên là những ví dụ.
- Văn phòng - Địa điểm làm việc của giới văn phòng, nơi có ít sự tương tác trực tiếp giữa người lao động và công chúng. Các cơ sở chính phủ và doanh nghiệp thường thuộc loại này. Việc truy cập vào những địa điểm này thường bị hạn chế.
- Bán lẻ - Địa điểm dành cho khách hàng đến hoặc tặng lượng khách hàng liên quan đến giao dịch tiền tệ. Cửa hàng và ngân hàng là ví dụ.
- Công nghiệp - Địa điểm chế biến hàng hóa. Giao dịch tiền mặt không phải là hoạt động quan trọng trong những môi trường này và công chúng hiếm khi được mời tham gia. Các nhà máy, nhà kho, cơ sở phân loại gói hàng là những ví dụ.
- Nông nghiệp - Địa điểm trồng trọt và chăn nuôi.
- Giáo dục - Địa điểm học tập, bao gồm trung tâm chăm sóc ban ngày, trường học, trường đại học, thư viện và nơi thờ cúng.
- Dịch vụ con người - Nơi mọi người đến khi có sự cố. Tòa án, nhà tù, đồn cảnh sát, bệnh viện và trung tâm cai nghiện ma túy là những ví dụ.
- Đường công cộng - Tuyến đường kết nối tất cả các môi trường khác. Đường bộ và đường cao tốc, lối đi bộ và đường dành cho xe đạp, đường lái xe và bãi đậu xe là những ví dụ.
- Giao thông vận tải - Địa điểm cho sự di chuyển đông đảo của nhân dân. Chúng bao gồm xe buýt, bến xe buýt và điểm dừng xe buýt, máy bay và sân bay, xe lửa và nhà ga xe lửa, phà và bến phà, tàu biển và bến tàu.

- Mở/chuyên tiếp - Các khu vực không được chỉ định sử dụng nhất quán hoặc thường xuyên. Những công viên này khác với các công viên ở chỗ chúng không được chỉ định để giải trí, mặc dù mọi người có thể sử dụng chúng cho mục đích này. Các khu vực chuyên tiếp bao gồm các tài sản bị bỏ hoang và các công trường xây dựng.

Hành vi là yếu tố thứ hai để phân loại một vấn đề. Việc xác định hành vi giúp xác định chính xác các khía cạnh quan trọng của tác hại, mục đích và mối quan hệ giữa người phạm tội và mục tiêu. Có sáu loại hành vi:

- Kẻ sẵn mồi - Kẻ phạm tội khác biệt rõ ràng với nạn nhân và nạn nhân phản đối hành động của kẻ phạm tội. Hầu hết các tội phạm phổ biến đều thuộc loại này. Ví dụ bao gồm cướp, lạm dụng trẻ em, trộm cắp, bắt nạt và trộm cắp.
- Đồng thuận - Các bên liên quan có chủ ý và sẵn sàng tương tác. Điều này thường liên quan đến một số hình thức giao dịch. Ví dụ bao gồm bán ma túy, mại dâm và bán hàng ăn cắp. Tuy nhiên, hãy lưu ý rằng hành vi tấn công gái mại dâm là hành vi sẵn mồi.
- Xung đột - Tương tác bạo lực liên quan đến những người gần như bình đẳng và có một số mối quan hệ từ trước. Một số hình thức bạo lực gia đình ở người lớn liên quan đến loại hành vi này, mặc dù bạo lực gia đình đối với trẻ em và người già được phân loại là bạo lực mang tính trấn lột vì các bên liên quan không bình đẳng.
- Sự thô bạo - Người phạm tội có thể được phân biệt với nạn nhân nhưng nạn nhân trải rộng trên nhiều cá nhân và mức độ tổn hại không nghiêm trọng. Nhiều mối lo ngại gây khó chịu, mất thẩm mỹ, ồn ào hoặc làm phiền nhưng không liên quan đến thiệt hại nghiêm trọng về tài sản hoặc thương tích thuộc loại này.

Những bữa tiệc ồn ào là một ví dụ. Việc phá hoại có phù hợp với thể loại này hay không còn tùy thuộc vào chi tiết. Một số hình thức phá hoại mang tính sẵn mồi. Một số hành vi thô bạo gây rắc rối bất kể môi trường nào, trong khi những hành vi khác chỉ gây rắc rối trong những môi trường cụ thể.

- Gây nguy hiểm - Kẻ phạm tội và nạn nhân là cùng một người hoặc kẻ phạm tội không có ý định làm hại nạn nhân. Nỗ lực tự sát, sử dụng ma túy quá liều và tai nạn xe cộ là những ví dụ.
- Lạm dụng cảnh sát - Một hạng mục dành riêng cho những yêu cầu không chính đáng đối với dịch vụ cảnh sát. Báo cáo sai sự thật về tội phạm và liên tục gọi điện về những vấn đề mà công dân có thể tự giải quyết là những ví dụ. Đây là loại biện pháp cuối cùng - được sử dụng khi tác hại duy nhất xuất phát từ hành vi này là tiêu tốn nguồn lực của cảnh sát và khi không có loại nào khác phù hợp.

Bảng hiển thị phân loại đầy đủ. Một vấn đề được phân loại bằng cách đặt nó vào ô nơi cột thích hợp giao với hàng thích hợp. Vì vậy, ví dụ, người đoạt giải Tilley năm 2001 đã xử lý các vết thương do chai thủy tinh xung quanh các quán rượu, một vấn đề xung đột-giải trí (A). Các cảnh sát ở San Diego đã phải đối mặt với những cuộc gọi lừa đảo liên tục từ các thành viên băng đảng đe dọa tại một cửa hàng tiện lợi (B). Hãy lưu ý rằng điều này khác với giải thưởng á quân Goldstein năm 2003, đề cập đến các cửa hàng bán rượu cho trẻ vị thành niên ở Plano, Texas (C). Người đoạt giải Goldstein năm 2002 đã giải quyết các vụ tai nạn xe cơ giới liên quan đến công nhân nông trại nhập cư, một vấn đề gây nguy hiểm cho đường công cộng (D). Người đoạt giải Goldstein năm 1999 đã giải quyết vấn đề xả rác và sống lang thang, một vấn đề về lối sống công cộng/bất lịch sự (E). Hãy xem xét sự khác biệt giữa vấn đề bán ma túy ở góc phố (F) và vấn đề bắn súng cướp tài sản xuất phát từ tranh chấp giữa những người buôn bán (G). Hai vấn đề này chồng chéo lên nhau, nhưng chúng không giống nhau.

Mặc dù hầu hết các vấn đề đều nằm gọn trong một ô duy nhất, nhưng đôi khi một vấn đề có thể liên quan đến nhiều hành vi hoặc môi trường. Ví dụ, Cảnh sát Staffordshire (Vương quốc Anh) đã gặp phải vấn đề khi người biểu tình chiếm đóng các tòa nhà bỏ hoang dọc theo tuyến đường xây dựng. Đây là những môi trường mở/chuyển tiếp. Các cuộc biểu tình liên quan đến sự bất lịch sự, nhưng chiến thuật chiếm đóng các tòa nhà này cũng gây nguy hiểm cho người biểu tình. Vì vậy, gây nguy hiểm là một hành vi liên quan khác (H trong bảng). Mặc dù đôi khi cần có nhiều loại hành vi hoặc môi trường, nhưng việc sử dụng quá mức nhiều loại có thể dẫn đến sự thiếu chính xác.

Bằng cách phân loại các vấn đề, các cơ quan cảnh sát có thể so sánh các nỗ lực giải quyết vấn đề riêng biệt xảy ra trong cùng một môi trường và liên quan đến cùng một loại hành vi. Có những vấn đề phân tích chung hoặc những giải pháp hiệu quả nào cho những vấn đề này không? Các vấn đề phân tích và phản hồi cho loại vấn đề này có khác với các loại vấn đề khác không? Việc trả lời những câu hỏi như thế này có thể cải thiện khả năng giải quyết vấn đề cũng như đào tạo về cách giải quyết vấn đề và giúp chúng ta nâng cao hiểu biết về những gì có thể giải quyết được các loại vấn đề khác nhau trong các loại môi trường khác nhau.

Sơ đồ phân loại các vấn đề thường gặp mà cảnh sát địa phương phải đối mặt

HÀNH VI CỤ XỬ						
MÔI TRƯỜNG	Sẵn môi	Đồng thuận	Xung đột	Thô bạo	Nguy hiểm	Lạm dụng cảnh sát
Khu dân cư						
Giải trí			A			

Văn phòng						
Bán lẻ		C				B
Công nghiệp						
Nông nghiệp						
Giáo dục						
Dịch vụ an sinh						
Đường công cộng	G	F		E	D	
Chuyên chở						
Mở/Chuyển tiếp				H	H	

Đọc thêm

- Eck, John và Ronald Clarke (2003). “Phân loại các vấn đề chung của cảnh sát: Một phương pháp tiếp cận hoạt động thường xuyên.” *Nghiên cứu phòng chống tội phạm*, tập 16, do Martha Smith và Derek Cornish biên tập. Monsey, NY: Nhà xuất bản Tư pháp Hình sự.

Bước 16: Nghiên cứu hành trình phạm tội

Trong khi tam giác phân tích vấn đề (*Bước 8*) xác định ba yếu tố cơ bản của tội phạm, nó không giải thích cách người phạm tội tìm được mục tiêu phù hợp. Theo Marcus Felson, họ thực hiện điều này theo ba cách chính:

1. Thông qua hiểu biết cá nhân của nạn nhân (con trai hàng xóm của bạn có thể biết khi bạn vắng nhà).
2. Thông qua công việc (một tên trộm làm kỹ sư điện thoại có thể tình cờ nghe được rằng bạn sẽ đi nghỉ vào tuần tới).
3. Thông qua chòng chéo từ các "không gian hoạt động".

Khái niệm về không gian hoạt động là trọng tâm của lý thuyết mô hình tội phạm, được phát triển bởi các nhà tội phạm học môi trường người Canada Pat và Paul Brantingham (*xem hình*). Họ sử dụng khái niệm này để mô tả cách người phạm tội tìm thấy mục tiêu trong quá trình sinh hoạt hàng ngày của họ. Bắt đầu bằng hình tam giác, họ coi người phạm tội đi từ nhà đến nơi làm việc để giải trí. Xung quanh mỗi nút trong số ba nút này và dọc theo mỗi con đường trong số ba con đường này (ngoại trừ vùng đệm nơi chúng có thể được nhận ra), những kẻ phạm tội tìm kiếm cơ hội phạm tội xung quanh. Họ có thể tìm thấy những nơi này cách xa con đường một chút, nhưng họ thường không đi xa hơn khu vực mà họ biết. Điều này là do việc phạm tội trong quá trình sinh hoạt hàng ngày của họ dễ dàng hơn là thực hiện một hành trình đặc biệt để thực hiện điều đó.

Giáo sư Brantingham cũng sử dụng thuật ngữ *rìa* để chỉ ranh giới của các khu vực nơi mọi người sống, làm việc, mua sắm hoặc tìm kiếm giải trí. Một số tội phạm có nhiều khả năng xảy ra ở những vùng rìa này hơn - chẳng hạn như tấn công chủng tộc,

cướp bóc hoặc trộm cắp trong cửa hàng - bởi vì đây là nơi những người từ các khu vực lân cận khác nhau không quen biết nhau đến với nhau. Trong một nghiên cứu ban đầu, gia đình Brantingham phát hiện ra rằng các vụ trộm ở khu dân cư ở Tallahassee, Florida có xu hướng tập trung ở những khu vực giàu có giáp với khu vực nghèo. Lời giải thích của họ là những khu vực giàu có là mục tiêu hấp dẫn cho những tên trộm từ những khu vực nghèo hơn, nhưng những tên trộm không muốn mạo hiểm quá xa vào đó vì chúng không quen với lãnh thổ và có thể bị nhận ra là không thuộc về nơi đó. Họ cũng sẽ dễ bị tổn thương hơn vì họ sẽ phải đi xa hơn với số tiền thu được từ tội phạm.

Con đường mà mọi người thực hiện trong các hoạt động hàng ngày và các nút họ sinh sống giải thích các rủi ro trở thành nạn nhân cũng như các hình thức vi phạm. Đây là lý do tại sao gia đình Brantinghams và các nhà lý thuyết về mô hình tội phạm khác lại rất chú ý đến sự phân bố địa lý của tội phạm và nhịp độ hoạt động hàng ngày. Ví dụ: các nhà nghiên cứu này tạo ra bản đồ tội phạm cho các giờ khác nhau trong ngày và các ngày trong tuần, liên kết các loại tội phạm cụ thể với luồng người đi lại, học sinh được cho ra ngoài, giờ đóng cửa của cửa hàng hoặc bất kỳ quy trình nào khác di chuyển mọi người giữa các nút và dọc theo những con đường. Những kẻ móc túi và một số kẻ trộm đồ tìm kiếm đám đông, trong khi những kẻ phạm tội khác chú ý hơn đến việc vắng mặt người. Ví dụ, dòng người đi làm tạo ra làn sóng trộm ngược vào khu dân cư, lợi dụng sự vắng mặt của người đi làm. Dòng công nhân về nhà vào ban đêm và cuối tuần tạo ra làn sóng ngược dòng vài giờ sau đó của những tên trộm nhắm vào các khu thương mại và công nghiệp.

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng hành trình phạm tội thường rất ngắn - kẻ phạm tội thường phạm tội trong vòng 1 hoặc 2 dặm (1 dặm tương đương hơn 1,6km) tính từ nhà của họ. Ví dụ, Andy Brumwell, một chuyên gia phân tích tội phạm của Cảnh sát

West Midlands, một trong những lực lượng cảnh sát lớn nhất của Vương quốc Anh, gần đây đã hoàn thành bản phân tích 258.074 hành trình phạm tội được thực hiện trong khoảng thời gian 2 năm. Anh ấy đã tìm thấy những điều sau đây:

- Khoảng một nửa hành trình chưa đầy một dặm. (Trong hầu hết các nghiên cứu ở Hoa Kỳ, hành trình có thể dài hơn một chút do mật độ dân số thấp hơn và khả năng tiếp cận phương tiện nhiều hơn.)
- Khoảng cách di chuyển thay đổi tùy theo hành vi phạm tội. Ví dụ, những kẻ trộm đồ trong cửa hàng có xu hướng đi xa hơn nhiều loại tội phạm khác.
- Phụ nữ đi xa hơn nam giới, có thể vì có nhiều vụ trộm cắp trong cửa hàng.
- Những cá nhân phạm tội khác nhau đáng kể trong các chuyến đi phạm tội. Một số thường phạm tội ở khu vực lân cận địa phương của họ. Những người khác đi xa hơn, đặc biệt là khi làm việc với đồng phạm.
- Những kẻ phạm tội trẻ tuổi nhất phạm tội ở rất gần nhà, trong khi những người ở độ tuổi 20 lại đi xa nhất.

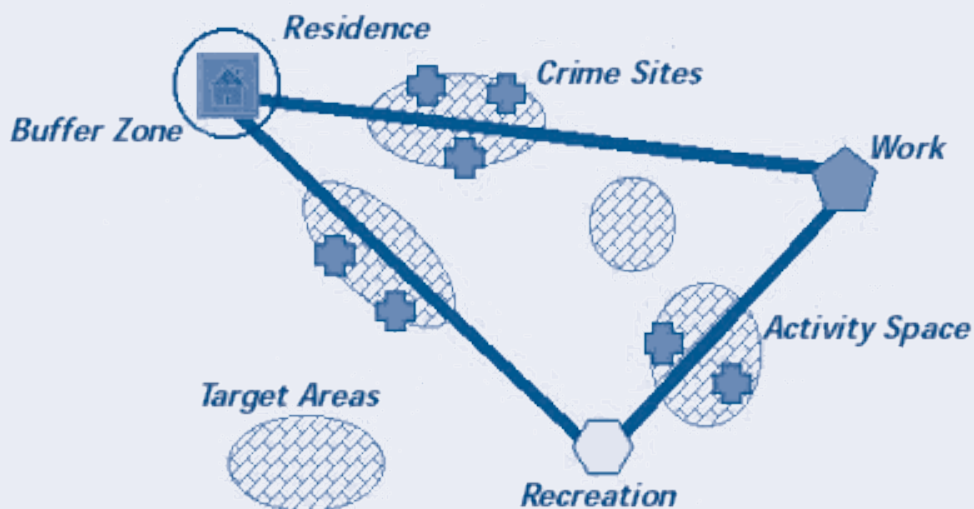
Susan Wernicke, một chuyên gia phân tích tội phạm của Thành phố Overland Park, Kansas, Hoa Kỳ đã trình bày thông tin chi tiết hơn về trẻ vị thành niên tại Hội nghị quốc gia về lập bản đồ tội phạm năm 2000 của Viện Tư pháp Quốc gia ở San Diego, California. Cô cho thấy rằng ở Overland Park, những đứa trẻ 11 tuổi bị bắt đã phạm tội cách nhà trung bình 1,05 dặm. Khoảng cách này tăng dần theo độ tuổi và đến năm 17 tuổi là 2,7 dặm. Cô cho rằng một phần của sự gia tăng này là do khả năng tiếp cận ô tô nhiều hơn.

Hành trình đến tội phạm và chỉ số tự ngăn chặn

Andy Brumwell đã phát triển "chỉ số tự ngăn chặn", xem xét tỷ lệ tội phạm trong một khu vực được thực hiện bởi những kẻ phạm tội cũng sống trong khu vực đó. Giá trị 100 cho biết những người phạm tội ở địa phương phải chịu trách nhiệm về tất cả các tội ác, trong khi giá trị bằng 0 cho thấy những người phạm tội ở địa phương không phạm tội nào. Giá trị này cần được tính toán khi phân tích một vấn đề cục bộ. Việc kê sãn mồi là người địa phương hay đến từ xa sẽ có ảnh hưởng đến loại biện pháp phòng ngừa tội phạm theo tình huống có thể được áp dụng thành công. Ví dụ, việc đóng cửa các đường phố trong một khu phố cụ thể sẽ chỉ có hiệu quả nếu nhiều người phạm tội lái xe đến khu phố đó để phạm tội.

Bạn có thể sử dụng các khái niệm về lý thuyết mô hình tội phạm để hiểu tội phạm trong phạm vi quyền hạn của mình. Bạn nên cố gắng ghép các mô hình phạm tội và vi phạm lại với nhau bằng cách tìm các nút, đường dẫn và cạnh. Bạn có thể bắt đầu phân biệt giữa cách người phạm tội tìm kiếm tội phạm và thời điểm họ tìm thấy nó một cách tình cờ. Bạn có thể tìm nơi người phạm tội vắng mặt và nơi họ tụ tập tại các điểm nóng và suy nghĩ về lý do của việc này (*Bước 17*). Bạn sẽ thấy rằng các mô hình tội phạm rất địa phương kể câu chuyện. Do đó, một quận có tỷ lệ tội phạm cao sẽ có một số đường phố hoàn toàn không có tội phạm và một số địa chỉ gây ra hầu hết vấn đề. Người dân có thể biết rằng đi bộ xuống một con phố thì khá an toàn nhưng lại không an toàn khi đi bộ xuống một con phố khác. Họ thậm chí có thể chọn bên này đường hơn bên kia. Nếu cư dân biết rõ về địa phương của họ, điều gì ngăn cản bạn tìm hiểu về nó? Lý thuyết mô hình tội phạm giúp bạn làm được điều đó và nó sẽ giúp xác định một vấn đề cụ thể ở giai đoạn rà soát và hiểu các nguyên nhân góp phần khi phân tích.

Lý thuyết mô hình tội phạm Brantingham



Chú thích:

Buffer Zone: khu vự giao thoa

Residence: Nơi cư trú ;

Crime sites: Khu vực tội phạm;

Work: Nơi làm việc;

Activity space: Khu vực hoạt động;

Recreation: Khu vực giải trí;

Target areas: Khu vực mục tiêu của tội phạm

Kim Rossmo đã chuẩn bị sơ đồ này để thể hiện lý thuyết của Brantingham. Nó cho thấy không gian hoạt động của phạm nhân (nơi cư trú, nơi làm việc, giải trí và các tuyến đường đi lại giữa chúng), vùng đệm gần nhà nơi phạm nhân thường không phạm tội và năm khu vực mục tiêu tiềm năng (ví dụ: bãi đậu xe). Nơi không gian hoạt động của

người phạm tội giao với khu vực mục tiêu, đây là nơi tội phạm xảy ra (vượt qua). Lưu ý rằng trong ví dụ này không có tội phạm nào xảy ra xung quanh nơi làm việc của người phạm tội vì ở đó không có mục tiêu phù hợp. Ngoài ra, có hai khu vực mục tiêu không có tội phạm vì người phạm tội này không biết về những địa điểm đó.

Nguồn: Rossmo, Kim (2000). *Hồ sơ địa lý*. Boca Raton, FL: Nhà xuất bản CRC.

Đọc thêm

- Brantingham, Patricia và Paul (1993). “Môi trường, thói quen và tình huống: Hướng tới một lý thuyết hình mẫu về tội phạm.” *Hoạt động thường lệ và sự lựa chọn hợp lý*, Những tiến bộ trong lý thuyết tội phạm học, tập 5, do Ronald Clarke và Marcus Felson biên tập. New Brunswick, NJ: Nhà xuất bản Transaction.
- Felson, Marcus (2002). *Tội ác và cuộc sống hàng ngày*. Thousand Oaks, CA: Nhà xuất bản Sage.
- Wiles, Paul và Andrew Costello (2000). *Con đường dẫn đến hư không: Bằng chứng cho tội phạm du lịch*. Văn phòng Nghiên cứu 207. London: Bộ Nội vụ (có thể truy cập tại www.homeoffice.gov.uk)

Bước 17: Biết các điểm nóng phát triển như thế nào

Các nhà phân tích thường kiểm tra các điểm nóng chỉ bằng cách sử dụng địa lý. Đây thường có thể là điểm khởi đầu hữu ích, nhưng để giảm bớt hoặc loại bỏ điểm nóng, bạn phải nhìn sâu hơn để hiểu tại sao nó lại là điểm nóng. Chúng tôi tập trung vào việc phát triển sự hiểu biết về các quá trình tạo ra các điểm nóng. Sau đó, ở *Bước 23 và 55*, chúng ta sẽ xem xét cách phân tích và lập bản đồ các điểm nóng mà không để phần mềm lập bản đồ của bạn quyết định. Như chúng ta đã thấy trong các bước trước, các khu vực/địa điểm nhỏ rất quan trọng để hiểu được nhiều vấn đề và phát triển các phản ứng hiệu quả. Do đó, chúng tôi tập trung vào những điểm nóng trong bước này. Trong các bước sau, chúng tôi sẽ dựa trên ý tưởng này để kiểm tra các đường phố và khu vực có điểm nóng.

Có ba loại điểm nóng, mỗi loại có cơ chế nhân quả riêng:

- Những kẻ tạo ra tội phạm là nơi thu hút một *lượng* lớn người đến vì những lý do không liên quan đến động cơ phạm tội. Tạo nhiều cơ hội cho người phạm tội và mục tiêu gặp nhau về thời gian và địa điểm sẽ tạo ra tội phạm hoặc mất trật tự. Ví dụ về máy phát điện bao gồm khu vực mua sắm, trung tâm giao thông, lễ hội và sự kiện thể thao. Số lượng lớn các vụ phạm tội hoặc rối loạn chủ yếu là do số lượng lớn người sử dụng địa điểm và mục tiêu.
- Những nơi thu hút tội phạm là những nơi tạo ra nhiều cơ hội phạm tội mà người phạm tội đã biết rõ. Những người có động cơ phạm tội bị thu hút đến những địa điểm như vậy. Trước mắt, người phạm tội có thể đến từ bên ngoài khu vực, nhưng trong thời gian dài hơn, và trong một số trường hợp, người phạm tội có thể di dời đến những khu vực này. Khu vực mại dâm và ma túy là ví dụ. Một số điểm giải trí cũng nổi tiếng vì cho phép hoạt động lệch lạc. Những nơi như vậy

ban đầu chỉ được người dân địa phương biết đến, nhưng khi danh tiếng của chúng lan rộng, ngày càng có nhiều kẻ phạm tội bị lôi kéo vào, do đó số vụ tội phạm và rối loạn cũng tăng lên.

- Những kẻ tạo điều kiện cho tội phạm xảy ra khi có ít quy định về hành vi ở những nơi: các quy tắc ứng xử không có hoặc không được thực thi. Ví dụ, việc loại bỏ nhân viên bãi đậu xe sẽ cho phép mọi người lảng vảng trong khu vực đỗ xe. Điều này dẫn đến tình trạng trộm cắp xe cộ ngày càng gia tăng. Đây là một ví dụ về sự thay đổi đột ngột trong việc quản lý địa điểm. Đôi khi việc quản lý địa điểm bị xói mòn dần theo thời gian, dẫn đến vấn đề phát triển. Những kẻ gây ra tội phạm cũng xảy ra cùng với sự xói mòn của quyền giám hộ và xử lý. Ví dụ, nếu cha mẹ cùng con đến khu vui chơi, họ đồng thời bảo vệ trẻ (giám hộ) và giữ cho trẻ không có hành vi sai trái (xử lý). Nếu phong cách nuôi dạy con cái thay đổi từ từ để trẻ ngày càng bị bỏ rơi một mình thì nguy cơ chúng trở thành nạn nhân và trở thành kẻ phạm tội có thể tăng lên.

Patricia và Paul Brantingham gợi ý rằng các khu vực có thể không có tội phạm, tức là chúng không thu hút kẻ phạm tội cũng như mục tiêu và việc kiểm soát hành vi là tương xứng. Những khu vực này có xu hướng tương đối ít tội phạm và tội phạm có xu hướng không theo khuôn mẫu. Vì lý do này, những khu vực không có tội phạm hiếm khi thu hút sự chú ý của cảnh sát. Mặc dù chúng hiếm khi yêu cầu phân tích tội phạm nhưng chúng rất quan trọng vì chúng cung cấp sự so sánh hữu ích với các loại lĩnh vực khác. Ví dụ, so sánh các khu vực không có tội phạm với một điểm nóng có thể giúp xác định những khác biệt tạo ra rắc rối ở nơi tạo ra tội phạm, nơi thu hút tội phạm hoặc người tạo điều kiện cho tội phạm. Nghiên cứu kiểm soát các vụ việc (*Bước 32*) rất hữu ích cho mục đích này.

Tóm lại, khi một điểm nóng về tội phạm hoặc rối loạn trở thành một vấn đề lớn hơn, thường là do số lượng mục tiêu tăng lên, số lượng người phạm tội lợi dụng điểm nóng tăng lên hoặc do mức độ kiểm soát được thực hiện tại địa điểm đó giảm sút. Thông thường, cả ba đều đang làm việc. Ví dụ, người mua sắm có thể tăng lên ở một khu vực do có những con đường mới. Điều này có thể dẫn đến tình trạng trộm cắp gia tăng khi kẻ phạm tội lợi dụng các cơ hội trộm cắp mới. Phạm tội thành công có thể thu hút những kẻ phạm tội mới. Vi phạm gia tăng có thể khiến số lượng người mua hàng giảm. Điều này loại bỏ quyền giám hộ (người mua hàng). Nhưng nó có tác dụng khác. Nó có thể làm giảm việc quản lý địa điểm khi nguồn lực của doanh nghiệp suy giảm. Vì vậy, một vấn đề bắt đầu như một kẻ tạo ra tội phạm đã phát triển thành một kẻ thu hút tội phạm và sau đó trở thành kẻ tạo điều kiện cho tội phạm.

Chúng ta có thể so sánh các con số và tỷ lệ để chẩn đoán cơ chế nào trong số này có thể đang hoạt động. Chia các tội phạm được đề cập cho số mục tiêu tội phạm có thể tạo ra tỷ lệ (*Bước 27*). Điều này thường được biểu thị bằng số lượng tội phạm trên 100 mục tiêu có sẵn. Vì vậy, ví dụ: nếu một bãi đậu xe có 15 vụ đột nhập ô tô trong một năm và bãi đậu xe có 150 chỗ và hoạt động gần hết công suất thì tỷ lệ đột nhập của nó là $15/150$ hoặc $0,1$. Điều này có nghĩa là có 10 lần đột nhập vào mỗi không gian mỗi năm. Lưu ý rằng phân tích này chỉ hữu ích nếu lô hàng đang hoạt động gần công suất. Nếu chỉ sử dụng 50 chỗ trong hầu hết các ngày thì tỷ lệ này sẽ cao gấp ba lần ($15/50=0,3$ hoặc 30 vụ đột nhập trên mỗi phương tiện mỗi năm).

Bảng 1 minh họa sự khác biệt trong việc xếp hạng tầm quan trọng của các điểm nóng tùy thuộc vào việc sử dụng số lượng hay tỷ lệ. Địa điểm A là điểm “hot nhất” về số lượng nhưng lại đứng thứ hai về tỷ lệ, còn địa điểm C từ điểm nóng thứ ba lên hạng nhất khi chuyển từ số sang tỷ lệ.

Chúng ta hãy xem các cơ chế điểm nóng tạo ra sự kết hợp mang tính biểu thị giữa các con số và tỷ lệ như thế nào. Những kẻ gây ra tội phạm có nhiều tội phạm, nhưng vì số lượng mục tiêu của chúng cao nên chúng có tỷ lệ tội phạm thấp (Vị trí B trong Bảng 1). Những người thu hút tội phạm cũng có nhiều tội phạm, nhưng vì họ có tương đối ít mục tiêu nên tỷ lệ tội phạm của họ cao (Vị trí A). Những kẻ gây ra tội phạm, với khả năng kiểm soát hành vi yếu kém, có xu hướng không hấp dẫn đối với các mục tiêu. Tuy nhiên, số ít mục tiêu sẵn có đó có rủi ro cao. Vì vậy, một nơi có tương đối ít tội phạm nhưng tỷ lệ tội phạm cao gợi ý nơi có khả năng gây ra tội phạm (Địa điểm C). Cuối cùng, số lượng tội phạm tại các địa điểm không có tội phạm sẽ thấp, vì vậy ngay cả khi số lượng mục tiêu không đặc biệt lớn thì tỷ lệ tội phạm của chúng cũng sẽ thấp (Địa điểm D). Bảng 2 tóm tắt các mối quan hệ này.

Bảng 1: Số lượng và tỷ lệ

Địa điểm	Tội phạm	Mục tiêu	Tỷ lệ	Trên 100 mục tiêu
A	341	898	.350	35
B	148	1.795	.082	8
C	117	243	.481	48
D	28	638	.044	4

Bảng 2: Chẩn đoán cơ chế hoạt động các điểm nóng

	Con số	Tỷ lệ
Các yếu tố thu hút tội phạm	Cao	Cao
Các yếu tố tạo ra tội phạm	Cao	Thấp
Các yếu tố gây ra tội phạm	Cao thấp)	Cao
Các yếu tố trung lập tội phạm	Thấp	Thấp

Việc xếp hạng các con số và tỷ lệ đều mang tính chất tương đối nên quá trình này rất hữu ích cho mục đích so sánh. Và có thể có nhiều cơ chế hoạt động. Ví dụ: kiểm soát hành vi thấp (người tạo điều kiện) cũng có thể thu hút người phạm tội (người thu hút). Tuy nhiên, những so sánh như vậy cung cấp chỉ báo sớm về cách tiến hành và thiết lập các giả thuyết để kiểm tra sau này (xem Bước 20). Phân tích như vậy sẽ giúp đề xuất các loại phản ứng có thể có hiệu quả. Điều này được tóm tắt trong Bảng 3.

Bảng 3: Cần làm gì khi các điểm nóng ngày càng trầm trọng

Loại điểm nóng	Gây ra	Loại phản hồi	Câu hỏi để trả lời
Yếu tố tạo ra tội phạm	Nhiều mục tiêu không được bảo vệ	Tăng cường bảo vệ	Trong trường hợp nào mục tiêu dễ bị tổn thương? Làm thế nào có thể thay đổi tính dễ bị tổn thương?
Yếu tố thu hút tội phạm	Thu hút người phạm tội	Ngăn cản kẻ phạm tội đến	Điều gì đang thu hút người phạm tội? Làm thế nào điều này có thể được thay đổi?
Yếu tố có thể phạm tội	Hạn chế của các hoạt động kiểm soát	Khôi phục quyền giám hộ, xử lý hoặc quản lý địa điểm	Ai có thể kiểm soát hành vi? Làm thế nào họ có thể được khuyến khích thực hiện kiểm soát?

Đọc thêm

- Brantingham, Patricia và Paul (1995). "Các địa điểm phạm tội: Các yếu tố tạo ra và thu hút tội phạm". Tạp chí Châu Âu về Chính sách và Nghiên cứu Hình sự 3(3):1-26.

Bước 18: Tìm hiểu xem quy tắc 80-20 có áp dụng được không

Một nguyên tắc rất quan trọng của việc phòng ngừa tội phạm là tội phạm tập trung cao độ vào những đối tượng, địa điểm và đồ vật cụ thể. Điều này cho thấy rằng việc tập trung nguồn lực vào nơi tội phạm tập trung sẽ mang lại lợi ích phòng ngừa lớn nhất. Sự tập trung này (được đề cập chi tiết hơn ở các bước sau) đã thu hút các nhãn hiệu đang dần trở nên nổi tiếng đối với hầu hết các chuyên gia phân tích tội phạm:

- Những người tái phạm Trong nhóm nghiên cứu nổi tiếng ở Philadelphia của Wolfgang, khoảng 5% tổng số người phạm tội trong nghiên cứu này chịu trách nhiệm cho hơn 50% số tội phạm.
- Nạn nhân tái phạm theo Khảo sát Tội phạm tại Vương quốc Anh, các nạn nhân tái phạm (chỉ hơn 4% tổng số nạn nhân) phải chịu đựng 40% số tội ác được báo cáo trong cuộc khảo sát (*xem Bước 29*).
- Có thể nói, trong bài báo mang tính bước ngoặt đưa khái niệm này lên bản đồ, Lawrence Sherman và các đồng nghiệp đã phát hiện ra rằng 6% địa chỉ ở Minneapolis chiếm 60% số cuộc gọi đến dịch vụ cảnh sát.
- Dữ liệu hàng năm về các tài sản nổi bật do Viện dữ liệu tổn thất trên đường cao tốc đưa ra cho thấy rằng các yêu cầu bồi thường về hành vi trộm cắp đối với một số mẫu ô tô lớn hơn tới 30 lần so với các ô tô khác (*xem Bước 31*).
- Cơ sở thống kê về vật chất có rủi ro tại Danvers, Massachusetts, cho thấy 3 trong số 78 cửa hàng (5%) chiếm 55% số vụ trộm cắp trong cửa hàng được báo cảnh sát (*xem Bước 28*).

Kiểu tập trung này không phải là đặc thù của tội phạm và rối loạn mà gần như là một quy luật phổ quát. Một phần nhỏ bề mặt trái đất chứa phần lớn sự sống trên trái đất. Chỉ một tỷ lệ nhỏ các trận động đất gây ra phần lớn thiệt hại do động đất. Một bộ

phần nhỏ dân chúng nắm giữ phần lớn của cải. Một tỷ lệ nhỏ cảnh sát thực hiện hầu hết các vụ bắt giữ. Hiện tượng này thường được gọi là quy tắc 80-20, trong đó về lý thuyết, 20% một số việc gây ra 80% kết quả. Trong thực tế, tỷ lệ này hiếm khi chính xác là 80-20, nhưng nó luôn là một tỷ lệ phần trăm nhỏ của một cái gì đó hoặc một nhóm nào đó tham gia vào một tỷ lệ phần trăm lớn của một kết quả cụ thể. Bảng này cho thấy quy tắc này trong thực tế. Nó báo cáo một phân tích được thực hiện bởi Stacy Belledin về các vụ trộm và trộm tại công trường xây dựng đối với 55 người xây dựng nhà ở Jacksonville, Florida. Mười một trong số những người xây dựng (20 phần trăm của nhóm) đã trải qua 85 phần trăm tất cả các vụ trộm cắp tại các công trường xây dựng được báo cáo cho Sở Cảnh sát Jacksonville trong thời gian từ tháng 1 đến tháng 9 năm 2004. Khi điều tra bất kỳ vấn đề nào, do đó bạn nên luôn hỏi liệu 80 -20 áp dụng quy tắc. Một quy trình sáu giai đoạn đơn giản sẽ chỉ ra cách trả lời câu hỏi này:

1. Lập danh sách những người, địa điểm hoặc sản phẩm cùng với số lượng sự kiện liên quan đến từng sự kiện này.
2. Xếp hạng thứ tự chúng theo số lượng sự kiện liên quan đến từng sự kiện - nhiều nhất đến ít nhất.
3. Tính tỷ lệ phần trăm của các sự kiện mà mỗi người, địa điểm hoặc sản phẩm đóng góp. Trong bảng có 386 vụ trộm cắp, trộm cắp. Sáu mươi sự cố trong số này (15,5%) xảy ra tại các công trường xây dựng thuộc sở hữu của Người xây dựng 1.
4. Tích lũy tỷ lệ phần trăm các sự cố bắt đầu từ người, địa điểm hoặc sản phẩm có liên quan nhiều nhất (hoặc trong ví dụ này là người xây dựng nhà).
5. Tích lũy tỷ lệ phần trăm về con người, địa điểm hoặc sản phẩm (trong ví dụ của chúng tôi là tỷ lệ tích lũy của những người xây dựng nhà ở cột 5).

6. So sánh tỷ lệ phần trăm tích lũy về con người, địa điểm hoặc sản phẩm (cột 5) với tỷ lệ phần trăm tích lũy của kết quả (cột 4). Điều này cho thấy những người hoặc địa điểm có liên quan nhiều nhất góp phần vào vấn đề như thế nào.

Những loại tính toán này có thể rất hữu ích ở giai đoạn rà soát trong việc định hướng nỗ lực phòng ngừa. Vì vậy, trong ví dụ ở Jacksonville, chỉ có 5 người xây dựng gặp phải hơn 50% số sự cố. Về lý thuyết, tập trung hành động phòng ngừa vào năm công ty xây dựng này, thay vì vào tổng số 55 công ty, có thể là một chiến lược rất hiệu quả để giảm thiểu vấn đề chung của thành phố về trộm cắp tại các công trường xây dựng.

Ở giai đoạn phân tích, các loại bảng này có thể giúp xác định xem có sự khác biệt quan trọng nào giữa con người, địa điểm hoặc sản phẩm ở đầu danh sách và những sản phẩm ở cuối danh sách hay không. Trong ví dụ của chúng tôi, Stacy Belledin nhận thấy rằng thước đo gần đúng về số lượng ngôi nhà được xây dựng có mối tương quan khá tốt với số vụ trộm và trộm mà mỗi người xây dựng gặp phải, nhưng nó không giải thích được tất cả những khác biệt về rủi ro. Những nguồn gốc quan trọng khác của những khác biệt này có thể là các khu vực lân cận nơi các nhà xây dựng đang hoạt động, cách thức báo cáo của cảnh sát và các biện pháp phòng ngừa an ninh tiêu chuẩn của họ.

Các vụ trộm cắp và đột nhập trộm tài sản được báo cáo tại các công trường xây dựng của 55 Cơ sở xây dựng, Jacksonville, FL, Tháng 1 - Tháng 9 năm 2004

1	2	3	4	5
Người Xây Nhà	Sự cố	Phần Trăm Sự Cố	Tỷ lệ phần trăm tích lũy của sự cố	Tỷ Lệ Tích Lũy Của Người Xây Dựng
1	60	15,5%	15,5%	1,8%
2	39	10,1%	25,7%	3,6%

Sổ Tay 60 Bước Cơ bản Trong Phân Tích Tội Phạm

3	38	9,8%	35,5%	5,5%
4	34	8,8%	44,3%	7,3%
5	34	8,8%	53,1%	9,1%
6	31	8,0%	61,1%	10,9%
7	29	7,5%	68,7%	12,7%
8	26	6,7%	75,4%	14,6%
9	19	4,9%	80,3%	16,4%
10	11	2,9%	83,2%	18,2%
11	số 8	2,1%	85,2%	20,0%
12	7	1,8%	87,1%	21,8%
13	7	1,8%	88,9%	23,7%
14	6	1,6%	90,4%	25,5%
15	5	1,3%	91,7%	27,3%
3 thợ xây, 4 sự cố	12	3,0%	94,8%	32,7%
3 thợ xây, 3 sự cố	9	2,4%	97,2%	38,2%
1 thợ xây, 2 sự cố	2	0,5%	97,7%	40,0%
9 thợ xây, 1 sự cố	9	2,3%	100,0	56,4%
24 thợ xây, 0 Sự cố	0	0,0%	100,0	100,00
55 thợ xây	386	100%	100%	100%

Bước 19: Nghiên cứu vấn đề của bạn

Các cơ quan cảnh sát khác có thể đã giải quyết vấn đề bạn đang giải quyết hoặc các nhà nghiên cứu có thể đã nghiên cứu vấn đề đó. Bạn có thể tiết kiệm rất nhiều thời gian bằng cách tìm hiểu cách họ phân tích nó và những gì họ đã làm, đặc biệt là phản hồi nào có vẻ hiệu quả và phản hồi nào không. Nghiên cứu nỗ lực của người khác có thể cung cấp cho bạn những giả thuyết hữu ích để kiểm tra vấn đề của bạn (*Bước 20*).

Bắt đầu với Hướng dẫn định hướng vấn đề dành cho cảnh sát (Hướng dẫn POP) có sẵn trực tuyến tại www.cops.usdoj.gov và www.popcenter.org. Mỗi hướng dẫn tóm tắt nghiên cứu về một vấn đề cụ thể và thảo luận các cách ứng phó với vấn đề đó. (Các phiên bản trang web của hướng dẫn bao gồm các liên kết đến các tài liệu nguồn không có sẵn trong các phiên bản in). Các hướng dẫn mới liên tục được tạo ra, nhưng nếu không có tài liệu nào phù hợp với vấn đề của bạn, hãy tìm các hướng dẫn liên quan. Ví dụ: hiện tại không có hướng dẫn nào về buôn bán ma túy tại nhà ở công cộng, đây có thể là vấn đề bạn đang giải quyết. Tuy nhiên, hiện có sẵn các hướng dẫn về "Buôn bán ma túy trong các khu chung cư thuộc sở hữu tư nhân" và "Chợ ma túy ngoài trời" và việc đọc chúng có thể hữu ích.

Trang mạng có ích

Để mở rộng tìm kiếm của bạn, hãy truy cập các trang web được liệt kê bên dưới. Đừng bỏ qua những vấn đề từ Úc và Vương quốc Anh vì hoạt động trị an theo định hướng vấn đề được thực hiện rộng rãi ở những quốc gia đó và các vấn đề tội phạm cũng tương tự như ở đây. Trên thực tế, tội phạm ở San Francisco có thể giống như ở Sydney, Australia hơn là ở một thị trấn nhỏ ở Louisiana hoặc Tennessee.

- Trung tâm Nghiên cứu hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề giải quyết

(www.popcenter.org). Ngoài Hướng dẫn POP, trang web này còn chứa hàng trăm báo cáo về các dự án hướng đến vấn đề được gửi qua nhiều năm cho Giải thưởng Goldstein và Tilley. Công cụ tìm kiếm của trang web cho phép bạn tìm kiếm các dự án này theo chủ đề và bạn có thể đọc và tải chúng xuống.

- Cơ sở dữ liệu tóm tắt NCJRS

(tóm tắttdb.ncjrs.gov). Chỉ một tỷ lệ nhỏ các bản tóm tắt trên cơ sở dữ liệu khổng lồ này đề cập trực tiếp đến chính sách, nhưng nó có thể chứa tài liệu hữu ích cho bạn. Bản tóm tắt đôi khi được liên kết với toàn văn của bài báo hoặc báo cáo mà bạn có thể tải xuống. Trong những trường hợp khác, bạn có thể hỏi mượn một bản sao. Dịch vụ này miễn phí và hiệu quả - thường mất không quá 2 đến 3 tuần để nhận được tài liệu.

- Bộ Nội vụ, Vương quốc Anh

(www.homeoffice.gov.uk). Bộ Nội vụ, gần tương đương với Bộ Tư pháp Hoa Kỳ, đảm nhận và tài trợ cho những nghiên cứu xuất sắc về các chủ đề cảnh sát. Bắt đầu bằng "tìm kiếm nhanh" bằng hộp tìm kiếm trên trang chủ. Một bản tóm tắt được đưa ra cho mỗi mục. Nhấp vào đây sẽ đưa bạn đến toàn văn.

- Trang web Giảm Tội phạm, Bộ Nội vụ Vương quốc Anh

(www.crimereduction.gov.uk). Đây là trình duyệt "bộ công cụ" và "trang web nhỏ", cung cấp hướng dẫn thực tế trong việc xử lý nhiều tội phạm bao gồm cướp, trộm cắp tại nhà, bạo lực gia đình, tội phạm đường phố và nạn nhân của sinh viên đại học.

- Viện tội phạm học Australia

(www.aic.government.au). Bắt đầu tìm kiếm trang web này từ trang mở đầu. Một mô tả ngắn gọn được cung cấp cho mỗi mục được tìm kiếm mang lại. Bạn có thể nhận được mô tả đầy đủ hơn bằng cách nhấp vào tiêu đề. Tải xuống toàn văn có sẵn của nhiều tài liệu.

Tài nguyên hữu ích khác

- **Google.** Nếu các trang web mang lại ít giá trị, hãy thử "tìm kiếm" vấn đề trên Google. Google được coi là công cụ tìm kiếm hàng đầu trên Internet. Để nhập truy vấn, chỉ cần nhập một vài từ mô tả và nhấp vào nút tìm kiếm để biết danh sách các trang web có liên quan. Chúng được liệt kê theo thứ tự quan trọng được tính theo số lượng liên kết đến trang web. Thu hẹp tìm kiếm của bạn chỉ đơn giản là thêm nhiều từ hơn vào cụm từ tìm kiếm mà bạn đã nhập. Truy vấn mới của bạn sẽ trả về một tập hợp con nhỏ hơn các trang được tìm thấy cho truy vấn "quá rộng" ban đầu của bạn.
- Các sở cảnh sát khác. Nếu bạn thấy các sở cảnh sát khác cũng giải quyết vấn đề tương tự như của bạn, hãy thử gọi cho họ. Cố gắng nói chuyện với các chuyên gia phân tích tội phạm hoặc cán bộ ban đầu tham gia vào dự án. Trừ khi có báo cáo, đừng quá tin tưởng vào những gì bạn được nghe vì trí nhớ nổi tiếng là không đáng tin cậy.
- Giảng viên địa phương. Đặc biệt khi trường đại học địa phương của bạn có chương trình tư pháp hình sự, bạn có thể nhận được lời khuyên hữu ích từ giảng viên. Tìm hiểu về mối quan tâm của giảng viên từ trang web của trường đại học trước khi cố gắng liên hệ với bất kỳ ai. Đối với bất cứ

điều gì kéo dài hơn một giờ tư vấn, giảng viên có thể mong đợi được trả phí, mặc dù một số trường đại học tiểu bang coi việc hỗ trợ cho các cơ quan chính phủ là một phần sứ mệnh phục vụ thường xuyên của họ.

- Các chuyên gia quốc gia. Nếu bạn liên tục nhìn thấy tên của một chuyên gia trong quá trình tìm kiếm, hãy thử gửi email để xin lời khuyên. Chỉ yêu cầu những thông tin cụ thể mà họ có thể cung cấp nhanh chóng. Khi yêu cầu, hãy liệt kê những tài liệu bạn đã tìm thấy, điều này sẽ giúp chuyên gia biết liệu bạn có bỏ sót điều gì quan trọng hay không.
- Cho mượn liên thư viện. Hầu hết các thư viện công cộng lớn và thư viện đại học đều đăng ký dịch vụ này, điều này cho phép họ lấy sách và bài báo mà bạn có thể cần từ các thư viện khác. Bạn phải điền vào biểu mẫu mà thư viện sẽ cung cấp và chờ khoảng 2 tuần để tài liệu đến.
- Tóm tắt các nghiên cứu về Tư pháp Hình sự (CJA). Truy cập trực tuyến vào CJA là một nguồn tài nguyên quan trọng mà bạn thường chỉ tìm thấy ở các trường đại học có chương trình tư pháp hình sự. Cố gắng thuyết phục bộ phận của bạn đăng ký nó. Nó bao gồm các tạp chí, sách và báo cáo lớn trong lĩnh vực này. Nó cung cấp thông tin về tài liệu học thuật nhiều hơn so với Tóm tắt NCJRS, mặc dù NCJRS Tóm tắt cung cấp nhiều thông tin hơn về nghiên cứu của chính phủ và các tạp chí chuyên nghiệp.

Những hạn chế của thông tin

Nguồn thông tin tốt nhất của bạn có thể là (1) các bài báo của các nhà nghiên cứu đã nghiên cứu vấn đề bạn đang gặp phải và (2) các báo cáo về các dự án của cảnh sát giải quyết vấn đề này. Tuy nhiên, cả hai đều có những hạn chế như sau:

- Hầu hết các nhà tội phạm học quan tâm nhiều hơn đến tội phạm và tội phạm nói chung hơn là các hình thức tội phạm cụ thể. Họ cũng quan tâm nhiều hơn đến những nguyên nhân xa xôi của tội phạm, chẳng hạn như những bất lợi xã hội và những gia đình rối loạn chức năng, hơn là những nguyên nhân gần gũi của một vấn đề, chẳng hạn như an ninh kém hoặc thiếu sự giám sát. Vì vậy, ngay cả khi bạn tìm thấy các bài báo học thuật đề cập đến vấn đề của mình, bạn có thể nhận thấy những nguyên nhân mà chúng xác định giúp ích rất ít trong việc phát triển một phản ứng hiệu quả.
- Trừ khi vấn đề của bạn rất phổ biến, đừng mong tìm thấy nhiều hoạt động cảnh sát có liên quan. Hãy hoài nghi về những tuyên bố thành công trừ khi được hỗ trợ bởi dữ liệu đánh giá. Ngay cả những dự án đã nhận được giải thưởng Goldstein hay Tilley cũng có thể không được đánh giá tốt. Cũng nên cảnh báo rằng phản hồi có hiệu quả ở một thị trấn hoặc vùng lân cận cụ thể có thể không hiệu quả ở thị trấn hoặc vùng lân cận của bạn vì những hoàn cảnh cụ thể khiến tình huống của bạn trở nên khác biệt. Tuy nhiên, kinh nghiệm giải quyết vấn đề trước đây của cảnh sát luôn là nguồn ý tưởng quan trọng về những gì có thể hữu ích trong trường hợp của bạn.

Rà soát các bài báo học thuật

Hầu hết các bài viết học thuật đều bắt đầu bằng một Tóm tắt ngắn. Nếu điều này có vẻ thú vị, hãy đọc phần Tóm tắt, Thảo luận và/hoặc Kết luận. Nếu những điều này cũng có vẻ hữu ích, hãy xem qua phần đánh giá tài liệu ở đầu bài viết. Bạn thường có thể bỏ qua các phần phương pháp xử lý dữ liệu, phân tích và kết quả. Ngay cả khi bài viết

không liên quan trực tiếp, bạn vẫn có thể tìm thấy tài liệu hữu ích được liệt kê trong phần Tài liệu tham khảo.

Nếu bạn cần thông tin chi tiết hơn để có phản hồi (ví dụ: giám sát CCTV), việc quay lại máy tính và thư viện sẽ cho phép bạn tìm thấy thông tin bạn cần và cho phép bạn thu lợi từ kinh nghiệm của người khác.

Xác định phản hồi

Tóm tắt các câu trả lời mà bạn xác định bằng cách xây dựng một bảng giống như bảng có trong Hướng dẫn POP, với một hàng cho mỗi câu trả lời và năm cột:

	Giải quyết	Nguồn	Làm thế nào nó hoạt động	Hoạt động tốt nhất nếu...	Sự xem xét
1					
2					

Văn bản chú thích ở đây

Đọc thêm:

- Clarke, Ronald và Phyllis Schultze (2004). *Nghiên cứu một vấn đề*. Hướng dẫn Định hướng Vấn đề cho Cảnh sát, Bộ Công cụ Giải quyết Vấn đề Số 2. Washington, DC: Cơ quan quản lý hoạt động cảnh sát dựa vào ộng đồng. (có thể truy cập tại www.popcenter.org và www.cops.usdoj.gov).

Bước 20: Xây dựng các giả thuyết

Bất cứ khi nào chúng ta đối mặt với một số mô hình tội phạm mới và phức tạp, chúng ta hình thành các giả thuyết về nguyên nhân của nó, thường dựa trên thông tin không đầy đủ. Kinh nghiệm và lý thuyết là những nguồn giả thuyết tốt. Bạn nên (1) nêu rõ các giả thuyết của mình, (2) không bị ràng buộc với chúng và (3) sử dụng dữ liệu để kiểm tra chúng một cách khách quan. Mong đợi tất cả các giả thuyết sẽ được thay đổi hoặc loại bỏ sau khi dữ liệu liên quan đã được kiểm tra vì không có giả thuyết nào là hoàn toàn đúng. Vì lý do này, cách tốt nhất là kiểm tra nhiều giả thuyết xung đột nhau.

Một tập hợp các giả thuyết là một lộ trình để phân tích. Các giả thuyết đề xuất các loại dữ liệu cần thu thập, cách phân tích dữ liệu này và cách diễn giải kết quả phân tích. Nếu bạn đang điều tra các vụ tấn công liên quan đến uống rượu trong quán bar, bạn có thể bắt đầu bằng câu hỏi "Có bao nhiêu quán bar là địa điểm có vấn đề?" Dựa trên quy tắc 80-20 (*Bước 18*), bạn sẽ nêu giả thuyết rằng một số quán bar sẽ có nhiều trận đánh nhau, nhưng hầu hết sẽ có ít hoặc không có trận đánh nào. Sau đó, bạn sẽ kiểm tra giả thuyết này bằng cách liệt kê các địa điểm uống rượu được cấp phép và đếm số lượng báo cáo về vụ hành hung tại mỗi địa điểm đó trong 12 tháng qua.

Nếu giả thuyết của bạn được ủng hộ, bạn có thể đặt câu hỏi, "Có gì khác biệt giữa các thanh có nhiều vụ đánh nhau so với các thanh có ít vụ tấn công?" Khái niệm về cơ sở vật chất rủi ro (*Bước 28*) sẽ giúp bạn hình thành bộ ba giả thuyết:

1. Những quán bar rủi ro có nhiều khách hàng hơn.
2. Các quán bar rủi ro có đặc điểm thu hút những kẻ tấn công.
3. Nhân viên quán bar ở những quán bar nguy hiểm hoặc không kiểm soát được hành vi hoặc kích động đánh nhau.

Bạn có thể kiểm tra các giả thuyết này bằng cách thu thập dữ liệu về số lượng khách hàng tại các quán bar có rủi ro cao và thấp, phân tích số lượng và tỷ lệ các vụ tấn công trên mỗi khách hàng, quan sát sự tương tác của mọi người tại các quán bar rắc rối và không có rắc rối, đồng thời phỏng vấn nhân viên và khách hàng.

Nếu giả thuyết đầu tiên của bạn mâu thuẫn với dữ liệu và bạn thấy rằng không có sự khác biệt lớn về số vụ tấn công giữa các cơ sở bán rượu, thì bạn có thể đặt câu hỏi, tại sao có quá nhiều quán bar lại gây rắc rối? Điều này gợi ý một giả thuyết khác: Đó là vấn đề về nhận thức; thành phố có nhiều vụ tấn công quán bar như các thành phố tương đương khác. Giả thuyết này gợi ý rằng bạn sẽ cần dữ liệu từ các thành phố có thể so sánh được.

Nếu, sau khi thu thập dữ liệu liên quan, bạn nhận thấy thành phố của mình có số lượng quán bar có vấn đề cao bất thường, bạn có thể đặt câu hỏi, "Điều gì chung ở hầu hết các quán bar trong thành phố nơi xảy ra nhiều vụ hành hung?" Một giả thuyết cho rằng đó là cách cấp giấy phép rượu và quản lý các quán bar. Một giả thuyết khác là có điều gì đó về bản chất của khách hàng đến quán bar trong thành phố của bạn. Việc kiểm tra từng cái sẽ yêu cầu bạn thu thập dữ liệu liên quan và đánh giá tính hợp lệ của giả thuyết.

Lưu ý cách các câu hỏi và giả thuyết cấu trúc phân tích. Kết quả kiểm tra - tích cực hay tiêu cực - tiết lộ những câu hỏi mới, cụ thể hơn. Mục tiêu là bắt đầu với những câu hỏi và giả thuyết rộng, và thông qua quá trình cắt tĩa, đi đến một tập hợp các câu hỏi có trọng tâm cao để chỉ ra những câu trả lời khả thi.

Các giả thuyết gợi ý loại dữ liệu cần thu thập. Trong ví dụ về các vụ tấn công quán bar, việc kiểm tra từng giả thuyết yêu cầu dữ liệu cụ thể. Đôi khi, cùng một dữ liệu có thể kiểm tra nhiều giả thuyết (như trường hợp chọn một trong ba cách giải thích

khác nhau cho các thanh rủi ro). Thông thường cần có nhiều loại dữ liệu để lựa chọn trong số các giả thuyết thay thế (như trường hợp của bộ giả thuyết cuối cùng). Giả thuyết của bạn càng cụ thể thì việc thu thập dữ liệu của bạn sẽ càng tập trung hơn. Đây là lý do tại sao việc có một giả thuyết rõ ràng mà cá nhân bạn không thích lại quan trọng hơn là một giả thuyết không rõ ràng mà bạn tán thành hoặc tệ hơn là không có giả thuyết nào cả.

Tê liệt bằng cách phân tích

Việc thiếu các giả thuyết rõ ràng có thể dẫn đến tình trạng “tê liệt bằng phân tích”, thu thập quá nhiều dữ liệu, tiến hành phân tích quá nhiều và không đi đến kết luận hữu ích nào.

Các giả thuyết có thể giúp định hướng việc phân tích dữ liệu. Mọi giả thuyết rõ ràng đều gợi ý một mẫu dữ liệu mà bạn có thể quan sát được nếu giả thuyết đó đúng. Trong ví dụ trên, các giả thuyết xuất phát từ khái niệm cơ sở vật chất rủi ro có thể được kiểm tra bằng quy trình phân tích đơn giản. Nếu quán bar là nơi tạo ra tội phạm thì bạn sẽ thấy số vụ tấn công cao, số lượng khách hàng cao nhưng tỷ lệ tấn công thấp (xem *Bước 17*). Việc không tìm thấy mô hình này cho thấy giả thuyết này sai. Vì vậy, điều quan trọng là phải có ý tưởng rõ ràng về những gì bạn nên quan sát nếu giả thuyết của bạn đúng và những gì bạn nên quan sát nếu giả thuyết của bạn sai (xem cột thứ ba của bảng). Nếu bạn không thể làm được điều này thì đây là dấu hiệu cho thấy giả thuyết của bạn có thể quá mơ hồ.

Các giả thuyết giúp giải thích kết quả phân tích. Giả sử rằng việc phân tích các vụ đánh nhau ở quán bar cho thấy một số quán bar xảy ra nhiều vụ đánh nhau nhất và việc quan sát các quán bar có mức rủi ro cao và thấp cho thấy nhân viên an ninh của các quán bar rủi ro đã kích động đánh nhau. Điều này ngay lập tức gợi ý một con đường

khả thi để can thiệp. Nói tóm lại, giá trị của một giả thuyết phải tạo ra sự khác biệt. Nghĩa là, nếu giả thuyết đúng thì bạn sẽ đưa ra quyết định khác với quyết định sai. Nếu bạn đưa ra quyết định tương tự bất kể kết quả kiểm tra ra sao thì giả thuyết và kiểm định của nó đều không liên quan.

Tóm lại, các giả thuyết rất quan trọng cho việc hướng dẫn phân tích. Để hình thành các giả thuyết, bạn cần đặt những câu hỏi quan trọng, sau đó tạo ra những câu trả lời mang tính suy đoán đơn giản và trực tiếp cho những câu hỏi này. Những câu trả lời này là giả thuyết của bạn. Những suy đoán này phải đủ táo bạo để có thể sai và phải có cách chứng tỏ chúng đúng hay sai. Nếu có thể, hãy tạo ra các giả thuyết mang tính cạnh tranh.

Việc hình thành giả thuyết là một bài tập nhóm hữu ích vì nó cho phép những người tham gia có quan điểm trái ngược nhau đưa ra quan điểm của họ theo cách cho phép kiểm tra rõ ràng và khách quan. Bằng cách này, những người tham gia đóng góp các giả thuyết không hợp lệ sẽ có những đóng góp đáng kể cho việc phân tích vấn đề. Nếu mỗi giả thuyết được liên kết với một giải pháp tiềm năng, việc kiểm tra các giả thuyết này đồng thời hướng sự chú ý đến các phản ứng khả thi và loại trừ các phương pháp tiếp cận không hiệu quả.

Câu hỏi, giả thuyết và bài kiểm tra

Câu hỏi	Ví dụ các giả thuyết	Kiểm tra tính khả thi
Tại sao nơi này lại nguy hiểm?	Đó là do có sẵn một số lượng lớn các mục tiêu.	Đếm các mục tiêu tại địa điểm và tính toán tỷ lệ tội phạm. So sánh tỷ lệ này với tỷ lệ cho khu vực xung quanh. Nếu nơi rủi ro có tỷ lệ cao hơn thì giả thuyết là sai, nếu nó ở mức tương đương hoặc thấp hơn thì giả thuyết là đúng.
Tại sao lại có nhiều vụ trộm xe ở khu vực có vấn đề hơn các khu vực lân cận?	Người dân đỗ xe trên đường, không giống như cư dân ở các khu vực khác.	Nếu khu vực có vấn đề có tỷ lệ đậu xe trên đường tương tự hoặc thấp hơn những khu vực khác thì bác bỏ giả thuyết. Nếu cao hơn thì chấp nhận.
Vì sao nạn trộm cắp ống đồng ở công trình mới tăng đột biến?	Một người chủ mới mua lại một đại lý bán phế liệu gần đó.	So sánh tình trạng trộm cắp đường ống trước và sau khi đổi chủ. Nếu tỷ lệ trộm cắp trước và sau là như nhau, hoặc xu hướng trộm cắp đã tăng lên trước khi có sự thay đổi thì giả thuyết này có thể sai. Nếu ngược lại, giả thuyết có vẻ hợp lý.

Bước 21: Thu thập dữ liệu của riêng bạn

Trong quá trình thực hiện công việc phân tích thông thường của mình, bạn có thể sử dụng chủ yếu dữ liệu về vụ bắt giữ và vụ tội phạm, nhưng đối với các dự án hướng đến vấn đề, bạn sẽ cần sử dụng một mảng dữ liệu rộng hơn nhiều. Ví dụ: dữ liệu cuộc gọi dịch vụ có thể giúp bạn xử lý tốt hơn số lượng buôn bán ma túy tại các địa điểm rắc rối so với dữ liệu bắt giữ. Và dữ liệu do thành phố và các doanh nghiệp lưu giữ có thể hữu ích trong việc phân tích các vấn đề phá hoại hoặc trộm cắp trong cửa hàng, cả hai vấn đề này đều chưa được báo cáo của cảnh sát đo lường đầy đủ. Nhưng đối với hầu hết các dự án hướng đến vấn đề, bạn sẽ thấy cần phải đi sâu vào hiện trường - sử dụng thuật ngữ nghiên cứu - và tự mình thu thập dữ liệu. Ví dụ, bạn và nhóm dự án của bạn có thể phải quan sát một cách có hệ thống các đặc điểm môi trường của các địa điểm tội phạm; bạn có thể phải khảo sát nạn nhân; và bạn có thể phải phỏng vấn những người phạm tội hoặc thuyết phục cảnh sát làm việc này cho bạn. Nhu cầu thu thập dữ liệu của riêng bạn có thể phát sinh ở bất kỳ giai đoạn nào trong bốn giai đoạn của SARA như các ví dụ sau đây cho thấy:

1. Ronald Clarke đã tham gia vào một dự án tập trung vào các vụ trộm liên quan đến xe cộ ở các bãi đậu xe ở trung tâm thành phố Charlotte, Bắc Carolina. Hóa ra thành phố không có bản đồ cập nhật hiển thị vị trí của từng bãi đậu xe vì các lô đất mới liên tục được mở trên địa điểm của các tòa nhà bị phá hủy và các tòa nhà mới đang được xây dựng trên địa điểm của các lô đất cũ. Do đó, các nhân viên cảnh sát làm việc trong dự án đã phải khảo sát toàn bộ khu vực trung tâm thành phố để kiểm kê đầy đủ các lô đất. Sau này trong dự án, các quan chức đã đếm các khoảng trống trong mỗi lô để có thể tính toán rủi ro trộm cắp trên mỗi chỗ đậu xe. Điều này cho phép các lô được xếp hạng về rủi ro trộm cắp, từ cao

nhất đến thấp nhất. Sau đó, để giải thích những biến đổi về rủi ro này, các quan chức đã thu thập thông tin chi tiết về an ninh của từng khu đất, bao gồm cả mức độ phù hợp của hệ thống chiếu sáng và hàng rào cũng như việc sử dụng người phục vụ hoặc lực lượng tuần tra an ninh.

2. Trong một dự án khác của Charlotte tập trung vào vấn đề trộm cắp tại các công trường xây dựng, hai sĩ quan cảnh sát làm việc trong dự án là Dan Cunius và Eric Rost thường xuyên kiểm tra từng ngôi nhà trong dự án để đảm bảo rằng những người xây dựng đang thực hiện các biện pháp phòng ngừa đã thống nhất. Vào thời điểm nghiên cứu hoàn thành, các quan chức đã hoàn thành tổng cộng 8.050 cuộc kiểm tra riêng biệt đối với từng ngôi nhà - một hoạt động thu thập dữ liệu thực sự không lồ được thực hiện trong mọi loại thời tiết.
3. Trong một báo cáo cho Trung tâm Kỹ thuật Quốc gia về Thực thi Pháp luật và Quản lý Giam giữ, Karin Schmerler, một nhà phân tích an toàn công cộng ở Chula Vista, California, đã thu thập một số ví dụ khác về thu thập dữ liệu sơ cấp trong các dự án được đệ trình cho Giải thưởng Goldstein về Sự xuất sắc trong hoạt động cảnh sát dựa trên các vấn đề giải quyết (POP), bao gồm những điều sau đây:
 - Đối với một dự án nhằm giảm các cuộc gọi phục vụ liên quan đến mại dâm ở Buffalo, New York, cảnh sát đã thực hiện 15 cuộc phỏng vấn sâu với gái mại dâm và 116 cuộc khảo sát về "Johns". Thông tin thu được được sử dụng để thu hút sự ủng hộ của cộng đồng nhằm tăng cường thực thi luật pháp đối với Johns cũng như tăng cường các lựa chọn điều trị ma túy và tòa án đối với gái mại dâm.
 - Trong quá trình thực hiện dự án Tuần tra cao tốc California nhằm giảm 35% số ca tử vong trên đoạn đường nông thôn chết người, một lực lượng đặc nhiệm gồm 30 thành viên đã dành 5 giờ đi xe buýt để kiểm tra 20 dặm đường. Một

khuyến nghị quan trọng được lực lượng đặc nhiệm đưa ra là áp dụng chính sách "bật đèn pha" 24 giờ.

- Trong một dự án nhằm giảm nạn bắt nạt học đường ở Nam Euclid, Ohio, cảnh sát đã tiến hành phỏng vấn nhóm tập trung với học sinh để xác định địa điểm và thời điểm các em cảm thấy không an toàn. Các học sinh xác định hành lang và việc chuyển lớp là những thời điểm và địa điểm có nguy cơ cao bị bắt nạt, điều này đã được cảnh sát xác nhận bằng cách xem xét hồ sơ các vụ việc ở trường. Dựa trên những phát hiện này, thời gian chuyển lớp được sắp xếp so le và giáo viên làm việc theo nhóm để tăng cường giám sát hành lang. Điều này giúp giảm 60% tình trạng bắt nạt ở hành lang.

Trong bài viết của mình, Karin Schmerler chỉ ra rằng ngay cả việc thu thập dữ liệu đặc biệt cũng có thể hữu ích - cô đưa ra ví dụ về việc truy cập nhanh vào máy ATM được nhắm mục tiêu thường xuyên để kiểm tra vị trí và ánh sáng. Trong các trường hợp khác, việc thu thập dữ liệu có thể cần đến sự trợ giúp của trường đại học địa phương trong việc thiết kế và tiến hành hoạt động.

Hãy cẩn thận trong việc thu thập dữ liệu của riêng bạn

Cảnh sát theo định hướng vấn đề đưa ra nhiều yêu cầu đối với bạn, nhưng nó không yêu cầu bạn phải đối mặt với nguy cơ bị cướp bóc hoặc hành hung.

Mặc dù bạn có thể phản đối việc thu thập dữ liệu của riêng mình vì những khó khăn và thời gian liên quan, nhưng đôi khi việc này rất cần thiết đối với một dự án có định hướng vấn đề và nó luôn mang lại lợi ích, như sau:

1. Tham gia vào lĩnh vực này có thể giúp bạn hiểu được vấn đề mà bạn sẽ không bao giờ hiểu được khi ngồi trước máy tính, cho dù bạn thao tác với lượng dữ liệu phong phú đến đâu.

2. Việc thiết kế một công cụ thu thập dữ liệu có thể buộc bạn phải suy nghĩ rất kỹ về bản chất của vấn đề, về loại phản hồi có thể hiệu quả và cách tốt nhất để đánh giá nỗ lực của bạn.
3. Việc thu hút các sĩ quan cảnh sát tham gia vào việc thu thập dữ liệu (và thiết kế bài tập) mang lại cơ hội quý giá để đào tạo họ về nhu cầu tiếp cận nghiêm ngặt, có hệ thống trong một dự án hướng đến vấn đề.
4. Việc thực hiện việc thu thập dữ liệu của riêng bạn mang lại cho bạn cơ hội trau dồi kỹ năng nghiên cứu và thực sự sáng tạo.

Lập bảng các thẻ tạm thời

Matt White và Charles Dean, làm việc tại Sở cảnh sát Charlotte-Mecklenburg, tin rằng nhiều người phạm tội đang sử dụng thẻ tạm thời giả trên xe của họ. Những thẻ này cho phép họ vận hành những phương tiện không bị đánh thuế, không có bảo hiểm trong nhiều tháng hoặc thậm chí nhiều năm và giúp họ sử dụng ô tô của mình để phạm tội khác một cách an toàn hơn. Để xây dựng cơ sở cho việc cải cách hệ thống thẻ tạm thời, White và Dean đã thực hiện một cuộc khảo sát không chính thức vào buổi tối đối với hai khu dân cư liền kề có quy mô giống nhau ở Charlotte - một khu có tỷ lệ tội phạm cao và khu còn lại có tỷ lệ tội phạm thấp. Khu vực tội phạm cao (Belmont ở bên trái trên bản đồ) có số vụ phạm tội bạo lực được báo cáo cao gấp 6,4 lần trong 12 tháng trước cuộc khảo sát và số vụ bắt giữ thường dân cao gấp 5,6 lần so với khu vực tội phạm thấp (Plaza-Millwood). Đúng như dự đoán, họ phát hiện 12 chiếc ô tô (các chấm đen trên bản đồ) có gắn thẻ tạm thời ở Belmont và không có chiếc nào ở Plaza Millwood. Điều này xảy ra bất chấp việc đỗ xe trên đường giống nhau ở cả hai khu vực

lân cận và tỷ lệ ô tô ở Belmont lùi vào đường lái xe cao hơn để giấu thẻ của họ khỏi những người tuần tra đi qua.



Nguồn: White, Matt và Charles Dean (2004). "Lạm dụng thẻ giấy phép tạm thời ở Bắc Carolina". *Hiểu và Ngăn chặn Trộm Xe, Nghiên cứu Phòng chống Tội phạm*, Tập 17, do Michael Maxfield và Ronald Clarke biên tập, Monsey, NY: Nhà xuất bản Tư pháp Hình sự.

Đọc thêm

- Schmerler, Karin và Mary Velasco (2002). "Thu thập dữ liệu chính: Sự cần thiết để giải quyết vấn đề". Chủ đề lập bản đồ tội phạm nâng cao. Denver, CO: Trung tâm Kỹ thuật Quốc gia về Thực thi Pháp luật và Quản lý Giám giữ, Đại học Denver.

Bước 22: Kiểm tra phân phối dữ liệu của bạn

Sau khi thu thập dữ liệu, bạn cần biết nó đang nói gì với bạn. Giả sử bạn đã thu thập các vụ hành hung tài xế taxi. Các vụ tấn công có tập trung vào một số rất ít tài xế không? Các cuộc tấn công tập trung vào một số ngày trong tuần hay thời gian trong ngày?

Để trả lời những câu hỏi này, bạn cần xem xét sự phân bố dữ liệu. Hình dưới đây hiển thị sự phân bố các vụ giết người trên 53 khu vực lân cận của Cincinnati trong khoảng thời gian 36 tháng. Trục ngang hiển thị số vụ giết người trong một khu vực lân cận. Trục tung cho biết có bao nhiêu khu dân cư có mỗi con số này (vì vậy trong cột đầu tiên, 13 khu dân cư không có vụ giết người nào). Hầu hết các khu dân cư đều có ít vụ giết người nhưng có một cái đuôi dài kéo dài về bên phải, nơi một số khu dân cư có nhiều vụ giết người.

Thường thì bạn cần tóm tắt một bản phân phối. Có hai cách mô tả cơ bản về phân phối: trường hợp điển hình hoặc trung bình và sự biến đổi hoặc độ lan rộng của các trường hợp.

Trường hợp trung bình. Giá trị trung bình có thể được tính theo ba cách:

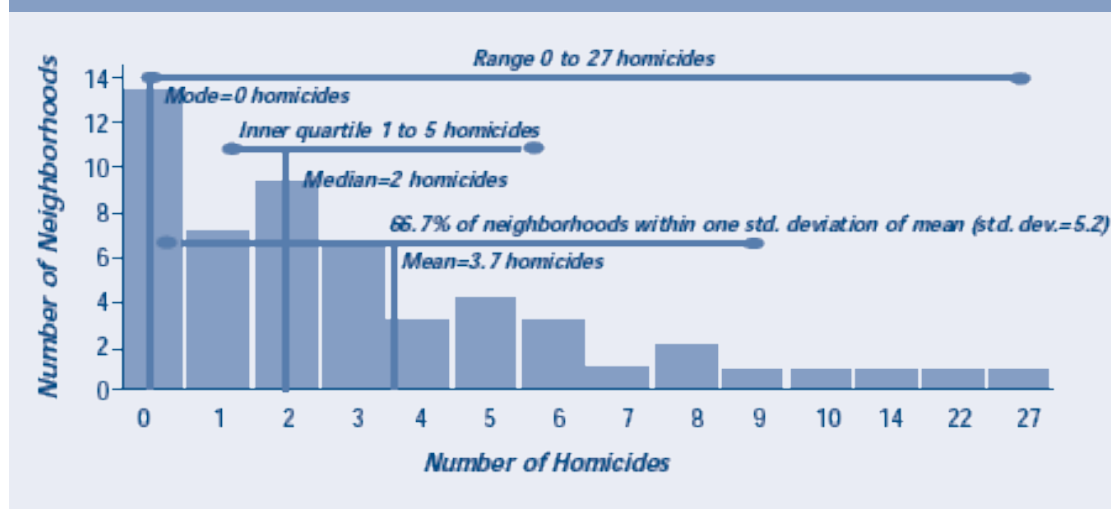
- Giá trị trung bình. Đây là thước đo trung bình phổ biến nhất. Số vụ giết người trung bình ở khu vực Cincinnati là 3,7 vụ giết người trên mỗi khu vực - được tính bằng cách chia 198 vụ giết người cho 53 khu vực lân cận.
- Số trung vị. Đây là giá trị chia các trường hợp thành hai nhóm bằng nhau. Một nửa khu dân cư ở Cincinnati có hai vụ giết người trở lên và một nửa có hai vụ giết người trở xuống.

- Số có tần suất xuất hiện. Đây là giá trị được sở hữu bởi số lượng lớn nhất các trường hợp. Trong ví dụ này, số có tần suất xuất hiện nhiều nhất là các vụ giết người bởi vì nhóm khu dân cư lớn nhất không có vụ giết người.

Sự phổ biến của các trường hợp. Có ba phương pháp phổ biến để đo mức độ lan toả, bao gồm:

- Phạm vi. Đây là thước đo lây lan cơ bản nhất. Đây là giá trị thấp nhất và cao nhất. Trong ví dụ của chúng tôi, phạm vi là từ 0 đến 27 vụ giết người.
- Độ trải giữa xem xét giới hạn dưới và giới hạn trên của 50% trường hợp ở giữa. Trong ví dụ ở Cincinnati, độ trải giữa là từ một đến năm vụ giết người. Một nửa số khu dân cư rơi vào khung này. 25% khu dân cư khác có một hoặc không có vụ giết người và 25% cuối cùng có từ 5 vụ giết người trở lên. Để tìm độ trải giữa, hãy xếp hạng các trường hợp và chia chúng thành bốn nhóm bằng nhau. Hai nhóm ở giữa là các đô trải giữa. Độ trải giữa là giá trị thấp nhất và cao nhất của hai nhóm ở giữa này.
- Độ lệch chuẩn. Thước đo mức chênh lệch này cho thấy sự khác biệt trung bình so với giá trị trung bình của phân phối. Độ lệch chuẩn càng nhỏ thì mức chênh lệch trung bình xung quanh giá trị trung bình càng nhỏ. Công thức này khá tế nhị nhưng bất kỳ gói phần mềm bảng tính hoặc thống kê nào cũng có thể tính toán được. Hai phần ba các trường hợp nằm trong khoảng một độ lệch chuẩn ở cả hai phía của giá trị trung bình. Trong ví dụ ở Cincinnati, độ lệch chuẩn giữa các vụ giết người là 5,2.

TẦN SUẤT PHÂN BỐ CÁC VỤ GIẾT NGƯỜI TẠI KHU VỰC CINCINNATI



Chú thích:

- Number of neighborhoods: Số dân cư;
- Number of homicides: Số vụ giết người;
- Range: Khoảng;
- Inter quartile range: Độ trải giữa
- Mode: Số có tần suất xuất hiện;
- Median: Trung vị;
- Mean: Giá trị trung bình;
- Of neighborhoods within one std.deviation of mean: Tỷ lệ cư dân trong so sánh với tỷ lệ của các vụ giết người.

Những thước đo về tính điển hình và mức độ lan truyền nào là tốt nhất phụ thuộc vào hai đặc điểm của dữ liệu. Đầu tiên là tính đối xứng của sự phân bố. Trong phân bố đối xứng, hình dạng ở một bên của giá trị trung bình được phản chiếu ở phía bên kia. Giá trị trung bình bằng trung vị trong phân bố đối xứng. Nếu giá trị có nhiều trường hợp nhất nằm ở giữa thì chế độ sẽ giống như hai thước đo trung bình còn lại. Nhưng số có tần suất xuất hiện (mode) không nhất thiết phải bằng số trung vị hoặc số

trung bình. Sự phân bố có thể có hai chế độ, một chế độ ở mỗi bên của đường trung vị. Nếu phân bố gần như đối xứng thì giá trị trung bình và độ lệch chuẩn có thể phù hợp.

Nếu phân phối không đối xứng thì không nên sử dụng giá trị trung bình và độ lệch chuẩn. Sử dụng trung vị hoặc chế độ và tứ phân vị bên trong hoặc toàn dải. Trong phân tích vấn đề, sự bất cân xứng là rất phổ biến.

Đặc tính thứ hai được sử dụng để lựa chọn các thước đo về tính điển hình và độ trải rộng là thang đo được sử dụng cho dữ liệu. Có ba loại cân phổ biến:

- Thang đo danh nghĩa chỉ cần áp dụng nhãn. Giới tính (nam=1, nữ=2) được đo bằng thang danh nghĩa vì các con số chỉ thay thế cho nhãn từ và các danh mục có thể được gắn nhãn lại, nam=2, nữ=1 mà không gây ra vấn đề gì. Nếu dữ liệu của bạn là danh nghĩa thì chỉ có một chế độ là phù hợp.
- Thang đo thứ tự xếp hạng các trường hợp cũng như gắn nhãn cho chúng. Một danh sách các khu vực lân cận được sắp xếp theo thứ tự, từ vụ giết người nhiều nhất đến ít vụ giết người nhất tạo ra thang đo thứ tự (thứ nhất, thứ hai, thứ ba, đến thứ năm mươi ba). Bạn không thể cộng và trừ, nhân và chia dữ liệu thứ tự. Bạn chỉ có thể xác định xem một trường hợp có thứ hạng lớn hơn, thấp hơn hay bằng với trường hợp khác. Nếu dữ liệu là thứ tự thì không thể sử dụng giá trị trung bình cũng như độ lệch chuẩn. Sử dụng phạm vi tứ phân vị trung vị và bên trong.
- Thang tỷ lệ cho phép bạn cộng, trừ, nhân và chia vì chênh lệch giữa mỗi giá trị bằng nhau và có số 0 có ý nghĩa. Số vụ giết người trong một khu phố được đo bằng thang tỷ lệ: sự khác biệt giữa 0 vụ giết người và 1 vụ giết người giống như sự khác biệt giữa 26 vụ giết người và 27 vụ giết người, và 0 vụ giết người có ý

nghĩa. Bạn có thể sử dụng giá trị trung bình và độ lệch chuẩn với loại dữ liệu này.

LOẠI DỮ LIỆU, CÔNG DỤNG VÀ GIỚI HẠN CỦA CHÚNG

Định danh	Số thứ tự	Tỉ lệ	
Sự miêu tả	Danh mục tên	Xếp hạng & tên danh mục	Có khoảng cách bằng nhau giữa các số và số 0 có ý nghĩa.
Ví dụ	0= không phải nạn nhân 1= nạn nhân là số có giá trị 0= nạn nhân 1= không phải nạn nhân	0= không phạm tội 1= một tội phạm 2= nhiều tội phạm	Số tội: 0, 1, 2,... (0= không phạm tội)
Thang đo ở bên phải có tất cả các thuộc tính của thang đo ở bên trái, cộng với các thuộc tính riêng của chúng (ví dụ: bất kỳ điều gì bạn có thể làm với dữ liệu danh nghĩa và thứ tự, bạn có thể làm với dữ liệu tỷ lệ, v.v.).			
Toán cho phép	Giống hoặc không giống	Lớn hơn, nhỏ hơn hoặc bằng	Cộng, trừ, nhân và chia
Trung bình cho phép	Cách thức	Trung bình & Chế độ	Giá trị trung bình, trung vị và chế độ
Mức chênh lệch cho phép	Phạm vi	Phạm vi & phạm vi tứ phân vị bên trong	Độ lệch chuẩn và khác
Bình luận	Được sử dụng khi xử lý các danh mục (ví dụ: giới	Sử dụng khi có thứ hạng hoặc thứ tự tự nhiên cho các danh mục (ví dụ: cấp bậc	Sử dụng cho phần trăm, số lượng và

	tính) và nhóm (ví dụ: chuỗi cửa hàng, không phải chuỗi cửa hàng).	cảnh sát) nhưng sự khác biệt giữa các cấp bậc không phải lúc nào cũng giống nhau hoặc không rõ ràng.	một loạt các thước đo khác.
--	---	--	-----------------------------

Đọc thêm

- [Sách giáo khoa trực tuyến](#)

[HyperStat http://davidmlane.com/hyperstat/index.html](http://davidmlane.com/hyperstat/index.html)

Bước 23: Chẩn đoán điểm nóng của bạn

Khi lập bản đồ tội phạm, việc phân biệt giữa các điểm nóng cấp tính và *mãn tính* sẽ rất hữu ích (Bước 17). Các điểm nóng cấp tính cho thấy tội phạm tăng đột biến, có thể giảm một cách tự nhiên, trong khi các điểm nóng mãn tính có mức độ tội phạm liên tục cao hơn các khu vực khác và khó có khả năng giảm trừ khi có biện pháp nào đó được thực hiện. Có ba dạng điểm nóng mãn tính cơ bản, mỗi dạng đều liên quan đến các lý thuyết và loại phản ứng cụ thể.

- Điểm nóng là những địa điểm có mức độ tội phạm cao. Những hành vi này cho thấy tội phạm tập trung tại các cơ sở hoặc địa chỉ của nạn nhân tái phạm (xem Bước 28 và 29). Nhiều sự kiện tội phạm tại các địa điểm được biểu thị bằng dấu chấm.
- Đoạn đường nóng là những khu vực đường tập trung tội phạm. Ví dụ, những điều này có thể xảy ra nếu các phương tiện đậu dọc theo những con phố cụ thể có tỷ lệ đột nhập cao. Nhiều tội phạm dọc theo các đoạn đường được hiển thị bằng các đường kẻ.
- Khu vực nóng là khu vực tập trung tội phạm. Các khu vực nóng phát sinh vì nhiều lý do khác nhau. Đặc điểm khu vực có thể làm phát sinh tội phạm. Hoặc một khu vực nóng có thể chứa đựng nhiều vấn đề riêng biệt và rời rạc. Trên bản đồ, các khu vực nóng được hiển thị dưới dạng khu vực bóng mờ, đường đồng mức hoặc độ dốc mô tả mức độ tội phạm. Loại hình điểm nóng của Jerry Ratcliffe (xem minh họa) phân biệt giữa hai loại điểm nóng khu vực:
 - những sự kiện có mô hình sự kiện được nhóm chặt chẽ và

- o những nơi có sự phân bố tương đối đồng đều trên khu vực điểm nóng.

Hình vẽ mô tả ba dạng điểm nóng này. Các địa điểm giải trí rắc rối được hiển thị dưới dạng dấu chấm vì các vụ tấn công đều nằm ở địa chỉ. Tuy nhiên, các vụ đột nhập của xe xảy ra dọc theo các đoạn đường liên tục nên sự tập trung này được thể hiện dưới dạng hai đường giao nhau. Cuối cùng, các đường nét chia độ cho điểm nóng dân cư cho thấy nguy cơ đột nhập là cao nhất ở một khu vực nhỏ nhưng giảm dần khi khu vực đó đi ra xa trung tâm. Các dấu chấm trong vùng chia độ này mô tả các địa điểm trộm cắp lặp lại.

Làm rõ bản chất điểm nóng của bạn sẽ mang lại những gợi ý giải quyết:

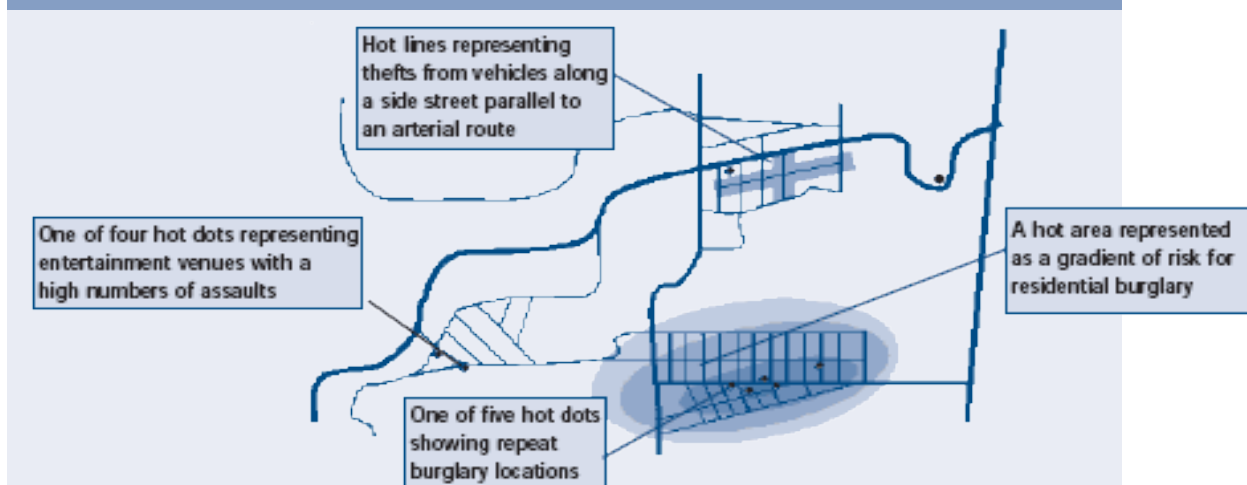
- Các điểm nóng đề xuất thay đổi môi trường vật lý của những địa điểm cụ thể hoặc thay đổi cách quản lý chúng. Họ cũng đề nghị can thiệp với những nạn nhân có nguy cơ cao.
- Đường dây nóng đề xuất thay đổi đường phố, lối đi và các tuyến đường khác hoặc môi trường dọc theo chúng.
- Các khu vực nóng đề xuất quan hệ đối tác quy mô lớn để thay đổi khu vực lân cận.

Bảng này cho thấy mức độ tập trung tội phạm có liên quan như thế nào đến cách nó được lập bản đồ và nơi tập trung ứng phó.

Tập trung, bản đồ và hành động			
Sự tập trung	Các điểm nóng được	Cấp độ hành động	Ví dụ hành động
	hiển thị như sau:		

Địa điểm - tại các địa chỉ, góc hoặc cơ sở cụ thể	Dấu chấm	Cơ sở, góc, địa chỉ	Truyền hình mạch kín trong nhà để xe, thay đổi cách phục vụ rượu trong quán bar.
Nạn nhân	Dấu chấm	Địa chỉ của nạn nhân	Giúp nạn nhân ngăn chặn tội phạm tiếp theo thông qua việc tăng cường mục tiêu.
Đường phố - dọc theo đường phố hoặc mặt phố	Dòng	Dọc theo các con đường, đường phố và đường cao tốc	Tạo ra ngõ cụt, thay đổi mô hình giao thông, thay đổi quy định đỗ xe.
Khu vực - vùng lân cận	Vùng bóng mờ	Các vùng lân cận, khu vực và các khu vực khác	Quan hệ đối tác cộng đồng, tái phát triển khu phố.

Các loại điểm phát sáng



Chú thích:

Hot lines representing thefts from vehicles along a side street parallel to an arterial route: Các đường nóng xuất hiện các vụ trộm phương tiện giao thông tại một con phố song song với một trục đường chính

One of four hot dots representing entertainment venues with a high numbers of assaults: Một trong bốn điểm nóng thường xảy ra ở khu vực giải trí với số lượng lớn các vụ tấn công.

One of five hot dots showing repeat burglary location: Một trong năm điểm chấm cho thấy vị trí các vụ tái trộm cắp tài sản

A hot area represented as a gradient of risk for residential burglary: Một khu vực nóng được ghi nhận mức độ tiềm ẩn các vụ trộm cắp tài sản khu dân cư

Loại hình điểm nóng của Ratcliffe

Jerry Ratcliffe phân biệt ba loại điểm nóng. Anh ta bắt đầu với một vùng điểm nóng và sau đó kiểm tra mô hình điểm. Nếu tất cả các sự kiện xảy ra ở cùng một địa điểm thì điểm nóng là "điểm nóng". Điểm nóng mô tả hiện tượng tương tự như điểm nóng. Nếu các sự kiện được nhóm lại chặt chẽ trong khu vực tổng thể thì Ratcliffe gọi đây là điểm nóng "theo cụm". Cuối cùng, nếu các sự kiện xảy ra tương đối đồng đều trên khu vực điểm nóng, ông gọi điểm nóng là "phân tán". Các điểm nóng tập trung và phân tán là các tiểu thể loại trong danh mục "khu vực nóng" của chúng tôi. Cách tiếp cận của Ratcliffe thu hút sự chú ý đến mức độ tập trung của các sự kiện và yêu cầu nhà phân tích xác định chu vi của khu vực điểm nóng trước khi phân loại điểm nóng.

Nguồn: Ratcliffe, Jerry (2004). "Ma trận điểm nóng: Một bộ khung nhắm đến các mốc theo thời gian để giảm tội phạm." Tạp chí Nghiên cứu và Thực hành Cảnh sát, số 5, trang 5-23.

Việc phân tích các điểm nóng nên bắt đầu từ các địa điểm, sau đó di chuyển đến các đường phố và cuối cùng là các khu vực. Ví dụ, hãy xem xét vấn đề ô tô bị cháy. Chúng có được tìm thấy nhiều lần tại các địa chỉ cụ thể không? Nếu có, bạn nên hỏi tại sao những địa điểm này được chọn thay vì các địa điểm lân cận khác. Nếu không, bạn

nên chuyển sang kiểm tra đường phố. Nếu bạn nhận thấy sự tập trung ở mức độ đường phố, bạn nên so sánh các đường phố để tìm hiểu lý do tại sao một số đường phố thu hút ô tô bị cháy còn số khác thì không. Nếu có ít sự tập trung ở cấp độ đường phố (tức là tội phạm phân bố tương đối đồng đều trên nhiều đường phố), thì bạn nên xem xét sự tập trung của cộng đồng và so sánh các khu vực lân cận có mật độ cao và thấp. Cách tiếp cận này đảm bảo một phản ứng tập trung cao độ.

Trong hình, các điểm nóng về trộm nóng biểu thị nạn nhân lặp lại trong tổng thể của khu vực lân cận. Chỉ riêng một điểm nóng trong khu vực sẽ không tiết lộ điều này. Trước khi tiếp tục, bạn nên xác định xem liệu điểm nóng trong khu vực có phải phần lớn là do có ít điểm trộm lặp lại hay không. Bạn có thể làm điều này bằng cách xử lý từng địa điểm tội phạm như một sự kiện duy nhất, sau đó xem xét khu vực. Nếu nó không còn nóng nữa thì vấn đề là do một số ít nóng. Nếu khu vực này vẫn còn nóng, thì những dấu vết trộm lặp lại này là những mảnh vỡ của khu vực tập trung các vụ trộm.

Phân tích điểm nóng có thể là một công cụ có giá trị ngay từ đầu trong quá trình giải quyết vấn đề, nhưng sau khi phát hiện ra điểm nóng, bạn cần hỏi tại sao một số điểm nóng còn những điểm khác thì không. Việc dừng phân tích sau khi phát hiện ra các điểm nóng có thể dẫn đến việc phân tích hời hợt và thực hiện các phản ứng không hiệu quả. Nếu không có thành phần địa lý cho vấn đề, việc lập bản đồ điểm nóng sẽ có rất ít tiện ích và bạn phải sử dụng các phương pháp phân tích khác.

Đọc thêm

Eck, John, Spencer Chainey và John Cameron (2005). Lập bản đồ tội phạm: *Tìm hiểu các điểm nóng*. Washington, DC: Bộ Tư pháp Hoa Kỳ, Viện Tư pháp Quốc gia.

Bước 24: Biết khi nào nên sử dụng bản đồ với độ nét cao

Phần mềm thông thường ít được sử dụng khi lập bản đồ tội phạm ở khu vực trung tâm thành phố, khuôn viên trường đại học, dự án nhà ở công cộng hoặc bất kỳ địa điểm nào có nhiều tòa nhà lớn. Điều này là do hầu hết các tòa nhà, dù lớn đến đâu, chỉ có một địa chỉ đường phố và tội phạm xảy ra ở bất kỳ đâu trong tòa nhà đều được gán cho địa chỉ đó. Do đó, việc lập bản đồ có thể gợi ý rằng một tòa nhà hoặc cơ sở cụ thể có vấn đề về tội phạm, nhưng điều này chỉ có thể là do nó quá lớn. Khi tính đến nhiều người làm việc trong tòa nhà hoặc sử dụng cơ sở, nó có thể được chứng minh là tương đối an toàn. Ví dụ, George Rengert đã chỉ ra rằng một gara đỗ xe ở trung tâm Philadelphia được xác định là điểm nóng tội phạm ô tô thực sự có tỷ lệ tội phạm ô tô thấp hơn các đường phố xung quanh, sau khi tính đến số lượng lớn ô tô có thể đậu trong cơ sở đó.

Trên thực tế, nhiều tòa nhà lớn không an toàn. Trong bài phê bình gay gắt về nhà ở công cộng của Hoa Kỳ những năm 1960, Oscar Newman đã chỉ ra rằng tòa tháp càng cao thì tỷ lệ tội phạm trên 100 cư dân càng cao. Ông lập luận rằng những khối nhà rất lớn sẽ dẫn đến tội phạm vì cư dân không biết hàng xóm của họ cũng như thiết kế và cách bố trí của các tòa nhà khiến họ gặp khó khăn trong việc thực hiện bất kỳ hoạt động giám sát nào đối với các không gian công cộng, bao gồm hành lang, thang máy và khu vui chơi. Ý tưởng của ông kể từ đó đã được phát triển thành một bộ nguyên tắc - Phòng chống tội phạm thông qua thiết kế các yếu tố môi trường (CPTED) - để thiết kế và bố trí các tòa nhà và không gian công cộng an toàn.

Để hiểu lý do tại sao một tòa nhà cụ thể không an toàn, tội phạm cần được chia thành các loại cụ thể và vị trí của chúng trong tòa nhà cần được lập biểu đồ. Đây là nơi phát huy tác dụng của bản đồ độ phân giải cao hoặc 3-D. Thật không may, việc lập bản đồ độ nét cao rất khó khăn và tốn thời gian. Nó gặp phải hai vấn đề chính:

1. Hồ sơ tội phạm của cảnh sát hiếm khi cung cấp vị trí chính xác của các sự cố trong tòa nhà, mặc dù người quản lý tòa nhà hoặc bộ phận an ninh đôi khi có thể cung cấp thông tin này. Khi không thể, các thủ tục ghi lại tội phạm đặc biệt có thể phải được thiết lập trong một khoảng thời gian để có được thông tin này (*Bước 21*).
2. Đối với các tòa nhà mới, có thể có được các sơ đồ ở định dạng số hóa, điều này có thể giúp việc lập bản đồ trở nên dễ dàng hơn. Nhưng khi tòa nhà đã cũ, có thể khó có được các bản vẽ cập nhật nên bạn có thể phải vẽ.

Trong nhiều trường hợp, những vấn đề này đơn giản sẽ loại trừ khả năng lập bản đồ có độ phân giải cao, nhưng chúng có thể khắc phục được, như George Rengert và các đồng nghiệp của ông đã chỉ ra trong nghiên cứu về tội phạm tại khuôn viên Đại học Temple ở Philadelphia. Họ đã phát triển một hệ thống GIS có độ phân giải cao bằng cách kết hợp phần mềm lập bản đồ với các bản vẽ AutoCAD của khuôn viên trường. Các đặc điểm như ống nước và hệ thống dây điện đã bị loại bỏ và bản đồ được thay đổi để đường phố được thể hiện dưới dạng đường (với các đường ở hai bên tượng trưng cho vỉa hè), trong khi đa giác được sử dụng để thể hiện dấu chân của các tòa nhà và hình dạng của các sân thể thao và Bãi đỗ xe. Cây bụi, hàng rào, ánh sáng và các đặc điểm vật lý khác cũng được thể hiện trên bản đồ. Những tội ác được cảnh sát trong khuôn viên trường ghi lại sau đó sẽ được vạch ra chính xác nơi chúng xảy ra, cho phép chúng liên quan đến các đặc điểm môi trường như ánh sáng kém hoặc góc mù cho phép kẻ tấn công nằm chờ.

Tội phạm được lập bản đồ cho các tầng của mỗi tòa nhà và hình ảnh về sự sắp xếp theo chiều ngang của tội phạm trong tòa nhà được chiếu lên dấu chân tầng trệt của nó. Hình 1 thể hiện kết quả của một trong các tòa nhà -Gladfelter Hall. Tội phạm phân

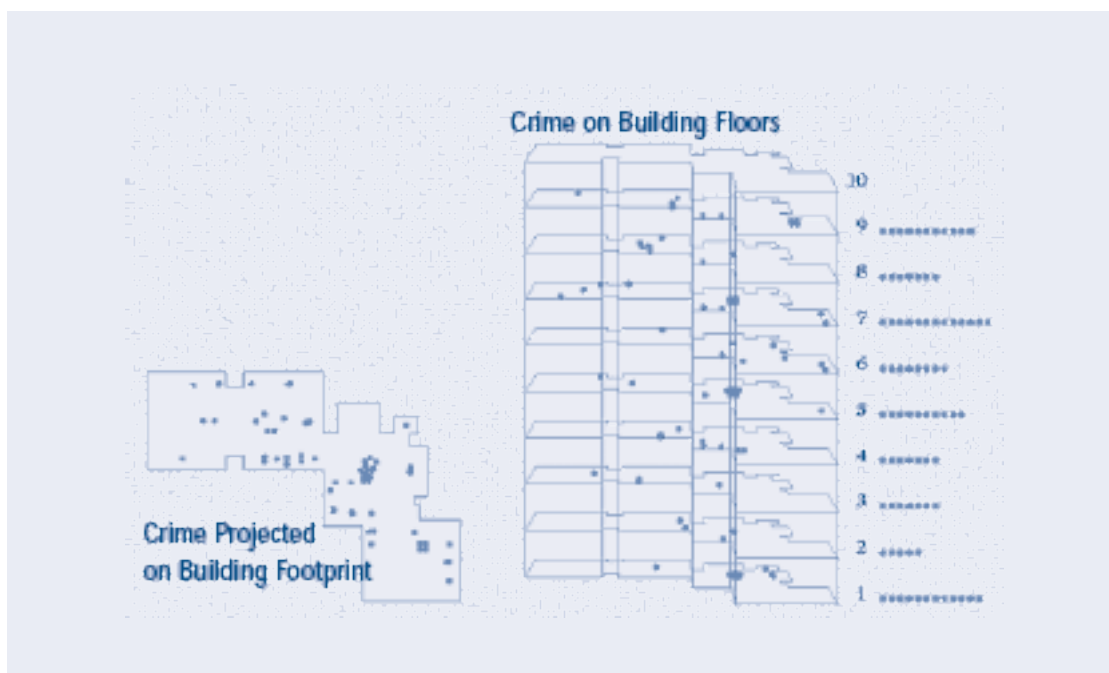
bỏ ở tất cả các tầng, ngoại trừ tầng 10. Bản đồ cũng thể hiện rõ ràng cụm tội phạm phổ biến ở hầu hết các tầng, khu vực gần bờ nhất với 4 thang máy gần trung tâm tòa nhà. Đây là nơi đặt bể cá văn phòng của mỗi khoa học thuật dành cho thư ký và nhân viên lễ tân - bể cá vì chúng được bao quanh bởi cửa sổ kính, cho phép kẻ trộm nhìn vào xem có ai ở đó không và có thứ gì đáng lấy không. Bộ Tư pháp Hình sự - cơ quan riêng của Rengert - hiện đã lắp đặt rèm, có thể hạ xuống vào buổi tối để ngăn người dân nhìn vào bể cá.

Phần mềm thương mại hiện đã có sẵn để tạo ra các mô hình thành phố có hình ảnh thực tế và sự phát triển công nghệ, chẳng hạn như tạo ảnh laser 3-D, sẽ đơn giản hóa việc tạo ra các bản đồ máy tính giống như của Gladfelter Hall. Trong khi đó, khi số lượng vụ việc ít, những bản vẽ rõ ràng với vị trí của tội phạm được chỉ định rõ ràng đôi khi cũng có tác dụng tốt. Hình 2 là sơ đồ khu nhà ở công cộng Lisson Green ở London, do Barry Poyner vẽ, cho thấy các địa điểm xảy ra vụ cướp và giết ví trên lối đi nối các tòa nhà trong hai khoảng thời gian 6 tháng: *trước khi* thực hiện bất kỳ thay đổi phòng ngừa nào và *sau* bốn tháng, trong số các khu nhà được gắn điện thoại nhập cảnh. Trên thực tế, điện thoại vào đã đóng quyền truy cập vào hệ thống lối đi từ lối vào đường chính. Trong trường hợp này, việc lập bản đồ có độ phân giải cao đã hỗ trợ việc đánh giá hành động phòng ngừa. Nhưng Hình 2 cũng giúp chẩn đoán vấn đề vì nó cho thấy các vụ cướp và giết ví có xu hướng xảy ra ở những phần của hệ thống lối đi thiếu sự giám sát từ các tòa nhà lân cận hoặc mặt đất.

Hình 1: Bản đồ 3-D của Gladfelter Hall, Khuôn viên Đại học Temple

Hệ thống thông tin địa lý có độ nét cao





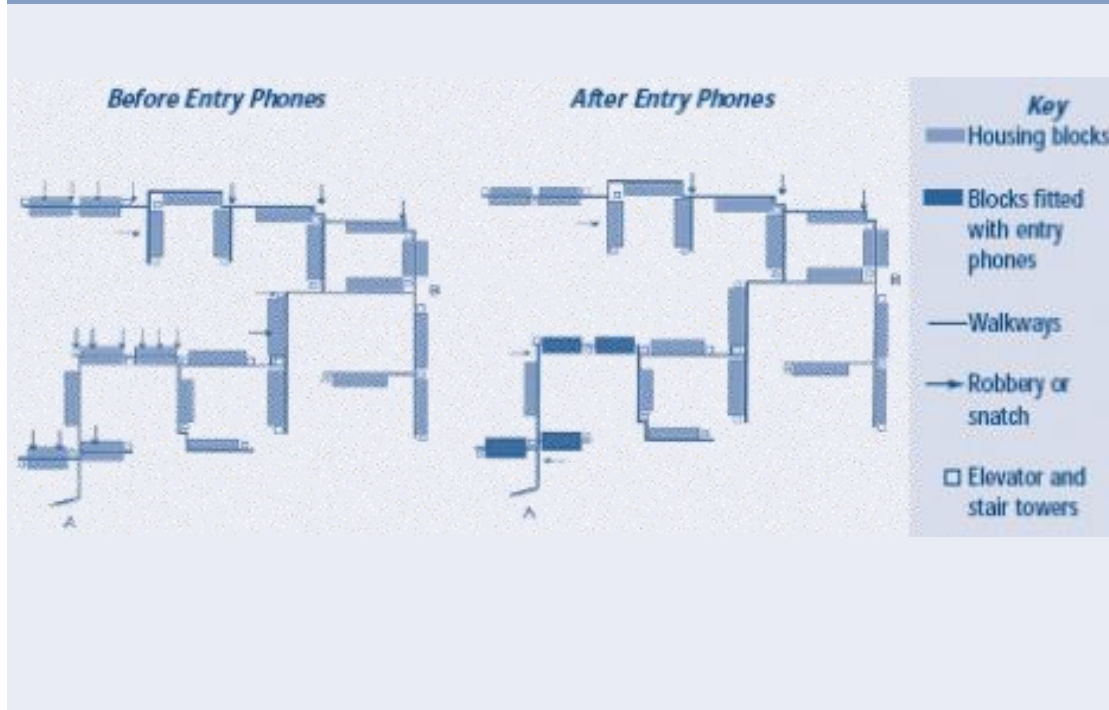
Chú thích:

Crime on buidling floors: Vụ tội phạm tại các tầng nhà chung cư;

Crime projected on building footprint: Dấu vết tội phạm ở các toà nhà chung cư

Hình 2: Vị trí xảy ra các vụ cướp và cướp giật trên hệ thống lối đi ở

Lisson Green Estate



Chú thích:

Before entry phones: Trước khi có điện báo;

After entry phones: Sau khi có điện báo;

Housing blocks: các toà nhà;

Blocks fitted with entry phones: các toà nhà gắn điện thoại nhập cảnh;

Walkways: Các lối đi;

Robbery or snatch: Vụ cướp hoặc giật ví;

Elevator and stair towers: lối đi cầu thang máy và cầu thang bộ.

Đọc thêm

- Crowe, Tim (1991). Phòng chống tội phạm thông qua thiết kế môi trường. Ứng dụng của các khái niệm thiết kế kiến trúc và quản lý không gian. Boston: Butterworth-Heinemann.
- Rengert, George, Mark Mattson và Kristin Henderson (2001). An ninh trường học. Phòng chống tội phạm theo tình huống trong môi trường mật độ cao. Monsey, NY: Nhà xuất bản Tư pháp Hình sự.

Bước 25: Chú ý đến những biến đổi hàng ngày và hàng tuần

Chu kỳ hoạt động có ảnh hưởng to lớn đến các vấn đề. Ví dụ, sự lên xuống của các phương tiện do biên độ đi lại và mua sắm làm thay đổi số lượng mục tiêu và người bảo vệ trong các cơ sở đỗ xe. Điều này lại ảnh hưởng đến thời điểm xảy ra trộm cắp và đột nhập xe thường xuyên nhất. Các vụ cướp của những người say rượu có thể xảy ra nhiều hơn vào khoảng thời gian đóng cửa quán bar vào thứ Sáu và thứ Bảy, vì số lượng mục tiêu cao hơn. Trong ví dụ này, có hai nhịp điệu quan trọng tập trung vào các hoạt động có vấn đề. Đầu tiên là chu kỳ ngày làm việc/cuối tuần khiến tối thứ Sáu và thứ Bảy trở nên phổ biến để giải trí và thư giãn. Thứ hai liên quan đến chu kỳ mở và đóng các quán bar hàng ngày. Trong bước này, chúng ta sẽ thảo luận về những biến động ngắn hạn xảy ra theo giờ và ngày. Ở Bước 26, chúng ta sẽ xem xét các khoảng thời gian dài hơn bao gồm tháng và năm.

Các cơ sở khác nhau có chu kỳ hoạt động khác nhau có thể góp phần gây ra các vấn đề liên quan. Nhịp điệu ở trường tương tự nhau mặc dù khác với nhịp điệu công việc. Các điểm dừng xe buýt bị ảnh hưởng bởi nhịp độ đi lại và mua sắm cũng như tần suất xe buýt đến và đi thường xuyên hơn.

Lập biểu đồ nhịp độ của các sự kiện tội phạm hoặc các địa điểm gây rối trật tự công cộng giúp xác định các chu kỳ hoạt động quan trọng có thể góp phần gây ra vấn đề. Như minh họa trong hình bên dưới, hãy tính giá trị trung bình của số sự kiện xảy ra trong mỗi giờ (hoặc khoảng thời gian khác) trong nhiều ngày (ma trận dữ liệu ở trên cùng), sau đó vẽ biểu đồ kết quả (Biểu đồ A). Biểu đồ B hiển thị tỷ lệ phần trăm các sự kiện trong tuần xảy ra mỗi ngày. Bởi vì một số ngày thường có nhịp điệu rất khác so với những ngày khác, Rachel Boba khuyên bạn nên lập biểu đồ ngày và giờ cùng nhau (Biểu đồ C). Kết quả cho thấy khoảng thời gian nóng trong suốt cả tuần. Những biểu

đồ như vậy rất dễ tạo ra; cả ba biểu đồ này đều được tạo trên bảng tính, sử dụng các quy trình vẽ đồ thị tiêu chuẩn.

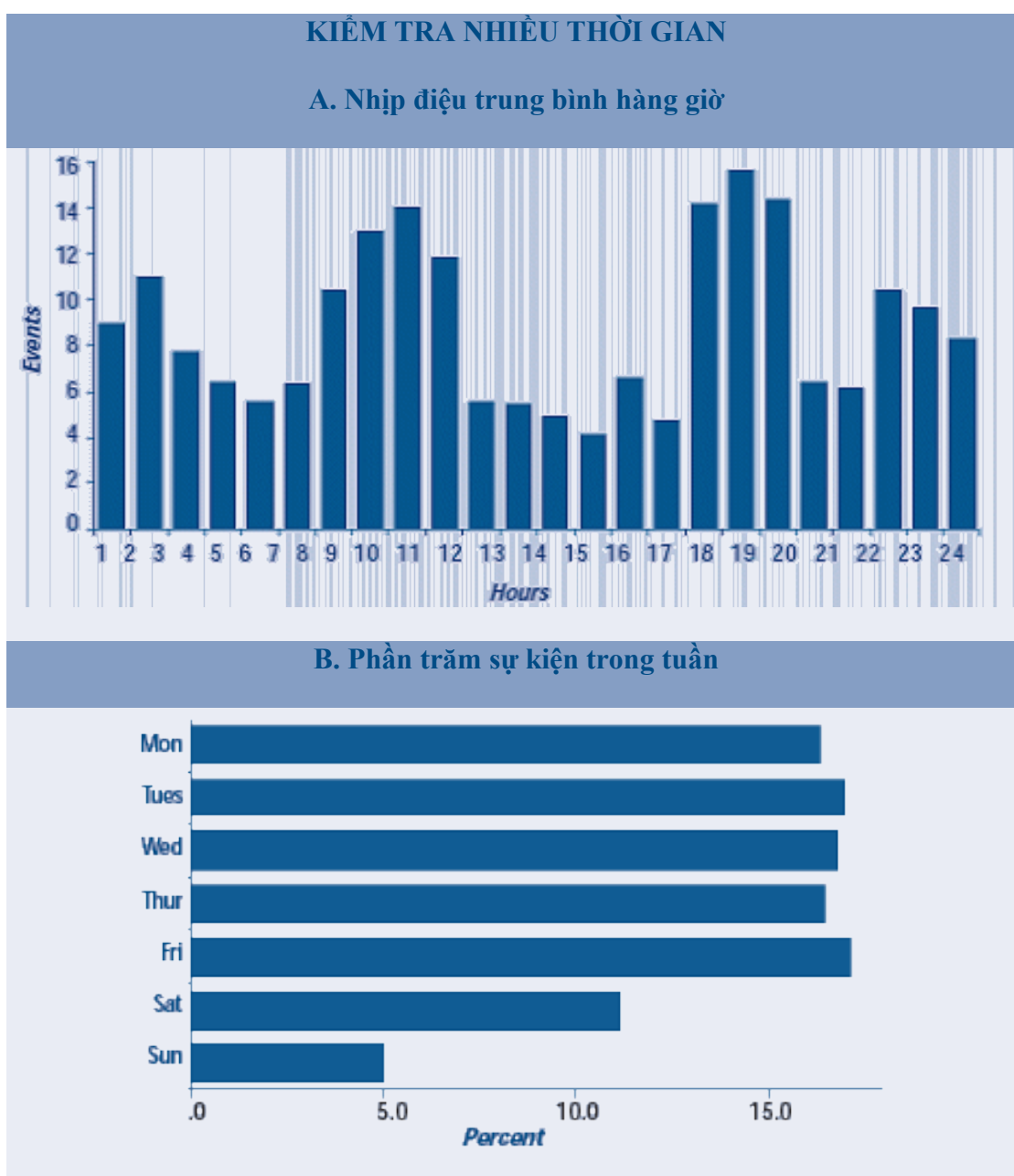
Phân tích theo thời gian là dễ dàng nhất khi các sự cố xảy ra thường xuyên. Vì vậy, phân tích thời gian sẽ hữu ích hơn đối với các sự kiện nhỏ thông thường, như khiếu nại về tiếng ồn và tai nạn giao thông nhỏ, hơn là đối với các sự kiện nghiêm trọng không phổ biến, như giết người. Nếu có ít sự kiện thì bạn có thể xem xét khoảng thời gian dài hơn để thu thập thêm sự kiện. Nhưng nếu vấn đề thay đổi trong thời gian dài hơn, bức tranh hiện ra có thể bị bóp méo hoặc lỗi thời.

Có thời gian xảy ra chính xác của sự việc sẽ giúp phân tích thời gian biểu. Các tội phạm có liên hệ, chẳng hạn như cướp, hãm hiếp và hành hung, có thể được xác định chính xác vì nạn nhân thường có thể mô tả thời điểm những tội ác này xảy ra. Các tội phạm về tài sản, chẳng hạn như tội phạm về xe cộ, trộm cắp và phá hoại, khó xác định hơn nhiều vì nạn nhân thường chỉ cung cấp một khoảng thời gian mà những tội ác đó có thể xảy ra. Mặc dù người ta thường sử dụng điểm giữa trong các phạm vi này để ước tính thời gian xảy ra tội phạm nhưng điều này có thể dẫn đến sai lệch và nên tránh trong thời gian dài (ví dụ: hơn 8 giờ).

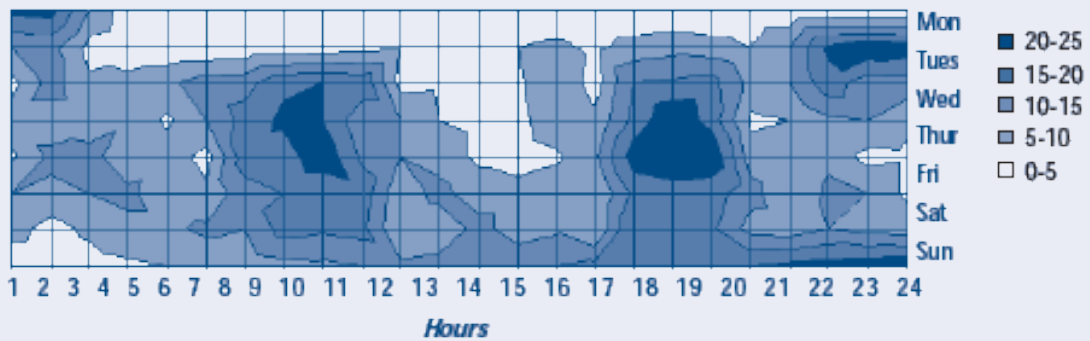
Jerry Ratcliffe cũng đã xác định ba dạng phân cụm theo thời gian. Đầu tiên, các sự kiện có thể diễn ra tương đối đồng đều trong cả ngày. Ông gọi đây là một mô hình *khuếch tán*. Thứ hai, các mẫu tập trung hiển thị việc phân cụm trong các khoảng thời gian riêng biệt. Các sự kiện tập trung vào giờ cao điểm tuân theo các mô hình *tập trung*. Thứ ba, các mô hình *cấp tính* được đóng gói chặt chẽ trong các khoảng thời gian nhỏ. Những xáo trộn ngay sau giờ đóng cửa quán bar có thể là một ví dụ. Các mô hình tập trung và cấp tính ngay lập tức gợi ý các chu kỳ thời gian cần được nghiên cứu.

Mặc dù Ratcliffe đã phát triển hệ thống phân loại của mình cho các mô hình hàng ngày nhưng ý tưởng cơ bản có thể được áp dụng cho các chu kỳ hàng tuần. Nếu không có ngày cụ thể nào trong tuần thường xuyên gây rắc rối, điều này cho thấy mô hình hàng tuần lan tỏa. Một cụm ngày cho thấy sự gia tăng đáng kể các sự kiện rắc rối cho thấy một mô hình tập trung. Cuối cùng, nếu một hoặc hai ngày có sự tập trung đáng kể các sự kiện, điều này cho thấy một dạng cấp tính.

Xem thêm '*Ví dụ về số lượng sự kiện theo giờ và ngày trong tuần*'



C. Nhịp điệu hàng ngày và hàng giờ



Chú thích:

Events: Các sự kiện;

Hours: Giờ trong ngày;

Percent: Tỷ lệ phần trăm;

Mon-Sun: Thứ hai-Chủ nhật

Đọc thêm

- Boba, Rachel (2005). Phân tích tội phạm và lập bản đồ tội phạm: Giới thiệu. Thousand Oaks, CA: Nhà xuất bản Sage.

Bước 26: Tính đến sự thay đổi lâu dài

Vấn đề của bạn đang trở nên tồi tệ hơn hay tốt hơn? Nó dao động thường xuyên hay ngẫu nhiên? Để trả lời những câu hỏi này, bạn cần nghiên cứu vấn đề của mình bằng cách vẽ đồ thị số lượng sự kiện hoặc tỷ lệ theo thời gian. Tỷ lệ thường là số vụ tội phạm hoặc rối loạn chia cho số mục tiêu có nguy cơ (*Bước 27*).

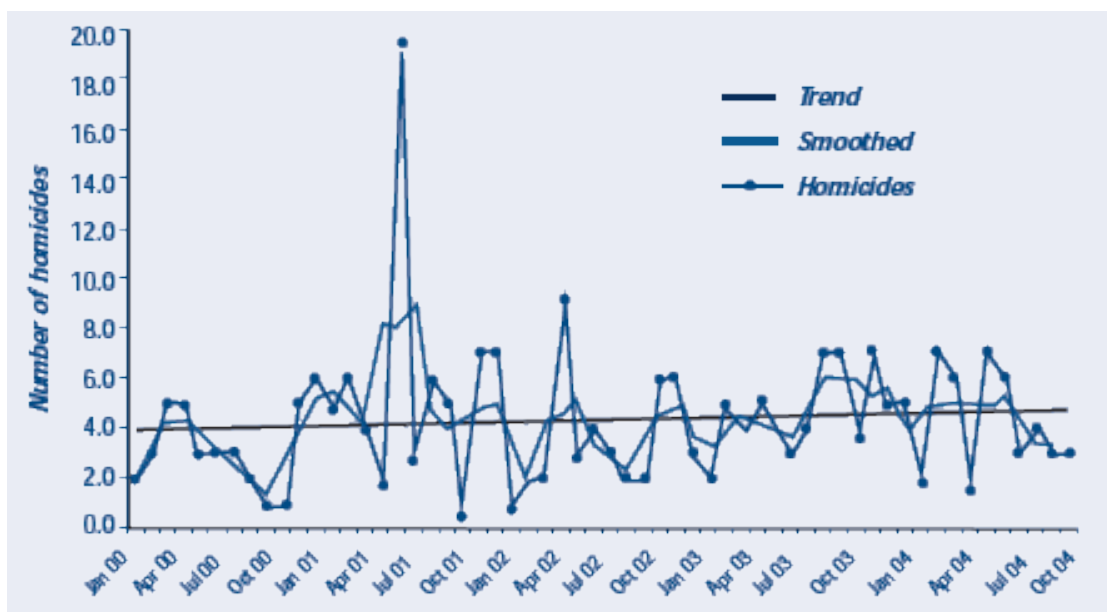
Tiến trình thời gian của một vấn đề có thể được chia thành ba phần cơ bản:

- Xu hướng tổng thể, có thể thấy rõ khi kiểm tra trực quan và cho biết vấn đề đang trở nên tồi tệ hơn, tốt hơn hay vẫn giữ nguyên trong một thời gian dài.
- Chu kỳ theo mùa, hàng ngày và hàng tuần.
- Những biến động ngẫu nhiên được gây ra bởi một số lượng lớn các ảnh hưởng nhỏ.

Nghiên cứu có hệ thống về diễn biến thời gian của tội phạm được gọi là “phân tích chuỗi thời gian.”

Hình 1 cho thấy các vụ giết người ở Buffalo, New York. Đường thẳng xuyên qua giữa biểu đồ cho thấy xu hướng chung. Nó gần như bằng phẳng, cho thấy rất ít xu hướng tăng lên (mặc dù nó đang tăng nhẹ với khoảng 1 vụ giết người trong 100 tháng). Tháng 5 năm 2001 là một tháng đặc biệt tồi tệ, còn tháng 10 và tháng 11 năm 2000 là những tháng đặc biệt thấp điểm.

Hình 1: GIẾT NGƯỜI Ở BUFFALO, NY từ tháng 1/2000 đến tháng 10/2004



Chú thích:

Number of homicides: Số vụ giết người;

Trend: Xu hướng;

Smoothed: Êm ả

Homicides: Vụ giết người

Trong suốt 58 tháng, có sự thay đổi đáng kể hàng tháng, thể hiện qua các đỉnh lờm chờm và vùng lồi lõm. Các vấn đề tần suất thấp có xu hướng có đặc điểm này, trong khi các vấn đề có nhiều sự kiện trong một khoảng thời gian thường cho thấy những thay đổi mượt mà hơn. Những biến động ngẫu nhiên này có thể che giấu sự biến đổi mang tính hệ thống. Một phương pháp để phát hiện xu hướng bị che khuất bởi sự biến động ngẫu nhiên là sử dụng đường trung bình động. Điều này được gọi là "êm ả". Đường trung bình động 3 tháng được sử dụng trong ví dụ này. Ví dụ: giá trị tháng 7 là giá trị trung bình của tháng 6, tháng 7 và tháng 8 trong khi giá trị tháng 8 là giá trị trung bình của tháng 7, tháng 8 và tháng 9. Lưu ý rằng không có dữ liệu cho tháng đầu tiên và tháng cuối cùng của chuỗi vì chúng tôi không có dữ liệu 3 tháng cho những tháng này. Các đường trung bình động lấp đầy các vùng trũng và đánh bật các đỉnh. Các

đường trung bình động dài hơn tạo ra các biểu đồ mượt mà hơn so với các đường trung bình ngắn hơn, nhưng chúng cũng có thể che giấu thông tin hữu ích bằng cách làm cho biểu đồ trở nên quá mượt mà.

Chu kỳ có thể được phát hiện bằng cách so sánh các tháng giống nhau trong năm (hoặc cùng tuần trong tháng, hoặc cùng ngày trong tuần hoặc cùng giờ trong ngày, tùy thuộc vào khoảng thời gian bạn đang kiểm tra). Điều quan trọng cần lưu ý là các tháng có độ dài khác nhau (và đừng quên tháng Hai trong năm nhuận) vì điều này có thể ảnh hưởng đến số lượng sự kiện có vấn đề. Một số nhà phân tích sử dụng khoảng thời gian 4 tuần thay vì vài tháng để giải quyết vấn đề này.

Có thể thấy các chu kỳ theo mùa rõ ràng trong Hình 2. Ở đây chúng ta thấy số vụ trộm xe đạp mỗi tháng trong giai đoạn 32 tháng. Các vụ trộm cấp thường xuyên đạt đỉnh điểm vào tháng 7 và tháng 8 và luôn đạt mức tối thiểu vào tháng 1 và tháng 2. Chúng ta cũng có thể thấy rằng xét theo từng tháng thì năm 2001 thường tệ hơn năm 2002 và những tháng năm 2003 mà chúng ta có dữ liệu. Điều này có lý, vì có nhiều xe đạp hơn để lấy trộm vào mùa hè và ngay cả những tên trộm cũng ít sử dụng xe đạp vào mùa đông (đặc biệt là ở Buffalo!).

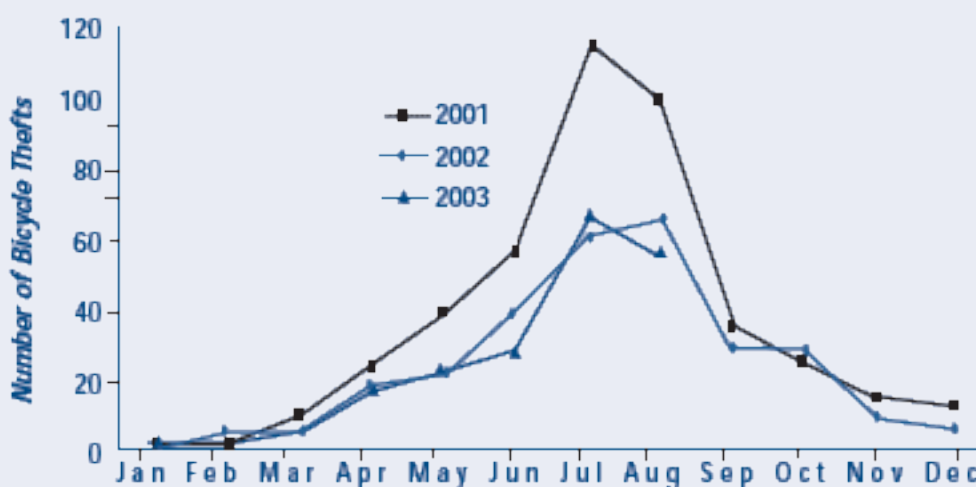
Việc tách chuỗi thời gian thành các phần thành phần rất hữu ích để phát hiện các nguyên nhân có thể xảy ra của sự cố. Ví dụ: xu hướng giết người có thể được chia thành hai biểu đồ thể hiện các vụ giết người trong nước và các vụ giết người không trong nước (hoặc súng và phi súng). Vì vậy, nếu các vụ giết người ngoài gia đình có xu hướng tăng lên trong khi các vụ giết người trong nước đang giảm, điều này cho thấy rằng cần tập trung chú ý vào các vụ giết người ngoài gia đình.

Phân tích chuỗi thời gian là một công cụ mạnh mẽ để đánh giá tính hiệu quả của phản hồi. Nguyên tắc cơ bản là có được ý tưởng tốt về xu hướng, chu kỳ và sự biến đổi

tự nhiên của vấn đề trước khi thực hiện phản ứng bằng cách sử dụng các kỹ thuật vừa được thảo luận. Điều này cho bạn biết bạn có thể mong đợi điều gì từ vấn đề này trong tương lai *nếu bạn không làm gì để giải quyết* vấn đề đó. Điều này cung cấp cơ sở để kiểm tra các khung thời gian sau khi phản hồi. Những thay đổi trong xu hướng, chu kỳ hoặc thậm chí là biến động ngẫu nhiên cho thấy phản ứng đã có tác động. Khung thời gian trước và sau càng dài thì bạn càng có niềm tin vào kết luận của mình.

Phân tích chuỗi thời gian cũng có thể rất phức tạp, vì vậy nếu có nhiều câu trả lời chính xác cho việc phân tích khung thời gian, thì việc tìm kiếm sự trợ giúp của một nhà thống kê chuyên về lĩnh vực này có thể hữu ích.

**Hình 2: TÁC ĐỘNG THEO MÙA TRONG CÁC VỤ TRỘM XE ĐẠP Ở
BUFALO, Từ tháng 1/2001 đến tháng 8/2003**



Chú thích:

Number of Bicycle Thefts: Số vụ đánh cắp xe đạp;

Jan-Dec: Tháng một – Tháng mười hai.

Bước 27: Biết cách sử dụng tỷ lệ và mẫu số

Khi một nơi có nhiều tội phạm hơn nơi khác, một lý do có thể là nơi này có nhiều mục tiêu hơn nơi khác. Việc kiểm tra tỷ lệ giúp bạn hiểu liệu số lượng mục tiêu có góp phần gây ra vấn đề của bạn hay không (*xem Bước 17*).

Tỷ lệ mô tả số lượng tội phạm trên mỗi mục tiêu có nguy cơ xảy ra trong một khoảng thời gian: ví dụ: một vụ trộm trên 1.000 hộ gia đình trong năm 2002. Tỷ lệ mục tiêu cho thấy rủi ro mà mục tiêu trung bình có liên quan đến tội phạm trong một khoảng thời gian.

Để tính tỷ lệ mục tiêu, bạn sẽ cần phải:

1. Xác định loại sự kiện bạn quan tâm (ví dụ: trộm cắp phương tiện).
2. Xác định nhóm đối tượng có nguy cơ (ví dụ: phương tiện).
3. Xác định địa điểm và khoảng thời gian (ví dụ, bãi đậu xe khu vực trung tâm thành phố năm 2004).
4. Tìm nguồn dữ liệu cung cấp số lượng sự kiện quan tâm và mục tiêu cho từng địa điểm đang được kiểm tra (ví dụ: dữ liệu tội phạm do cảnh sát báo cáo có thông tin về địa chỉ trộm cắp, có thể liên quan đến các bãi đậu xe cụ thể và việc quan sát các bãi đậu xe ở trung tâm thành phố có thể cung cấp ước tính số lượng xe trong mỗi lô).
5. Đối với mỗi vị trí, chia số sự kiện (tử số) cho số mục tiêu (mẫu số) để thu được tỷ lệ.

Việc xác định các mục tiêu có nguy cơ đòi hỏi phải suy nghĩ cẩn thận. Nếu bạn đang phân tích các vụ trộm, mục tiêu của bạn là người hay nhà? "Nhà" là câu trả lời hợp lý hơn. Mọi thứ đều bình đẳng, nếu một dân số 1000 người sống trong 500 căn hộ,

chúng ta sẽ cho rằng sẽ có nhiều vụ trộm hơn nếu cùng một dân số đó sống trong 250 căn hộ. Nếu bạn đang phân tích các vụ cướp trên đường phố thì dân số có nguy cơ là số người đi bộ trong khu vực đang được kiểm tra.

Báo cáo sự cố của cảnh sát thường chứa dữ liệu mô tả các sự kiện quan tâm, bao gồm thông tin địa chỉ, do đó có thể thu được số lượng sự kiện tại các địa điểm. Tuy nhiên, thường khó có được thông tin mô tả số lượng mục tiêu có nguy cơ bị ảnh hưởng tại các địa điểm. Ví dụ: các vụ trộm xe được báo cáo có thể có sẵn tại các địa chỉ bãi đậu xe, nhưng số phương tiện sử dụng bãi đậu xe có thể không có sẵn (*xem minh họa*).

Để khắc phục vấn đề này, bạn có thể phải tìm tỉ lệ đại diện cho các mục tiêu. Ví dụ, số lượng phương tiện sử dụng bãi đỗ xe có thể tỷ lệ thuận với quy mô bãi đỗ xe. Do đó, thước đo đại diện cho các phương tiện gặp rủi ro có thể là mét vuông hoặc số chỗ đậu xe. Bảng này đưa ra một số ví dụ về ước tính tỷ lệ mục tiêu có nguy cơ.

Các biện pháp ủy quyền của mục tiêu phải có hai đặc điểm. Đầu tiên, chúng phải được liên kết một cách hợp lý với các mục tiêu. Người ta cho rằng không gian có liên quan đến số lượng phương tiện, nhưng chúng tôi không mong đợi số mét mặt tiền của bãi đậu xe có liên quan đến số lượng phương tiện, bởi vì những lô đất rất sâu có thể có ít mặt tiền đường nhưng lại chứa nhiều phương tiện. Thứ hai, sự liên kết giữa các mục tiêu ủy nhiệm và có nguy cơ không thể khác nhau quá nhiều giữa các địa điểm. Nếu tất cả các bãi đỗ xe ở khu vực trung tâm thành phố đầy khoảng 2/3 trong tuần thì số chỗ trống là một đại diện hữu ích. Nhưng nếu một số lô đã quen với công suất và những lô khác ít được sử dụng thì số lượng không gian không phải là một chỉ báo tốt về mục tiêu.

Ví dụ về tỷ lệ cho các tội phạm khác nhau

Kiểu	Vị trí	Tỷ lệ	Bình luận
Trộm chung cư	Chung cư	Số vụ trộm trên mỗi căn hộ hoặc mỗi hộ gia đình	Các vụ trộm trên mỗi cư dân tập trung quá nhiều vào các gia đình lớn.
Trộm cắp trong cửa hàng	Cửa hàng bán lẻ	Trộm cắp trên mỗi mặt hàng trên kệ hoặc trên mỗi mét vuông không gian bán lẻ	Trộm cắp trên mỗi khách hàng đưa ra một tỷ lệ vi phạm.
Trộm xe máy	Hàng xóm	Trộm xe máy trên mỗi xe máy đã đăng ký	Có vấn đề đối với các khu vực mà người đi xe đạp sử dụng nhưng không sinh sống.
Vẽ tranh lên tường (graffiti)	Khu thương mại	Graffiti trên mỗi mét vuông	Khó đo lường.
Cướp taxi	Công ty	Số vụ cướp theo từng chiếc taxi, theo từng tài xế hoặc theo giờ lái xe	Tốt nhất là nên phơi nhiễm theo giờ, nhưng dữ liệu có thể không có sẵn.
Cuộc gọi gây rối từ nhà nghỉ	Nhà nghỉ	Cuộc gọi gây rối loạn cho mỗi khách hoặc mỗi phòng	Cũng có thể xem xét số lượng khách truy cập không phải là khách.

Ngay cả với các biện pháp ủy quyền, cũng khó có được dữ liệu mục tiêu. Các cơ quan chính phủ có thể có một số thông tin bạn cần. Ví dụ, tại Quận Hamilton, Ohio, kiểm toán viên có thông tin về mọi thửa đất trong quận, bao gồm cả diện tích và vị trí. Các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp đôi khi có thông tin về doanh số bán hàng. Và thông tin thuế bán hàng do tiểu bang cung cấp có thể được sử dụng làm đại diện cho số lượng khách hàng (khi so sánh các cửa hàng bán các mặt hàng tương tự).

Việc tính toán tỷ lệ có thể rất hữu ích trong việc tìm kiếm các cơ sở có rủi ro (*Bước 28*). Karin Schmerler và các đồng nghiệp của cô ở Sở Cảnh sát Chula Vista, California đã điều tra các cuộc gọi từ các nhà nghỉ trong thành phố. 10 khách sạn quốc gia và 16 nhà nghỉ độc lập ở địa phương tạo ra số lượng cuộc gọi tương tự, nhưng các khách sạn quốc gia có nhiều phòng hơn.

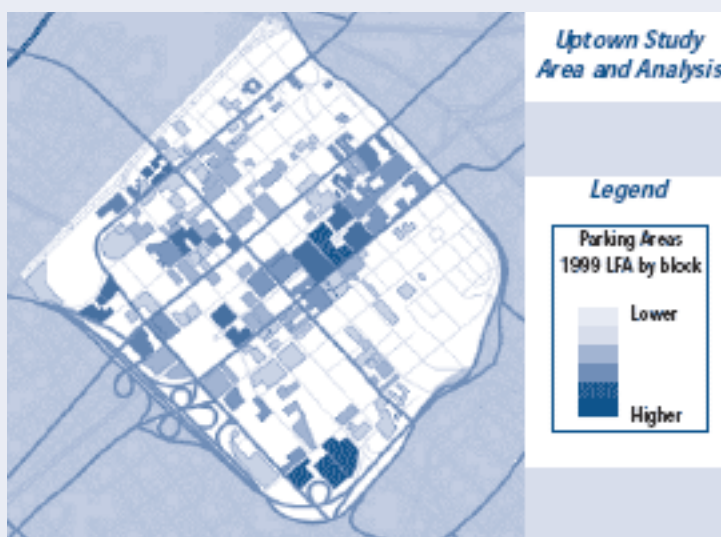
Khi họ cộng tất cả các cuộc gọi đến các nhà nghỉ độc lập ở địa phương và chia cho số phòng trong các nhà nghỉ này, Schmerler nhận thấy rằng tỷ lệ cuộc gọi trung

bình đối với các nhà nghỉ độc lập là 1,8 mỗi phòng. Làm tương tự đối với các khách sạn quốc gia mang lại tỷ lệ cuộc gọi là 0,5. Rõ ràng, các công ty độc lập tại địa phương tạo ra nhiều cuộc gọi hơn cho mỗi phòng.

Bạn nên nhấn mạnh hơn vào số lượng cao hay tỷ lệ cao? Nếu mục tiêu của bạn là giảm số lượng tội phạm thì tập trung vào các con số có thể là lựa chọn tốt nhất. Nhưng nếu mục tiêu của bạn là giảm nguy cơ gây hại thì hãy tập trung vào tỷ lệ.

Sử dụng tỷ lệ để xác định bãi đậu xe có rủi ro

Tỷ lệ trộm cắp ô tô theo dãy nhà, Charlotte NC, 1999



Chú thích:

Uptown study area and analysis: Khu vực nghiên cứu và phân tích sự kiện;

Parking areas: Khu vực đậu xe;

Block: toà nhà;

Lower: Thấp hơn;

Higher: Cao hơn

Giá trị của việc tính toán tỷ lệ được minh họa bằng một dự án ở Charlotte, Bắc Carolina, trong đó một người trong chúng tôi (Clarke) đã làm việc với Herman

Goldstein. Với sự hỗ trợ của các nhà phân tích và cảnh sát địa phương, chúng tôi đã kiểm tra các vụ trộm cắp từ ô tô (LFA) tại các cơ sở đỗ xe ở khu vực trung tâm thành phố (địa phương gọi là Uptown). Phân tích điểm nóng đã cho thấy một cụm lớn các vụ trộm này tập trung ở giữa khu vực, nhưng bản đồ dựa trên tỷ lệ trộm cắp lại tiết lộ nhiều điều hơn. Bản đồ này được tạo ra bởi chuyên gia phân tích tội phạm Matt White, người đã tranh thủ sự giúp đỡ của các sĩ quan khu vực trong việc đếm số lượng chỗ đậu xe ở mỗi cơ sở. Sau đó, anh ta tính toán tỷ lệ trộm cắp cho từng lô đất và gara đỗ xe. Bản đồ thu được đã tiết lộ một bức tranh chi tiết hơn nhiều về rủi ro. Phân tích sâu hơn cho thấy ô tô đậu trong bãi có nguy cơ cao gấp sáu lần so với ô tô trong gara và một số bãi là nơi tạo điều kiện cho tội phạm do an ninh không đầy đủ.

Đọc thêm:

- Clarke, Ronald và Herman Goldstein (2003). Trộm xe ô tô tại các cơ sở đậu xe ở Trung tâm Thành phố. Từ Đổi mới đến Chính thống. *Nghiên cứu phòng chống tội phạm*, tập. 15, Monsey, New York: Nhà xuất bản Tư pháp Hình sự. (có tại: www.popcenter.org)

Bước 28: Xác định các cơ sở rủi ro

Cơ sở vật chất là môi trường có chức năng đặc biệt (*Bước 15*). Cơ sở giáo dục liên quan đến việc giảng dạy và học tập. Cơ sở công nghiệp liên quan sản xuất và chế biến vật liệu. Cơ sở văn phòng thường liên quan đến xử lý thông tin. Các cơ sở bán lẻ liên quan đến việc bán hàng và giao dịch tiền tệ. Một số cơ sở là địa điểm thường xuyên xảy ra tội phạm và hành vi thiếu văn hóa. Chúng bao gồm các quán rượu, công viên, nhà ga, booth điện thoại trả tiền, cửa hàng tiện lợi và các dự án nhà ở công cộng. Những cơ sở này góp phần rất lớn vào tội phạm và mất trật tự - chúng là "các cơ sở rủi ro".

Tuy nhiên, thuật ngữ này cũng có một ý nghĩa chính xác hơn. Nó đề cập đến thực tế là *trong mỗi loại cơ sở sẽ có một vài cơ sở trong số đó đặc biệt nguy hiểm*. Khi mô tả quy tắc 80-20 ở Bước 18, chúng tôi đã đề cập rằng 5% số cửa hàng ở Danvers, Massachusetts, chiếm 50% số vụ trộm cắp trong cửa hàng được báo cáo (xem bảng do Christopher Bruce, chuyên gia phân tích tội phạm ở Sở Cảnh sát Danvers cung cấp). Dưới đây là một số ví dụ được ghi lại khác về các cơ sở rủi ro:

- Cửa hàng tiện lợi. Một cuộc khảo sát quốc gia cho thấy 6,5% cửa hàng tiện lợi gặp phải 65% tổng số vụ cướp.
- Trạm xăng. Mười phần trăm các trạm xăng ở Austin, Texas chiếm hơn 50 phần trăm các cuộc gọi yêu cầu lái xe và tội phạm ma túy trong năm 1998-1999.
- Ngân hàng. Bốn phần trăm ngân hàng ở Anh có tỷ lệ cướp cao gấp bốn đến sáu lần so với các ngân hàng khác.
- Trường học. Tám phần trăm trường học ở Stockholm chịu 50 phần trăm số vụ tội phạm bạo lực được báo cáo trong năm học 1993-1994.

- Trạm dừng xe buýt. Luận án tiến sĩ gần đây của Andrew Newton báo cáo rằng 9% nơi trú ẩn tại các điểm dừng xe buýt ở thành phố Liverpool của Anh đã chứng kiến hơn 40% các vụ phá hoại.
- Bãi đỗ xe. Tại một thành phố khác của Vương quốc Anh, Nottingham, chỉ một bãi đỗ xe (The Royal Moat House) đã gây ra khoảng 25% (103) trong số 415 vụ tội phạm được báo cáo ở tất cả 19 khu đất ở trung tâm thành phố vào năm 2001.

Có ít nhất tám lý do khiến các cơ sở gặp "rủi ro" và các quy trình phân tích khác nhau có thể giúp xác định lý do nào đang hoạt động trong các trường hợp cụ thể:

1. Sự biến đổi ngẫu nhiên. Có thể xác định được mức độ tập trung tội phạm ở một vài nơi thông qua một số sự ngẫu nhiên. Điều này có nhiều khả năng xảy ra hơn khi bạn chỉ xem xét một số cơ sở có ít sự cố. Hãy thử kiểm tra các cơ sở tương tự trong một khoảng thời gian khác. Nếu thứ tự xếp hạng của các sự cố gần như giống nhau trong cả hai thời kỳ thì sự biến động đó không phải là ngẫu nhiên.
2. Thực hành báo cáo. Một số cơ sở có thể luôn báo cáo tội phạm cho cảnh sát, trong khi những cơ sở khác gặp phải số vụ việc tương tự có thể báo cáo ít vụ việc hơn. Điều này có thể khó kiểm tra, nhưng bạn nên hỏi các quan chức quen thuộc với các cơ sở này xem tỷ lệ tội phạm được ghi nhận có phù hợp với nhận thức của họ về vấn đề tội phạm tại các cơ sở đó hay không.
3. Nhiều mục tiêu. Một số cơ sở chứa nhiều mục tiêu. Cửa hàng có nhiều vụ trộm cắp nhất ở Danvers là một trong những cửa hàng lớn nhất thành phố. Nhưng đây không phải là toàn bộ câu chuyện vì khi tính quy mô của tài

khoản bằng cách tính số vụ trộm cắp trong cửa hàng trên 100 feet vuông (xem hàng cuối cùng của bảng), đây vẫn là một trong những hành vi trộm cắp trong cửa hàng có rủi ro cao nhất (*xem Bước 27*).

4. Sản phẩm nổi bật. Một cơ sở rủi ro có thể không có nhiều mục tiêu, nhưng nó có thể có những mục tiêu đặc biệt “nóng”. Cửa hàng 15 trong danh sách của Danvers có tỷ lệ trộm cắp trong cửa hàng cao nhất thành phố trên 1.000 feet vuông. Cửa hàng này chuyên bán các mặt hàng điện tử nhỏ, giá trị cao đáp ứng tiêu chí CRAVED được mô tả ở Bước 31.
5. Vị trí. Các cơ sở nằm ở những khu vực có tỷ lệ tội phạm cao (là nơi có nhiều tội phạm thường xuyên sinh sống) cơ lẽ có nhiều khả năng tiềm ẩn nguy cơ phạm tội hơn. Điều này là do người phạm tội không muốn đi xa để phạm tội (*Bước 16*).
6. Nạn nhân lặp lại. Một số nơi thu hút những người đặc biệt dễ bị tội phạm. So sánh những người là nạn nhân trong những cơ sở rủi ro và không rủi ro. Nếu tỷ lệ tái trở thành nạn nhân khác nhau thì việc tái phạm có thể là nguyên nhân làm tăng nguy cơ (*Bước 29*).
7. Các yếu tố kích thích tội phạm. Các cơ sở vật chất thường thu hút số lượng lớn người phạm tội (*Bước 15*). Những nơi thu hút tội phạm có số lượng tội phạm cao và tỷ lệ phạm tội cao. Kiểm tra bản đồ đoán bổ sung bao gồm phân tích hồ sơ bắt giữ và các thông tin khác có chứa tên người phạm tội.
8. Quản lý kém. Khi chủ sở hữu hoặc người quản lý không thực hiện việc kiểm soát hoặc quản lý thích hợp thì cơ sở vật chất có nhiều rủi ro có thể bùng phát. Bảng dưới đây cho thấy sự quản lý cầu thả của một ông chủ khu ổ chuột đã biến những tài sản mà ông ta có được thành những cơ sở vật chất đầy rủi ro như thế nào (*Bước 44*).

**Báo cáo về các vụ trộm cắp trong cửa hàng tại Danvers, MA. 1 tháng 10 năm
2003 đến 30 tháng 9 năm 2004**

Cửa hàng*	Trộm cắp trong cửa hàng	Phần trăm trộm cắp trong cửa hàng	Phần trăm tích lũy của các vụ trộm cắp trong cửa hàng	Phần trăm tích lũy của các cửa hàng	Trộm cắp trong cửa hàng trên 1000 mét vuông
1	78	26,2	26,2	1,3	1,54
2	42	14,1	40,3	2,6	0,70
3	28	9,4	49,7	3,8	0,22
4	16	5,4	55,0	5,1	0,24
5	15	5,0	60,1	6,4	0,28
6	12	4,0	64,1	7,7	0,31
7	11	3,7	67,8	9,0	0,09
8	11	3,7	71,5	10,3	0,16
9	9	3,0	74,5	11,5	0,28
10	7	2,3	76,8	12,8	2,82
11	5	1,7	78,5	14,1	0,16
12	5	1,7	80,2	15,4	0,10
13	4	1,3	81,5	16,7	0,35
14	4	1,3	82,9	17,9	0,12
15	3	1,0	83,9	19,2	3,32
16	3	1,0	84,9	20,5	0,90
17	3	1,0	85,9	21,8	0,02

Sổ Tay 60 Bước Cơ bản Trong Phân Tích Tội Phạm

7 cửa hàng có 2 vụ việc	14	4,7	90,6	30,8	0,08
28 cửa hàng có 1 sự cố	28	9,4	100,0	66,7	0,06
26 cửa hàng với 0 sự cố	0	0,0	100,0	100,0	0,00
Tổng số cửa hàng = 78	298	100,0	100,0	100,0	0,15

* 17 cửa hàng hàng đầu là (theo thứ tự bảng chữ cái): Best Buy, Boater's World, Circuit City, Costco, CVS Pharmacy, Galyan's, Home Depot, Kohl's, Linens & Things, Lowe's, Marshall's, Old Navy, Radio Shack, Stop & Shop, Target và Wal-Mart

**Chủ khu ổ chuột, tội phạm ở các căn hộ giá rẻ và
tình trạng tàn lụi trong khu dân cư**

Tài sản	Năm có được	Số đơn vị	Số vụ bắt giữ trung bình hàng năm	
Sở hữu trước	Sau sở hữu			
1	1977	4	0	1.6
2	1982	15	0	16,9
3	1983	số 8	0	2.3
4	1985	số 8	0	4,5
5	1985	10	0,1	6
6	1986	16	0,2	27,9
7	1986	8/6	0	3,4
8	1987	5	0	8.3
9	1987	12	0	11.3
10	1988	6	0,4	8.1
11	1991	10	0,2	9,3
12	1991	10+	2.3	21.8
13	1992	4+	1.1	0,7
14	1992	4	0,2	10.7

Ở mọi thành phố lớn, một vài tòa nhà chung cư cho thuê giá rẻ đặt ra yêu cầu đặc biệt về thời gian của cảnh sát. Những “cơ sở rủi ro” này thường thuộc sở hữu của các chủ nhà ổ chuột - những chủ nhà vô đạo đức, mua tài sản ở những khu dân cư nghèo và đầu tư tối thiểu vào việc quản lý và bảo trì. Dịch vụ xây dựng xuống cấp, những người thuê nhà đáng kính chuyển đi và vị trí của họ bị thay thế bởi những người ít đáng kính hơn - những kẻ buôn bán ma túy, ma cô và gái mại dâm - những người có đủ khả năng trả tiền thuê nhà nhưng không thể vượt qua cuộc kiểm tra lý lịch do ban quản lý có trách nhiệm hơn thực hiện. Trong quá trình thực hiện dự án trị an theo định hướng vấn đề ở Santa Barbara, California, Cảnh sát Kim Frylsie và Mike Apsland đã phân tích các vụ bắt giữ được thực hiện tại 14 tòa nhà chung cư cho thuê thuộc sở hữu của một

chủ khu ổ chuột, trước và sau khi ông ta mua chúng. Bảng này cho thấy rõ ràng số lượng người bị bắt tại các khu nhà này đã tăng lên đáng kể trong những năm sau khi anh ta mua lại chúng. Ngoài ra còn có một số bằng chứng cho thấy tội phạm gia tăng và tình trạng mất trật tự ở những khu nhà này đã lan sang các tòa nhà chung cư lân cận - một phát hiện ủng hộ niềm tin phổ biến rằng các chủ ổ chuột góp phần gây ra tình trạng tàn lụi trong khu phố.

Nguồn: Clarke, Ronald và Gisela Bichler-Robertson (1998). "Người quản lý địa điểm, chủ khu ổ chuột và tội phạm trong các tòa nhà chung cư cho thuê giá rẻ." Tạp chí An ninh, số 11, trang 11-19.

Đọc thêm:

- Eck, John, Ronald Clarke và Rob Guerette, "Cơ sở rủi ro: Tập trung tội phạm trong các cơ sở đồng nhất." Nghiên cứu phòng chống tội phạm (Bản in).

Bước 29: Sẵn sàng cho việc tái phạm

Một số người liên tục trở thành nạn nhân và theo quy tắc 80-20 (*Bước 18*), một tỷ lệ nhỏ nạn nhân chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số các vụ trở thành nạn nhân. Ken Pease và Graham Farrell đã cẩn thận ghi lại sự thật này trong một ấn phẩm quan trọng của Bộ Nội vụ có tên "Một khi đã bị cắn thì có thể bị cắn hai lần". Sử dụng dữ liệu Khảo sát tội phạm của Vương quốc Anh (*xem bảng*), họ cho thấy khoảng 4% người dân trải qua khoảng 40% tổng số vụ trở thành nạn nhân trong một năm. Họ chỉ ra rằng nạn nhân lặp lại xảy ra đối với nhiều loại tội phạm bao gồm bạo lực gia đình, tấn công tình dục, trộm cắp và trộm cắp xe hơi. Họ cũng chỉ ra rằng việc tái phạm xảy ra khá nhanh, thường trong vòng một tuần kể từ lần đầu tiên trở thành nạn nhân, mặc dù điều này thay đổi tùy theo hành vi phạm tội.

Khoảng 4 phần trăm người dân trải qua khoảng 40 phần trăm tất cả tội phạm

Số vụ phạm tội đã xảy ra	Phần trăm người trả lời	Phần trăm sự cố
0	59,5	0,0
1	20,3	18,7
2	9,0	16,5
3	4,5	12,4
4	2,4	8,8
5+	4,3	12,4

Nguồn: Khảo sát Tội phạm ở Vương quốc Anh, 1992 (tất cả các tội phạm)

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng rất dễ bỏ sót mức độ tái diễn nạn nhân vì một số lý do sau đây:

- Nhiều nạn nhân không trình báo tội phạm cho cảnh sát, điều đó có nghĩa là việc tái phạm tội ác không được tính đến trong hồ sơ chính thức của cảnh sát. Đây là lý do tại sao các nhà nghiên cứu đã cố gắng sử dụng các cuộc khảo sát, trong đó mọi người có thể được hỏi về những tội ác mà họ không báo cảnh sát. Thật không may, Khảo sát nạn nhân tội phạm quốc gia, tương đương với Khảo sát tội phạm của Anh, đã tính toán thấp hơn số vụ tái phạm vì nó chỉ sử dụng thời gian thu hồi 6 tháng và không tính tất cả các tội ác đã phạm trong một loạt đối với một nạn nhân cụ thể.
- Các chuyên gia phân tích tội phạm thường tìm kiếm nạn nhân lặp lại bằng cách đếm số lượng tội phạm tại các địa chỉ, nhưng dữ liệu của cảnh sát thường chứa thông tin địa chỉ không đầy đủ, đặc biệt là đối với các căn hộ chung cư. Điều này dẫn đến ước tính cao hơn về số nạn nhân chỉ xảy ra một lần so với thực tế. Khó khăn này đang được giảm bớt nhờ sự sẵn có của hệ thống GIS và thông qua việc sử dụng đối sánh địa chỉ trong phần mềm bản đồ (tức là mã hóa địa lý).
- Việc nạn nhân lặp lại có thể bị đánh giá thấp do "hiệu ứng thời gian trôi qua". Nếu chỉ tính các trường hợp trở thành nạn nhân trong một khoảng thời gian cụ thể - ví dụ như khoảng thời gian từ tháng 1 năm 2002 đến tháng 6 năm 2002 - thì ai đó đã từng là nạn nhân vào tháng 12 năm 2001 và một lần trong khoảng thời gian sáu tháng sẽ không được tính là nạn nhân tái diễn. Nếu họ không may trở thành nạn nhân vào tháng 7 năm 2002, chúng ta sẽ không biết rằng người này đã ba lần trở thành nạn nhân. Lý tưởng nhất là nên sử dụng cửa sổ di chuyển để theo dõi từng nạn nhân mới trong một năm sau sự kiện được báo cáo đầu tiên.

Khi giải thích việc tái phạm, Ken Pease phân biệt hai loại:

1. Các yếu tố kích thích giải thích sự lặp lại về mặt trải nghiệm tích cực ở lần vi phạm đầu tiên. Ví dụ, một tên trộm biết được rất nhiều điều về ngôi nhà khi đột nhập. Kiến thức này có thể khuyến khích anh ta quay lại để đột nhập lần nữa. Kẻ trộm cũng có thể nói với người khác về hàng hóa mà anh ta để lại, dẫn đến những vụ đột nhập sau đó của những kẻ trộm khác.
2. Yếu tố từ phía nạn nhân/mục tiêu giải thích sự lặp lại dưới dạng sức hấp dẫn bất thường hoặc tính dễ bị tổn thương của các mục tiêu cụ thể dẫn đến việc họ trở thành nạn nhân của nhiều kẻ phạm tội khác nhau. Một số nghề có tỷ lệ trở thành nạn nhân cao hơn nhiều so với những nghề khác (chẳng hạn như tài xế taxi) và những người dành thời gian ở những cơ sở có nhiều rủi ro (chẳng hạn như nhân viên cửa hàng tiện lợi) cũng dễ bị trở thành nạn nhân nhiều lần hơn. Cuối cùng, việc sở hữu những sản phẩm hấp dẫn, chẳng hạn như ô tô hấp dẫn những người thích vui chơi (*Bước 31*), cũng sẽ làm tăng khả năng tái diễn nạn nhân.

"Sét không bao giờ đánh hai lần vào cùng một nơi"

Các sĩ quan cảnh sát có thiện chí đôi khi nói điều này để trấn an nạn nhân bị trộm rằng họ sẽ không trở thành nạn nhân nữa. Thật không may, nghiên cứu được xem xét ở đây cho thấy điều đó không đúng.

Sự lặp lại "áo" hoặc "gân" liên quan đến nạn nhân có đặc điểm tương tự như nạn nhân hoặc mục tiêu ban đầu. Sau khi tấn công thành công mục tiêu đầu tiên, kẻ phạm tội khái quát hóa sang các mục tiêu có đặc điểm tương tự. Ví dụ, những ngôi nhà có cùng cách bố trí và ở cùng khu phố với vụ trộm đầu tiên có thể có rủi ro cao hơn vì kẻ phạm tội đã biết được điều gì đó về chúng từ việc đột nhập trước đó.

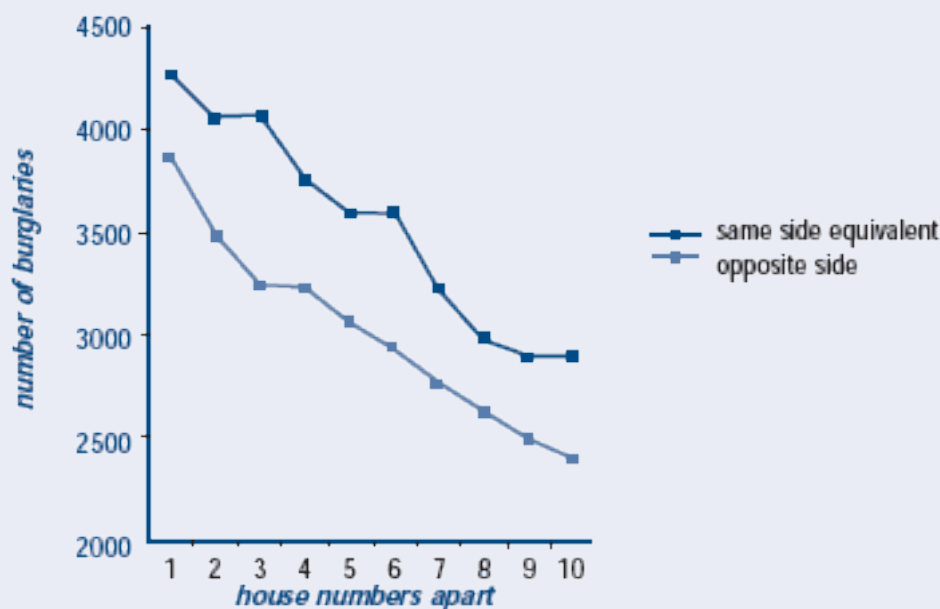
Kiến thức về nạn nhân lặp lại rất hữu ích trong việc dự đoán ai có nguy cơ cao nhất và khi nào họ gặp nguy cơ. Điều này có nghĩa là các nguồn lực phòng chống tội phạm có thể tập trung vào những người này, thay vì dàn trải các nguồn lực cho một số người, hầu hết trong số họ có nguy cơ phạm tội rất thấp.

Nhiều cơ quan cảnh sát hiện nay cũng sử dụng "phản ứng theo cấp độ" khi xử lý các nạn nhân tái phạm. Điều này có nghĩa là ai đó càng là nạn nhân thường xuyên thì hành động ngăn chặn của cảnh sát càng sâu rộng. Biết được khoảng thời gian giữa các lần lặp lại cũng giúp có thể tạm thời triển khai công tác phòng chống tội phạm trong thời gian ngắn khi nguy cơ tội phạm là lớn nhất. Ví dụ: một số cơ quan cảnh sát sẽ lắp đặt thiết bị báo trộm tạm thời ở những nơi có nguy cơ cao sẽ xảy ra vụ trộm lặp lại sớm.

Hàng xóm, hãy cẩn thận!

Việc tái phạm tội cho thấy nguy cơ cao là nạn nhân đó sẽ phải chịu đựng lần nữa, thường là trong những ngày hoặc tuần ngay sau lần phạm tội trước đó. Nhưng rủi ro có thể được truyền đạt đến những nơi gần đó. Kate Bowers và Shane Johnson thuộc Viện Khoa học Tội phạm Jill Dando đã chỉ ra nguy cơ trộm cắp được truyền tải trên đường phố như thế nào. Điều này được minh họa trong biểu đồ. Một ngôi nhà bị trộm, mà chúng ta sẽ gọi là vụ trộm tham khảo. Các con số ở phía dưới là thước đo khoảng cách từ vụ trộm tham khảo. Khoảng cách một người kể về một ngôi nhà cạnh địa điểm bị trộm ở cùng một bên đường, hoặc ngôi nhà ngay đối diện. Khoảng cách hai đề cập đến những ngôi nhà có hai cửa ở cùng một phía đường hoặc đối diện nhau theo đường chéo, v.v. Sắc lệnh hiển thị số vụ trộm theo sau các vụ trộm tham chiếu. Dữ liệu đến từ Cảnh sát Merseyside ở Anh. Bạn có thể thấy rằng nguy cơ xảy ra một vụ trộm khác càng giảm khi khoảng cách đến vụ trộm tham chiếu càng xa. Đối với bất kỳ khoảng cách nhất định nào, rủi ro sẽ lớn hơn đối với những ngôi nhà ở cùng một bên đường. Điều

này cho thấy những ngôi nhà nào người ta nên tìm cách bảo vệ sau một vụ trộm. Nên ưu tiên những nhà gần nhà bị trộm và đặc biệt là cùng mặt đường.



Chú thích:

Number of burglaries: Số vụ trộm;

House numbers apart: Số hộ gia đình trong chung cư;

Same side equivalent: Tỷ lệ các vụ trộm xảy ra với nhà cùng hướng;

Oppisted side: tỉ lệ các vụ trộm xảy ra với nhà đối diện

Đọc thêm

- Weisel, Deborah (2004) Phân tích nạn nhân lặp lại, Chuỗi công cụ giải quyết vấn đề, Số 2. Washington, DC: Văn phòng quản lý hoạt động cảnh sát cộng đồng, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ. (có thể truy cập tại www.popcenter.org và www.cops.usdoj.gov).
- Johnson, Shane và Kate Bowers (2004). “Vụ trộm là manh mối cho tương lai: Sự khởi đầu của các điểm nóng tiềm năng.” *Tạp chí Tội phạm học Châu Âu*, số 1(2), trang 237-255.

Bước 30: Xem xét việc tái phạm

Một trong những sự thật cơ bản của tội phạm học là một tỷ lệ nhỏ các cá nhân phạm tội với tỷ lệ lớn. Dữ liệu từ nghiên cứu đoàn hệ Philadelphia nổi tiếng của Marvin Wolfgang cho thấy rằng khoảng 5% số người phạm tội chiếm tổng số 40% các loại tội phạm khác nhau. Có hai cách giải thích cho việc tái phạm, trong đó thứ nhất là những cá nhân bốc đồng, ít gắn bó xã hội với người khác có xu hướng gặp rắc rối thường xuyên hơn những cá nhân ít bốc đồng và gắn bó hơn. Cách giải thích thứ hai là những người có nhiều cơ hội phạm tội và rối loạn hơn sẽ tận dụng chúng và điều chỉnh cho phù hợp (*xem Bước 9*). Cả hai lý thuyết này đều có thể đúng. Những cá nhân bốc đồng với sự gắn bó yếu kém đòi hỏi phải thường xuyên tiếp xúc với các cơ hội phạm tội để trở thành người tái phạm.

Việc tái phạm có thể được phát hiện bằng cách kiểm tra sự hiện diện của quy tắc 80-20 (*Bước 18*). Điều này có thể khó khăn trong thực tế vì người phạm tội cố gắng ẩn danh, do đó dữ liệu hiếm khi đầy đủ và thậm chí có thể không tồn tại. Thông tin tình báo có thể cung cấp bằng chứng về việc tái phạm, nhưng chất lượng của thông tin này rất khác nhau và hiếm khi toàn diện về nhóm người phạm tội. Chúng ta thường biết nhiều hơn và biết rõ hơn về địa điểm và nạn nhân so với những gì chúng ta biết về kẻ phạm tội. Tuy nhiên, các cuộc phỏng vấn có hệ thống với người phạm tội và cộng sự của họ có thể tiết lộ những thông tin rất hữu ích để hiểu và giải quyết vấn đề (*Bước 10*).

Hiểu được mục tiêu và động cơ của những người tái phạm có thể giúp tạo ra các chiến lược phòng ngừa. Nó có thể tạo ra sự khác biệt cho giải pháp cho vấn đề trộm xe nếu bạn trộm muốn có một khoảng thời gian vui vẻ trên một chiếc ô tô sang trọng, để được vận chuyển về nhà sau một đêm tiệc tùng mượn hoặc bán nó để lấy tiền mua ma túy, thói quen. Nó có thể tạo ra sự khác biệt đối với giải pháp cho vấn đề vẽ bậy nếu

người phạm tội đánh dấu lãnh thổ của băng đảng, tạo ra "nghệ thuật công cộng", thể hiện tình cảm của họ hoặc cố gắng khùng bố cư dân địa phương thuộc tôn giáo, chủng tộc hoặc sắc tộc khác.

Cách hành vi phạm tội đã thành công có thể dẫn đến các hành vi phạm tội tiếp theo. Điều này xảy ra theo ba cách sau đây:

- Người phạm tội, giống như những người khác, học hỏi từ việc họ đã làm. Một tội phạm thành công dạy những bài học quan trọng. Điều này có thể dẫn đến việc người phạm tội tấn công lại cùng một mục tiêu (*xem minh họa*). Nhưng những kẻ phạm tội, giống như những người khác, có thể khái quát hóa. Vì vậy, họ biết rằng họ có thể thành công nếu tấn công các mục tiêu tương tự (*xem Bước 29*).
- Người phạm tội học hỏi lẫn nhau. Thông tin có thể lan truyền thông qua các cá nhân làm việc theo nhóm nhỏ, chia nhóm và thành lập nhóm mới. Điều này nhấn mạnh sự cần thiết phải hiểu mạng lưới tội phạm. Cảnh sát có thể sử dụng mạng để truyền bá thông tin nâng cao nhận thức của người phạm tội về rủi ro hoặc về sự không mong muốn của mục tiêu hoặc địa điểm. Ví dụ, một phần trong nỗ lực giảm thiểu các vụ giết người ở trẻ vị thành niên ở Boston, Massachusetts, liên quan đến các thông điệp nhắm mục tiêu cao đến các thành viên băng đảng.
- Việc vi phạm thành công có thể làm giảm tính hiệu quả trong phòng ngừa, do đó làm cho việc vi phạm tiếp theo trở nên dễ dàng hơn. Ví dụ, một vết đứt nhỏ ở hàng rào sẽ trở nên lớn hơn khi sử dụng. Nếu người phạm tội và hành vi phản cảm nhanh hơn phản ứng của người giám hộ và người quản lý địa điểm thì một vấn đề nhỏ sẽ trở nên tồi tệ hơn.

Bắt tội phạm hoàng loạt bằng cách tập trung vào nạn nhân lặp lại

Ken Pease gần đây đã viết về lợi ích của kết quả điều tra tập trung vào việc tái phạm. Bằng chứng đang tích lũy rằng việc tái phạm là công việc của những kẻ phạm tội nhiều nhất. Ông chỉ ra rằng điều này làm nảy sinh khả năng đáng chú ý là có thể đạt được mục tiêu nhắm mục tiêu người phạm tội chỉ bằng cách phát hiện các hành vi phạm tội lặp đi lặp lại đối với cùng một hộ gia đình hoặc một người, vì những hành vi phạm tội này được thực hiện bởi những người phạm tội mà trong mọi trường hợp mà người ta mong muốn nhắm tới. Kiểu nhắm mục tiêu người phạm tội này tránh được các cáo buộc vi phạm quyền tự do dân sự, vì nó tập trung vào tập hợp các hành vi rắc rối nhất mà những kẻ phạm tội nghiêm trọng thực hiện.

Nhiều kỹ thuật phòng chống tội phạm dựa trên giả định về một mối đe dọa đáng tin cậy (*Bước 40*). Truyền hình mạch kín (CCTV) cung cấp mối đe dọa răn đe ở mức độ mà những kẻ phạm tội tiềm năng tin rằng ai đó đang theo dõi và sẽ hành động nếu họ nhìn thấy hành vi sai trái hoặc những kẻ phạm tội có thể được xác định và bắt giữ sau đó dựa trên các bản ghi của CCTV. Điều này không có nghĩa là phải có nhiều vụ bắt giữ, nhưng một vài vụ bắt giữ được công bố rộng rãi có thể củng cố một thông điệp quan trọng. Và thông điệp có thể có tác dụng mạnh mẽ nếu nó được truyền tải qua mạng lưới của tội phạm.

Khi có thông tin cụ thể cho thấy một số ít người phải chịu trách nhiệm về phần lớn vấn đề, việc tập trung vào những cá nhân này sẽ có ích. Sở Cảnh sát Boston đã giảm bớt các vụ giết người ở nam thanh niên bằng cách giám sát tương đối ít thành viên băng đảng. Francis Cullen và các đồng nghiệp gợi ý rằng các cơ quan quản chế và tạm tha

nên tìm hiểu các trường hợp cụ thể mà mỗi người phạm tội gặp rắc rối, sau đó giúp người phạm tội xây dựng các kế hoạch để tránh những trường hợp này và cuối cùng là giám sát việc tuân thủ các kế hoạch này.

Giải quyết hành vi phạm lặp lại bằng cách loại bỏ môi trường tạo điều kiện thuận lợi có thể có hiệu quả. Ví dụ, ở Staining, một ngôi làng ở Anh, một bãi phế liệu đóng vai trò là nơi tiếp nhận các phương tiện, phụ tùng và đồ cướp được khác từ các vụ trộm. Nhiều người phạm tội liên quan đã được biết đến. Nhưng bất chấp nỗ lực thực thi của cảnh sát, vấn đề này vẫn không thể được giải quyết. Cảnh sát địa phương đã có thể đóng cửa địa điểm bằng cách sử dụng luật quản lý ô nhiễm và các mối nguy hiểm môi trường khác. Điều này làm giảm đáng kể tội phạm trong làng. Tương tự như vậy, cảnh sát Hoa Kỳ thường sử dụng luật dân sự để đóng cửa các cơ sở khuyến khích buôn bán ma túy, mại dâm cũng như các tội phạm và gây rối loạn khác.

Ngược lại, tạo cơ hội cho tội phạm bắt kẻ phạm tội có thể khiến mọi việc trở nên tồi tệ hơn. Vào cuối những năm 1970 và đầu những năm 1980, một số sở cảnh sát Hoa Kỳ đã thử nghiệm các hoạt động “có sử dụng cỡ sớ bí mật để câu nhử” (Sting), trong đó họ tạo ra các chợ giả cho hàng ăn trộm, ghi lại hồ sơ những người đã bán hàng hóa đó cho họ và sau đó bắt giữ nhiều tên trộm. Một số hoạt động này đã được đánh giá. Không có bằng chứng cho thấy các hoạt động này làm giảm tội phạm. Có một số bằng chứng cho thấy họ có thể đã gia tăng tội phạm bằng cách cung cấp những cách thức sinh lợi và thuận tiện để bán đồ ăn cắp. Trong suốt cuốn sổ tay này, chúng tôi đã lưu ý rằng môi trường tạo thuận lợi có thể có ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc thúc đẩy hành vi tội phạm. Vì vậy, người ta nên hết sức thận trọng trong việc tạo ra các cơ hội tội phạm nhân tạo để truy bắt những kẻ phạm tội nhiều vô danh.

Thông tin từ những người tái phạm và đồng phạm của họ có thể được sử dụng để xác định các đặc điểm của môi trường tạo điều kiện thuận lợi cho hành vi phạm tội. Phần lớn hoạt động phòng ngừa tội phạm sớm được thực hiện tại các cửa hàng tiện lợi được phát triển từ các cuộc phỏng vấn người phạm tội (Bước 9). Vào đầu những năm 1970, Sở Cảnh sát Lakewood, Colorado đã phỏng vấn những tên trộm bị kết án và biết được rất nhiều điều về cách chúng nhắm mục tiêu vào các ngôi nhà và xử lý hàng hóa bị đánh cắp. Từ Newport News, Sở Cảnh sát Virginia đã sử dụng các cuộc phỏng vấn người phạm tội để giúp phân tích các vụ trộm xe. Một thông tin tình báo quan trọng mà họ thu được là những tên trộm nhắm mục tiêu vào những phương tiện mà bọn trộm tin rằng có chứa ma túy. Gần đây hơn, khi Sở Cảnh sát Chula Vista, California phỏng vấn những tên trộm xe, họ phát hiện ra rằng bọn trộm có phương pháp trộm xe đơn giản hơn nhiều so với những gì các nhà điều tra nghi ngờ. Điều này cảnh báo các nhà điều tra về một lỗ hổng chưa xác định của những chiếc ô tô cũ thuộc một nhãn hiệu cụ thể. Những thông tin như vậy không có sẵn từ nguồn nào khác.

Đọc thêm

- Cullen, Francis và cộng sự (2002). “Môi trường giam giữ: Một khuôn khổ mới để giám sát tạm tha và quản chế hiệu quả.” *Quản chế Liên bang*, 66 (2):28-37.
- Kennedy, David và cộng sự (2001). *Giảm bạo lực súng đạn: Chiến dịch ngừng bắn súng ở Boston*. Báo cáo nghiên cứu. Washington, DC: Viện Tư pháp Quốc gia.

Bước 31: Nhận biết sản phẩm mà đối tượng trộm cắp nhắm tới CRAVED

Theo nguyên tắc 80-20 (*Bước 18*), không phải tất cả các sản phẩm đều có nguy cơ bị đánh cắp như nhau vì kẻ trộm rất kén chọn về những gì chúng sẽ đánh cắp. Họ tập trung vào tương đối ít “sản phẩm hấp dẫn” như ô tô, máy tính xách tay, đầu DVD và điện thoại di động. Sản phẩm hấp dẫn nhất là tiền mặt, thứ mà Marcus Felson mô tả là “bầu sữa mẹ của tội phạm”. Đây là món đồ bị đánh cắp thường xuyên nhất trong các vụ trộm, trộm và cướp. Nó gây ra các vụ cướp ngân hàng và các cửa hàng cá cược ngoài đường, tấn công vào điện thoại công cộng và trộm cắp gần các máy ATM.

Tài sản của mọi người có thể giúp giải thích các nguy cơ trở thành nạn nhân của họ. Ví dụ, việc sở hữu một chiếc ô tô sẽ tăng gấp đôi nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm, ngay cả khi tính đến các biến số về nhân khẩu học và xã hội có liên quan. Và mẫu xe cụ thể mà bạn sở hữu có thể làm tăng rủi ro này lên nhiều lần. Để thông báo cho mọi người về những chiếc xe có nguy cơ rủi ro cao và gây áp lực lên các nhà sản xuất nhằm cải thiện an ninh, Viện Dữ liệu về những mất mát trên đường cao tốc ở Washington, DC công bố dữ liệu hàng năm cho thấy số lượng yêu cầu bảo hiểm liên quan đến trộm cắp được thực hiện cho từng mẫu xe trên đường. Bảng này trình bày năm mẫu xe có tần suất khiếu nại trộm cắp cao nhất và thấp nhất (trên 1.000 phương tiện trên đường) trong số 305 mẫu xe mới trong giai đoạn 2001-2003. Cadillac Escalade và Nissan Maxima có tần suất yêu cầu bồi thường cao hơn khoảng 30 lần so với 5 mẫu xe có tỷ lệ yêu cầu bồi thường thấp nhất. Thang cuốn được nhắm mục tiêu cho bánh xe tùy chỉnh và Maximas cho đèn pha cường độ cao, cũng phù hợp với các mẫu xe trước đó được cung cấp không có đèn như vậy.

Dù hữu ích nhưng những dữ liệu này không chỉ ra những chiếc xe nào có nguy cơ cao nhất trước *các hình thức trộm cắp cụ thể*. Tuy nhiên, nghiên cứu được thực hiện vào những năm 1980 cho thấy những mẫu xe được người chơi joyrider ưa thích là những chiếc xe "hầm hố" với khả năng tăng tốc mạnh mẽ, chẳng hạn như Chevrolet Camaro. Những chiếc xe thường bị đánh cắp và không bao giờ tìm lại được nhiều nhất là những chiếc xe đắt tiền như Lincolns và Mercedes, và những chiếc xe thường bị đột nhập và tước đoạt nội thất nhiều nhất là những mẫu xe châu Âu, chẳng hạn như Volkswagens, với những chiếc radio tốt phù hợp với nhiều mẫu xe khác nhau. Xe ga nội địa, phương tiện di chuyển chủ yếu của gia đình, không có nguy cơ bị trộm cắp dưới bất kỳ hình thức nào. Những thứ này rẻ tiền, có bộ đàm khủng khiếp và người ta sẽ không thể nhìn thấy những người lái xe vui vẻ chết trong đó.

Các cuộc khảo sát do Hội đồng Nghiên cứu về Ngăn ngừa các mất mát thực hiện cho thấy những kẻ trộm cắp trong cửa hàng luôn chọn đĩa CD, thuốc lá, rượu và các mặt hàng thời trang như quần jean Hilfiger và giày thể thao Nike. Nhiều thứ trong số này có thể dễ dàng được bán trên đường phố hoặc bán tận nhà ở một số nơi. Cảnh sát ít quan tâm đến việc rào hàng hóa trộm cắp vì khó chứng minh và đưa ra mức án tương đối nhẹ, nhưng hiện nay nhiều sở cảnh sát nhận được báo cáo điện tử thường xuyên về các giao dịch cầm đồ. Việc rà soát các báo cáo này sẽ giúp bạn được thông báo về những gì kẻ trộm và những người khác đang ăn trộm trong khu vực của bạn. Nó cũng sẽ giúp bạn suy nghĩ về cách thức bán hàng bị đánh cắp và các cách phá vỡ thị trường.

Tần suất yêu cầu bồi thường về hành vi trộm cắp cao nhất, 2001-03

Tần suất yêu cầu bồi thường về hành vi trộm cắp cao nhất, 2001-03

Tần suất yêu cầu

Sổ Tay 60 Bước Cơ bản Trong Phân Tích Tội Phạm

Cadillac Escalade EXT (2002-03)	Xe bán tải hạng sang cỡ lớn	20.2
Nissan Maxima (2002-03)	Xe 4 cửa cỡ trung	17,0
Thang cuốn Cadillac (2002-03)	SUV hạng sang cỡ lớn	10.2
Dodge Stratus/Chrysler Sebring	Xe 4 cửa cỡ trung	8.3
né tránh dừng cảm	Xe 4 cửa cỡ lớn	7,9
Tần suất yêu cầu bồi thường về hành vi trộm cắp thấp nhất, 2001-03		
Xe Buick LeSabre	Xe 4 cửa cỡ lớn	0,5
Xe Đại lộ Buick Park	Xe 4 cửa cỡ lớn	0,5
Xe Ford Kim Ngưu	Toa xe ga cỡ lớn	0,5
Buick Rendezvous 4WD (2002-03)	SUV hạng trung	0,7
Xe LW	Toa xe cỡ trung	0,7
TRUNG BÌNH TẤT CẢ CÁC XE	2,5	

Nguồn: Viện dữ liệu tổn thất đường cao tốc (www.hldi.org)

Từ viết tắt CRAVED sẽ giúp bạn ghi nhớ hàng hóa nào bị trộm nhiều nhất. Đó là những thứ có thể Concealable - che giấu, Removable - có thể tháo rời, Available - có sẵn, Valuable - có giá trị, Enjoyable - thú vị và Disposable - dùng một lần:

- Có thể che giấu được. Những thứ có thể giấu trong túi hoặc túi sẽ dễ bị kẻ trộm và những tên trộm lén lút khác tấn công hơn. Những thứ khó xác định hoặc có thể dễ dàng che giấu sau khi bị đánh cắp cũng có nguy cơ cao hơn. Trong một số trường hợp, hành vi trộm cắp thậm chí có thể được che giấu khỏi chủ sở hữu hàng hóa, chẳng hạn như khi gỗ hoặc gạch vớt bừa bãi trên các công trường xây dựng bị đánh cắp.
- Có thể tháo rời. Thực tế là ô tô và xe đạp có thể di chuyển được giúp giải thích tại sao chúng thường xuyên bị đánh cắp. Cũng không có gì đáng ngạc

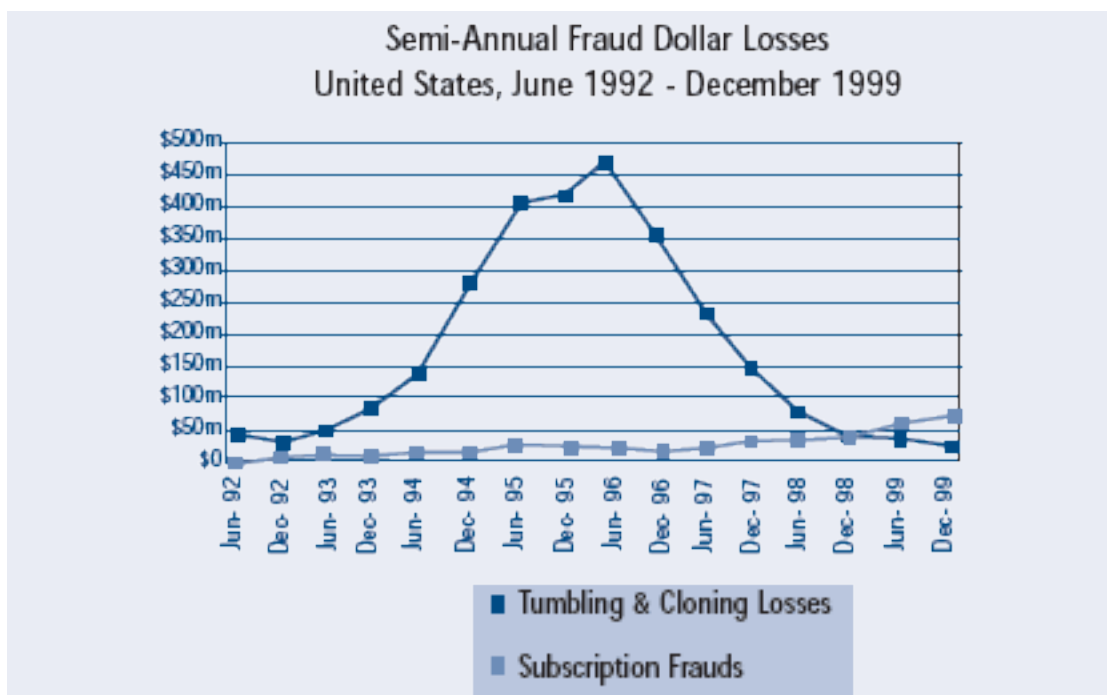
nhiên khi máy tính xách tay thường bị đánh cắp vì chúng không chỉ được ưa chuộng mà còn dễ mang theo. Cái gì dễ mang theo tùy thuộc vào loại trộm cắp. Cả kẻ trộm và kẻ trộm trong cửa hàng đều ăn trộm thuốc lá, rượu, thuốc và dụng cụ làm đẹp từ siêu thị, nhưng kẻ trộm lấy chúng với số lượng lớn hơn nhiều.

- Có sẵn. Những đồ vật mong muốn có sẵn rộng rãi và dễ tìm có nguy cơ cao hơn. Điều này giải thích tại sao các chủ hộ cố gắng giấu đồ trang sức và tiền mặt khỏi bọn trộm. Nó cũng giúp giải thích tại sao ô tô càng cũ thì càng có nguy cơ bị trộm cao hơn. Chúng ngày càng có nhiều khả năng thuộc sở hữu của những người sống ở những khu dân cư nghèo, ít bãi đậu xe ngoài đường và có nhiều người phạm tội sống gần đó. Cuối cùng, làn sóng trộm cắp có thể xuất phát từ sự sẵn có của một sản phẩm mới hấp dẫn, chẳng hạn như điện thoại di động, sản phẩm này nhanh chóng thiết lập thị trường bất hợp pháp của riêng mình (*xem minh họa*).
- Có giá trị lớn. Kẻ trộm thường chọn những món hàng đắt tiền hơn, đặc biệt khi chúng trộm để bán. Nhưng giá trị không được xác định đơn giản bằng giá trị bán lại. Vì vậy, khi ăn trộm để sử dụng cho mục đích riêng, trẻ vị thành niên trộm cắp có thể chọn hàng hóa có địa vị cao hơn so với các bạn cùng trang lứa. Tương tự, những người thích vui chơi quan tâm đến khả năng vận hành của một chiếc ô tô hơn là giá trị tài chính của nó.
- Thú vị. Các sản phẩm hot có xu hướng là những thứ thú vị để sở hữu hoặc tiêu dùng, chẳng hạn như rượu, thuốc lá và DVD. Vì vậy, những tên trộm ở khu dân cư có nhiều khả năng lấy đầu DVD và tivi hơn những đồ điện tử có giá trị tương đương, chẳng hạn như lò vi sóng. Điều này có thể phản ánh lối sống ham vui của nhiều tên trộm (và khách hàng của chúng).

- Dùng một lần. Chỉ gần đây mới bắt đầu nghiên cứu có hệ thống về mối quan hệ giữa sản phẩm hấp dẫn/ưu chuộng và thị trường trộm cắp, nhưng rõ ràng kẻ trộm sẽ có xu hướng chọn những thứ dễ bán. Điều này giúp giải thích tại sao pin và dao cạo dùng một lần lại nằm trong số những mặt hàng thường xuyên bị đánh cắp nhất ở các cửa hàng thuốc ở Hoa Kỳ.

Sự trỗi dậy và sụp đổ của điện thoại nhân bản (hàng nhái)

Khi điện thoại di động trở nên phổ biến, bọn tội phạm đã tìm mọi cách để nhân bản (hàng nhái) chúng để có thể sử dụng mà không phải trả bất kỳ hóa đơn nào. Họ sử dụng máy quét gần sân bay và khách sạn để ghi lại các số mà mỗi điện thoại truyền đi để gửi và nhận cuộc gọi. Sau đó, họ tạo ra "bản sao" của những chiếc điện thoại ban đầu bằng cách lập trình lại các số vào điện thoại mà họ đã đánh cắp. Điện thoại ban đầu sau đó sẽ bị tính phí cho các cuộc gọi do bản sao thực hiện. Điều này nhanh chóng trở thành doanh nghiệp lớn. Dòng trên cùng trong biểu đồ cho thấy tổn thất nhân bản của tất cả các công ty điện thoại di động tăng khá nhanh từ tháng 6 năm 1992 đến tháng 6 năm 1996 khi tổng cộng chúng đạt gần 450 triệu đô la trong 6 tháng trước đó. (Tổn thất là do các công ty điện thoại đã xóa hóa đơn của những thuê bao hợp pháp có điện thoại giả). Tại thời điểm này, các công ty điện thoại bắt đầu giới thiệu nhiều công nghệ khiến việc đánh cắp số điện thoại và sử dụng trở nên khó khăn hơn nhiều. một bản sao. Việc nhân bản đã giảm nhanh chóng đến mức đến tháng 12 năm 1999, nó đã bị loại bỏ hoàn toàn. Ngẫu nhiên thay, hình thức gian lận điện thoại di động phổ biến thứ hai, "gian lận đăng ký" (mở tài khoản với tên và địa chỉ giả), đã không tăng vọt khi việc nhân bản bị đóng cửa, như những người theo dõi dịch chuyển sẽ dự đoán. Điều này có thể là do tội phạm có tổ chức dễ dàng "sản xuất hàng loạt" nhân bản, trong khi gian lận đăng ký thì không.



Chú thích:

Semin-annual fraud dollar losses United States, June 1992 – December 1999: Thống kê những thiệt hại do gian lận điện thoại ở Hoa Kỳ theo chu kỳ 6 tháng, từ tháng 6/1992 đến tháng 12/1999;

Tumbling & cloning losses: Số vụ thiệt hại do hàng nhái;

Subscription frauds: Số vụ gian lận đăng kí

Nguồn: Clarke, Ronald, Rick Kemper và Laura Wyckoff (2001). "Kiểm soát gian lận điện thoại di động ở Hoa Kỳ," Tạp chí bảo mật, 14:7-22.

Đọc thêm

- Clarke, Ronald (1999). Sản phẩm nổi bật. Loạt nghiên cứu của cảnh sát. Hồ sơ số 112. Luân Đôn: Bộ Nội vụ (Có thể truy cập tại: www.popcenter.org).

Bước 32: Tiến hành nghiên cứu các tình huống kiểm soát

Khi phân tích một vấn đề, việc hỏi "tại sao những người, địa điểm, thời gian hoặc sự kiện này lại gây rắc rối trong khi các thực thể tương tự khác lại ít rắc rối hơn?" Trả lời những câu hỏi như vậy đòi hỏi bạn phải so sánh các trường hợp có vấn đề với các trường hợp không có vấn đề.

Loại so sánh này được gọi là "nghiên cứu có kiểm soát dựa trên các tình huống." Nó bao gồm việc so sánh những người, địa điểm, thời gian hoặc sự kiện gây rắc rối với những người, địa điểm, thời gian hoặc sự kiện gây rắc rối. Những tình huống rắc rối được gọi là "vụ án". Các trường hợp mà chúng được so sánh được gọi là "điều khiển".

Một ví dụ đến từ dữ liệu được cung cấp bởi Susan Wernike, chuyên gia phân tích tội phạm của Shawnee, Sở Cảnh sát Kansas. Đối với mỗi quán bar ở Shawnee, cô tính số cuộc gọi trên 100 người theo công suất định mức. Điều này được điều chỉnh cho các thanh có kích thước khác nhau (*xem Bước 27*). Hình vẽ cho thấy các thanh được xếp hạng từ tỷ lệ cao nhất đến thấp nhất. Một nghiên cứu bệnh chứng cơ bản có thể được áp dụng ở đây. Các quán bar có tỷ lệ cao nhất sẽ được so sánh với những quán có tỷ lệ thấp nhất để xem liệu có sự khác biệt mang tính hệ thống trong cách họ vận hành, hành vi trong quán bar và loại khách hàng mà họ thu hút hay không.

Các nghiên cứu bệnh chứng rất hữu ích khi các trường hợp rắc rối hiếm khi xảy ra so với những trường hợp không rắc rối. Đây thường là tình huống xảy ra khi giải quyết vấn đề.

Để tiến hành một nghiên cứu một tình huống kiểm soát hợp lệ, bạn nên làm các bước như sau:

- Xác định trường hợp của bạn một cách chính xác.

- Chọn một mẫu đại diện cho những trường hợp này.
- Xác định một nhóm biện pháp kiểm soát có thể gây rắc rối nhưng không gây rắc rối ngay cả khi chúng gặp phải những điều kiện tương tự (ví dụ: trong cùng khu phố hoặc thành phố, phục vụ cùng loại khách hàng, v.v.).
- Chọn một mẫu đại diện của các biện pháp kiểm soát này.
- So sánh đặc điểm của các trường hợp với đặc điểm của đối chứng.

Những khác biệt đáng kể chỉ ra những đặc điểm có thể góp phần gây ra vấn đề. Những điểm tương đồng chỉ ra những đặc điểm có thể không góp phần gây ra vấn đề. Hãy khám phá các bước này bằng một ví dụ.

Ví dụ đơn giản về thanh Shawnee minh họa bốn bước đầu tiên cho một số lượng rất nhỏ các vị trí. Chúng ta cũng có thể xem xét một ví dụ phức tạp hơn để chỉ ra một số chi tiết của nghiên cứu các trường hợp có kiểm soát.

Xác định chính xác các trường hợp. Vào đầu những năm 1990, John Eck quan tâm đến việc tại sao một số nơi là địa điểm buôn bán ma túy dai dẳng còn hầu hết những nơi lân cận khác thì không. Với sự giúp đỡ của Sở Cảnh sát San Diego, California, hơn 300 trường hợp sử dụng ma túy dai dẳng đã được xác định tại một khu phố ở San Diego. Những điều này được xác định dựa trên các cuộc gọi của người dân, các hoạt động cưỡng chế ma túy, hồ sơ thẩm vấn tại hiện trường, dữ liệu bắt giữ và quan sát của sĩ quan tuần tra. Để được phân loại là dai dẳng, mỗi địa điểm phải có nhiều lần bắt giữ ma túy, gọi điện hoặc thẩm vấn tại hiện trường vào những ngày riêng biệt; hoặc lệnh đột kích; hoặc được nhân viên tuần tra xác định. Bởi vì nhiều chỉ số đã được sử dụng để xác định vị trí của các địa điểm này nên có lý khi tin rằng hầu hết các địa điểm lâu dài đã được định vị.

Chọn một mẫu đại diện cho các trường hợp phức tạp. Đối với mỗi khối trong khu vực lân cận có một địa điểm giao dịch duy nhất, địa điểm giao dịch đó được chọn để nghiên cứu. Nếu có hai địa điểm giao dịch trên khối thì cả hai đều được chọn. Nếu có nhiều hơn hai thì hai người được chọn ngẫu nhiên. Điều này cung cấp một mẫu đại diện của 189 địa điểm. Chọn tất cả các trường hợp là một lựa chọn hợp lý khác, nhưng điều đó sẽ làm tăng chi phí nghiên cứu. Việc lấy mẫu ngẫu nhiên đơn giản cũng có thể được sử dụng nhưng sẽ không đảm bảo phạm vi bao phủ của tất cả các khối bị ảnh hưởng.

Xác định một nhóm điều khiển có thể gây rắc rối. Kiểm soát là những nơi trong khu vực lân cận không có bằng chứng về việc buôn bán ma túy. Những địa điểm lân cận rất hữu ích vì những người bán ma túy đang tìm kiếm địa điểm giao dịch sẽ biết đến chúng. Vì vậy, những địa điểm gần đó đã được đại lý tìm đến nhưng chưa được đại lý lựa chọn. Kiểm soát phải là những thực thể có thể là trường hợp, nhưng vì những lý do bí ẩn đã không trở thành như vậy. Mục tiêu của nghiên cứu là giải quyết bí ẩn.

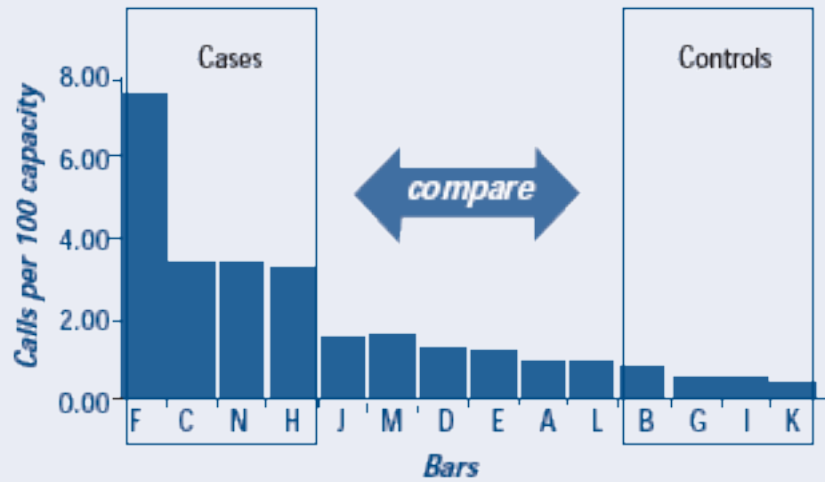
Chọn một mẫu kiểm soát đại diện. Trên mỗi khối, cùng một số địa điểm không giao dịch được chọn làm địa điểm giao dịch. Các địa điểm này được chọn ngẫu nhiên (như trường hợp chúng được rút thăm) từ danh sách các địa điểm trên mỗi khu không có dấu hiệu hoạt động của ma túy. Việc lựa chọn tất cả các địa điểm không giao dịch sẽ là không thực tế vì có hàng nghìn địa điểm không giao dịch. Bằng cách đảm bảo các trường hợp và đối chứng đều đến từ cùng một khu vực, quá trình lựa chọn đảm bảo rằng các đối chứng đã được tiếp xúc với những kẻ buôn bán ma túy. Lựa chọn ngẫu nhiên đảm bảo với chúng tôi rằng các biện pháp kiểm soát đại diện cho tất cả các địa điểm không giao dịch.

So sánh các trường hợp với các yếu tố kiểm soát. Các quan sát viên đã được cử đến các trường hợp và cơ quan kiểm soát để ghi lại thông tin về các địa điểm. Điều này bao gồm thông tin về: loại hình công trình (kinh doanh, tòa nhà chung cư, nhà ở một gia đình, lô đất trống, v.v.); loại đường mà nó nằm trên đó (số làn đường, một chiều/hai chiều, v.v.); khoảng cách từ đường cao tốc liên bang gần nhất; các loại công trình xung quanh; sự gần gũi của ánh sáng; số lượng căn hộ; sự hiện diện của hàng rào và an ninh khác; tiếp giáp với ngõ, lối đi; và nhiều yếu tố khác. Mục tiêu là để xem liệu các địa điểm giao dịch có khác biệt đáng kể so với các địa điểm không giao dịch về bất kỳ đặc điểm nào trong số này hay không. Hai mẫu đã được tìm thấy, một mẫu dành cho các địa điểm xử lý vết nứt và mẫu còn lại dành cho các địa điểm chứa methamphetamine (ma túy tổng hợp). So với các biện pháp kiểm soát, các vị trí vết nứt có nhiều khả năng nằm trong các tòa nhà chung cư nhỏ và có cổng khóa ở hàng rào. So với đối chứng, các địa điểm methamphetamine có nhiều khả năng nằm ở các ngôi nhà dành cho một gia đình và gần các lối đi. Dường như sự ưa thích của những kẻ buôn bán ma túy đối với các đơn vị cho thuê trong các tòa nhà nhỏ (có thể là những tòa nhà có ít căn hộ hoặc nhà dành cho một gia đình) cho thấy rằng họ đang tìm kiếm những địa điểm có quản lý địa điểm thấp. Trong một thử nghiệm sau đó, Eck nhận thấy rằng việc can thiệp với chủ nhà đã làm giảm tội phạm liên quan đến ma túy. Nghiên cứu bệnh chứng khác với hầu hết các nghiên cứu khác và yêu cầu các kỹ thuật đặc biệt để phân tích dữ liệu. Bước 33 mô tả một kỹ thuật đặc biệt hữu ích.

Nghiên cứu trường hợp kiểm soát rất hữu ích trong việc phân tích vấn đề. Cách tiếp cận này đủ linh hoạt để áp dụng cho một số ít địa điểm (như trong ví dụ Shawnee) hoặc một số lượng rất lớn (như trong ví dụ San Diego). Mặc dù các ví dụ tập trung vào địa điểm nhưng quy trình tương tự có thể được áp dụng cho con người, thời gian và sự kiện.

BIỂU ĐỒ SO SÁNH TỶ LỆ CUỘC GỌI CAO VÀ THẤP TỪ CÁC QUÁN BAR

- Shawnee, KS



Chú thích:

Calls per 100 capacity: Số cuộc gọi trong tổng số 100 nhân viên;

Cases: Số vụ;

Controls: Kiểm soát;

Compare: So sánh;

Bars: Quán bar

Không thực hiện nghiên cứu vụ việc điển hình thiếu kiểm soát

Một sai lầm phổ biến là chỉ thu thập dữ liệu về những người, địa điểm, thời gian hoặc sự kiện gây rắc rối. Điều này có thể mang lại những kết quả sai lệch vì bạn chỉ tìm hiểu về những đặc điểm chung của các trường hợp rắc rối chứ không biết liệu chúng có khác với những trường hợp không rắc rối hay không. Một ví dụ về điều này là một nghiên cứu do FBI thực hiện vào đầu những năm 1990 để tìm hiểu về các vụ giết hại cảnh sát. Các nhà nghiên cứu đã thu thập thông tin về các sĩ quan thiệt mạng khi làm nhiệm vụ, nhưng không thu thập thông tin về các sĩ quan gặp phải tình trạng tương tự nhưng không thiệt mạng. Do đó, chúng tôi không biết, nếu có, đặc điểm nào của các sĩ quan thiệt

mạng đã góp phần dẫn đến việc họ bị giết. Các sĩ quan còn sống tiếp xúc với những điều kiện giống nhau có thể có nhiều đặc điểm giống nhau.

Đọc thêm

- Loftin, Colin và David McDowall. (1988). “Phân tích các nghiên cứu trường hợp kiểm soát trong tội phạm học.” Tạp chí Tội phạm học Định lượng 4:85-98.

Bước 33: Đo lường sự liên kết

Lấy ví dụ, các bãi đậu xe có người gác cổng có ít vụ trộm xe hơn so với những bãi đậu xe không có người gác cổng hay không? Liệu những chung cư có người quản lý tại chỗ có ít nguy cơ buôn bán ma túy hơn những chung cư không có người quản lý không? Để trả lời những câu hỏi như thế này, bạn cần xác định xem liệu có mối liên hệ thống kê nào giữa một số đặc điểm về con người, địa điểm hoặc sự kiện và một số thước đo của vấn đề (tội phạm, thương tích, v.v.).

Có nhiều cách để tính toán sự liên kết. Thông thường một *hệ số tương quan* được sử dụng. Các hệ số tương quan nằm trong khoảng từ -1 đến 1. Tương quan âm có nghĩa là sự gia tăng của một đặc tính này có liên quan đến sự suy giảm của đặc tính kia (và sự suy giảm là đặc tính đi kèm với sự gia tăng của đặc tính kia). Mối tương quan dương có nghĩa là sự gia tăng của một đặc tính này có liên quan đến sự gia tăng của đặc tính kia (và sự suy giảm của một đặc tính này có liên quan đến sự suy giảm của đặc tính kia). Hệ số lớn có nghĩa là mối liên hệ chặt chẽ (tích cực hoặc tiêu cực). Nếu hệ số tương quan gần bằng 0 thì không có sự liên kết - sự thay đổi ở một đặc tính này không liên quan đến sự thay đổi ở đặc tính kia. Bất kỳ bảng tính hoặc chương trình phân tích thống kê nào cũng có thể thực hiện các phép tính.

Đơn vị Phân tích Tội phạm của Sở Cảnh sát trưởng Quận Jacksonville-Duval (FL) đã kiểm tra các khu chung cư trên 50 căn hộ. Họ phát hiện ra rằng đối với 269 khu chung cư, mối tương quan giữa số lượng căn hộ và số tội phạm là khoảng 0,57: một mối tương quan tích cực khiêm tốn. Có mối tương quan dương rất cao (0,91) giữa số tội phạm về tài sản và số tội phạm bạo lực trong các khu chung cư này.

Bạn không thể sử dụng hệ số tương quan để đo lường mối liên quan trong nghiên cứu bệnh chứng (*Bước 32*). Thay vào đó, bạn nên sử dụng *tỷ lệ chênh lệch*.

Tỷ lệ chênh lệch có thể là bất kỳ số nào lớn hơn 0. Khi tỷ lệ chênh lệch bằng 1, không có mối liên hệ nào giữa đặc điểm và kết quả. Nghĩa là, rủi ro của kết quả là như nhau cho dù có đặc điểm đó hay không. Nếu tỷ lệ chênh lệch nằm trong khoảng từ 0 đến 1, rủi ro sẽ cao hơn khi không có đặc điểm này so với khi có đặc điểm đó (một mối liên hệ tiêu cực). Tỷ lệ chênh lệch là .1 cho thấy rủi ro của kết quả khi có đặc điểm này là 1/10 rủi ro khi không có đặc điểm đó. Nếu tỷ lệ chênh lệch lớn hơn 1, rủi ro khi có đặc điểm này sẽ cao hơn khi không có đặc điểm đó (một mối liên hệ tích cực). Tỷ lệ chênh lệch là 3 có nghĩa là rủi ro của kết quả khi có đặc điểm này lớn gấp ba lần so với khi không có đặc điểm đó.

Để sử dụng tỷ lệ chênh lệch, cả kết quả và đặc điểm chỉ được có hai giá trị. Ví dụ: đối với kết quả, 1 có nghĩa là thanh có tội phạm cao và 0 có nghĩa là thanh có tội phạm thấp. Đối với đặc điểm, 1 có nghĩa là nhân viên đã được đào tạo cách ngăn chặn các vụ hành hung và 0 có nghĩa là nhân viên chưa được đào tạo như vậy. Tỷ lệ chênh lệch sẽ cho bạn biết liệu có mối liên hệ giữa các quán bar có nhân viên được đào tạo để ngăn chặn các vụ hành hung và một quán bar có nhiều tội phạm hay không. Ở đây chúng ta mong đợi một mối liên hệ tiêu cực, do đó tỷ lệ chênh lệch sẽ phải nhỏ hơn một để đáp ứng mong đợi của chúng ta.

Bảng 1 cho thấy cách tính tỷ lệ chênh lệch. Kết quả nằm ở hàng và đặc tính nằm ở cột. Số trường hợp có giá trị phù hợp cho cả kết quả và đặc điểm nằm trong mỗi ô. Ô A chứa số trường hợp có đặc điểm được đề cập. Ô C chứa số trường hợp không có đặc điểm. Ô B chứa số lượng điều khiển có đặc tính. Ô D chứa số lượng điều khiển không

có đặc tính. Tỷ lệ chênh lệch có thể được tính bằng máy tính cầm tay sử dụng công thức ở cuối bảng, nhưng nhiều gói phần mềm thống kê cũng sẽ tính toán tỷ lệ này.

Bảng 2 minh họa việc áp dụng tỷ lệ chênh lệch trong nghiên cứu bệnh chứng về các địa điểm buôn bán ma túy ở San Diego (*xem Bước 32*). Kết quả là việc buôn bán cocaine hoặc heroin dai dẳng. Có 58 chung cư trong nghiên cứu có dấu hiệu giao dịch dai dẳng (trường hợp). Ngoài ra còn có 47 căn hộ trong nghiên cứu không có dấu hiệu cho thấy bất kỳ hoạt động buôn bán ma túy (kiểm soát) nào. Sự hiện diện của các cổng khóa hoặc không khóa hoặc người quản lý tại chỗ có ảnh hưởng đến việc người bán ma túy có chọn địa điểm không? Khi so sánh các căn hộ có cổng không khóa với những căn hộ có khóa hoặc không có cổng, tỷ lệ chênh lệch lớn hơn một, nhưng điều này không khác biệt đáng kể so với một (*xem Bước 53*), vì vậy chúng tôi không thể loại trừ khả năng không có mối quan hệ giữa việc mở khóa, cửa khẩu và buôn bán ma túy (hãy nhớ lại, khi tỷ lệ chênh lệch là một thì không có mối liên hệ nào). Mối liên hệ giữa cổng bị khóa và buôn bán ma túy là tích cực đáng kể. Những tòa nhà có cổng khóa có nguy cơ buôn bán cocaine hoặc heroin cao gần gấp ba lần rủi ro so với các tòa nhà chung cư khác. Các tòa nhà chung cư có người quản lý tại chỗ có khoảng 3/10 cơ hội trở thành địa điểm giao dịch như những căn hộ không có người quản lý tại chỗ.

Đây là mối liên hệ tiêu cực có ý nghĩa thống kê. Nhưng hãy nhớ rằng, mối tương quan không giống như quan hệ nhân quả. Mối tương quan gợi ý rằng đặc điểm được đề cập có thể là một nguyên nhân góp phần, nhưng bản thân mối tương quan không đủ để chứng minh mối quan hệ nhân quả.

Bảng 1: Tính tỷ lệ chênh lệch

kết quả	đặc trưng		Tổng cộng
	Có (1)	Không (0)	
Có (1) - Các trường hợp	A	C	A+C
Không (0) - Điều kiện	B	D	B+D
Tỷ lệ chênh lệch = (A/B)/(C/D) = (A*B)/(C*B)			

Bảng 2: An ninh chung cư và buôn bán ma túy

	Cổng đã mở khóa	Cổng bị khóa hoặc không có cổng	Tỷ lệ chênh
Giao dịch	16	42	1.857
Không giao dịch	số 8	39	
	Cổng bị khóa	Đã mở khóa hoặc không có cổng	Tỷ lệ chênh
Giao dịch	33	25	3.452
Không giao dịch	13	34	
	Người quản lý tại chỗ	Không có người quản lý tại chỗ	Tỷ lệ chênh
Giao dịch	14	44	0,305
Không giao dịch	24	23	

Bước 34: Tìm kiếm các yếu tố hỗ trợ phạm tội

Các yếu tố giúp sức hỗ trợ đối tượng thực hiện hành vi phạm tội hoặc các hành động gây rối trật tự. Có ba nhóm yếu tố sau:

- Các yếu tố vật chất giúp nâng cao năng lực của người phạm tội hoặc giúp khắc phục các biện pháp phòng ngừa. Xe tải mở rộng khả năng của người phạm tội để di chuyển hàng hóa bị đánh cắp, điện thoại cho phép mọi người gọi điện thoại tục tĩu và súng giúp vượt qua khả năng chống lại các vụ cướp. Một số người hỗ trợ vật chất là công cụ, nhưng một số khác là một phần của môi trường vật chất. Felson và các đồng nghiệp mô tả cách bố trí cũ của Bến xe buýt Cảng vụ ở New York đã tạo điều kiện cho nhiều loại tội phạm xảy ra. Các loại tội phạm có những ổ sinh thái cụ thể được tạo ra bởi sự đa dạng của các đặc điểm thiết kế ở nhà ga cũ.
- Các yếu tố xã hội kích thích tội phạm hoặc rối loạn bằng cách tăng cường phần thưởng từ tội phạm, hợp pháp hóa các lý do để xúc phạm hoặc bằng cách khuyến khích hành vi phạm tội. Ví dụ, các nhóm thanh niên có thể tạo ra bầu không khí xã hội khuyến khích hành vi ồn ào tại các sự kiện thể thao. Các băng nhóm và mạng lưới tội phạm có tổ chức tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tội phạm của các thành viên của chúng.
- Các yếu tố hóa học làm tăng khả năng của người phạm tội trong việc bỏ qua những rủi ro hoặc những cảm đoán về mặt đạo đức. Ví dụ, một số người phạm tội uống rượu nhiều hoặc sử dụng ma túy trước khi phạm tội để giảm bớt sự lo lắng.

Mỗi loại yếu tố giúp sức hành động chống lại các hình thức phòng ngừa tội phạm theo tình huống cụ thể (*Bước 39-43*). Điều này được thể hiện trong bảng. Mỗi

yếu tố giúp sức (trong các cột) có thể phản biện các phương pháp phòng ngừa cụ thể (được đánh dấu bằng dấu chấm). Các yếu tố vật chất giúp người phạm tội vượt qua các biện pháp phòng ngừa làm tăng nguy cơ hoặc nỗ lực. Chúng cũng có thể đóng vai trò là sự khiêu khích dẫn đến sự lệch lạc. Các yếu tố xã hội có thể bù đắp từng phương pháp phòng ngừa. Ví dụ, hối lộ có tác dụng bù đắp rủi ro. Một số tội phạm đòi hỏi nhiều người phạm tội để bù đắp nỗ lực. Nhận thức về mức độ mong muốn của mục tiêu thường bị ảnh hưởng bởi những gì người khác mong muốn. Thế nào là một lời bào chữa có thể chấp nhận được thường phụ thuộc vào việc người khác sẽ chấp nhận điều gì. Và những người quen biết có thể kích động tội ác hoặc rối loạn thông qua sự khuyến khích. Các yếu tố hóa học cho phép người phạm tội bỏ qua rủi ro và nỗ lực khi phạm tội và đưa ra những lý do bào chữa không thể chấp nhận được.

Do khả năng ngăn chặn tội phạm của họ, điều quan trọng là xác định vai trò của các yếu tố giúp sức trong một vấn đề. Bằng chứng về yếu tố giúp sức có thể được tìm thấy trong các báo cáo điều tra và từ các nhà điều tra, bằng cách phỏng vấn nạn nhân và người phạm tội, cũng như bằng cách quan sát các tình huống xã hội. Phân tích các báo cáo tội phạm có thể được sử dụng để xác định mối liên hệ giữa tội phạm và những yếu tố giúp sức khác nhau.

Nếu yếu tố giúp sức đóng vai trò trong vấn đề này thì bước tiếp theo là tìm nguồn thông tin của các yếu tố này. Tất nhiên, các nguồn sẽ khác nhau tùy theo loại các yếu tố. Những yếu tố vật chất có thể luôn sẵn sàng, như trường hợp đá cho những kẻ bạo loạn hoặc điện thoại công cộng cho những kẻ buôn bán ma túy. Hoặc chúng có thể được mua hợp pháp, như trường hợp của nhiều công cụ trộm cắp. Hoặc chúng có thể bị đánh cắp, như đôi khi xảy ra với những chiếc xe được sử dụng trong các tội ác nghiêm trọng. Một khi nguồn của chúng được tìm thấy, có thể sẽ làm được điều gì đó

với chúng. Các minh họa dưới đây thể hiện các biện pháp được thực hiện để giải quyết việc sử dụng điện thoại công cộng trong việc buôn bán ma túy và tạo điều kiện thuận lợi cho môi trường xung quanh máy rút tiền.

Các yếu tố hỗ trợ người phạm tội đã sử dụng để chống lại các phương pháp phòng chống tội phạm

Phương pháp phòng ngừa tội phạm	Loại hỗ trợ viên được sử dụng		
	Vật chất	Xã hội	Hóa chất
Tăng rủi ro	*	*	*
Tăng cường nỗ lực	*	*	*
Giảm phần thưởng		*	
Loại bỏ lời bào chữa		*	*
Giảm bớt sự khiêu khích	*	*	

Các biện pháp ngăn chặn việc sử dụng điện thoại công cộng của những kẻ buôn bán ma túy ở các thành phố của Hoa Kỳ

Trước khi điện thoại di động được phổ biến rộng rãi, những kẻ buôn bán ma túy thường dựa vào việc sử dụng điện thoại công cộng để liên lạc với nhà cung cấp và khách hàng. Nhiều cách để ngăn chặn chúng đã được thử, bao gồm:

- Các sắc lệnh của Thành phố cấp phép cho điện thoại công cộng và cấm hoặc giới hạn số lượng của chúng tại các địa điểm cụ thể hoặc nhóm các địa điểm.
- Lắp đặt các mặt số quay không cho phép cuộc gọi đi đến máy nhắn tin.
- Sửa đổi điện thoại để chặn cuộc gọi đến.

- Cộng đồng gây áp lực lên các công ty điện thoại địa phương hoặc chính quyền thành phố để loại bỏ điện thoại công cộng hoặc di dời chúng đến những khu vực có ánh sáng tốt hơn hoặc được giám sát.
- Chỉ cho phép các cuộc gọi do nhà điều hành hỗ trợ hoặc các cuộc gọi khẩn cấp vào ban đêm bằng cách chặn hoạt động của điện thoại bằng đồng xu.
- Việc loại bỏ hoặc sửa đổi điện thoại công cộng của các doanh nghiệp như cửa hàng tiện lợi và trạm xăng.
- Các hình thức can thiệp khác như tăng cường cảnh sát tuần tra, dán nhãn cảnh báo trên điện thoại và "đường dây nóng" để báo cáo vấn đề.

Nguồn: Natarajan, Mangai và cộng sự (1996). Buôn bán ma túy và trả tiền điện thoại: Phạm vi can thiệp. *Tạp chí bảo mật* số 7, trang 245-251.

Những yếu tố xã hội phụ thuộc rất nhiều vào việc người phạm tội kết giao với ai và bối cảnh của hiệp hội. Ví dụ: các cơ sở rủi ro (*Bước 28*) có thể cung cấp các cơ chế để tạo điều kiện thuận lợi cho xã hội. Các băng đảng cung cấp các yếu tố xã hội thuận lợi cho tội phạm. Nhưng ngay cả hoạt động hợp pháp đôi khi cũng có thể châm ngòi cho sự thuận lợi hóa xã hội, như trong trường hợp một số bạo lực có động cơ chính trị, hoặc sự xáo trộn của sinh viên đại học sau các trận đấu với các đối thủ lịch sử.

Các yếu tố hỗ trợ từ hóa học rất phong phú và thường gắn liền với tội phạm và gây rối trật tự. Rượu đặc biệt được coi là chất xúc tác cho các tình huống này. Sự kết hợp khác nhau của những yếu tố hỗ trợ là phổ biến, đặc biệt là mang tính xã hội và hóa học ở các địa điểm giải trí. Có nhiều nội dung trong 25 kỹ thuật phòng ngừa tội phạm theo tình huống được thiết kế để làm giảm tác động của ba loại yếu tố hỗ trợ đối tượng phạm tội (*Bước 39-43*).

Quy định bảo mật cho máy rút tiền của ngân hàng ở thành phố New York và Los Angeles

	Thành phố New York	Los Angeles
Máy rút tiền khép kín trong tiền sảnh an toàn	Có	
Tăng cường chiếu sáng	Có	Có
Cửa sổ trong suốt trong bao vây cơ sở.		
Gương nâng cao cho người dùng	Có	
Giám thãm thực vật gần máy		Có
Camera giám sát	Có	Có *
Nhắc nhở an toàn cho người dùng	Có	Có
Thông báo về quy định an ninh cho người phạm tội tiềm năng	Có	Có
Đánh giá tội phạm trước khi lắp đặt máy rút tiền		Có
Nhân viên bảo vệ	Có ^	
Giảm thời gian hoạt động của máy rút tiền dựa trên mô hình tội phạm tạm thời trong khu vực		Có *

Có = Được pháp luật yêu cầu.

Có * = Không bắt buộc theo pháp luật, nhưng thường được thực hiện theo quyết định của ngân hàng.

Có ^ = Chi bắt buộc trong giờ không làm việc của ngân hàng đối với các máy ATM đặt bên trong tòa nhà ngân hàng mở cửa cho khách hàng sử dụng.

Nguồn: Guerette, Rob và Ronald Clarke (2003). "Vòng đời sản phẩm và tội phạm máy rút tiền tự động và cướp bóc." *Tạp chí Bảo mật* số 16, trang 7-18.

Bước 35: Tìm hiểu tội phạm từ đầu đến cuối

Chúng ta nghĩ tội phạm sẽ kết thúc trong nháy mắt. Chỉ mất vài giây để giật một chiếc vòng cổ trên đường, móc túi hoặc đột nhập vào ô tô. Và hiếm có những tên trộm tìm kiếm mọi nơi ẩn náu có thể tưởng tượng được. Thay vào đó, họ cố gắng rời đi ngay khi tìm thấy thứ gì đó đáng trộm - thường là trong vòng vài phút sau khi vào nhà. Giật chiếc vòng cổ hoặc đột nhập vào nhà trên thực tế chỉ là một bước trong chuỗi các bước cần thiết để hoàn thành từng tội ác này.

Bạn nên cố gắng hiểu trình tự các bước liên quan đến vấn đề tội phạm hoặc gây rối trật tự. Có một số cách tiếp cận mà bạn có thể làm theo:

- Leslie Kennedy của Đại học Rutgers và đồng nghiệp Vincent Sacco đã tách các bước trong giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn tiến hành và giai đoạn sau khi gây án, đồng thời đã biên soạn một cuốn sách giáo khoa về tội phạm học, *Sự kiện tội phạm*, được tổ chức xung quanh ba giai đoạn này.
- William Haddon đã phát triển một cách phân loại tương tự để hỗ trợ việc suy nghĩ về việc phòng ngừa tai nạn giao thông. Ông chia các hành động phòng ngừa thành trước va chạm, va chạm và sau va chạm.
- Derek Cornish sử dụng khái niệm “kịch bản” tội phạm để hướng dẫn phân tích. Ý tưởng cơ bản là bất kỳ loại tội phạm cụ thể nào đều yêu cầu một tập hợp các hành động tiêu chuẩn được thực hiện theo một thứ tự cụ thể, giống như trong kịch bản của một vở kịch. Hiện trường là các phân đoạn nối tiếp nhau của tội phạm; các yếu tố phản ánh ở hiện trường bao gồm đối tượng phạm tội, nạn nhân và những người ngoài cuộc; và công cụ họ sử dụng khi gây án.

Cho dù bạn sử dụng phương pháp nào trong sổ này, hãy cố gắng liệt kê trình tự các bước mà người phạm tội phải thực hiện để hoàn thành tội phạm. Bảng bên dưới là sự trình bày đơn giản của Cornish về nhiều bước mà người tham gia vui chơi phải hoàn thành, nhưng nó cho thấy rằng hành động cụ thể mà chúng ta coi là tội phạm (trong trường hợp này là lấy xe) được bắt đầu bằng việc chuẩn bị, sau đó là việc trốn thoát và tận hưởng niềm vui, tiến hành. Điều này đưa chúng ta đến lý do phải phân tích tội phạm theo cách cẩn thận, từng bước này: hiểu rõ trình tự các hành động cần thiết để thực hiện thành công tội phạm sẽ tiết lộ cho bạn nhiều điểm can thiệp hơn. Nói cách khác, điều này sẽ mở rộng sự lựa chọn các câu trả lời mà bạn có thể cân nhắc trong dự án của mình. Cột cuối cùng của bảng liệt kê các câu trả lời có thể có, phù hợp với từng giai đoạn cưỡi ngựa vui vẻ.

Sử dụng phương tiện trộm cắp để lảng tránh đánh võng là một trong những tội phạm đơn giản hơn, nhưng bạn cũng có thể thực hiện theo quy trình tương tự để chia nó thành các bước cấu thành đối với những tội phạm phức tạp hơn. Một ví dụ là sự xáo trộn của đám đông (bao gồm cả bạo loạn). Clark McPhail, chuyên gia hàng đầu về giải quyết các vụ việc đám đông, đã tạo ra một quy trình ba bước để phân tích tất cả các cuộc tụ họp: quy trình tập hợp, quy trình gom nhóm, và quy trình phân giải. Tamara Madensen, một sinh viên tốt nghiệp tại Đại học Cincinnati, đã bổ sung thêm hai bước trước đó: lập kế hoạch ban đầu và giai đoạn chuẩn bị trước khi đám đông hình thành. Cảnh sát có thể gửi cảnh báo về việc tổ chức các bữa tiệc rượu lớn để ngăn chặn kế hoạch ban đầu. Để ngăn ngừa cháy rừng, nên loại bỏ rác dễ cháy trong quá trình chuẩn bị trước khi bùng cháy. Cảnh sát có thể chào đón những học sinh mới đến để khuyến khích hành vi hợp pháp trong quá trình tập trung. Khi đám đông tụ tập, cảnh sát có thể theo dõi hành vi và can thiệp nếu xảy ra rắc rối. Trong quá trình giải tán, cảnh sát muốn đảm bảo đám đông bị giải tán nhanh chóng và hòa bình.

**Các bước trong lãn lách đánh vọng phương tiện trộm cắp được
và các cách giải quyết tương ứng**

GIAI ĐOẠN	CÁC BƯỚC	CÁCH GIẢI QUYẾT
Sự chuẩn bị	Lấy dụng cụ (ví dụ: tuốc nơ vít, chìa khóa trùng lặp, búa trượt, ống thép ngắn); Chọn đồng phạm	Kiểm soát việc bán các thiết bị như máy quét cầm tay và chìa khóa trùng lặp
Vào hiện trường	Vào bãi đậu xe	Rào chắn bãi đậu xe; người phục vụ; hạn chế lối vào
Điều kiện có thể thực hiện	Đi lang thang một cách kín đáo	Camera quan sát và/hoặc tuần tra thường xuyên để ngăn chặn những kẻ lãn vãng
Lựa chọn mục tiêu	Từ chối xe có báo động Chọn xe phù hợp	Bảo vệ rõ ràng các phương tiện hấp dẫn
Hoàn thành vụ trộm	Vào xe (chìa khóa xe cưa, dùng tuốc nơ vít) Bẻ khóa đánh lửa (ống hoặc búa trượt) Đánh lửa bằng dây nóng và khởi động xe	CCTV để theo dõi hành vi đáng ngờ; cải thiện việc giám sát tự nhiên lô đất; báo động xe để cảnh báo an ninh; thiết bị cố định xe
Thoát khỏi cài đặt	Rời khỏi bãi đậu xe	Người phục vụ hoặc các rào cản thoát hiểm khác
Sau khi gây án	Dùng ô tô đi chơi Bỏ ô tô trên đất hoang Đốt cháy ô tô	Hệ thống theo dõi xe được kích hoạt; chương trình giới nghiêm phương tiện; giám sát các bãi thải

Nguồn: Cornish, Derek (1994). “Phân tích thủ tục về hành vi phạm tội và sự liên quan của nó đối với việc ngăn chặn tình huống.” *Nghiên cứu Phòng chống Tội phạm*, tập 3. Monsey, NY: Nhà xuất bản Tư pháp Hình sự

Ngăn chặn cái chết của người di cư bất hợp pháp

Trong một ứng dụng khác thường của phòng ngừa tình huống, Rob Guerette của Đại học Quốc tế Florida, đã thực hiện một nghiên cứu cẩn thận cho Cơ quan Tuần tra Biên giới Hoa Kỳ về các trường hợp người di cư bất hợp pháp chết khi vượt biên giới Hoa Kỳ-Mexico. Mỗi năm, khoảng 300 người di cư chết trong hoàn cảnh bi thảm - ví dụ như chết đuối ở kênh và sông, do nắng nóng ở các vùng sa mạc hoặc do tai nạn xe cộ. Bằng cách theo dõi các bước mà những người di cư bất hợp pháp vượt biên và cố gắng tìm hiểu các hoàn cảnh dẫn đến thiệt hại về nhân mạng, ông đã đưa ra một số gợi ý để cứu mạng. Ông đã phân loại những đề xuất này theo một mạng lưới hai chiều:

- Ở phía trên, anh ấy làm theo phương pháp của William Haddon và sắp xếp các đề xuất phòng ngừa thành những đề xuất áp dụng trước, trong và sau sự kiện đe dọa tính mạng.
- Ở phía dưới, anh ta đi theo mô hình tam giác tội phạm và sắp xếp các biện pháp hãm vào (1) người di cư hay "nạn nhân", (2) "kẻ vô lại", người được người di cư thuê để đưa họ vượt qua an toàn biên giới ("người phạm tội"), và (3) "địa điểm" hoặc môi trường như sa mạc, sông ngòi, khu đô thị v.v.

Một số đề xuất này là sự mở rộng hoặc cải tiến các biện pháp đã có sẵn, nhưng những đề xuất khác lại mới, điều này cho thấy giá trị trong cách tiếp cận của ông. Hầu hết các đề xuất đều tự giải thích, nhưng cần có thêm thông tin cơ bản để hiểu một số đề xuất (đánh số theo bảng):

1. Nghiên cứu của ông cho thấy tỷ lệ phụ nữ chết vì tiếp xúc với nhiệt nhiều hơn.

2. Những người di cư thường tập trung tại các thị trấn gần biên giới Mexico, nơi họ tiếp xúc với "kẻ vô lại."
3. Khi các nhân viên tìm kiếm và cứu hộ được đào tạo chuyên sâu được phái đi để giải cứu, Guerette nhận thấy những người di cư có nhiều khả năng sống sót hơn so với khi các nhân viên tìm kiếm và cứu hộ thông thường được phái đi.
4. Để ngăn chặn ngay lập tức những nỗ lực vượt qua sa mạc trong những tháng rất nóng, những người di cư bị bắt giữ vào thời điểm này ở sa mạc Arizona đã được hồi hương sau đó vào năm 2003 về các thị trấn Mexico gần biên giới Texas. Hoạt động này đã có hiệu quả trong việc cứu sống họ.
5. Năm 2004, chính quyền Mexico đồng ý chấp nhận hồi hương từ Arizona đến các điểm đến trong nội địa Mexico.
6. Những người lái xe ở Arizona thường thấy những nhóm nhỏ người di cư bất hợp pháp cố gắng băng qua sa mạc trong những tháng nắng nóng. Chiến dịch này sẽ tìm kiếm sự trợ giúp của họ trong việc cứu sống bằng cách gọi đến số 1-800 để báo cáo về việc nhìn thấy.
7. Các nhân viên Biên phòng ở Arizona nói với Guerette rằng họ thường gặp khó khăn lớn trong việc xác định vị trí của một người di cư được báo cáo là đang gặp nạn bởi những người di cư khác mà họ đã bắt giữ. Điều này là do những vùng sa mạc rộng lớn không có gì đặc biệt và chỉ dẫn của những người di cư bị bắt thường mơ hồ. Một chương trình có hệ thống đánh dấu tạm thời nơi sa mạc bằng cách sử dụng mã màu hoặc ký hiệu có thể cải thiện khó khăn này.

Sổ Tay 60 Bước Cơ bản Trong Phân Tích Tội Phạm

	Trước sự kiện đe dọa tính mạng	Trong sự kiện đe dọa tính mạng	Sau sự kiện đe dọa tính mạng
Người di cư	1. Thông báo cho phụ nữ di cư về sự nguy hiểm khi băng qua sa mạc 2. Triển khai hệ thống cảnh báo các điều kiện nguy hiểm	3. Phân phát hướng dẫn bố trí các thị trấn để người di cư tuân theo khi gặp nạn 4. Mở rộng năng lực tìm kiếm cứu nạn của Đội tuần tra Biên giới	5. Hồi hương bên 6. Hồi hương nội tâm
Kẻ vô lại	7. Triển khai hệ thống cảnh báo về các điều kiện nguy hiểm 8. Cảnh báo truy tố chó sói đồng cỏ trong trường hợp người di cư tử vong	9. Mục tiêu để bắt giữ kẻ vô lại	10. Thành lập lực lượng truy tố kẻ vô lại khi xảy ra trường hợp chết người
Môi trường	11. Nhắm vào những thời điểm và địa điểm có vấn đề 12. Dựng rào chắn tại các điểm giao cắt nguy hiểm 13. Dán các biển cảnh báo dễ thấy ở các khu vực nguy hiểm	14. Chiến dịch tuyên truyền "Cứu một mạng sống/báo cáo một người di cư" 15. Đánh dấu các điểm trên sa mạc	16. Liên tục xem xét dữ liệu để phát hiện các dạng nguy hiểm mới

Bước 36: Đảm bảo trả lời được 5 câu hỏi W và 1 câu hỏi H

Khi bạn đã hoàn thành việc phân tích bằng cách sử dụng các khái niệm được thảo luận ở các bước trước, bạn nên hỏi liệu nó có đáp ứng được tiêu chuẩn của một câu chuyện hay trên báo hay không. Liệu nó có trả lời thỏa đáng cho các câu hỏi 5 W và một H: What (*cái gì*), Where (*ở đâu*), When (*khi nào*), Who (*ai*), Why (*tại sao*) và How (*như thế nào*)?

Những câu hỏi tương tự này cấu trúc nên phương pháp phân tích tội phạm của Barry Poyner bằng cách chia nhỏ một vấn đề lớn hơn thành các phần cấu thành của nó. Ví dụ, khi anh được Bộ Nội vụ yêu cầu nghiên cứu các vụ “tấn công đường phố” ở trung tâm thành phố Coventry và Birmingham (hai thành phố lớn ở Anh), anh phát hiện ra rằng cảnh sát phân loại những vụ này là cướp và trộm cắp từ người, nhưng anh thấy rằng phần lớn các sự cố rơi vào một số vấn đề khá khác biệt:

- Trộm cướp từ các quầy bán hàng tự động trên đường phố
- Cướp của người say rượu
- Cướp tiền khi đang mang vào ngân hàng
- Cướp giật ví của phụ nữ
- Bị giật ví/tiền từ tay nạn nhân sau một âm mưu bằng lời nói
- Trộm từ túi mua sắm
- Móc túi ở bến xe buýt

Đây là cách mô tả có ý nghĩa hơn nhiều về "các cuộc tấn công đường phố" và là bước quan trọng đầu tiên để hiểu các sự kiện. Sau đó, anh bắt đầu xem xét các báo cáo sự cố, cố gắng đưa ra bức tranh toàn cảnh về từng vấn đề để giúp anh tìm ra giải pháp.

Các báo cáo vụ việc khá khác nhau về thông tin được ghi lại, đặc biệt khi nạn nhân không có mặt và không có nhân chứng. Tuy nhiên, Poyner cố gắng ghép các báo cáo lại với nhau để có được bức tranh toàn cảnh về vấn đề cụ thể (*xem minh họa*). Đối với mỗi sự cố, anh ấy cố gắng khám phá:

- Chuyện gì đã xảy ra thế? Điều này đòi hỏi phải trình bày rõ ràng chuỗi sự kiện và hành động của những người liên quan (*Bước 35*).
- Nó đã xảy ra ở đâu? Đôi khi chuỗi sự kiện diễn ra ở nhiều địa điểm. Ví dụ, một chiếc ô tô có thể bị đánh cắp từ một bãi đậu xe, được chuyển đến một gara để tháo những bộ phận có giá trị, rồi vứt trên một mảnh đất hoang. Thông tin có thể chỉ có sẵn về địa điểm đầu tiên và cuối cùng. Việc đến kiểm tra những nơi này có thể giúp giải thích lý do tại sao người phạm tội lại chọn chúng.
- Chuyện đó xảy ra khi nào? Chủ nhà hoặc chủ xe có thể chỉ biết rằng xe của họ đã bị đánh cắp hoặc nhà của họ bị trộm "vào một thời điểm nào đó trong cuối tuần". Tuy nhiên, đối với nhiều tội phạm giữa các cá nhân, nạn nhân sẽ có thể báo cáo chính xác thời điểm tội phạm xảy ra, điều này có thể cho phép suy luận về những vấn đề như liệu đường phố có vắng người hay không.
- Ai đã tham gia? Luôn có ít nhất một người phạm tội; có thể có một hoặc nhiều nạn nhân ngay cả khi họ không tiếp xúc trực tiếp với người phạm tội; có thể có người làm chứng và bên thứ ba khác. Lời khai trong hồ sơ cảnh sát của các nhân chứng và nạn nhân có thể cung cấp nhiều thông tin hữu ích, nhưng đôi khi điều quan trọng là phải đặt câu hỏi về một mẫu về sự kiện.

- Tại sao họ lại hành động như vậy? Điều quan trọng là phải hiểu những lợi ích cụ thể mà một loại tội phạm cụ thể mang lại cho người phạm tội. Trong nhiều trường hợp trộm cắp, động cơ sẽ rõ ràng, nhưng đối với tội phạm giữa các cá nhân và hành vi phá hoại, động cơ chỉ có thể xuất hiện khi phỏng vấn người phạm tội (*Bước 10*). Điều quan trọng không kém đối với việc phòng ngừa có thể là hiểu lý do tại sao nạn nhân và nhân chứng lại hành xử như vậy và trả lời những câu hỏi như "Điều gì khiến một số nạn nhân phản ứng bằng cách tấn công kẻ phạm tội?" và "Tại sao các nhân chứng thường không can thiệp?"
- Người phạm tội đã thực hiện tội phạm như thế nào? Tội phạm có thể được coi là một quá trình, có nhiều bước từ khi bắt đầu đến khi kết thúc, chứ không phải là một hành vi bị giới hạn xảy ra tại một thời điểm cụ thể. Ở mỗi bước, người phạm tội phải đưa ra quyết định, có thể cần phải làm việc với những người khác và có thể cần sử dụng kiến thức và công cụ cụ thể. Về cơ bản, đây là ý tưởng làm nền tảng cho cách tiếp cận "kịch bản" của Cornish được thảo luận ở *Bước 35*. Không phải lúc nào cũng có thể phát triển các kịch bản chi tiết nhưng việc phân tích phải đưa ra một bức tranh rõ ràng về cách thực hiện tội phạm.

Phân tích của Poyner về nạn móc túi ở bên xe buýt minh họa cho cách tiếp cận này. Anh ta có thể xây dựng một bản mô tả chi tiết về tội ác bằng cách bổ sung vào bản báo cáo vụ việc khá sơ sài những quan sát về những hàng người đang chờ xe buýt. Ông phát hiện ra rằng thời điểm móc túi cao điểm là giờ cao điểm buổi chiều, đặc biệt là vào các ngày thứ Sáu khi hàng dài người xếp hàng. Các nhóm ba hoặc bốn thanh niên sẽ tụ tập gần các hàng, nhìn vào cửa sổ các cửa hàng gần đó để tránh gây nghi ngờ, đồng thời quan sát nạn nhân thích hợp. Đây luôn là những người đàn ông trung niên hoặc lớn tuổi

để ví ở túi sau quần. (Những người đàn ông trẻ tuổi mặc quần bó sát hơn và không để ví ở túi sau).

Khi nạn nhân của họ bắt đầu lên chiếc xe buýt sử dụng hệ thống trả tiền khi bạn vào, các thanh niên sẽ chạy lên đầu hàng, nhảy lên bệ lên xe buýt và chen lấn những người đi xe. Họ sẽ hỏi người lái xe một số câu hỏi không liên quan về điểm đến của xe buýt. Trong khi đó, một thanh niên sẽ móc túi nạn nhân. Nạn nhân sẽ tức giận khi bị chen lấn và không nhận ra chuyện gì đang xảy ra. Người lái xe sẽ hét vào mặt những thanh niên xuống xe và những hành khách khác sẽ phàn nàn. Các thanh niên sẽ bước xuống xe buýt và lẫn vào đám đông. Các thanh niên không bao giờ bị bắt. Nạn nhân sau này mới phát hiện ra rằng ví của mình đã biến mất.

Phân tích này gợi ý bốn phản ứng có thể xảy ra:

- Thay vì trả tiền khi bạn vào, vé có thể được bán trước để sử dụng tại các điểm dừng này.
- Các điểm dừng xe buýt có thể được bố trí lại cách xa vỉa hè chính và được tổ chức thành các vịnh giống như một bến xe buýt hơn. Điều này sẽ gây khó khăn cho người phạm tội nằm chờ đợi.
- Sử dụng nhà chờ xe buýt để sàng lọc các hàng chờ để kẻ phạm tội không thể xác định trước nạn nhân tiềm năng.
- Xây dựng rào chắn tại điểm lên xe để người vi phạm không thể nhảy xuống bến xe.

Lưu ý rằng tất cả các giải pháp này đều nằm ngoài thẩm quyền thông thường của cảnh sát. Các quan chức hiếm khi cho rằng vai trò của họ liên quan đến việc thiết kế lại các điểm dừng xe buýt chẳng hạn. Nhưng với tư cách là một chuyên gia phân tích

tội phạm giải quyết vấn đề, công việc của bạn là cắt giảm tội phạm và bạn có thể cần phải nhẹ nhàng thuyết phục các đồng nghiệp cảnh sát rằng, theo nghĩa rộng nhất, đó cũng là công việc của họ.

Làm việc như một nhà khảo cổ học

"Có một lợi thế nữa là kết hợp các sự kiện/dữ liệu. Trong một số trường hợp, chúng tôi có thể có ít chi tiết hơn các trường hợp khác nhưng mặt khác, sự thật mà chúng tôi biết đều giống nhau. Có thể xây dựng lại dữ liệu còn thiếu trong các sự cố ít được báo cáo hơn này trong Tương tự như cách nhà khảo cổ học tái tạo lại đồ gốm vỡ từ một cuộc khai quật. Anh ta có thể chỉ có một vài mảnh của chiếc bình bị vỡ nhưng từ kiến thức về những chiếc bình tương tự khác, anh ta có thể chắc chắn một cách hợp lý về hình dạng của toàn bộ chiếc bình. hữu ích khi, chẳng hạn, chúng ta có thể có một số báo cáo chi tiết về những gì người phạm tội làm trong một số trường hợp họ bị bắt. Có vẻ hợp lý khi tin rằng hành vi tương tự xảy ra trong những tội ác tương tự mặc dù người phạm tội không bị bắt."

Nguồn: Poyner, Barry (1986). "Một mô hình cho hành động." *Phòng chống tội phạm tình huống*, Gloria Laycock và Kevin Heal. Luân Đôn: Văn phòng quản lý của Nữ hoàng.

Bước 37: Biết rằng mắc lỗi là do con người

Phòng chống tội phạm thường liên quan đến việc dự đoán. Liệu những người phạm tội liên quan đến vấn đề này có tiếp tục phạm tội như họ đã từng làm trong quá khứ không? Liệu những nạn nhân gần đây có trở thành nạn nhân một lần nữa trong tương lai gần? Những điểm nóng sẽ trở thành điểm lạnh hay sẽ tiếp tục nóng? Mặc dù hành vi trong quá khứ có thể là dự đoán tốt nhất của chúng ta về hành vi trong tương lai nhưng nó không phải là một yếu tố dự báo hoàn hảo.

Các ví dụ trên đề cập đến việc dự đoán tương lai. Nhưng chúng ta cũng cố gắng thăm dò những điều chưa biết theo những cách khác, bao gồm cả cách chúng ta phản ứng trước các vấn đề. Một máy kiểm tra nói dối cố gắng đánh giá xem đối tượng có nói dối hay không. Xét nghiệm ma túy được sử dụng để xác định xem gần đây mọi người có sử dụng ma túy bất hợp pháp hay không. Máy dò kim loại và thiết bị soi chiếu hành lý tại sân bay được sử dụng để xác định xem hành khách có mang vũ khí trên người hay trong hành lý hay không. Trong tất cả các ví dụ này, giám khảo đang cố gắng đưa ra kết luận về một điều kiện chưa biết. Và cũng giống như những dự đoán về tương lai, giám khảo có thể đưa ra đánh giá chính xác hoặc không chính xác. Do đó, điều rất quan trọng là phải hiểu tại sao các dự đoán và phán đoán khác có thể thất bại.

Một cách hữu ích để kiểm tra những sai sót trong dự đoán và phán đoán là so sánh dự đoán đó với những gì thực sự xảy ra. Các cột trong Bảng 1 hiển thị hai dự đoán có thể xảy ra: Có, kết quả sẽ xảy ra; và Không, kết quả sẽ không xảy ra. Các hàng hiển thị hai kết quả thực tế: Có, kết quả đã xảy ra; và Không, kết quả đã không xảy ra.

Bảng 1: Các loại lỗi dự đoán

Kết quả thực tế	CÓ	KHÔNG
-----------------	----	-------

CÓ	A. Những kết quả tích cực thực sự chính xác	B. Âm tính giả
KHÔNG	C. Kết quả dương tính giả	D. Phủ định thực sự chính xác
Tỷ lệ chính xác	$(A+D)/(A+B+C+D)$	
Tỷ lệ tiêu cực giả	$B/(A+B+C+D)$	
Tỷ lệ tích cực giả	$C/(A+B+C+D)$	

Hãy tưởng tượng một số lượng lớn các dự đoán. Khi một dự đoán tương ứng với thực tế thì nó chính xác. Ô A và D chứa số lượng dự đoán chính xác. Bạn có thể tính tỷ lệ chính xác bằng cách cộng số lượng dự đoán thuộc hai loại này và chia cho tất cả các dự đoán được đưa ra.

Hãy nhìn vào ô B và C. Khi người ra quyết định dự đoán rằng kết quả sẽ không xảy ra nhưng nó đã xảy ra thì nó sẽ chuyển sang ô B. Điều này được gọi là *những tích cực giả*. Các trường hợp trong ô C thể hiện các tình huống trong đó người ra quyết định đã dự đoán rằng kết quả sẽ xảy ra nhưng thực tế lại không xảy ra. Đây là *những tiêu cực giả*. Bạn có thể tính tỷ lệ lỗi cho cả hai loại bằng cách chia số lượng dự đoán trong mỗi ô cho tổng số lượng dự đoán.

Hãy xem xét một ví dụ giả định. Để hạn chế tội phạm trong lĩnh vực nhà cho thuê, sở cảnh sát tạo điều kiện và khuyến khích chủ nhà tiến hành kiểm tra lý lịch. Những người thuê nhà tiềm năng có tiền sử phạm tội gần đây không được chấp nhận. Chính sách như vậy ngụ ý dự đoán rằng những người có tiền sử phạm tội gần đây sẽ tiếp tục tham gia vào hoặc gán tài sản cho thuê và những người không có lý lịch như vậy sẽ không tham gia vào loại hành vi này. Ngay cả những người ủng hộ chính sách

như vậy cũng đồng ý rằng những dự đoán như vậy không hoàn hảo, nhưng sẽ rất hữu ích nếu biết hai điều. Đầu tiên, liệu chính sách như vậy có làm giảm tội phạm cho thuê tài sản không? Một đánh giá có thể trả lời câu hỏi này. Nhưng ngay cả khi nó làm giảm tội phạm thì hậu quả tiêu cực là gì? Để trả lời câu hỏi này đòi hỏi phải phân tích các lỗi dự đoán.

Nếu chúng tôi có thể thu thập dữ liệu liên quan, chúng tôi có thể tạo một bảng như Bảng 2. Chúng tôi thấy rằng các dự đoán của chính sách là chính xác. Nhưng chúng ta cảm thấy thế nào về những sai sót? Có nên làm gì đó đối với những người không có tiền án liên quan đến tội phạm gần đây nhưng lại phạm tội? Có quá nhiều người từng phạm tội không tham gia vào hành vi tội phạm bị từ chối cấp nhà ở?

Bảng 2: Ví dụ về phân tích lỗi dự đoán

	Trước khi tham gia phạm tội		
Sau khi tham gia phạm tội	ĐÚNG	KHÔNG	Tổng cộng
ĐÚNG	35	10	45
KHÔNG	35	496	531
Tổng cộng	70	506	576
Tỷ lệ chính xác	92,2%		
Tỷ lệ tiêu cực giả	1,7%		
Tỷ lệ tích cực giả	6,1%		

Những hạn chế chặt chẽ hơn nhằm hạn chế hành vi phạm tội của những người chưa có tiền án tiền sự có thể làm giảm tỷ lệ âm tính giả nhưng có thể làm tăng tỷ lệ dương tính giả, đặc biệt nếu thông tin đưa ra quyết định kém chính xác hơn thông tin hiện đang được sử dụng. Mặt khác, việc phân biệt giữa những người nộp đơn có tiền

sử phạm tội gần đây có thể làm giảm tỷ lệ dương tính giả nhưng lại làm tăng tỷ lệ âm tính giả. Sự đánh đổi như vậy là khá phổ biến.

Hơn nữa, chúng ta có thể hối tiếc về một loại lỗi nào đó hơn là một loại lỗi khác. Nếu các loại tội phạm được chủ nhà ngăn chặn tương đối nhỏ thì tỷ lệ dương tính giả có thể quá cao. Nhưng nếu đây là những tội ác bạo lực nghiêm trọng được ngăn chặn thì tỷ lệ âm tính giả có thể đáng lo ngại hơn. Hậu quả của sai sót là rất quan trọng và mọi người thường không đồng tình về những điều này.

Một nguồn bất đồng khác là tỷ lệ lỗi. Tỷ lệ như vậy thường rất khó ước tính. Hãy xem xét các ô tô màu trong Bảng 2. Trong hầu hết các trường hợp, những số liệu này sẽ không xác định được. Các chủ nhà có thể đếm xem họ đã từ chối bao nhiêu người vì có tiền án, nhưng họ không thể cho chúng ta biết những người đó sẽ làm gì nếu họ không bị từ chối. Trong các tình huống khác, chiếc giày ở chân kia; kết quả tích cực giả có thể được biết đến với độ chính xác nhất định, nhưng kết quả tiêu cực giả thì chưa được xác định. Trong quá trình sàng lọc tại sân bay, các kết quả tích cực giả được biết đến vì những dự đoán về việc có hàng lậu được theo sau bởi sự giám sát chặt chẽ hơn. Hành khách mà nhân viên an ninh cho rằng mang theo súng sẽ bị khám xét rất cẩn thận, từ đó tiết lộ liệu dự đoán ban đầu là chính xác hay không. Tuy nhiên, tiêu cực giả không được biết đến với độ tin cậy cao. Một hành khách mang hàng lậu qua an ninh sân bay có thể không được kiểm tra lại, vì vậy chúng tôi không thể biết rằng cô ấy là âm tính giả.

Trong một số trường hợp, có thể sử dụng thử nghiệm thí điểm để ước tính chính xác các sai sót bằng cách đưa ra dự đoán, không hành động theo chúng và quan sát cẩn thận những gì xảy ra. Điều này có thể khó thực hiện với những kẻ phạm tội, những người thích giấu kín hành vi sai trái của mình, nhưng nó có thể hiệu quả với những nạn

nhân hoặc địa điểm phạm tội tiềm năng. Ví dụ: phản ứng trước một vấn đề có thể liên quan đến việc dự đoán những địa điểm nào có nhiều khả năng là địa điểm tội phạm nhất và sau đó can thiệp vào những địa điểm đó. Trước khi triển khai biện pháp ứng phó này, một nghiên cứu thí điểm có thể được tiến hành để đưa ra dự đoán nhưng không thực hiện hành động nào. Nếu tỷ lệ lỗi cao đến mức không thể chấp nhận được thì việc triển khai phản hồi có thể không đáng.

Bước 38: Nắm bắt vai trò quan trọng của bạn khi xử lý

Xu hướng đầu tiên của cảnh sát, ngay cả khi họ đã tham gia phân tích chi tiết một vấn đề, là cố gắng giải quyết nó bằng cách tăng cường biện pháp thực thi. Bạn nên mong đợi điều này và không phản đối nó, ngay cả khi tác động thường chỉ diễn ra trong thời gian ngắn. Nhưng ngay từ đầu, bạn nên giúp đỡ các đồng nghiệp cảnh sát của mình tìm ra giải pháp lâu dài hơn. Các đối tác cộng đồng địa phương có thể cung cấp sự trợ giúp này, nhưng thay vào đó, họ thường thúc đẩy các chương trình nghị sự của riêng mình và thúc đẩy các giải pháp với tác động hạn chế. Kết quả thường là một loạt các biện pháp mang tính thỏa hiệp, không có biện pháp nào trong số đó có hiệu quả, nhưng mỗi biện pháp đều có thể làm hài lòng một hoặc các bên khác. Trên thực tế, những bất đồng về giải pháp có thể dẫn đến mất phương hướng và không thể thực hiện được điều gì một cách đúng đắn.

Bạn có thể giúp ngăn chặn điều này xảy ra, nhưng trước tiên bạn phải trở thành chuyên gia về giải pháp. Ví dụ: nếu vấn đề là trộm ô tô, bạn phải có khả năng lên tiếng một cách thuyết phục về sự kém hiệu quả của các phương tiện sử dụng “nhử mồi” hoặc các chiến dịch “khóa xe của bạn”. Nếu đó là vấn đề trộm cắp, bạn phải biết kết quả nghiên cứu về hệ thống báo trộm hoặc cải thiện hệ thống chiếu sáng đường phố, cả hai đều có thể được đề xuất làm giải pháp. Bạn cũng nên làm quen hoàn toàn với những phát hiện về sự dịch chuyển, vì các giải pháp đổi mới thường bị cản trở bởi những viện dẫn đột ngột của lý thuyết này.

Để trở thành chuyên gia về các giải pháp, bạn phải biết cách tìm hiểu thêm về các phản ứng cụ thể bằng cách thực hiện tìm kiếm tài liệu nhanh chóng (*Bước 19*). Bạn cũng phải trở thành chuyên gia về phòng ngừa tội phạm theo tình huống, khoa học về giảm thiểu cơ hội phạm tội. Phòng ngừa tình huống sử dụng phương pháp nghiên cứu

hành động tương tự như phương pháp trị an theo định hướng vấn đề và đã đạt được hàng chục thành công được đánh giá cao. Phần lớn kiến thức về sự dịch chuyển, phổ biến lợi ích, tái diễn nạn nhân và nhiều khái niệm khác được thảo luận trong sổ tay này đã được các nhà nghiên cứu phòng ngừa tình huống phát triển. Năm bước tiếp theo bàn về 25 kỹ thuật phòng ngừa tội phạm theo tình huống, được chia thành năm nhóm chính (*xem minh họa*). Những điều này được xác định bởi cái mà Nick Tilley thuộc Đại học Nottingham Trent ở Anh gọi là cơ chế mà qua đó các kỹ thuật đạt được hiệu quả phòng ngừa: tăng nỗ lực phạm tội, tăng rủi ro, giảm phần thưởng, giảm khiêu khích và loại bỏ lý do bào chữa.

Tại thời điểm này, bạn có thể tự hỏi tại sao bạn nên đảm nhận trách nhiệm xác định giải pháp này. Việc bạn gánh phần lớn gánh nặng ở các giai đoạn rà soát, phân tích và đánh giá vẫn chưa đủ sao? Và ngay cả khi bạn đã đảm nhận vai trò này, tại sao mọi người lại chú ý đến bạn? Nhưng để trở thành một nhà phân tích giải quyết vấn đề, bạn phải vượt ra ngoài chức năng phân tích truyền thống của mình. Bạn phải trở thành một thành viên đầy đủ và bình đẳng trong nhóm giải quyết vấn đề. Bạn có thể còn khá trẻ, nhưng quyền lực của bạn đến từ kiến thức chuyên môn chứ không phải vị trí của bạn. Mọi người sẽ lắng nghe nếu bạn đưa ra những đề xuất mới lạ hoặc nếu bạn cung cấp bằng chứng hỗ trợ cho những ý tưởng hay của người khác.

Hai mươi lăm kỹ thuật phòng ngừa tội phạm theo tình huống

Tăng cường nhằm vào các nỗ lực phạm tội	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tăng cường mục tiêu 2. Kiểm soát việc ra vào cơ sở 3. Kiểm soát lối ra 4. Đánh lạc hướng người phạm tội 5. Kiểm soát công cụ/vũ khí
Tăng các yếu tố rủi ro dẫn đến tội phạm	<ol style="list-style-type: none"> 6. Mở rộng quyền giám hộ 7. Hỗ trợ giám sát tự nhiên 8. Giảm tính ẩn danh 9. Sử dụng người quản lý địa điểm 10. Tăng cường giám sát chính thức
Giảm các phần thưởng kích thích hành vi phạm tội	<ol style="list-style-type: none"> 11. Che giấu mục tiêu 12. Loại bỏ mục tiêu 13. Xác định tài sản 14. Phá vỡ thị trường 15. Từ chối lợi ích
Giảm bớt sự khiêu khích dẫn đến tội phạm	<ol style="list-style-type: none"> 16. Giảm sự thất vọng và căng thẳng 17. Tránh tranh chấp 18. Giảm kích động và cảm dỗ 19. Trung hòa áp lực nhóm đối tượng 20. Không khuyến khích bắt chước
Loại bỏ các lý do dẫn đến phạm tội	<ol style="list-style-type: none"> 21. Đặt ra các quy tắc 22. Đăng hướng dẫn 23. Cảnh giác lương tâm 24. Hỗ trợ tuân thủ 25. Kiểm soát ma túy và rượu

Bảy lời chỉ trích về tình huống ngăn chặn tội phạm - và những lời bác bỏ

	Chỉ trích	Bác bỏ
1.	Nó đơn giản và phi lý thuyết.	Nó dựa trên ba lý thuyết cơ hội phạm tội: hoạt động thường ngày, mô hình tội phạm và lựa chọn hợp lý. Nó cũng dựa trên tâm lý xã hội.
2.	Nó chưa được chứng minh là có tác dụng; nó thay thế tội phạm và thường làm cho nó tồi tệ hơn.	Nhiều nghiên cứu điển hình cho thấy nó có thể làm giảm tội phạm, thường chỉ với một lượng dịch chuyển nhỏ.
3.	Nó chuyển hướng sự chú ý khỏi nguyên nhân gốc rễ của tội phạm.	Nó đạt được kết quả ngay lập tức và cho phép có thời gian tìm kiếm giải pháp lâu dài hơn cho tội phạm.
4.	Đó là một cách tiếp cận thận trọng, mang tính quản lý đối với vấn đề tội phạm.	Nó không hứa hẹn nhiều hơn những gì nó có thể mang lại. Nó đòi hỏi các giải pháp phải được chấp nhận về mặt kinh tế và xã hội.
5.	Nó thúc đẩy một xã hội ích kỷ, loại trừ.	Nó cung cấp nhiều sự bảo vệ cho người nghèo cũng như người giàu.
6.	Nó quảng bá ông lớn và hạn chế quyền tự do cá nhân.	Quá trình dân chủ bảo vệ xã hội khỏi những nguy hiểm này. Mọi người sẵn sàng chịu đựng sự bất tiện và những xâm phạm tự do nhỏ khi những điều này bảo vệ họ khỏi tội phạm.
7.	Nó đổ lỗi cho nạn nhân.	Nó trao quyền cho nạn nhân bằng cách cung cấp cho họ thông tin về rủi ro tội phạm và cách tránh chúng.

Bạn nên luôn luôn lựa chọn các giải pháp có thể giúp giảm thiểu vấn đề nhanh chóng. Điều này có nghĩa là bạn phải tập trung vào những nguyên nhân trực tiếp, trực tiếp của vấn đề thay vì những nguyên nhân gián tiếp, xa hơn. Sự khác biệt quan trọng này đã được phát triển bởi Paul Ekblom của Bộ Nội vụ và có thể được minh họa bằng

vấn đề thương tích khi đánh nhau ở quán bar do chai và ly vỡ gây ra. Những nguyên nhân "căn bản" viển vông có thể bao gồm sự phân biệt chủng tộc tạo ra một thế hệ thanh niên thiếu số bất mãn, thiếu cơ hội việc làm ở địa phương dẫn đến tình trạng bị xã hội loại trừ trên diện rộng, và cái giá phải trả cho danh tiếng "khó khăn" trong một cộng đồng thiếu thốn và vô pháp luật. Những nguyên nhân mang tính tình huống, ngay lập tức hơn có thể bao gồm các hoạt động phục vụ vô trách nhiệm thúc đẩy tình trạng say xỉn trong các quán bar và quán rượu địa phương cũng như sự sẵn có ngay lập tức của chai và ly có thể dễ dàng được sử dụng làm vũ khí chết người.

Tỷ lệ tội phạm giảm nhanh chóng và bền vững chỉ có thể đạt được nhờ giải quyết các nguyên nhân tình huống; việc giải quyết các nguyên nhân gốc rễ, ngay cả khi chúng ta biết phải làm gì với chúng, chỉ có thể mang lại kết quả trong tương lai tương đối xa - rất lâu sau khi các bên liên quan hiện tại còn quan tâm đến vấn đề. Trong khi đó, trừ khi giải quyết được nguyên nhân trước mắt, ly, chai vỡ vẫn tiếp tục gây thiệt hại cho người dân.

Một số giải pháp tình huống cũng có thể mất nhiều thời gian để thực hiện. Ví dụ, mối nguy hiểm do ly và chai gây ra có thể được giải quyết bằng luật yêu cầu các quán bar và quán rượu chỉ sử dụng ly và chai cứng sẽ phân hủy thành vụn khi vỡ. Việc này có lẽ phải mất nhiều năm mới thực hiện được. Thực tế hơn nhiều sẽ là gây áp lực cộng đồng lên các quán rượu địa phương chỉ phục vụ bia bằng ly cứng hoặc ly nhựa và từ chối bán chai tại quán bar. Điều này có thể đạt được trong thời gian ngắn hơn nhiều. Bạn có thể có vai trò phân tích cụ thể trong việc thúc đẩy giải pháp này bằng cách tập hợp dữ liệu về chi phí có thể xảy ra đối với các quán rượu cũng như chi phí giảm cho thương tích và chăm sóc khẩn cấp. Trên thực tế, bạn (còn ai nữa?) có thể thu thập dữ

liệu về tính khả thi, chi phí và khả năng chấp nhận của công chúng đối với bất kỳ biện pháp nào đang được quan hệ đối tác giải quyết vấn đề xem xét nghiêm túc.

Điểm mấu chốt là bạn phải có được kiến thức về nhiều giải pháp và sẵn sàng đấu tranh để có được những ý tưởng hay nếu công việc phân tích cẩn thận của bạn muốn mang lại kết quả.

Đọc thêm

- Clarke, Ronald (1997). Phòng chống tội phạm theo tình huống: Nghiên cứu các trường hợp thành công (tái bản lần 2). Monsey, NY: Nhà xuất bản Tư pháp Hình sự.
- Von Hirsch, Andrew, David Garland và Alison Wakefield (2000). Quan điểm đạo đức và xã hội về phòng chống tội phạm theo tình huống. Oxford: Nhà xuất bản Hart.

Bước 39: Tăng cường nhằm vào các nỗ lực phạm tội

Ở đây chúng tôi mô tả loại biện pháp tình huống cơ bản nhất - những biện pháp được thiết kế để tăng mức độ khó của tội phạm - bắt đầu bằng việc tăng cường mục tiêu. Phòng ngừa tình huống đôi khi bị coi là không có gì hơn thế, mặc dù đây chỉ là một trong 25 kỹ thuật mà phương pháp này bao gồm. Lưu ý rằng có sự chông chéo đáng kể giữa các kỹ thuật. Ví dụ, việc tăng cường mục tiêu khiến tội phạm trở nên khó khăn hơn nhưng nó cũng có thể làm chậm kẻ phạm tội và tăng cơ hội bị bắt. Một số biện pháp cũng có thể phục vụ nhiều mục đích. Khi sử dụng cách phân loại này, đừng mất thời gian lo lắng xem biện pháp cụ thể nào phù hợp, chỉ sử dụng nó để đảm bảo rằng bạn xem xét phạm vi rộng nhất có thể của các phản ứng tình huống đối với một vấn đề cụ thể.

Tăng độ khó các mục tiêu mà đối tượng nhắm tới. Một cách rõ ràng, thường có hiệu quả cao để cản trở kẻ phá hoại hoặc kẻ trộm là thông qua các rào cản vật lý như khóa, màn chắn hoặc vật liệu gia cố. Sự ra đời của khóa lái hơn 30 năm trước ở trong nước và nước ngoài đã giúp giảm thiểu tình trạng trộm xe trong thời gian dài, và thiết bị cố định đánh lửa hiện đang củng cố những lợi ích này. Các màn chắn chống cướp ở các bus điện Luân Đôn đã làm giảm 40% các vụ cướp và các màn chắn hành khách chống đạn đã làm giảm một cách hiệu quả về mặt chi phí các vụ tấn công và cướp giật đối với tài xế taxi ở Thành phố New York (xem Vụ cướp tài xế taxi, Hướng dẫn giải quyết vấn đề cho cảnh sát, Báo cáo số 27, có thể truy cập tại www.cops.usdoj.gov và www.popcenter.org).

Kiểm soát quyền truy cập vào các cơ sở. Việc giữ mọi người tránh xa những nơi mà họ không có quyền đến, chẳng hạn như trại quân sự, nhà máy và khu chung cư, có một lịch sử lâu đời chỉ nghĩ đến những khung lưới, hào nước và cầu kéo của các lâu

đài thời Trung cổ. Nó cũng là thành phần trung tâm trong khái niệm không gian phòng thủ của Oscar Newman, được cho là khởi đầu cho mối quan tâm khoa học về phòng ngừa tình huống. Barry Poyner đã chứng minh rằng việc lắp đặt điện thoại vào và phá bỏ các lối đi nối các tòa nhà đã làm giảm đáng kể các vụ cướp bóc tại một khu bất động sản ở London (*Bước 24*). Trong một số trường hợp, kiểm soát truy cập nhằm đảm bảo việc sở hữu vé và tài liệu. Việc thiết kế lại vé để dễ kiểm tra hơn đã giúp giảm đáng kể tình trạng trốn vé trên các chuyến phà ở Vancouver, Canada. Trong ví dụ nổi tiếng nhất, việc sàng lọc hành lý và hành khách tại các sân bay vào đầu những năm 1970 đã góp phần làm giảm số vụ cướp máy bay trên toàn thế giới từ khoảng 70 xuống còn 15 vụ mỗi năm.

Kiểm soát các địa điểm tẩu thoát của đối tượng. Mục đích của việc sàng lọc lối ra là để đảm bảo rằng những người rời khỏi tòa nhà, cơ sở hoặc địa điểm khác không bị đánh cắp bất cứ thứ gì hoặc đã thanh toán mọi khoản phí và thuế. Hành khách trên tàu điện ngầm Washington, DC phải nhét vé vào cổng tự động không chỉ khi vào tàu điện ngầm mà còn khi rời đi. Điều này mang lại hai cơ hội để kiểm tra xem giá vé đã được thanh toán chưa. Trên tàu điện ngầm ở Thành phố New York, hành khách chỉ phải nhét vé vào cổng một lần khi vào tàu điện ngầm, do đó giảm nguy cơ bị phát hiện trốn vé. Các ví dụ khác về sàng lọc xuất cảnh bao gồm kiểm soát biên giới khi rời khỏi một quốc gia và việc sử dụng thẻ điện tử trong sách và hàng hóa của thư viện. Các thẻ này kích hoạt cảnh báo nếu sách chưa được kiểm tra hoặc nếu kẻ trộm cố gắng xóa một mặt hàng được gắn thẻ khỏi cửa hàng. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng chúng làm giảm đáng kể tình trạng trộm cắp và trộm sách trong thư viện.

Làm chệch hướng đối tượng phạm tội. Các nhóm đối thủ giữa những người hâm mộ bóng đá cuồng nhiệt ở Vương quốc Anh được tách biệt trong sân vận động để giảm

bớt đánh nhau, và việc họ đến và đi theo lịch trình để tránh thời gian chờ đợi gây ra rắc rối. Việc lên lịch cho chuyến xe buýt cuối cùng khởi hành ngay sau giờ đóng cửa quán rượu nhằm mục đích cản trở một truyền thống khác ít đáng ngưỡng mộ hơn của nước Anh, đó là ẩu đả vào giờ đóng cửa. Đây là những ví dụ về việc làm chệch hướng kẻ phạm tội khỏi mục tiêu tội phạm, một kỹ thuật tinh huớng được đề xuất bởi lý thuyết hoạt động thông thường. Các ví dụ khác được cung cấp bởi các kế hoạch đóng đường đã giúp giảm nhiều loại tội phạm (xem *Đóng đường và ngõ để giảm tội phạm*, Hướng dẫn định hướng vấn đề cho cảnh sát, Hướng dẫn ứng phó số 2, có thể truy cập tại www.cops.usdoj.gov và www.popcenter.org). Ngay cả các vụ xả súng khi lái xe ở Los Angeles cũng đã giảm bớt nhờ việc đóng cửa đường phố (xem *minh họa*).

Tăng cường nhằm vào các nỗ lực phạm tội

Tăng độ khó các mục tiêu mà đối tượng nhắm tới

- Khóa cần gạt lái và bộ cố định đánh lửa
- Màn chống cướp ngân hàng, bưu điện
- Tấm chắn chống đạn cho tài xế taxi

Kiểm soát quyền truy cập vào các cơ sở

- Điện thoại vào khu chung cư
- Thẻ điện tử truy cập vào nhà để xe và văn phòng
- Thiết kế không gian phòng thủ cho nhà ở công cộng

Kiểm soát các địa điểm tẩu thoát của đối tượng.

- Cần có vé để thoát
- Xuất tài liệu

- Thẻ điện tử cho cửa hàng và thư viện

Làm chệch hướng đối tượng phạm tội

- Cách ly cô động viên đối thủ trong sân vận động
- Đóng cửa đường phố
- Phòng tắm riêng dành cho nữ

Kiểm soát công cụ và vũ khí

- Súng an toàn hơn
- Ly bia cường lực
- Dừng các cuộc gọi điện thoại công cộng đến để ngăn chặn những kẻ buôn bán ma túy
- Hình ảnh trên thẻ tín dụng và dấu vân tay trên séc

Kiểm soát công cụ và vũ khí. Các quán rượu ở miền Tây hoang dã của Hoa Kỳ thường xuyên yêu cầu khách hàng giao nộp súng lục khi vào cửa vì nguy cơ xảy ra đấu súng trong lúc say rượu. Gần đây hơn, cái gọi là súng ngán "an toàn hơn" đã được phát triển mà chỉ chủ nhân mới có thể bắn hoặc bắn đạn sập hoặc thuốc an thần. Để tránh việc ly thủy tinh bị dùng làm vũ khí khi vỡ, nhiều quán rượu ở Anh hiện nay sử dụng ly bia "cứng". Việc sử dụng Caller-ID cho mục đích thương mại đầu tiên (ở New Jersey vào cuối những năm 1980) đã giúp giảm 25% số cuộc gọi điện thoại tục tĩu. Bước 34 liệt kê các cách khác nhau mà các thành phố đã cố gắng kiểm soát việc sử dụng điện thoại công cộng trong buôn bán ma túy, bao gồm chặn các cuộc gọi đến và cấm họ đến các địa điểm cụ thể. Việc lập trình lại điện thoại công cộng tại bến xe buýt Manhattan đã ngăn chặn việc truy cập bất hợp pháp vào dịch vụ điện thoại quốc tế, do đó xóa sạch một vụ lừa đảo trị giá hàng triệu đô la do những kẻ hối hả gây ra. Các thủ tục an ninh

được cải thiện trong việc cung cấp thẻ tín dụng đã làm giảm đáng kể số vụ gian lận thẻ tín dụng ở quốc gia này vào giữa những năm 1990 (*Bước 11*).

Một giải pháp dành để phòng chống bắn súng khi lái xe

Các băng nhóm đối thủ thường giải quyết tranh chấp bằng cách bắn vào các thành viên của băng nhóm kia khi đang di chuyển ô tô. Những "vụ xả súng khi lái xe" này rất khó ngăn chặn thông qua công tác thanh niên hoặc bằng cách tăng cường chính sách. Một giải pháp mới, Chiến dịch Cul de Sac, đã được thử nghiệm tại một khu vực 10 dãy nhà ở Los Angeles, nơi đã chứng kiến mức độ cao nhất của các vụ xả súng và giết người theo băng nhóm. Cảnh sát lắp đặt rào chắn giao thông trên những con phố bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Những con đường cụt này ngăn không cho ô tô đi vào ở một đầu và yêu cầu những người đã đi vào ở đầu bên kia phải quay lại theo đường cũ. Điều này không chỉ gây khó khăn hơn cho người bắn mà còn tăng rủi ro cho họ vì khi quay lại theo cách tương tự, mục tiêu của họ có thể đã chuẩn bị sẵn súng.

Các rào cản đã giúp giảm ngay lập tức các vụ xả súng và giết người do lái xe gây ra. Vào năm trước Chiến dịch Cul de Sac, 1989, bảy vụ giết người đã xảy ra trong khu vực. Trong 2 năm tiếp theo, sau khi rào chắn được lắp đặt, chỉ có một vụ giết người được ghi nhận. Không có bằng chứng nào cho thấy các vụ giết người đã được di dời sang khu vực lân cận khác. Khi kết thúc Chiến dịch Cul de Sac, khi các rào cản được dỡ bỏ, số vụ giết người lại tăng lên mức trước đó.

Nguồn: Lasley, James (1998) "*Khám phá " các vụ giết người băng đảng và tấn công đường phố.* Tóm tắt nghiên cứu, Viện Tư pháp Quốc gia. Washington, DC: Bộ Tư pháp Hoa Kỳ

Bước 40: Tăng các yếu tố rủi ro dẫn đến tội phạm

Theo các cuộc phỏng vấn với những đối tượng phạm tội, họ lo lắng về nguy cơ bị bắt hơn là về hậu quả nếu bị bắt. Điều này có lý vì họ có thể làm rất ít để tránh bị trừng phạt nếu bị bắt, nhưng họ có thể làm được rất nhiều việc để giảm thiểu rủi ro bị bắt bằng cách cẩn thận. Đây là lý do tại sao phòng ngừa tình huống tìm cách tăng nguy cơ bị bắt và không cố gắng thao túng hình phạt.

Mở rộng các khả năng giám sát và quản lý. Cohen và Felson chỉ ra rằng sự gia tăng các vụ trộm ở khu dân cư trong những năm 1960 và 1970 một phần là do số lượng phụ nữ làm việc bên ngoài nhà ngày càng tăng. Điều này có nghĩa là trong phần lớn thời gian, nhiều ngôi nhà, nếu không phải toàn bộ vùng ngoại ô, không có "người giám hộ có năng lực". Một nghiên cứu khác đã phát hiện ra rằng những tên trộm thích phạm tội vào các buổi chiều các ngày trong tuần khi mọi người thường đi vắng. Điều này giải thích tại sao mọi người nên hủy báo và thông báo cho hàng xóm khi họ đi nghỉ. Mang theo điện thoại di động hoặc đi chơi nhóm vào ban đêm là những cách khác để mở rộng quyền giám hộ. Người ta biết rất ít về hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa và đánh giá thường xuyên này của lực lượng giám sát khu phố, nỗ lực có hệ thống duy nhất nhằm mở rộng quyền giám hộ, không được khuyến khích. Tuy nhiên, hoạt động giám sát khu phố "kén", theo đó các ngôi nhà xung quanh được cảnh báo sau một vụ trộm, là một yếu tố quan trọng của một dự án thành công ở Kirkholt, Vương quốc Anh.

Hỗ trợ các giám sát tự nhiên. Chủ nhà cắt tia bụi cây gần cửa sổ và cửa ra vào, đồng thời lắp đèn nội thất vào ban đêm để tận dụng khả năng giám sát "tự nhiên" do những người thực hiện công việc hàng ngày của họ cung cấp. Tăng cường giám sát tự nhiên cũng là mục tiêu chính của việc cải thiện hệ thống chiếu sáng đường phố và kiến trúc không gian có thể phòng thủ. Các nghiên cứu ở Anh đã phát hiện ra rằng hệ thống

chiếu sáng được cải thiện trong nhà ở công cộng giúp giảm tội phạm với rất ít bằng chứng về sự di dời. Một thành phần của sự can thiệp sớm của CPTED nhằm giảm nạn trộm cắp tại khu thương mại ở Portland, Oregon, là cải thiện hệ thống chiếu sáng bên ngoài các cửa hàng. Oscar Newman đã báo cáo những thành công trong việc giảm tội phạm ở nhà ở công cộng thông qua việc áp dụng các nguyên tắc giám sát tự nhiên. Cuối cùng, các đường dây nóng cung cấp thông tin và các chương trình ngăn chặn tội phạm là những nỗ lực tận dụng sự giám sát tự nhiên do công chúng cung cấp.

Giảm tính ẩn danh. Việc mở rộng quyền sở hữu ô tô đã cho phép mọi người làm việc xa nhà. Sự phát triển của các trung tâm mua sắm ngoài thành phố đã dẫn đến sự suy giảm hoạt động mua sắm ở trung tâm thành phố. Du lịch chi phí thấp đã dẫn đến sự gia tăng du lịch cả trong và ngoài nước. Kết quả là, mọi người dành nhiều thời gian hơn cho những người lạ ẩn danh. Việc xây dựng các trường học lớn đã góp phần vào xu hướng này vì học sinh ít được thầy cô và các học sinh khác biết đến hơn. Giảm tính ẩn danh là một kỹ thuật tình huống đầy hứa hẹn nhưng hiếm khi được sử dụng. Một số trường học hiện nay yêu cầu đồng phục, một phần để giảm bớt sự ẩn danh của học sinh trên đường đến trường và về nhà. Phù hiệu ID tài xế taxi và đề can có số 1800 với thông điệp "Việc lái xe của tôi thế nào?" trên xe tải là hai cách nữa để giảm tính ẩn danh.

Sử dụng trình quản lý các địa điểm. Ngoài chức năng chính của mình, một số nhân viên còn thực hiện vai trò giám sát. Những "người quản lý địa điểm" này bao gồm trợ lý bán hàng, người gác cửa khách sạn và nhân viên bãi đậu xe. Nghiên cứu của Canada đã phát hiện ra rằng những khu chung cư có người gác cửa ít bị trộm hơn. Khen thưởng nhân viên thu ngân khi phát hiện thẻ tín dụng giả mạo hoặc bị đánh cắp đã giúp giảm tổn thất gian lận hàng năm gần 1 triệu USD tại một nhà bán lẻ điện tử ở New Jersey. Tình trạng phá hoại trên một đội xe buýt hai tầng lớn ở miền bắc nước Anh đã

giảm đáng kể khi một số xe buýt được lắp camera quay phim cho tài xế. Việc có hai nhân viên trực, đặc biệt là vào ban đêm, luôn có hiệu quả trong việc ngăn chặn nạn cướp cửa hàng tiện lợi (*xem bảng*).

Tăng cường giám sát chính thức. Giám sát chính thức được thực hiện bởi cảnh sát, nhân viên bảo vệ và thám tử cửa hàng, tất cả đều mang lại mối đe dọa răn đe cho những kẻ phạm tội tiềm năng. Báo động chống trộm, máy quay video và camera tốc độ có thể tăng cường khả năng giám sát này. Một nghiên cứu về một cộng đồng giàu có gần Philadelphia cho thấy việc sử dụng rộng rãi thiết bị báo trộm giúp giảm chi phí cho cảnh sát bằng cách giảm tỷ lệ trộm cắp cho cộng đồng nói chung. Các nghiên cứu của Bộ Nội vụ đã cho thấy mức giảm đáng kể ở nhiều loại tội phạm sau khi lắp đặt máy quay video ở các thành phố của Anh (*xem Video Giám sát Không gian Công cộng*, Hướng dẫn các định hướng vấn đề cho Cảnh sát, Hướng dẫn Ứng phó Số 3, có thể truy cập tại www.cops.usdoj.gov và www.popcenter.org). Một đánh giá về radar ảnh được triển khai trên toàn bang ở Victoria, Australia, cho thấy nó giúp giảm tốc độ và góp phần giảm 45% số ca tử vong do tai nạn giao thông. Một cuộc tuần tra bằng xe đạp được công bố rộng rãi do một công ty an ninh tư nhân thực hiện tại một bãi đậu xe lớn ở ngoại ô Vancouver, Canada đã góp phần giảm đáng kể nạn trộm ô tô. Khi nhân viên an ninh bắt đầu có hệ thống, số lượng hàng hóa có nguy cơ cao hàng ngày, chẳng hạn như VCR và máy quay phim, các vụ trộm do nhân viên thực hiện đã giảm hơn 80% trong kho của một siêu thị điện tử ở New Jersey. Những cách mới mạnh mẽ để tăng cường giám sát chính thức được cung cấp bằng cách liên kết các bộ dữ liệu về các cá nhân, như được thể hiện trong một nghiên cứu của Eckhart Kuhlhorn. Ông đã chứng minh rằng việc kiểm tra chéo trên máy vi tính các báo cáo về thu nhập cá nhân do người nộp đơn nộp cho hai cơ quan chính phủ Thụy Điển riêng biệt đã làm giảm gian lận phúc lợi. Khi người ta yêu cầu trợ cấp tiền thuê nhà, họ có xu hướng khai thấp thu nhập,

nhưng khi yêu cầu trợ cấp ốm đau, họ lại có xu hướng phóng đại nó. Khả năng kiểm tra chéo các báo cáo thu nhập đã làm giảm đáng kể những gian lận này.

Các biện pháp giảm nạn cướp bóc ở cửa hàng tiện lợi

(Kết quả của 14 nghiên cứu)

	Số lượng nghiên cứu hỗ trợ*
Hai hoặc nhiều nhân viên	10
Quản lý tiền mặt tốt	8
Không có lối ẩn đi vào	6
Cửa hàng lân cận	5
Mặt tiền cửa hàng thoáng đãng	5
Đóng cửa vào ban đêm	5
Công nghệ bảo mật	5
Nhân viên thu ngân tại quầy an ninh	4
Huấn luyện nhân viên	4
Tầm nhìn rõ ràng bên trong cửa hàng	3
Máy bơm xăng ở phía trước	3
Nhân viên thu ngân tại trung tâm cửa hàng	3
Cửa hàng trên con phố sầm uất	2
Nhân viên bảo vệ có mặt	2

*Không phải tất cả các nghiên cứu đều bao gồm tất cả các biện pháp nêu trên

Nguồn: Hunter và Jeffery (1997). "Ngăn chặn nạn cướp cửa hàng tiện lợi thông qua thiết kế môi trường." *Phòng chống tội phạm theo tình huống: Nghiên cứu trường hợp thành công*, Ronald Clarke. Monsey, NY: Nhà xuất bản Tư pháp Hình sự.

Tăng các yếu tố rủi ro dẫn đến tội phạm

Tăng cường giám sát và quản lý

- Đẩy mạnh các biện pháp phòng ngừa thông thường như để lại dấu hiệu có người khi ra khỏi nhà, mang theo điện thoại di động và đi chơi nhóm vào ban đêm.
- Thành lập các tổ dân phố giám sát

Hỗ trợ giám sát tự nhiên

- Cải thiện hệ thống chiếu sáng đường phố
- Thiết kế không gian phòng thủ
- Giám sát khu vực lân cận và đường dây nóng cung cấp thông tin

Giảm tính ẩn danh

- ID tài xế taxi
- Sử dụng đề can "Tôi lái xe như thế nào?"
- Đồng phục đi học

Sử dụng người quản lý địa điểm

- Đào tạo nhân viên để ngăn chặn tội phạm
- Khen thưởng cảnh giác
- Hỗ trợ người tố giác

Tăng cường giám sát chính thức

- Camera đo tốc độ và kiểm tra hơi thở ngẫu nhiên
- Video giám sát trung tâm thành phố

- Tập trung tuần tra xe đạp tại các bãi đỗ xe

Đọc thêm

Painter, Kate và Nick Tilley (1999). "Giám sát không gian công cộng: CCTV, chiếu sáng đường phố và phòng chống tội phạm." Nghiên cứu Phòng chống Tội phạm, tập 10. Monsey, NY: Nhà xuất bản Tư pháp Hình sự. (Có thể truy cập một phần tại www.popcenter.org).

Bước 41: Giảm các phần thưởng kích thích hành vi phạm tội

Lý thuyết lựa chọn hợp lý cho rằng người phạm tội luôn tìm cách thu lợi cho bản thân bằng hành vi phạm tội của mình. Những lợi ích này có thể không chỉ đơn giản là vật chất, như trong hành vi trộm cắp, bởi vì có nhiều phần thưởng khác của tội ác, bao gồm phóng thích tình dục, say sưa, phấn khích, trả thù, tôn trọng từ đồng nghiệp, v.v. Do đó, một phần quan trọng của công tác phòng chống tội phạm theo tình huống là hiểu được phần thưởng của bất kỳ loại hành vi phạm tội cụ thể nào và tìm cách giảm thiểu hoặc loại bỏ chúng.

Che giấu mục tiêu. Các chủ nhà thường cố gắng ngăn chặn kẻ trộm bằng cách giấu đồ trang sức hoặc những vật có giá trị khác. Họ cũng kéo rèm để ngăn kẻ trộm nhìn qua cửa sổ để xem họ sở hữu những gì. Một số người không đeo dây chuyền vàng ở nơi công cộng và những người khác tránh để xe qua đêm trên đường nếu đây là những mẫu xe hấp dẫn những người thích vui chơi, chẳng hạn như Hondas và Acuras. Bảng này trình bày dữ liệu Khảo sát Tội phạm của Vương quốc Anh cho thấy những chiếc ô tô bị bỏ trên đường có nguy cơ bị trộm cao hơn rất nhiều so với những chiếc ô tô được để trong gara hoặc đường lái xe của chủ sở hữu. Đây đều là những cách để che giấu mục tiêu và giảm bớt sự cám dỗ. Một số chiến lược che giấu khác ít rõ ràng hơn. Ví dụ: danh sách điện thoại trung lập về giới tính có thể giúp bảo vệ phụ nữ khỏi các cuộc gọi điện thoại tục tĩu và xe tải bọc thép không nhãn hiệu có thể giảm nguy cơ bị cướp trên đường vận chuyển.

Khảo sát tội phạm trộm xe và nơi đỗ xe, tại Anh và xứ Wales

Nơi đỗ xe

Tỉ lệ tội phạm ô tô* trên 100.000 xe mỗi 24 giờ

Gara tại nhà	2
Lái xe/bãi đậu xe	40
Đường khác	327
Bãi đỗ xe công cộng	454

***Bao gồm hành vi trộm cắp, trộm cắp, cố gắng và cố ý gây thiệt hại**

Nguồn: Clarke, Ronald và Pat Mayhew (1998). "Ngăn chặn tội phạm ở bãi đậu xe." *Giảm tội phạm thông qua quản lý và phát triển bất động sản*, Marcus Felson và Richard Peiser. Washington, DC: Viện đất đai đô thị.

Loại bỏ các mục tiêu của tội phạm. Việc lắp đặt một chiếc máy chấp nhận thẻ tín dụng trong một nhà thờ ở Tây Ban Nha đã mang lại một số lợi ích: những người quyên góp nhận được biên lai vì mục đích đóng thuế, nhà thờ nhận được những món quà lớn hơn, và vì tiền mặt không được gửi nên nhà thờ đã giảm nguy cơ trộm cắp thông qua việc loại bỏ các mục tiêu. Ứng dụng trước đó của kỹ thuật tình huống tương tự này xuất phát từ thời Cơn sốt vàng ở California. Nhằm cản trở những vụ cướp xe ngựa, một mỏ bắt đầu đúc vàng thành những khối nặng 400 pound. Những thứ này quá nặng để bọn cướp có thể mang đi trên lưng ngựa. Các ví dụ cập nhật hơn về việc loại bỏ mục tiêu được cung cấp bởi những thay đổi được thực hiện đối với điện thoại trả tiền. Để ngăn mọi người đập vỡ kính, các gian hàng treo tường đã được thay thế cho các ki-ốt ở những địa điểm có nguy cơ cao ở Vương quốc Anh và thẻ trả trước giúp loại bỏ nhu cầu lưu trữ số tiền lớn đã loại bỏ mục tiêu quan trọng của trộm cắp. Có lẽ ví dụ nổi bật nhất về việc loại bỏ mục tiêu là việc áp dụng hệ thống giá vé chính xác và kết

an toàn trên xe buýt, giúp giảm đáng kể các vụ cướp của tài xế xe buýt ở New York và 18 thành phố khác vào cuối những năm 1960.

Xác định các tài sản. Xe cơ giới ở các nước phát triển phải được đăng ký và phải mang Số nhận dạng phương tiện (VIN) duy nhất. Điều này nhằm hỗ trợ việc đánh thuế, nhưng những biện pháp này cũng làm giảm nạn trộm cắp. Một trong những bang cuối cùng yêu cầu đăng ký xe là tiểu bang Illinois vào năm 1934, sau đó số vụ trộm xe đã giảm từ 28.000 vụ vào năm trước xuống còn khoảng 13.000 vụ. Gần đây hơn, Đạo luật Thi hành đối với trộm cắp phương tiện cơ giới liên bang năm 1984 đã bắt buộc phải đánh dấu tất cả các bộ phận chính trên thân xe của những chiếc ô tô "có nguy cơ cao" bằng số VIN. Các chương trình "nhận dạng hoạt động" của cảnh sát có ít thành công ở đất nước này, nhưng Gloria Laycock thuộc Viện Khoa học Tội phạm Jill Dando phát hiện ra rằng việc đánh dấu tài sản được thực hiện ở ba cộng đồng nhỏ ở xứ Wales, kết hợp với sự quảng bá rộng rãi trên các phương tiện truyền thông, đã giảm một nửa số vụ trộm trong nước được báo cáo.

Phá vỡ thị trường. Các nhà tội phạm học và cảnh sát đã dành khá ít sự quan tâm đến việc tìm hiểu và phá vỡ thị trường hàng hóa bị đánh cắp. Các nhà tội phạm học gặp khó khăn trong việc thu thập dữ liệu về những khu chợ này và cảnh sát ưu tiên chú ý đến việc truy bắt những tên trộm hơn là những hoạt động mua bán đồ ăn cắp, một phần vì hình phạt đối với mua bán đồ đánh cắp tương đối nhẹ. Tuy nhiên, nếu không có thị trường cho hàng ăn trộm thì sẽ có rất ít vụ trộm dai dẳng và ít vụ trộm xe tải chở lượng lớn thuốc lá và rượu. Công việc gần đây của Mike Sutton cho Bộ Nội vụ đã đánh thức sự quan tâm đến việc phá vỡ thị trường hàng hóa bị đánh cắp. Các biện pháp đột phá cần phải được điều chỉnh phù hợp với bản chất của thị trường và chúng bao gồm việc cảnh sát giám sát có hệ thống các giao dịch tại cửa hàng cầm đồ, trấn áp những người

bán hàng rong bất hợp pháp và giám sát việc bán quảng cáo nhỏ trên báo để phát hiện những người bán hàng lặp lại. Nên tránh các hoạt động "ngầm" của cảnh sát - chẳng hạn như các cửa hàng bán đồ cũ không có thật - vì nghiên cứu đã phát hiện ra rằng chúng có thể kích thích hành vi trộm cắp ở các khu vực xung quanh hoạt động ngầm này của cảnh sát.

Từ chối lợi ích. Việc lắp đặt gờ giảm tốc là cách chắc chắn để phủ nhận lợi ích của việc chạy quá tốc độ. Radio xe hơi có mã bảo mật và thẻ mực cung cấp thêm minh họa về các kỹ thuật phòng chống tội phạm. Không thể sử dụng bộ đàm có mã bảo mật trừ khi kẻ trộm biết mã PIN và theo các nghiên cứu được thực hiện ở Hoa Kỳ và Úc, những chiếc ô tô có bộ đàm này có tỷ lệ trộm cắp thấp hơn. Thẻ mực được sử dụng trong các cửa hàng quần áo để ngăn chặn hành vi trộm cắp. Chúng sẽ tiết ra mực nếu bị giả mạo và không thể xóa được trên quần áo có vết bẩn mà chúng dính vào. Kẻ trộm không thể mặc hoặc bán bộ quần áo đó, điều này loại bỏ động cơ trộm cắp.

Giảm các yếu tố kích thích phạm tội

Che giấu mục tiêu

- Bãi đỗ xe ngoài đường dành cho ô tô sẽ hấp dẫn đối tượng trộm xe
- Danh bạ điện thoại trung lập về giới tính
- Xe bọc thép không nhãn mác

Xóa mục tiêu

- Các loại radio xe hơi có thể tháo rời
- Nơi trú ẩn dành cho phụ nữ
- Thẻ trả trước cho điện thoại công cộng

Xác định tài sản

- Đánh dấu tài sản
- Cấp giấy phép xe và đánh dấu phụ tùng
- Xây dựng thương hiệu gia súc

Phá vỡ thị trường

- Kiểm tra tại các cửa hàng cầm đồ
- Kiểm soát quảng cáo rao vặt
- Giấy phép bán hàng rong

Từ chối lợi ích

- Thẻ hàng hóa mực
- Làm sạch vẽ đường phố (graffiti)
- Vô hiệu hóa điện thoại di động bị đánh cắp

Phủ nhận lợi ích của nghệ thuật tranh đường phố (Graffiti)

Những chuyến tàu điện ngầm phủ đầy graffiti gần như đã trở thành thương hiệu của Thành phố New York trong những năm 1970 và 1980, và chúng thường xuyên xuất hiện trong những đoạn mở đầu của các bộ phim lấy bối cảnh ở đó. Các nhà chức trách tàu điện ngầm đã thử vô số chiến lược thực thi pháp luật và tăng cường mục tiêu để loại bỏ hình vẽ bậy trên các toa tàu điện ngầm, nhưng không thu được nhiều kết quả. Cuối cùng, họ nảy ra một ý tưởng đơn giản và mang lại thành công cho họ: Một khi một chiếc ô tô đã được làm sạch hình vẽ bậy, nó sẽ ngay lập tức bị ngừng sử dụng và làm sạch lại nếu có hình vẽ bậy mới. Điều này đã phủ nhận một cách hiệu quả những lợi ích của "người gắn thẻ" của việc "đứng dậy" và xem tác phẩm của họ được trưng bày trước

công chúng. Vì số lượng toa tàu điện ngầm khổng lồ nên phải mất sáu năm tất cả các toa tàu mới được sạch sẽ. Ngày nay, chúng không thua kém gì các toa tàu điện ngầm ở các thành phố khác.

Xe sạch						
Năm	1984	1985	1986	1987	1988	1989
Mục tiêu	---	1720	3434	4707	5946	6221
Số đạt được	400	1915	3454	4839	6077	6245

Nguồn: Sloan-Howitt, Maryalice và George Kelling (1997) "Graffiti tàu điện ngầm ở thành phố New York: 'Kiên quyết xóa bỏ' hay 'Làm sạch nó và có ý nghĩa' Phòng chống tội phạm tình huống: Nghiên cứu trường hợp thành công, Ronald Clarke, Monsey, NY : Nhà xuất bản Tư pháp hình sự.

Đọc thêm:

Sutton, Mike và cộng sự (2001). *Xử lý hàng hóa bị đánh cắp bằng phương pháp thu hẹp thị trường*. Bài nghiên cứu về giảm thiểu tội phạm số 8. London: Bộ Nội vụ.

Bước 42: Giảm bớt sự khiêu khích dẫn đến tội phạm

Khi nghiên cứu các nhà tù và quán rượu, Richard Wortley nhận thấy rằng sự đông đúc, khó chịu và cách đối xử thô lỗ đã gây ra bạo lực ở cả hai môi trường. Điều này khiến ông lập luận rằng việc ngăn chặn tình huống đã tập trung quá nhiều vào các cơ hội phạm tội và đã bỏ qua những đặc điểm của tình huống thúc đẩy hoặc gây ra tội phạm. Nhờ công trình của mình, Clarke và Cornish đã đưa vào năm kỹ thuật để giảm bớt cái mà họ gọi là "sự khiêu khích" trong phân loại mới về các kỹ thuật tình huống của họ. Những kỹ thuật này được giải thích dưới đây, dựa trên các ví dụ của Wortley.

Giảm sự thất vọng và căng thẳng. Mọi người đều tức giận khi bị người phục vụ đối xử thô lỗ, khi có người chen lấn phía trước để được phục vụ, hoặc khi tàu bị hoãn mà không có lời giải thích. Đôi khi họ tức giận đến mức trở nên bạo lực. Điều này có thể tránh được bằng cách cải thiện dịch vụ, ngày càng được yêu cầu và cung cấp. Tuy nhiên, những lời phàn nàn có thể bị bỏ qua khi những người bị ngược đãi có ít quyền lực. Ví dụ, tù nhân thường bị phớt lờ khi họ phàn nàn rằng họ không thể ăn khi đói hoặc chọn chương trình TV, mặc dù những lời phàn nàn này có thể được đáp ứng khá dễ dàng bằng cách sắp xếp thời gian bữa ăn lệch nhau và cung cấp nhiều TV hơn. Việc chờ đến lượt sử dụng điện thoại, một nguồn gây thất vọng khác cho tù nhân, có thể được hệ thống máy tính hóa giảm bớt việc sử dụng điện thoại (*xem minh hoạt*). Sự bộc phát giận dữ và bạo lực cũng có thể là kết quả của việc mọi người phải chịu đựng sự khó chịu tột độ - quá nhiều tiếng ồn, bị chen lấn và không có chỗ ngồi. Những tình trạng này tồn tại ở nhiều câu lạc bộ, quán bar và các chuyến bay của hãng hàng không chở khách bị trì hoãn và liên tục được phát hiện là gây rắc rối. Nhiều chỗ ngồi hơn, âm nhạc êm dịu và ánh sáng tắt là tất cả những cách để giảm căng thẳng trong những khung cảnh này.

Tránh những tranh chấp. Ở Vương quốc Anh, giữa các nhóm người hâm mộ cuồng nhiệt và đối thủ của nhau được tách biệt trong các sân vận động bóng đá và việc họ đến và đi theo lịch trình để tránh những khoảng thời gian chờ đợi xung quanh gây rắc rối. Giá vé taxi từ Sân bay Kennedy của Thành phố New York đến Manhattan được cố định ở mức tiêu chuẩn là 45 USD để tránh gian lận và tranh chấp về giá vé. Trong nỗ lực tạo ra sự quản lý đồng thuận của đám đông tại Australian Motorcycle Grand Prix, các tay đua được phép điều hành các địa điểm cắm trại cho những người đi xe máy đồng nghiệp của họ và được khuyến khích phát triển các quy tắc sử dụng cơ sở vật chất. Điều này đã giúp loại bỏ các cuộc ẩu đả giữa cảnh sát và người đi xe máy, vốn đã làm hỏng sự kiện trong những năm trước.

Giảm kích thích và cảm dỗ. Bác sĩ nam không nên tiến hành khám sức khỏe chi tiết cho bệnh nhân nữ nếu không có y tá hoặc lễ tân. Điều này bảo vệ bác sĩ khỏi những cáo buộc sai trái, nhưng nó cũng làm giảm sự cảm dỗ lạm dụng tình dục bệnh nhân hoặc có những tiến bộ không phù hợp. Luật cấm những kẻ ẩu đâm bị kết án làm những công việc liên quan đến trẻ em không chỉ bảo vệ trẻ em mà còn giúp người lớn quản lý ham muốn tình dục của họ. Việc nhìn thấy một khẩu súng được cho là có thể gây ra cảm giác hung hăng, cung cấp một lý do chính đáng cho việc quản lý việc trưng bày vũ khí. Tương tự, thực tế là tỷ lệ cao tội phạm tình dục sở hữu hoặc sử dụng nội dung khiêu dâm bạo lực là lý do cơ bản để kiểm soát những tài liệu này. Cuối cùng, việc giảm bớt sự cảm dỗ là cơ sở cho lời khuyên về việc cẩn thận với tiền bạc của mình ở nơi công cộng cũng như lời khuyên cho các phụ nữ trẻ về việc cẩn thận khi ra ngoài một mình vào ban đêm.

Trung hòa áp lực giữa các đối tượng trong nhóm. Nhiều bậc cha mẹ can ngăn những người bạn “có ảnh hưởng xấu” đến con mình và nhà trường cũng thường phân

tán các nhóm gây rối vào các nhóm/lớp khác nhau. Nhưng người lớn cũng như trẻ em đều phải chịu áp lực từ bạn bè. Nhân viên hiện tại có thể xúi giục công nhân mới ăn trộm của chủ và nam thanh niên thường bị bạn bè khuyến khích uống quá nhiều đồ có cồn. Một chiến dịch quảng bá được tiến hành ở Úc nhằm củng cố tác động rắn đẽ mạnh mẽ của việc kiểm tra hơi thở ngẫu nhiên đã sử dụng khẩu hiệu "Những người bạn tốt là những người không để bạn mình uống rượu rồi lái xe". Một chiến dịch tuyên truyền ở đất nước này đã sử dụng "Hỡi những người bạn, đừng để bạn mình lái xe khi say rượu".

Cấm bắt chước. Tất cả các tivi mới đều chứa "V-chip" để cha mẹ có thể lập trình cho TV của mình nhằm ngăn trẻ xem các chương trình bạo lực. Mặc dù mối liên hệ giữa phim bạo lực và bạo lực trong xã hội còn nhiều tranh cãi, vẫn có một số bằng chứng về tội phạm "bắt chước" vì các phương tiện truyền thông đưa tin về những tội ác bất thường đôi khi kích động sự bắt chước ở những nơi khác. Ví dụ, người ta cũng chứng minh rằng những học sinh nhìn thấy giáo viên của mình tham gia vào hoạt động máy tính bất hợp pháp có nhiều khả năng tự mình phạm tội máy tính hơn và những người đi bộ khác sẽ đi theo người nào đó đã vượt đèn đỏ. Quả thực, đã bao nhiêu lần bạn "vượt đèn đỏ" chỉ để khi nhìn vào gương chiếu hậu mới phát hiện có chiếc xe phía sau mình? Người ta cũng chứng minh rằng những chiếc bàn đã ngoại trong công viên đã bị trầy xước và chạm khắc có nguy cơ bị hư hại thêm cao hơn gấp đôi. Những phát hiện như vậy cung cấp cơ sở lý luận cho các chương trình "sửa chữa nhanh chóng" để đối phó với hành vi phá hoại. Wilson và Kelling đã mở rộng nguyên tắc này trong bài báo "học thuyết cửa sổ vỡ" nổi tiếng của họ bằng cách lập luận rằng việc không giải quyết kịp thời những dấu hiệu suy thoái nhỏ trong cộng đồng, chẳng hạn như nạn ăn xin hoặc gạ gẫm của gái mại dâm, có thể dẫn đến tình hình xấu đi nhanh chóng khi những kẻ phạm tội cứng rắn di chuyển. vào khu vực để khai thác sự cố trong kiểm soát.

Giảm bớt sự khiêu khích

Giảm sự thất vọng và căng thẳng

- Đường dây hiệu quả và dịch vụ lịch sự
- Sức chứa chỗ ngồi mở rộng
- Âm nhạc êm dịu và ánh sáng tắt

Tránh tranh chấp

- Tách riêng nhóm người hâm mộ bóng đá giữa các đối thủ
- Giảm sự đông đúc trong quán rượu
- Giá vé taxi cố định

Giảm kích thích và cảm dỗ

- Kiểm soát nội dung khiêu dâm bạo lực
- Nghiêm cấm những kẻ ấu dâm làm việc với trẻ em
- Có các lời khuyên để tránh nạn nhân tình dục

Trung hòa áp lực ngang hàng

- Sử dụng các chiến dịch "Chỉ có những kẻ ngốc mới uống rượu và lái xe"
- Sử dụng các chiến dịch "Có thể nói Không"
- Giải tán những kẻ gây rối ở trường

Không khuyến khích bắt chước

- Sửa chữa nhanh chóng sự phá hoại
- Sử dụng V-chip trong TV
- Kiểm duyệt chi tiết phương thức hoạt động để tránh tội phạm "bắt chước"

Những mối liên quan giữa gian lận qua điện thoại, sử dụng thời gian rảnh rỗi và hãng thời trang đồ lót Victoria Secrets tại Đảo Rikers

Đảo Rikers, cách Sân bay La Guardia của Thành phố New York một đoạn ngắn, là một hệ thống không lồ gồm 10 nhà tù. Những nơi này giam giữ nhiều loại tù nhân khác nhau, những người có đặc quyền sử dụng điện thoại khác nhau tùy theo tình trạng của họ. Các nhân viên cải huấn phải sử dụng nhật ký để ghi lại việc sử dụng điện thoại và điều chỉnh lượng thời gian mỗi tù nhân sử dụng điện thoại. Vào đầu những năm 1990, hệ thống này đã bị hỏng. Các tù nhân đã phát triển hệ thống riêng của họ, được gọi là "thời gian rảnh" và chi phí cuộc gọi hàng năm đã tăng lên hơn 3 triệu USD. Những tù nhân quyền lực nhất kiểm soát điện thoại mà họ thường sử dụng để truy cập máy nhắn tin và duy trì hoạt động kinh doanh ma túy của họ ở thế giới bên ngoài. Các tù nhân cũng truy cập vào "đường dây tình dục" và sử dụng số thẻ tín dụng bị đánh cắp để thực hiện các cuộc gọi đường dài và mua hàng. Nancy La Vigne, người đã nghiên cứu vấn đề này khi còn là nghiên cứu sinh tại Đại học Rutgers, lưu ý, "Các nữ tù nhân đã làm điều này, truy cập vào danh mục nhãn hiệu đồ lót Victoria Secrets, dẫn đến một nhà tù có thể tự hào về những tù nhân ăn mặc đẹp nhất đất nước - cho đến khi các quan chức đã bắt kịp."

Các quan chức đã giới thiệu một hệ thống điện thoại vi tính hóa có độ bảo mật cao nhằm đặt ra những giới hạn nghiêm ngặt trong việc sử dụng điện thoại, phù hợp với trạng thái của người gọi. Những người bị giam giữ có quyền truy cập vào điện thoại thông qua mã vạch trên thẻ ID của họ và bằng cách nhập mã PIN. Hệ thống này ngay lập tức cắt giảm một nửa chi phí điện thoại, nhưng người ta cũng nhận thấy rằng ít xảy ra tranh chấp về quyền truy cập vào điện thoại hơn. Trên thực tế, nghiên cứu của La Vigne cho thấy tỷ lệ hàng tháng của những vụ đánh nhau này đã giảm từ 6,7 trên 1.000

tù nhân vào năm trước khi có hệ thống điện thoại mới xuống còn 3,6 trên 1.000 sau khi hệ thống này được áp dụng.

Nguồn: La Vigne, Nancy (1994). "Lựa chọn hợp lý và tranh luận về việc sử dụng điện thoại của các tù nhân trên đảo Rikers". *Nghiên cứu phòng chống tội phạm*, tập 3, Ronald Clarke. Monsey, NY: Nhà xuất bản Tư pháp Hình sự.

Đọc thêm:

Wortley, Richard (2001). "Phân loại các kỹ thuật để kiểm soát các yếu tố thúc đẩy tội phạm theo tình huống." *Tạp chí An ninh* số 14, trang 63-82.

Bước 43: Loại bỏ các lý do dẫn đến phạm tội

Loại kỹ thuật thứ năm này thừa nhận rằng người phạm tội đưa ra những đánh giá mang tính đạo đức về hành vi của họ và họ thường hợp lý hóa hành vi của mình để "vô hiệu hóa" những gì có thể làm mất khả năng cảm giác tội lỗi hoặc xấu hổ. Họ đưa ra những lời bào chữa như: "Anh ta đáng bị như vậy", "Tôi chỉ mượn nó thôi" và "Tôi chỉ tát cô ấy thôi". Những lời bào chữa này có thể đặc biệt quan trọng đối với những người bình thường trước những cám dỗ hàng ngày để trốn thuế, lái xe khi say rượu, quấy rối tình dục nhân viên cấp dưới và ăn trộm tài sản của người chủ.

Đặt ra các quy tắc. Tất cả các tổ chức đều đưa ra các quy tắc về ứng xử trong lĩnh vực quản trị của họ. Ví dụ, các doanh nghiệp quy định việc chấm công của nhân viên và các cửa hàng yêu cầu trợ lý bán hàng phải tuân theo các quy trình xử lý tiền mặt nghiêm ngặt. Ngoài ra, các tổ chức như bệnh viện, thư viện công cộng và khách sạn phải quản lý hành vi của khách hàng mà họ phục vụ. Bất kỳ sự mơ hồ nào trong các quy định này sẽ bị lợi dụng nếu nó mang lại lợi ích cho khách hàng. Do đó, một khía cạnh quan trọng của việc phòng ngừa tình huống là thiết lập quy tắc - đưa ra các quy tắc hoặc thủ tục mới (và làm rõ những quy tắc hoặc thủ tục đã có sẵn) để loại bỏ bất kỳ sự mơ hồ nào liên quan đến khả năng chấp nhận hành vi. Ví dụ: trong nỗ lực giảm tình trạng "vắng mặt", nhiều nhà hàng giờ đây sẽ chỉ chấp nhận đặt chỗ nếu người gọi để lại số điện thoại nơi họ có thể liên lạc được. Một số còn yêu cầu số thẻ tín dụng để có thể tính phí nếu khách vắng mặt. Việc yêu cầu những người câu cá ở California phải đeo giấy phép câu cá đã thành công trong việc thu hút nhiều người trong số họ tuân thủ các quy định mua giấy phép.

Đăng tải các hướng dẫn. Các quy tắc làm việc thường được quy định trong hợp đồng lao động và các quy tắc được thiết lập bởi các công ty thẻ tín dụng, nhà cung cấp

điện thoại và công ty bảo hiểm đều có trong hợp đồng dịch vụ. Các quy định quản lý các địa điểm hoặc cơ sở công cộng có thể được đăng tải công khai nhằm ngăn chặn người dân tuyên bố rằng họ không biết các quy tắc hoặc để chỉ ra chính xác những quy định này được áp dụng ở đâu. Đặc biệt, các con đường sử dụng rộng rãi các biển báo quản lý việc lái xe hoặc đỗ xe. Các nghiên cứu đã phát hiện ra rằng các biển cảnh báo làm giảm đáng kể việc đỗ xe trái phép ở những chỗ dành riêng cho người lái xe khuyết tật. Nhiều cơ sở khác - công viên, trường cao đẳng, các tuyến đường trung chuyển và các dự án nhà ở - cũng dán các biển báo để quản lý nhiều hành vi khác nhau. Mặc dù được sử dụng rộng rãi nhưng có rất ít đánh giá về hiệu quả phòng ngừa của các hướng dẫn được đăng tải - nhưng chúng là một công cụ thiết yếu của cơ quan thực thi pháp luật và thường được sử dụng trong các nỗ lực giải quyết vấn đề.

Cảnh báo các nhận biết. Kỹ thuật này khác với “kiểm soát xã hội không chính thức” ở hai khía cạnh quan trọng. Thứ nhất, trọng tâm là các loại tội phạm cụ thể xảy ra trong những môi trường riêng biệt, rất hạn chế và thứ hai, mục đích của cảnh báo các nhận biết tại thời điểm thực hiện một loại tội phạm cụ thể thay vì cố gắng mang lại những thay đổi lâu dài trong thái độ chung chung đối với những vi phạm pháp luật. Ví dụ: các biển báo ở lối vào cửa hàng thông báo "Lấy đồ trong cửa hàng là trộm cắp" và tại Bến xe buýt Cảng vụ Manhattan ở Manhattan tuyên bố "Hút thuốc ở đây là bất hợp pháp, ích kỷ và thô lỗ." Bảng tốc độ bên đường đưa ra phản hồi ngay lập tức (không phạt tiền) đối với người lái xe ô tô đi trên tốc độ cho phép.

Hỗ trợ để tuân thủ. Khi nhà tội phạm học người Ý Cesare Lombroso đề xuất vào thế kỷ 19 rằng mọi người nên bị nhốt đối với hành vi tiểu tiện trên đường phố, học trò của ông là Enrico Ferri đã đề xuất một cách thực tế hơn để giải quyết vấn đề: xây dựng nhà vệ sinh công cộng. Đây là một ví dụ về tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuân

thủ, một kỹ thuật được áp dụng rộng rãi. Nó bao gồm trợ cấp đi taxi cho những người đã uống rượu, cung cấp giỏ đựng rác và "bảng vẽ graffiti" (dành các nơi công khai những thông điệp của người dân), và cải thiện thủ tục thanh toán trong thư viện, giúp giảm bớt sự chậm trễ và do đó bảo chữa cho việc không tuân thủ các quy định về mượn sách. Trong một bài báo kinh điển về Disney World, Shearing and Stenning cung cấp một cái nhìn hấp dẫn về những cách thức kiểm soát và quản lý đám đông tinh vi liên quan đến việc sử dụng vạch kẻ đường, biển báo, rào chắn vật lý (gây khó khăn khi rẽ nhầm) và hướng dẫn từ những nhân viên Disney vui vẻ - giảm đáng kể khả năng phạm tội và sự thiếu văn minh trong công viên giải trí (*xem minh họa*).

Kiểm soát ma túy và rượu. Rượu và ma túy tạo điều kiện cho tội phạm làm suy yếu sự ức chế hoặc làm suy giảm nhận thức, nhận thức khiến người phạm tội ít ý thức được việc vi phạm pháp luật. Giá trị của việc kiểm soát tình huống đối với việc uống rượu thường đã được chứng minh. Johannes Knutsson, giám đốc nghiên cứu tại Trường Cao đẳng Cảnh sát Na Uy, đã chỉ ra rằng việc hạn chế lượng rượu mà các cá nhân có thể mang vào một thị trấn nghỉ mát ở Thụy Điển vào Đêm Hè đã giúp giảm tình trạng say rượu và hành vi mất trật tự. Cộng đồng nhỏ ở Barrow, Alaska, đã ban hành lệnh cấm hoàn toàn vào năm 1994 đối với việc bán rượu để hạn chế việc uống rượu say, dẫn đến giảm 81% các cuộc gọi phục vụ liên quan đến rượu, giảm 43% các trọng tội và giảm hơn 90 phần trăm số vụ can thiệp để tổng những người say rượu ra nơi công cộng (xem phần trình bày Giải thưởng Goldstein tại www.popcenter.org). Các thỏa thuận tự nguyện đạt được giữa các cơ sở bán đồ uống địa phương nhằm thúc đẩy việc uống có trách nhiệm đã làm giảm tội phạm liên quan đến rượu ở nhiều khu vực giải trí về đêm ở Úc. Đại học Rutgers đã ra quy định rằng bia phải được phục vụ trong các keng bia thay vì các thùng bia tại các bữa tiệc ở ký túc xá vì thùng bia dễ che giấu hơn và như một sinh viên đã nói: "Nếu bạn có một Keng bia và một hàng 20 người đứng sau nó,

mọi người sẽ uống ít còn hơn so với bạn có một chiếc tủ lạnh và mọi người dung xả lảng bĩa."

Loại bỏ lời bào chữa

Đặt quy tắc

- Hợp đồng cho thuê
- Mã quấy rối
- Đăng ký khách sạn

Đăng hướng dẫn

- "Không đậu xe"
- "Sở hữu tư nhân"
- "Dập tắt lửa trại"

Cảnh báo các nhận biết

- Bảng hiển thị tốc độ bên đường
- Chữ ký tờ khai hải quan
- "Lấy đồ trong cửa hàng là ăn trộm"

Hỗ trợ để tuân thủ

- Kiểm tra thư viện dễ dàng
- Nhà vệ sinh công cộng
- Thùng rác

Kiểm soát ma túy và rượu

- Tự kiểm tra nồng độ cồn trong máu tại quán bar
- Sự can thiệp của máy chủ
- Sự kiện không có rượu

Đường đến Disney World

- Các biển báo yêu cầu du khách đến bằng ô tô hãy bật đài Disney để biết thông tin.
- Các biển báo hướng dẫn họ đến bãi đậu xe mà họ phải sử dụng và vạch kẻ đường chỉ đường.
- Nhân viên giữ xe tươi cười hướng dẫn du khách vào chỗ đỗ xe và loa phóng thanh nhắc nhở họ khóa xe.
- Du khách được hướng dẫn đến các đoàn tàu bánh cao su để đưa họ đến đường ray đơn.
- Các thông báo được ghi âm hướng dẫn họ đứng an toàn sau lan can.
- Họ được nhắc nhở về vị trí chỗ đậu xe (ví dụ khu vực Donald Duck số 1).
- Họ được yêu cầu (một cách lịch sự) ngồi, giữ tay và chân trong phạm vi giới hạn của xe và đảm bảo trẻ em cũng làm như vậy.
- Trước khi xuống tàu, họ được hướng dẫn cách đi đến đường ray đơn và các rào chắn ngăn họ đi sai đường.
- Trên sân ga, những người phục vụ hướng dẫn họ vào các bãi quây có kích thước phù hợp để lấp đầy một ngăn của đường ray đơn.
- Cổng an toàn ở rìa sân ga chỉ mở khi đường ray đơn đến.
- Bất kỳ sự chậm trễ nào trong dịch vụ đều được thông báo và thời gian đến dự kiến sẽ được đưa ra.

- Trên máy bay, hành khách được yêu cầu ngồi yên "vì sự an toàn của chính mình".
- Hành khách được hướng dẫn cách xuống tàu và cách di chuyển đến khu vui chơi giải trí đầu tiên.
- Họ một lần nữa được nhắc nhở phải chăm sóc con cái và lấy đi tài sản của mình.
- Trong khi chờ đợi để vào từng cuộc triển lãm, du khách sẽ được sắp xếp theo hàng, cho biết thời gian chờ đợi; những người xếp hàng được giải trí bởi các nhân vật Disney.
- Khi rời khỏi cuộc triển lãm, họ được hướng dẫn bởi các biển báo, rào chắn và những người phục vụ đến nơi tiếp theo.

Nguồn: Shearing, Clifford và Phillip Stenning (1997). "Từ Panopticon đến Thế giới Disney: Sự phát triển của kỹ luật". *Phòng chống tội phạm theo tình huống: Nghiên cứu trường hợp thành công* (tái bản lần 2), Ronald V. Clarke. Monsey, NY: Nhà xuất bản Tư pháp Hình sự.

Bước 44: Tìm chủ nhân của vấn đề

Nhiều vấn đề nảy sinh thông qua sự thất bại của một số tổ chức - doanh nghiệp, cơ quan chính phủ hoặc tổ chức khác - trong việc tiến hành công việc của mình theo cách ngăn chặn tội phạm hơn là gây ra nó. Nói tóm lại, nhiều vấn đề xảy ra do một hoặc nhiều tổ chức không thể hoặc không sẵn sàng thực hiện chiến lược phòng ngừa, hoặc do các tổ chức này đã cố tình tạo ra tình huống kích thích tội phạm hoặc gây rối loạn. Điều này tạo ra các cơ sở rủi ro (*Bước 28*) và các nơi tập trung tội phạm khác.

Giải quyết vấn đề thường đòi hỏi sự hợp tác tích cực của những cá nhân và tổ chức để xác định trách nhiệm lỗi đối với các điều kiện dẫn đến thất bại. Những cá nhân và tổ chức đã chuyển trách nhiệm của họ sang cho công chúng và cảnh sát. Do đó, mục tiêu quan trọng của bất kỳ quá trình giải quyết vấn đề nào là cần cho họ thấy trách nhiệm của họ trong các tình huống như vậy. Vì vậy, đối với bất kỳ vấn đề nào, bạn cần trả lời ba câu hỏi về quyền sở hữu:

- Ai sở hữu vấn đề?
- Tại sao chủ sở hữu lại cho phép vấn đề tiếp diễn?
- Cần phải làm gì để chủ nhà thực hiện việc phòng ngừa?

Ai sở hữu vấn đề? Khi một vấn đề nằm ở một địa điểm cụ thể, thường dễ dàng xác định được ai là người chịu trách nhiệm. Chủ nhân của vấn đề là chủ sở hữu của địa điểm. Ví dụ, một vấn đề trong công viên là cơ quan chịu trách nhiệm điều hành công viên - thường là chính quyền địa phương hoặc một số cơ quan tư nhân.

Việc xác định những người chịu trách nhiệm cho các vấn đề lan rộng trên các khu vực lớn hơn sẽ khó khăn hơn. Nếu một vấn đề phổ biến tập trung vào một địa điểm cụ thể thì địa điểm đó có thể là nguồn gốc của các sự kiện ở khu vực xung quanh

và chủ sở hữu địa điểm trung tâm có thể phải chịu trách nhiệm. Một kẻ đầu cơ bất động sản sở hữu nhiều tài sản vô chủ trong khu phố đã phạm tội liên quan đến những tài sản này.

Nếu có một nhóm cá nhân đặc biệt - người già, trẻ em có nhu cầu đặc biệt hoặc nạn nhân của bạo lực gia đình - và những cá nhân này là mục tiêu của tội phạm hoặc rối loạn, thì chủ nhân tiềm năng của vấn đề là các thành viên trong gia đình. Nếu có các cơ quan được giao nhiệm vụ đảm bảo phúc lợi cho các nhóm đặc biệt này thì các cơ quan dịch vụ này có thể là đồng sở hữu của các vấn đề. Trong khi cố gắng giảm bớt số ca tử vong trên đường cao tốc của người lao động nhập cư, Cơ quan Tuần tra Xa lộ California đã xác định được các doanh nghiệp chuyên vận chuyển người lao động nhập cư. Họ sở hữu vấn đề nhưng không chịu trách nhiệm. Việc xác định trách nhiệm đòi hỏi phải tăng cường quy định đối với các doanh nghiệp này, bao gồm kiểm tra phương tiện, yêu cầu ghế ngồi và dây an toàn đối với một số loại phương tiện vận chuyển người di cư, đồng thời tăng cường thực thi các hành vi vi phạm an toàn. Kết quả là số vụ tai nạn chết người liên quan đến công nhân nông trại nhập cư đã giảm đáng kể. Nỗ lực này đã nhận được Giải thưởng Goldstein về Giải quyết Vấn đề Xuất sắc vào năm 2002.

Tại sao chủ sở hữu lại cho phép vấn đề phát triển? Có bốn cách giải thích chung chung hoặc riêng lẻ phù hợp với hầu hết các vấn đề:

1. Một tổ chức có thể *không* có khả năng ngăn chặn tội phạm. Điều này có thể là do thiếu hiểu biết về tác động của các hoạt động của tổ chức này đối với tội phạm hoặc *do thiếu hiểu biết* về cách ngăn ngừa tội phạm. Hoặc điều này có thể là do thiếu nguồn lực, ngay cả khi tổ chức này biết rằng hoạt động của mình góp phần tạo ra tội phạm. Điều quan trọng nữa là phải

thừa nhận tầm quan trọng của *các thủ tục* được thể chế hóa. Việc thay đổi thủ tục có thể tốn thời gian và tốn kém cả về nguồn lực tài chính lẫn nhân sự. Quy trình kiểm soát hàng tồn kho mới nhằm ngăn chặn hành vi trộm cắp trong cửa hàng và trộm cắp nội bộ có thể khó thực hiện vì nó đòi hỏi những thay đổi mang tính đột phá trong cách nhân viên tiến hành công việc kinh doanh thông thường của họ.

2. Một số tổ chức có thể không sẵn lòng ngăn chặn tội phạm do hoạt động của họ đã tạo điều kiện xảy ra, bởi vì họ tin rằng việc xử lý tội phạm là *trách nhiệm riêng của cảnh sát* (ví dụ: các trạm xăng có tỷ lệ đổ xăng cao có thể coi trộm cắp xăng là vấn đề hơn là thiếu sự hỗ trợ của chính sách trả trước khi đổ xăng). Thay vì thừa nhận vai trò tạo cơ hội dẫn đến tội phạm, một số người chỉ tập trung vào vai trò của người phạm tội. Từ góc độ này, chức năng của cảnh sát là giảm tội phạm bằng cách thực thi nghiêm ngặt hơn. Những hạn chế của phương pháp này đã được ghi nhận ở Bước 3. Một nguyên nhân khác của sự không sẵn lòng là niềm tin rằng cảnh sát đang xâm phạm quyền của chủ sở hữu tài sản. Một nhà bán lẻ có thể tuyên bố rằng anh ta có quyền trưng bày hàng hóa theo bất kỳ cách nào anh ta muốn và cảnh sát không nên ép buộc, hoặc thậm chí đề xuất những cách trưng bày thay thế có thể làm giảm nạn trộm cắp trong cửa hàng.
3. Một số tổ chức không sẵn lòng vì chi phí giải quyết vấn đề; họ đạt được nhiều hơn bằng cách bỏ qua tội phạm hơn là mất. Họ có thể nhận thấy rằng *chi phí* phòng ngừa lớn hơn bất kỳ lợi ích nào họ nhận được. Nhân viên an ninh tại một địa điểm giải trí rất tốn kém và nhân viên an ninh chất lượng cũng tốn kém hơn. Nếu chi phí của vấn đề không do cơ sở chịu, thì có rất ít nhu cầu phải chịu chi phí phòng ngừa. Về bản chất, những cơ sở

như vậy đang xuất khẩu chi phí phòng chống tội phạm và tội phạm sang người khác, và do đó giảm chi phí của chính họ.

4. Một số tổ chức có thể *thu lợi* từ tội phạm, như có thể xảy ra khi một cửa hàng bán đồ cũ không xác minh quyền sở hữu hợp pháp đối với hàng hóa mà họ trưng bày. Các gara sửa chữa ô tô có thể mua phụ tùng ô tô bị đánh cắp với giá rẻ hơn phụ tùng ô tô hợp pháp, do đó làm tăng tỷ suất lợi nhuận của họ.

Cần phải làm gì để chủ nhà thực hiện việc phòng ngừa? Herman Goldstein đã phác thảo một hệ thống can thiệp sơ bộ được thiết kế để chuyển trách nhiệm giải quyết các vấn đề từ cảnh sát trở lại cho các tổ chức sở hữu họ (*xem minh họa*).

Đi từ cuối lên trên theo danh sách khuyến cáo của Goldstein, các biện pháp can thiệp trở nên ít hợp tác hơn và ngày càng mang tính cưỡng bức hơn. Vì điều này, độ khó của việc can thiệp tăng lên, cùng với cái giá phải trả nếu cảnh sát thất bại, khi một người được đưa lên danh sách. Do đó, giá trị của thông tin và sự phân tích kỹ lưỡng sẽ tăng dần từ dưới lên trên. Như Goldstein lưu ý, hệ thống phân cấp này là một chỉ báo sơ bộ về những xu hướng này hơn là một mô tả chính xác. Tuy nhiên, nó rất hữu ích cho việc lập kế hoạch cho một tập hợp các phản ứng theo từng vấn đề - bắt đầu bằng sự hợp tác tốt nhất và chỉ tiến lên khi cần thiết và chỉ khi được hỗ trợ bởi thông tin.

Việc chuyển trách nhiệm lại cho chủ nhân của vấn đề có thể tạo ra xung đột về pháp lý và chính trị. Các tổ chức đã thu được lợi ích từ vấn đề này, hoặc thấy trước cái giá phải trả khi chịu trách nhiệm về nó. Cho nên họ khó có thể đơn giản đồng ý với đề xuất rằng họ nên làm điều gì đó để giải quyết vấn đề. Vấn đề báo động giả đã trở thành một lo ngại trong hơn hai thập kỷ. Thế nhưng nhiều quy định pháp lý đã dẫn đến việc rất khó để vượt qua ảnh hưởng chính trị và tài chính của ngành báo động, những người

cần phải chịu trách nhiệm chính về mức độ báo động giả này. Rõ ràng, các biện pháp phòng ngừa ít tốn kém và xâm lấn nhất sẽ gặp ít sự phản kháng nhất (*Bước 45*). Nhưng nếu những phản ứng này tỏ ra không hiệu quả thì cảnh sát thường phải đối mặt với một lựa chọn khó khăn: yêu cầu chủ sở hữu chịu trách nhiệm cao hơn. Nhưng nó có nguy cơ xảy ra xung đột chính trị, hoặc tiếp tục chi tiền thuế của công chúng để tiếp tục giải quyết vấn đề này. Về mặt lý thuyết, câu trả lời có vẻ rõ ràng, nhưng trên thực tế, đó thường là một quyết định khó khăn.

Hệ thống phân cấp các cách để chuyển quyền sở hữu của Herman Goldstein

Ít hợp tác nhất/ Khó khăn nhất	Khởi kiện dân sự
	Pháp luật bắt buộc áp dụng biện pháp phòng ngừa
Thu phí Dịch vụ Cảnh sát	
Rút lại dịch vụ cảnh sát	
Kiểm điểm nơi công cộng	
Thành lập một tổ chức mới để nắm quyền sở hữu	
Thu hút một tổ chức hiện có khác	
Các yêu cầu đối đầu có mục tiêu	
Xác định ngay các yêu cầu không chính thức	
Hợp tác nhất/Ít khó khăn nhất	Chương trình giáo dục

Đọc thêm:

Scott, Michael (2005). “Chính sách phòng ngừa: Chuyển đổi và chia sẻ trách nhiệm giải quyết các vấn đề an toàn công cộng.” Sổ tay phòng chống tội phạm và an toàn cộng đồng, Nick Tilley. Cullompton Vương quốc Anh: Nhà xuất bản Willan.

Bước 45: Chọn các hướng giải quyết có khả năng thực hiện

Tìm kiếm một giải pháp phù hợp có thể là một quá trình rắc rối. Bạn có thể thất vọng nhiều lần khi những Phương án hứa hẹn bị phủ quyết vì tốn kém hoặc khó khăn hoặc vì thiếu hợp tác. Nhưng có nhiều cách để giải quyết một vấn đề. Vì vậy, cuối cùng nhóm của bạn sẽ đồng ý về một phản hồi đáp ứng một số yêu cầu cơ bản:

- Nó không quá tham vọng hoặc tốn kém.
- Nó tập trung vào những nguyên nhân gần, trực tiếp hơn là những nguyên nhân xa, gián tiếp hơn, điều này tạo cơ hội tốt để tác động ngay lập tức.
- Cơ chế mà mỗi phản hồi sẽ tác động đến vấn đề đã được trình bày rõ ràng.

Vậy là cuối cùng những lo lắng của bạn đã qua và bạn có thể thư giãn rồi phải không? Sai! Khó hơn cả việc đồng ý về một phản hồi tốt là đảm bảo rằng nó được thực hiện trên thực tế. Bạn không thể tự mình đảm bảo điều này, nhưng nếu bạn biết những cạm bẫy trong quá trình thực hiện, bạn có thể hướng mối quan hệ đối tác tránh xa việc lựa chọn những phản ứng có thể trở thành nạn nhân của những điều này. Tim Hope và Dan Murphy đã xác định được những cạm bẫy này khi nghiên cứu dự án phòng chống phá hoại tại 11 trường học ở Manchester, Vương quốc Anh.

Các biện pháp ứng phó sẽ được thực hiện ở mỗi trường được lựa chọn bởi các nhóm quan chức chính quyền địa phương, nhân viên nhà trường và cảnh sát. Phần lớn thiệt hại là do bất cẩn hơn là cố ý. Điều này gợi ý hai giải pháp khác nhau: ứng phó theo tình huống để bảo vệ các tòa nhà hoặc cung cấp các hoạt động giải trí để chuyển trẻ em sang các hoạt động ít gây hại hơn. Chỉ một trong mười một nhóm đề xuất cải thiện việc cung cấp giải trí. Các phản ứng tình huống được khuyến nghị chủ yếu là tăng cường mục tiêu cơ bản (lưới cửa sổ, kính cường lực và hàng rào cao), mặc dù các đề xuất cũng

bao gồm kế hoạch khuyến khích người dân địa phương để mắt đến hai trường học liền kề và kế hoạch chuyển sân chơi đến một khu vực ít dễ bị tổn thương hơn.

Chỉ có hai trường là thực hiện tất cả các khuyến nghị. Trong ba trường, không có khuyến nghị nào được thực hiện và tại sáu trường còn lại thì một hoặc nhiều khuyến nghị không thành hiện thực. Những thất bại trong việc thực hiện này có nghĩa là có rất ít tác động đến hành vi phá hoại. Hope và Murphy đã xác định năm trở ngại chính cho việc thực hiện, tất cả đều gặp phải trong các dự án giải quyết vấn đề của Hoa Kỳ:

1. Những khó khăn kỹ thuật không lường trước được. Đối với tám trường học, các nhóm đã khuyến nghị thay thế các cửa sổ dễ bị tổn thương bằng kính polycarbonate hoặc kính cường lực. Tuy nhiên, không có một khung nào thuộc cả hai loại được cài đặt. Các kiến trúc sư của thành phố đã cấm lắp kính polycarbonate vì trong trường hợp hỏa hoạn, nó sẽ cản trở lối thoát và có thể thải ra khói độc. Kính cường lực phải được cắt theo kích thước trước khi được cường lực, nhưng các tấm kính này có nhiều kích cỡ và sẽ rất khó để bảo quản sẵn một số kích cỡ mỗi loại. Giải pháp thay thế cung cấp một khung cho đơn đặt hàng đã bị loại trừ trong một thời gian dài (sáu tuần) để thực hiện việc này.
2. Giám sát thực hiện chưa đầy đủ. Tại một trường học, người ta đã đồng ý chuyển sân chơi đến khu vực ít dễ bị tổn thương hơn. Sân chơi ban đầu sẽ được thay thế bằng những luống hoa, nhưng việc này phải được thực hiện bởi một cơ quan chính phủ và không làm gì hơn ngoài việc đưa ra ước tính cho công việc. Việc di dời sân chơi đã được ký hợp đồng phụ với một nhà xây dựng tư nhân, nhưng do hiểu lầm nên chỉ một nửa diện tích đề xuất được tái xây dựng. Vì vậy, sau hai năm, tình trạng phá hoại vẫn không thay

đổi, không còn bồn hoa, và trường học đã có được một dải vỉa hè hẹp, vô dụng.

3. Thất bại trong việc phối hợp hành động giữa các cơ quan khác nhau. Mọi khuyến nghị thuộc trách nhiệm duy nhất của bộ phận bảo trì tòa nhà trong hệ thống trường học đều được thực hiện, trong khi không có khuyến nghị nào liên quan đến các phòng ban hoặc cơ quan khác được thực hiện. Ví dụ, người ta khuyến khích những người sống gần hai trường học để mắt đến chúng sau giờ làm việc và báo cáo bất cứ điều gì đáng ngờ cho cảnh sát. Điều này đòi hỏi sự hợp tác của ban quản lý hệ thống trường học, hiệu trưởng, nhân viên và học sinh của các trường và ba ngành cảnh sát - phòng chống tội phạm, quan hệ cộng đồng và cảnh sát địa phương. Tất cả đều thích ý tưởng này, nhưng không ai đi đầu.
4. Các ưu tiên trong cạnh tranh. Trong thời gian thực hiện, nhiều yêu cầu khác đã được đặt ra đối với hệ thống trường học do tình trạng bất ổn lao động lan rộng của các nhân viên chính quyền địa phương và việc tổ chức lại trường học là cần thiết do dân số trong độ tuổi đi học đang suy giảm. Những thay đổi về nhân sự của trường dẫn đến việc bố trí lại những nhân viên có liên quan đến dự án phá hoại. Không có gì đáng ngạc nhiên khi các nhân viên ưu tiên thấp cho dự án phá hoại.
5. Chi phí không lường trước được. Trong một số trường hợp, hậu quả rộng hơn của một hành động cụ thể còn lớn hơn lợi ích trước mắt của nó. Ví dụ, tại ngôi trường có vấn đề phá hoại nghiêm trọng nhất, người ta đã quyết định tổ chức tuần tra an ninh cho kỳ nghỉ lễ sắp tới. Các nhân viên bảo trì trường học được thuê để tuần tra trường học để kiếm tiền trong thời gian rảnh rỗi. Điều này ngay lập tức thành công trong việc giảm bớt nạn phá

hoại và được kéo dài ra ngoài những ngày nghỉ học để cung cấp tin tức vào buổi tối và cuối tuần. Các trường khác cũng yêu cầu sự bảo vệ tương tự và nhiều nhân viên bảo trì muốn có thêm cơ hội làm thêm giờ. Cuối cùng, chi phí trở nên quá cao và dự án đã bị hủy bỏ.

Bạn có thể thấy từ danh sách trên rằng không thể lường trước được một số vấn đề trong quá trình triển khai và một phần trong số tất cả các phản hồi đã chọn sẽ không bao giờ được triển khai. Tuy nhiên, cũng rõ ràng rằng một số loại phản hồi nhất định có thể gặp phải vấn đề và chúng được tóm tắt trong hộp. Tất nhiên, trong một số trường hợp, một giải pháp có thể hứa hẹn đến mức đáng để theo đuổi bất chấp rủi ro thất bại trong việc triển khai. Nhưng được cảnh báo trước là phải được chuẩn bị trước.

Dự kiến sẽ có vấn đề về triển khai khi giải quyết:

- Đòi hỏi phải có sự phối hợp hành động giữa một số cơ quan riêng biệt.
- Sẽ mất nhiều thời gian để giới thiệu và bao gồm một số bước để hoàn thành theo trình tự.
- Phải được thực hiện bởi những nhân viên có ít hiểu biết về mục đích của nó.
- Không có người ủng hộ lớn trong nhóm hợp tác.
- Thiếu sự hỗ trợ của các quản trị viên cấp cao.

Cũng có thể gặp vấn đề khi vụ việc được giải quyết bởi một cơ quan:

- Đó là bên ngoài quan hệ đối tác.
- Đó là nguồn lực kém hoặc trong tình trạng hỗn loạn.
- Điều đó sẽ thu được rất ít lợi ích trực tiếp từ giải pháp.

Đọc thêm

- Hy vọng, Tim và Daniel Murphy (1983). Các vấn đề trong việc thực hiện phòng chống tội phạm: Kinh nghiệm của một đã thực hiện. Tạp chí Nghiên cứu Howard, số XXII, trang 38-50.
- Laycock, Gloria và Nick Tilley (1995). Triển khai công tác phòng chống tội phạm. Trong cuốn 'Xây dựng một xã hội an toàn hơn', do Michael Tonry và David Farrington biên tập. Nhà xuất bản Đại học Chicago

Bước 46: Tiến hành đánh giá quá trình

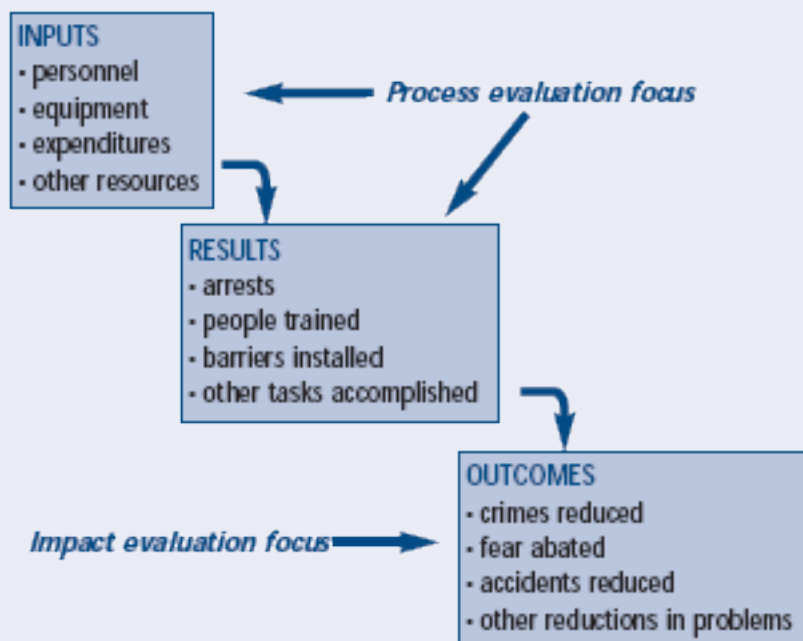
Bước quan trọng đầu tiên trong đánh giá là tiến hành một chu trình khảo sát. Nó trả lời câu hỏi "Sự can thiệp có được thực hiện theo kế hoạch không và nó được thay đổi như thế nào để thực hiện?" Như được minh họa trong hình, đánh giá quá trình tập trung vào các nguồn lực được sử dụng bởi phản hồi (đầu vào) và các hoạt động được thực hiện với các nguồn lực này (kết quả), nhưng nó không kiểm tra xem liệu phản hồi có hiệu quả trong việc giảm thiểu vấn đề (kết quả) hay không. Để làm được điều đó bạn cần có một đánh giá tác động. Đánh giá tác động sẽ cho bạn biết liệu vấn đề có thay đổi hay không (*Bước 47 đến 53*).

VAI TRÒ CỦA ĐÁNH GIÁ QUY TRÌNH VÀ TÁC ĐỘNG

Cả hai loại đánh giá đều cần thiết trong một dự án POP. Bảng tóm tắt các kết luận có thể có dựa trên kết quả của cả hai loại đánh giá. A) Việc ứng phó đã được thực hiện theo đúng kế hoạch và không có giải thích hợp lý nào khác cho sự suy giảm này. Vì vậy, có bằng chứng đáng tin cậy cho thấy phản ứng đã gây ra sự giảm bớt. B) Việc ứng phó đã được thực hiện theo kế hoạch nhưng vấn đề vẫn không giảm bớt. Vì vậy, có bằng chứng đáng tin cậy cho thấy phản ứng này không hiệu quả.

Nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu việc ứng phó không được thực hiện như kế hoạch? Trong trường hợp này, thật khó để đưa ra một kết luận hữu ích. C) Nếu sự cố bị từ chối, điều đó có thể có nghĩa là phản hồi vô tình có hiệu quả hoặc một số yếu tố khác là nguyên nhân. D) Nếu bài toán không suy giảm thì không thể có kết luận hữu ích. Có lẽ phản hồi được triển khai bị lỗi và phản hồi ban đầu có thể có hiệu quả hoặc không có hiệu quả. Trừ khi biện pháp ứng phó theo kế hoạch được thực hiện, nếu không sẽ khó rút ra bài học từ việc đánh giá tác động.

Trọng tâm của việc đánh giá quá trình và tác động



Chú thích:

Inputs: Đầu vào;

Personnel: Nhân sự;

Equipment: Công cụ;

Expenditures: Phương tiện;

Other resrouces: Các nguồn lực khác;

Process evaluation focuss: Quy trình đánh giá tập trung;

Results: Kết quả;

Arrests: Bắt giữ;

People trained: Đào tạo nhân lực;

Barriers installed: Các chướng ngại vật được cài đặt;

Other tasks accomplished: Các nhiệm vụ khác được thực hiện;

Impact evaluation focus: Đánh giá tác động tập trung;

Outcomes: Kết quả;

Crime reduced: Tội phạm giảm;

Fear abated: Nỗi sợ hãi giảm;

Accidents reduced: Các vụ tai nạn giảm;

Other reductions in problems: Các vấn đề khác giảm;

Diễn giải kết quả đánh giá quá trình và tác động

Kết quả đánh giá quá trình			
Phản hồi được thực hiện theo kế hoạch	Phản hồi không được thực hiện như kế hoạch		
Các kết quả đánh giá tác động	Sự cố đã bị từ chối và không có nguyên nhân nào khác	A. Bằng chứng cho thấy phản hồi đã gây ra sự suy giảm	C. Gợi ý rằng phản hồi vô tình có hiệu quả hoặc các yếu tố khác có thể đã gây ra sự suy giảm
Vấn đề không giảm	B. Bằng chứng cho thấy phản hồi không hiệu quả	D. Học được ít	

Phản hồi là một bộ máy phức tạp với nhiều bộ phận khác nhau, bất kỳ bộ phận nào trong số đó đều có thể gặp trục trặc (*Bước 45*). Quá trình đánh giá sẽ kiểm tra xem thành phần nào đã được thực hiện thành công. Danh sách kiểm tra đánh giá quy trình nêu bật những câu hỏi mà bạn nên hỏi.

Việc lập kế hoạch cho các hoạt động trong quá trình ứng phó với vấn đề thường rất quan trọng. Vì lý do này, sẽ rất hữu ích khi tạo dòng thời gian của dự án hiển thị thời điểm các thành phần chính được triển khai. Nó cũng hữu ích khi hiển thị thời điểm các sự kiện bất ngờ khác xảy ra và ghi chú công khai để bạn có thể kiểm tra các Lợi ích dự kiến (*Bước 52*).

Mặc dù những diễn biến bất ngờ có thể buộc bạn phải sửa đổi phản hồi, nhưng một số diễn biến này có thể được dự đoán trước bằng cách hiểu được điều gì có thể xảy ra với các phản hồi. Một số câu trả lời có thể có như sau:

1. Có thể bạn chưa hiểu rõ vấn đề. Ví dụ: bạn có thể đã tập trung quá ít vào những nạn nhân lặp lại. Điều này có thể được gây ra bởi các giả định không hợp lệ về vấn đề hoặc phân tích không đầy đủ (ví dụ: bạn không tìm kiếm sự trở thành nạn nhân lặp lại). Nếu trong khi phát triển phản hồi, bạn có thể xác định được những điểm yếu trong phân tích của mình thì bạn có thể tạo các kế hoạch dự phòng (một kế hoạch để giải quyết tình trạng nạn nhân lặp lại nếu điều này được chứng minh là cần thiết).
2. Các thành phần của dự án đã thất bại. Danh sách kiểm tra đánh giá quy trình điện tử cho thấy có nhiều điểm tiềm ẩn gây ra lỗi. Tuy nhiên, không phải tất cả các thành phần đều quan trọng như nhau để thành công. Hơn nữa, đôi khi có thể đoán trước được các thành phần có tỷ lệ hỏng hóc cao. Ví dụ, các nhóm công dân nói chung khá khác nhau về khả năng thực hiện nhiệm vụ. Xây dựng dự phòng hoặc lập kế hoạch dự phòng có thể giảm thiểu lỗi thành phần.
3. Người phạm tội có thể phản ứng tiêu cực với phản hồi của bạn (*Bước 11*). Một số hình thức thích ứng tiêu cực có thể được dự đoán và lên kế hoạch. Ví dụ: đôi khi, các vị trí di dời địa lý có thể được xác định trước khi ứng phó và có thể thực hiện các hành động bảo vệ nâng cao để tiêm chủng cho họ.
4. Có những thay đổi bên ngoài không mong muốn có tác động đến phản ứng. Chẳng hạn, ngân sách của cơ quan đối tác có thể bị cắt giảm bất ngờ,

buộc họ phải cắt giảm nỗ lực giải quyết vấn đề. Vì vấn đề sẽ không tự biến mất nên cách duy nhất là thay đổi kế hoạch.

Quá trình đánh giá yêu cầu thông tin. Thông tin này phần lớn sẽ đến từ các thành viên của nhóm giải quyết vấn đề, vì vậy điều quan trọng là họ phải ghi lại các hoạt động của mình. Những hoạt động nào họ ghi lại và ai ghi lại chi tiết những gì là những câu hỏi cần được giải quyết trong khi lập kế hoạch ứng phó.

Danh sách kiểm tra đánh giá quy trình

Ai sẽ phải hành động?

Đơn vị cảnh sát Đối tác chính phủ Nhóm cộng đồng Doanh nghiệp Khác

Họ phải làm gì? _____

Họ có khả năng hành động không?

Cơ quan pháp lý Chính quyền địa phương Nguồn lực Chuyên môn

Khi nào họ phải hành động?

Ngày và giờ _____ Phối hợp với những người khác _____

Ai hoặc cái gì được cho là sẽ nhận được hành động?

Con người _____ Địa điểm _____

Hành động đó có được thực hiện phù hợp không?

Loại _____ Cường độ _____ Thời lượng _____

Có kế hoạch dự phòng cho . . .

Kế hoạch sai lầm? Lỗi thành phần? Thích ứng? Những thay đổi bên ngoài?

Bước 47: Biết cách sử dụng các kiểm soát

Bạn nên giải quyết ba câu hỏi khi đánh giá một phản hồi:

1. "Phản ứng được thực hiện là gì?" Đánh giá quá trình sẽ trả lời câu hỏi này (*Bước 46*).
2. "Vấn đề có giảm bớt không?" So sánh mức độ của vấn đề sau khi trả lời với mức độ của vấn đề trước khi trả lời câu hỏi này.
3. Nếu phản hồi bị từ chối, hãy hỏi "Phản hồi có gây ra sự suy giảm này hay do nguyên nhân nào khác?" Thường có nhiều cách giải thích khác nhau cho sự suy giảm của vấn đề.

Trả lời câu hỏi thứ ba yêu cầu sử dụng các điều khiển. Mục đích của việc kiểm soát là loại trừ những giải thích khác. Các giải thích thay thế khác nhau yêu cầu các loại điều khiển khác nhau như được mô tả dưới đây:

Những thay đổi về kích thước. Nếu số lượng người thuê nhà trong một tòa nhà chung cư giảm, chúng ta có thể dự đoán số vụ trộm sẽ giảm vì có ít nạn nhân hơn. Việc giảm mục tiêu là một giải pháp thay thế cho lời giải thích rằng sự sụt giảm là do sự can thiệp. Để kiểm soát sự thay đổi về quy mô, hãy chia số vụ trộm trước và sau phản hồi cho số căn hộ có người ở trước và sau phản hồi. Trong bảng, dường như số vụ trộm đã giảm một phần là do số lượng căn hộ có người ở giảm xuống. Khi tính đến điều này, chúng tôi vẫn nhận thấy hiệu ứng phản hồi. Nếu khoảng thời gian trước và sau có độ dài khác nhau đáng kể, chúng tôi kiểm soát điều này bằng cách chia lại cho số tháng trước và số tháng sau để tính số vụ trộm trên mỗi đơn vị có người ở mỗi tháng.

Sử dụng tỷ lệ để kiểm soát những thay đổi về kích thước

	6 tháng trước	6 tháng sau	Thay đổi
Vụ trộm	41	20	-21
Khu vực bị chiếm đóng	83	73	-10
Khu vực bị trộm cắp/chiếm đóng	.494	.286	-.208

Chu kỳ hoạt động. Hoạt động của con người dao động theo ngày, tuần và tháng. Một số chu kỳ phổ biến nhất bao gồm việc đi lại và đi học, làm việc và giải trí cũng như các mùa và ngày lễ. Những chu kỳ như vậy gây ra những thay đổi thường xuyên trong vấn đề. Để kiểm soát các chu kỳ, hãy so sánh cùng một phần của chu kỳ trước phản hồi với cùng một phần của chu kỳ sau phản hồi.

Xu hướng dài hạn của vấn đề. Các vấn đề có thể trở nên tồi tệ hơn (hoặc tốt hơn) trước khi có phản hồi (*Bước 26*). Nếu không tính đến xu hướng, người ta có thể kết luận rằng phản ứng là có nguyên nhân, trong khi trên thực tế điều này dù sao cũng có thể đã xảy ra. Có hai cách để kiểm soát xu hướng. Phương pháp đầu tiên là đo lường vấn đề trong một thời gian dài trước khi có phản hồi để có thể xác định được bất kỳ xu hướng nào. Những sai lệch đáng kể so với xu hướng hiện tại sau phản ứng là bằng chứng về hiệu ứng phản ứng. Hiệu ứng dự kiến (*Bước 52*) là sự giảm sút trong vấn đề do phản hồi nhưng xảy ra trước khi phản hồi được triển khai đầy đủ. Những điều này cần được phân biệt với các xu hướng dài hạn trước khi thực hiện.

Phương pháp thứ hai là so sánh những người hoặc địa điểm nhận được phản hồi với nhóm người hoặc địa điểm tương tự không nhận được phản hồi. Đây được gọi là nhóm kiểm soát hoặc nhóm so sánh. Nhóm kiểm soát phải giống với nhóm phản hồi về vấn đề nhưng không thể nhận được phản hồi. Nhóm đối chứng cho bạn biết điều gì sẽ xảy ra với nhóm phản hồi nếu nhóm phản hồi không nhận được sự can thiệp. Nếu nhóm

phản ứng thay đổi khác với nhóm đối chứng thì đây là bằng chứng về hiệu ứng phản ứng.

Các sự kiện bất ngờ khác. Nhiều thứ khác đang thay đổi khi nhiệm vụ được triển khai, một hoặc nhiều trong số đó có thể gây ra sự suy giảm của vụ việc. Ví dụ, thay vì thực hiện giảm thiểu tai nạn làm giảm số vụ tai nạn trên đường, giao thông chậm do việc sửa chữa đường diễn ra cùng thời điểm với hướng giải quyết có thể là nguyên nhân. Cách tiếp cận tiêu chuẩn là sử dụng nhóm kiểm soát, như chúng ta đã thảo luận để kiểm tra xu hướng. Vùng kiểm soát chỉ hữu ích nếu nó bị ảnh hưởng bởi các yếu tố tương tự như vùng thực hiện. Vì vậy, việc đếm số vụ tai nạn liên quan đến hướng giải quyết và cách kiểm soát đều bị ảnh hưởng bởi việc sửa chữa đường. Nó có thể cho bạn biết liệu việc sửa chữa đường có góp phần làm giảm tai nạn hay không.

Thay đổi cách đo lường các vụ việc. Việc so sánh trước-sau chỉ có giá trị nếu vấn đề được đo lường theo cùng một cách trước và sau thực hiện. Sự khác biệt về đo lường có thể gây ra sự thay đổi nhận thức trong vấn đề. Sử dụng cùng một quy trình đo lường trước và sau. Việc quan sát trước và sau nên diễn ra tại cùng một địa điểm vào cùng thời điểm, quan sát những sự việc giống nhau và ghi lại những sự việc theo cùng một cách. Các bức ảnh và video trước và sau phải được chụp trong cùng một ánh sáng từ cùng một góc, ở cùng một khoảng cách và với cùng một diện tích hình ảnh. Người phỏng vấn phải giống nhau trước và sau, hỏi những câu hỏi giống nhau, theo cùng một thứ tự. Kiểm tra hồ sơ chính thức để xác định xem việc ghi chép có ổn định theo thời gian hay không.

Sự suy giảm tự nhiên từ mức cực cao. Nhiều vấn đề được giải quyết vì mọi việc đã trở nên cực kỳ tồi tệ. Vì vậy, phản hồi được thực hiện khi vấn đề ở mức cao bất thường. Nhưng ngay cả một vấn đề tương đối ổn định cũng sẽ biến động. Một vấn đề

hiện đang trở nên tồi tệ một cách bất thường sẽ trở lại mức bình thường ngay cả khi không có gì được thực hiện (điều này được gọi là "hồi quy về mức trung bình" và nó cũng áp dụng cho các mức thấp bất thường). So sánh các khu vực có kiểm soát có thể không hữu ích ở đây *nếu* các vùng được giải quyết ở mức cao nhất còn vùng có kiểm soát thì không. Thay vào đó, hãy kiểm tra sự biến động dài hạn trước phản hồi để xem liệu vấn đề có tệ bất thường hay không.

Hình minh họa một số cách sử dụng các cách kiểm soát. Di chuyển theo chiều kim đồng hồ xung quanh hình này, bảng A hiển thị chuỗi thời gian 24 tháng với phản hồi được thực hiện vào đầu tháng 11 của năm đầu tiên. Có một chu kỳ hàng năm rõ rệt và xu hướng giảm không phải do phản ứng. Sự tăng đột biến vào tháng 11 sau phản hồi cho thấy nó đã phản tác dụng.

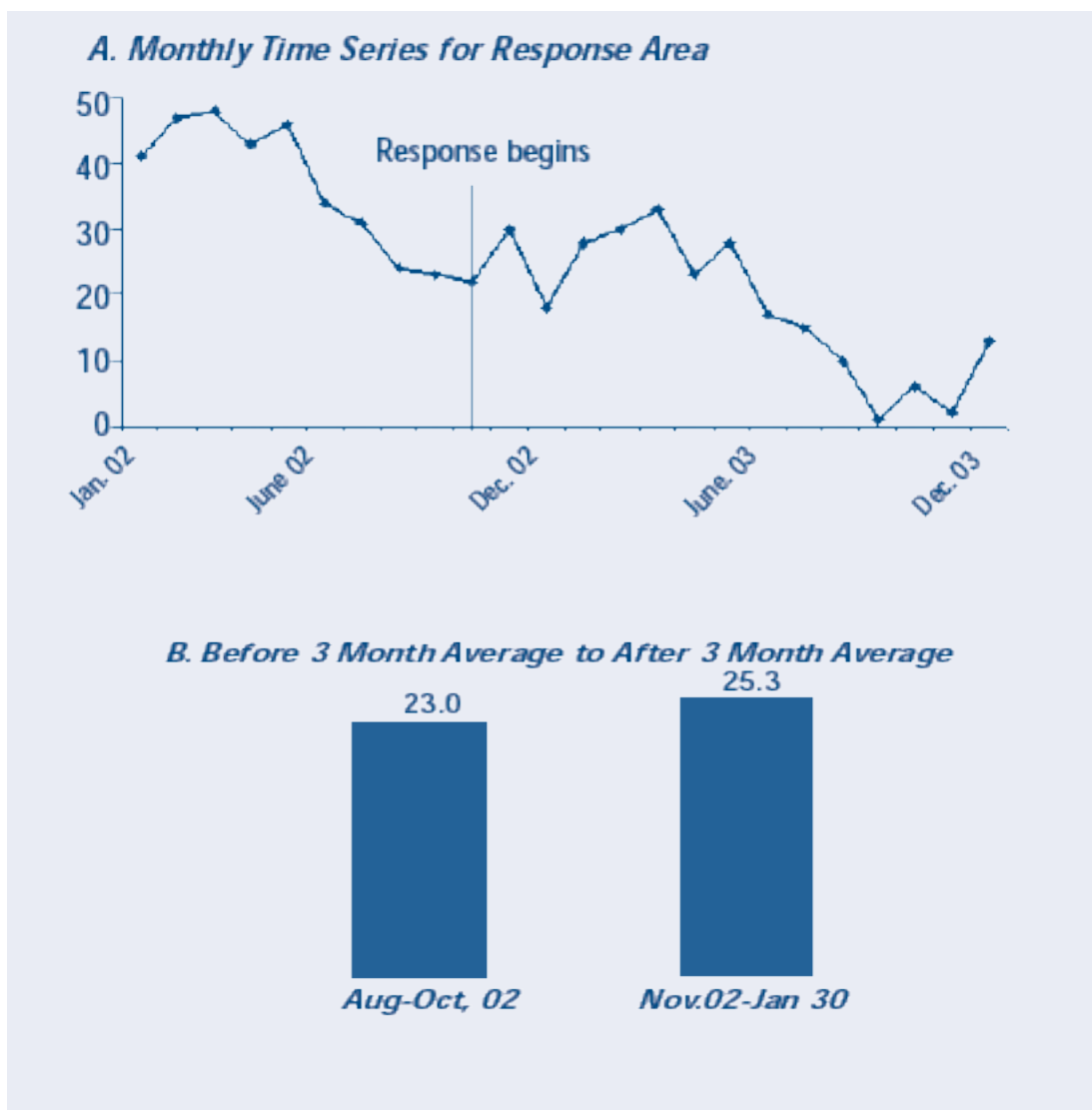
Phần B thể hiện sự so sánh trước và sau (trung bình từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2003 so với mức trung bình từ tháng 11 năm 2003 đến tháng 1 năm 2004) cho thấy vấn đề đang trở nên tồi tệ hơn sau phản ứng.

Trong bảng C, một khu vực so sánh đã được thêm vào. So sánh ngay trước và sau cho thấy khu vực phản hồi hoạt động tốt hơn khu vực so sánh, nhưng do những tác động mang tính chu kỳ nên chúng tôi không tin tưởng nhiều vào những phát hiện này. So sánh 3 tháng trước phản hồi với ba tháng tương tự một năm sau giải thích cho hành vi mang tính chu kỳ của loạt tội phạm.

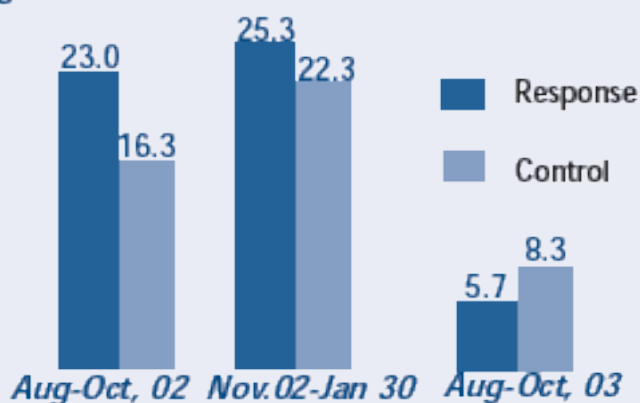
Nhưng do một số sự suy giảm ở cả hai nhóm có thể do xu hướng giảm chung nên bảng D cung cấp một bức tranh rõ hơn về tác động của phản ứng. Trước khi có phản hồi, vùng được điều trị luôn tệ hơn vùng so sánh. Sau khi trả lời, cả hai đều làm như vậy. Ngoài ra, sự tăng đột biến đáng lo ngại trong tháng 11 dường như không liên quan đến phản ứng vì nó cũng xuất hiện trong xu hướng kiểm soát. Phản ứng có vẻ hiệu

quả nhưng không gây ấn tượng mạnh nên những cải tiến của nó dễ dàng bị che giấu bởi các yếu tố cần kiểm soát - xu hướng, chu kỳ và các sự kiện bất ngờ.

Một số ứng dụng của việc kiểm soát



C. Before 3 Month Average to Same After 3 Month Average



D. Monthly Time Series for Response and Control Areas



Chú thích:

Monthly time series for response area: Loạt thời gian theo tháng đối với các khu vực cần giải quyết

Before 3 month average to after 3 month average: Trung bình trước và sau 3 tháng

Before 3 month average to same after 3 month average: Trung bình trước rước và cùng thời điểm 3 tháng

Monthly time series for response and control areas: Loạt thời gian theo tháng đối với các khu vực cần giải quyết và các khu vực có kiểm soát

Jan-Dec: Tháng 1- Tháng 12

Bước 48: Xem xét sự dịch chuyển về mặt địa lý và thời gian

Sự dịch chuyển về mặt địa lý xảy ra khi sự can thiệp ngăn chặn các cơ hội phạm tội hoặc gây rối loạn tại một cơ sở hoặc trong một khu vực, và người phạm tội di chuyển đến các cơ sở hoặc khu vực khác để phạm tội. Việc di dời tạm thời cũng xuất phát từ việc ngăn chặn thành công, nhưng trong trường hợp này người phạm tội chuyển thời gian phạm tội sang giờ hoặc ngày khác.

Người phạm tội có thể gặp khó khăn khi di chuyển đến một địa điểm khác vì cơ hội phạm tội dễ dàng hoặc gây rối loạn bị hạn chế (*Bước 16*). Mục tiêu có thể tập trung ở một số nơi chứ không phải những nơi khác (*Bước 16*). Những nạn nhân tiềm ẩn dễ bị tổn thương có thể được tìm thấy ở một số địa điểm, nhưng ở những địa điểm khác thì không (*Bước 29*). Một số cơ sở có mức độ kiểm soát hành vi thấp, nhưng một số cơ sở khác thì không (*Bước 28*). Các cơ hội tồn tại đã là những điểm nóng hoặc bị che giấu khỏi kẻ phạm tội - ở rất xa hoặc không thể nhận ra là nơi có thể phạm tội hiệu quả.

Người phạm tội thường sẽ không mất thời gian tìm kiếm xa điểm nóng của mình khi nó bị trấn áp. Vì vậy, nếu người phạm tội di chuyển, rất có thể họ sẽ di chuyển đến nơi gần điểm nóng ban đầu. Khả năng người phạm tội sẽ chuyển sang một cơ hội càng giảm khi cơ hội càng xa điểm nóng ban đầu, như được minh họa trong hình. Ngoài ra, không phải mọi không gian đều phù hợp với người phạm tội. Cơ hội không được trải đều trên bản đồ.

Trong bản đồ này, những viên kim cương là những nơi có đặc điểm giống như điểm nóng ban đầu. Những người ở gần vị trí ban đầu nhất có nhiều khả năng bị ảnh hưởng nhất bởi việc di dời. Ngoài khoảng cách, các rào cản tự nhiên đối với việc di chuyển có thể hạn chế sự dịch chuyển. Trong hình, dòng sông chảy theo hướng đông

bắc/tây nam làm giảm khả năng dịch chuyển về phía đông. Biết được điều này, các biện pháp đối phó di dời có thể được áp dụng cùng với việc ứng phó tại những địa điểm dễ bị tổn thương nhất.

Nếu xảy ra sự dịch chuyển về mặt địa lý hoặc thời gian, rất có thể tội phạm sẽ chuyển sang các địa điểm và thời gian rất giống với các địa điểm và thời gian bị ảnh hưởng bởi việc phòng ngừa. Những thay đổi như vậy đòi hỏi người phạm tội ít nỗ lực, học hỏi và ít rủi ro hơn so với việc chuyển đến những địa điểm và thời gian rất khác nhau. Có nhiều khả năng những kẻ phạm tội sẽ cố gắng chờ đợi phản ứng, điều này giải thích cho phát hiện của Lawrence Sherman rằng tác động của các cuộc trấn áp sẽ giảm dần. Nếu người phạm tội không thể chờ đợi phản hồi thì đó sẽ là những địa điểm và thời điểm quen thuộc nhất sẽ có cơ hội lớn nhất để tiếp nhận tội phạm phải di dời. Như Paul và Patricia Brantingham lưu ý, có thể dự đoán những khu vực có nhiều khả năng phải di dời nhất. Nhưng điều này đòi hỏi kiến thức chi tiết về các cơ hội phạm tội trong tình hình hiện tại.

Nếu sự dịch chuyển địa lý xảy ra, nó có thể làm sai lệch các kết luận về tính hiệu quả. Bảng 1 minh họa điều này có thể xảy ra như thế nào. Trong ví dụ này có ba khu vực tương tự nhau với số lượng tội phạm bằng nhau trước khi xử lý: (1) khu vực xử lý; (2) khu vực liền kề với khu vực xử lý; và (3) khu vực cách xa khu vực xử lý. Khu vực được xử lý giảm 25 tội phạm. Tuy nhiên, khu vực lân cận lại có sự gia tăng 10 tội phạm. Điều này dường như gợi ý rằng nếu không làm gì trong khu vực xử lý thì khu vực đó cũng sẽ có mức tăng 10 tội phạm. Vì vậy, mức giảm ròng là 35 (25 tội phạm giảm trong khu vực xử lý và mức tăng 10 tội phạm đã được ngăn chặn).

Sự suy giảm dịch chuyển địa lý theo khoảng cách từ tâm chấn các điểm nóng



Chú thích:

Less displacement: Ít dịch chuyển

Bảng 1: Sử dụng các khu vực kiểm soát từ xa và khu vực kiểm soát có điều chỉnh trong dịch chuyển địa lý

	Trước	Sau đó	Sự khác biệt	Hiệu quả ròng ước tính
Xử lý	100	75	-25	
Khu vực liền kề	100	110	+10	-35
Vùng Xa	100	100	0	-25

Nhưng 10 tội phạm tăng thêm này có thể là do sự dịch chuyển về mặt địa lý. Sẽ tốt hơn nếu sử dụng vùng kiểm soát từ xa để so sánh. Với vai trò kiểm soát, khu vực ở xa cho thấy rằng nếu không thực hiện biện pháp xử lý thì tội phạm sẽ không thay đổi trong cách xử lý hoặc các khu vực lân cận. Hàm ý là việc điều trị đã làm giảm 25 tội phạm ở khu vực xử lý nhưng lại tăng 10 tội phạm ở khu vực lân cận (di dời), tổng cộng lại giảm được 15 tội phạm. Mặc dù có hiệu quả nhưng chương trình không hiệu quả

như ước tính ban đầu. Bước 51 mô tả các công thức tính đến độ dịch chuyển khi đánh giá hiệu quả.

Cố gắng chọn hai khu vực so sánh làm một phần của đánh giá: một khu vực lân cận với khu vực xử lý có cơ hội phạm tội tương tự để phát hiện sự dịch chuyển địa lý (và lan truyền, *xem Bước 51*) và khu vực còn lại đóng vai trò là khu vực kiểm soát. Khu vực kiểm soát phải được bảo vệ khỏi ô nhiễm dịch chuyển do khoảng cách hoặc một số rào cản khác (ví dụ: đường cao tốc hoặc sông). Việc lựa chọn hợp lý các khu vực kiểm soát và di dời yêu cầu bạn phải có một số ý tưởng về kiểu di chuyển bình thường của người phạm tội, vì khu vực kiểm soát cần phải nằm ngoài lãnh thổ chuyển vùng của họ trong khi khu vực di dời phải nằm trong đó.

Việc di dời tạm thời có thể dễ dàng hơn đối với người phạm tội so với việc di dời về mặt địa lý vì nó đòi hỏi ít nỗ lực hơn. Việc di dời tạm thời có thể xảy ra trong vòng 24 giờ một ngày, ví dụ, nếu việc ngăn ngừa bị hạn chế ở một số thời điểm nhất định nhưng lại không được bảo vệ vào những thời điểm khác. Nó cũng có thể xảy ra trong một tuần. Hoặc nó có thể xảy ra trong thời gian dài hơn.

Nếu việc đánh giá so sánh thời gian có biện pháp phòng ngừa với thời gian không có biện pháp phòng ngừa thì có thể xảy ra hiện tượng ô nhiễm các biện pháp kiểm soát tạm thời. Trong Bảng 2, việc điều trị diễn ra vào Thứ Bảy và Chủ Nhật. Số tội phạm trung bình vào những ngày này đã giảm 25 tội sau khi điều trị, trong khi số tội phạm vào Thứ Hai và Thứ Sáu tăng thêm 10. Đây có phải là do sự dịch chuyển tạm thời? Những ngày giữa tuần có thể là những ngày kiểm soát hợp lệ hơn vì chúng có ít điểm chung với những ngày cuối tuần hơn là các ngày Thứ Hai và Thứ Sáu.

Chờ đợi sự phòng ngừa là một hình thức dịch chuyển thời gian phổ biến. Các cuộc đàn áp thực thi đặc biệt dễ bị ảnh hưởng bởi hình thức dịch chuyển thời gian này

vì theo định nghĩa, chúng chỉ mang tính chất tạm thời. Nếu sự can thiệp có thể được duy trì (không giống như đàn áp), thì người phạm tội không thể chờ đợi được. Sau đó, họ phải đối mặt với lựa chọn khó khăn là di chuyển đến những địa điểm hoặc mục tiêu kém hấp dẫn hơn hoặc thực hiện các chiến thuật mới hoặc các tội ác khác. Nếu những lựa chọn này quá khó, không mang lại lợi ích, rủi ro hoặc kém hấp dẫn thì họ có thể phạm ít tội hơn.

Bảng 2: Sử dụng các ngày trong tuần để kiểm soát sự dịch chuyển theo thời gian

	Ngày trong tuần	Trước	Sau đó	Sự khác biệt	Hiệu quả ròng ước tính
Xử lý	Thứ bảy & Chủ nhật	100	75	-25	
Khu vực liền kề	Thứ Hai & Thứ Sáu	100	110	+10	-35
Vùng Xa	Thứ Ba-Thứ Năm	100	100	0	-25

Chú thích ghi ở đây

Đọc thêm:

- Brantingham, Paul và Patricia Brantingham. (2003). “Dự đoán sự dịch chuyển của tội phạm bằng cách sử dụng các nguyên tắc của tội phạm học môi trường.” Nghiên cứu Phòng chống Tội phạm, tập 16. Monsey, NY: Nhà xuất bản Tư pháp Hình sự.
- Eck, John (2002). Đánh giá phản hồi cho các vấn đề: Hướng dẫn giới thiệu dành cho cảnh sát giải quyết vấn đề. Washington, DC: Bộ Tư pháp Hoa Kỳ, Văn phòng Dịch vụ Cảnh sát Định hướng Cộng đồng. (Có thể truy cập tại: www.popcenter.org và www.cops.usdoj.gov).

Bước 49: Xem xét dịch chuyển đối với các mục tiêu, thủ đoạn và các loại tội phạm khác

Ngoài việc di dời về mặt địa lý và thời gian, người phạm tội có thể chuyển đổi mục tiêu, thay đổi chiến thuật hoặc thay đổi tội danh.

Dịch chuyển mục tiêu liên quan đến việc người phạm tội chuyển từ mục tiêu mới được bảo vệ sang mục tiêu khác. Năm 1970, khi khóa cột lái trở nên bắt buộc đối với tất cả ô tô mới bán ở Vương quốc Anh, số vụ trộm ô tô mới đã giảm từ 20,9% tổng số ô tô bị đánh cắp vào năm 1969 xuống còn 5,1% vào năm 1973. Tuy nhiên, tỷ lệ trộm ô tô nói chung gần như không đổi vì người phạm tội chuyển từ phương tiện mới hơn, được bảo vệ sang phương tiện cũ hơn, không được bảo vệ. Đây là một trong số ít trường hợp được ghi nhận trong đó việc di dời đã xóa sạch hầu hết các lợi ích phòng ngừa, ít nhất là trong ngắn hạn. Trong một thời gian dài hơn, những thiết bị này dường như đã hạn chế được hành vi trộm cắp để sử dụng tạm thời. Như trường hợp này minh họa, người phạm tội rất dễ dàng chuyển sang các mục tiêu rất giống nhau. Khả năng dịch chuyển mục tiêu ít xảy ra hơn khi các mục tiêu thay thế không giống mục tiêu cũ.

Bước 42 cho thấy sự dịch chuyển về mặt địa lý hoặc thời gian có thể ảnh hưởng đến các nhóm kiểm soát như thế nào. Nếu việc đánh giá nỗ lực phòng ngừa sử dụng nhóm kiểm soát mục tiêu thì có thể xảy ra một dạng ô nhiễm tương tự. Hãy tưởng tượng một biện pháp ngăn chặn hành vi trộm ví của phụ nữ trên 60 tuổi trong một trung tâm mua sắm. Để ước tính xu hướng trộm ví ở người lớn tuổi sẽ ra sao nếu không có hành động nào được thực hiện, người ta đo lường hành vi trộm ví của phụ nữ trung niên từ 45 đến 59. Cứ giả định là đối tượng trộm không biết chúng ta, nếu bọn chúng thay đổi nhắm vào những phụ nữ lớn tuổi được bảo vệ sang những phụ nữ trung niên không được bảo vệ Chúng ta sẽ kết luận rằng hành vi trộm ví sẽ gia tăng mà không có sự can

thiệt gì cả. Khi so sánh sự thay đổi của nhóm mục tiêu kiểm soát này với sự thay đổi của nhóm có giải pháp, chúng ta sẽ thổi phồng hiệu quả đối với nhóm có giải pháp một cách nhằm lẫn. Nhóm kiểm soát tốt hơn có thể là những người mua sắm là phụ nữ trẻ hơn (ví dụ: từ 30 đến 44 tuổi) hoặc thậm chí tốt hơn là trộm ví của những người mua sắm nam. Mặc dù cả hai lựa chọn thay thế này đều không hoàn hảo, nhưng chúng là những cải tiến vì người ta mong đợi ít sự dịch chuyển hơn đối với các mục tiêu khác nhau. Hoặc, chọn một khu mua sắm khác làm khu vực kiểm soát - trong trường hợp đó bạn sẽ phải đề phòng sự lây lan hoặc các tiềm ẩn của nó do di dời về mặt địa lý, *Bước 48 và 51*.

Dịch chuyển chiến thuật xảy ra khi người phạm tội thay đổi chiến thuật hoặc các bước thực hiện của họ. Ví dụ: họ có thể sử dụng các công cụ khác nhau để phá các ổ khóa tốt hơn. Hoặc tin tặc có thể thay đổi chương trình của chúng để phá vỡ khả năng bảo mật đã được cải thiện. Trong y học, một số vi khuẩn có thể biến đổi nhanh chóng cho nên thuốc chống khuẩn sẽ trở nên kém hiệu quả hơn khi các chủng đột biến trở nên phổ biến hơn. Một cách để chống lại điều này là sử dụng các phương pháp điều trị phổ rộng có hiệu quả chống lại nhiều loại đột biến. Tương tự, các diện "phổ rộng" này chống lại các phương pháp hiện có bởi các đối tượng phạm tội với những thay đổi của các chiến thuật này. Các biện pháp can thiệp trên phạm vi rộng đòi hỏi người phạm tội phải thực hiện những thay đổi lớn trong hành vi của họ mà họ có thể không làm được. Paul Ekblom mô tả nỗ lực di dời chiến thuật sau khi lắp đặt các rào cản ở các bưu điện ở Vương quốc Anh để ngăn chặn các vụ cướp "không cần kê đơn"; một số kẻ phạm tội đã thử sử dụng đến búa tạ. Tuy nhiên, sự thay đổi chiến thuật này không đặc biệt thành công và sự dịch chuyển bị hạn chế. Những rào cản này là một ví dụ về sự can thiệp trên phạm vi rộng vì chúng có thể đánh bại các chiến thuật mới.

Chuyển đổi loại tội phạm là một loại hình chuyển dịch khác mà bạn nên để ý. Người phạm tội có thể chuyển từ trộm xe sang đột nhập xe hoặc cướp xe. Đôi khi, chúng ta đánh giá phản ứng đối với một loại tội phạm bằng cách so sánh xu hướng của một loại tội phạm tương tự nhưng không nhận được phản hồi phòng ngừa. Ví dụ: chúng ta có thể chọn hành vi trộm cắp phương tiện làm biện pháp kiểm soát trong việc đánh giá can thiệp hành vi trộm cắp phương tiện.

Các nguyên tắc tương tự của việc lan truyền và bảo vệ cũng áp dụng cho những di dời mang tính chiến thuật và loại tội phạm như chúng tôi đã tìm thấy với các hình thức khác. Nếu chiến thuật hoặc loại tội phạm rất giống với chiến thuật hoặc loại tội phạm đang được giải quyết thì việc di dời có thể làm ảnh hưởng đến các biện pháp kiểm soát này. Các chiến thuật hoặc loại tội phạm khác nhau ít có khả năng bị ô nhiễm hơn. Nhưng nếu chúng quá khác nhau thì đó không phải là cách kiểm soát hữu ích.

Không có giải pháp hoàn hảo nào cho vấn đề này và cần phải có sự thỏa hiệp. Hậu quả là thường khó biết liệu việc di dời có xảy ra hay không và khó đánh giá hiệu quả của biện pháp can thiệp. Tổng hợp những khó khăn này là nhiều hình thức dịch chuyển có thể xảy ra đồng thời. Quả thực, đôi khi một hình thức dịch chuyển này cũng sẽ cần đến một hình thức khác. Việc dịch chuyển mục tiêu có thể đòi hỏi phải thay đổi chiến thuật và nếu các mục tiêu mới không ở cùng vị trí với các mục tiêu cũ thì việc dịch chuyển về mặt địa lý cũng sẽ xảy ra.

Bạn không thể tìm thấy sự dịch chuyển trừ khi bạn tìm kiếm nó. Điều này có nghĩa là bạn nên xem xét vấn đề một cách chặt chẽ và tưởng tượng ra những hình thức dịch chuyển có khả năng xảy ra nhất. Có cơ hội nào khác cho tội phạm hoặc rối loạn tương tự như những cơ hội mà bạn đang cố gắng ngăn chặn không? Liệu những kẻ phạm tội của bạn có dễ dàng khám phá những cơ hội này không? Tìm kiếm cơ hội thay

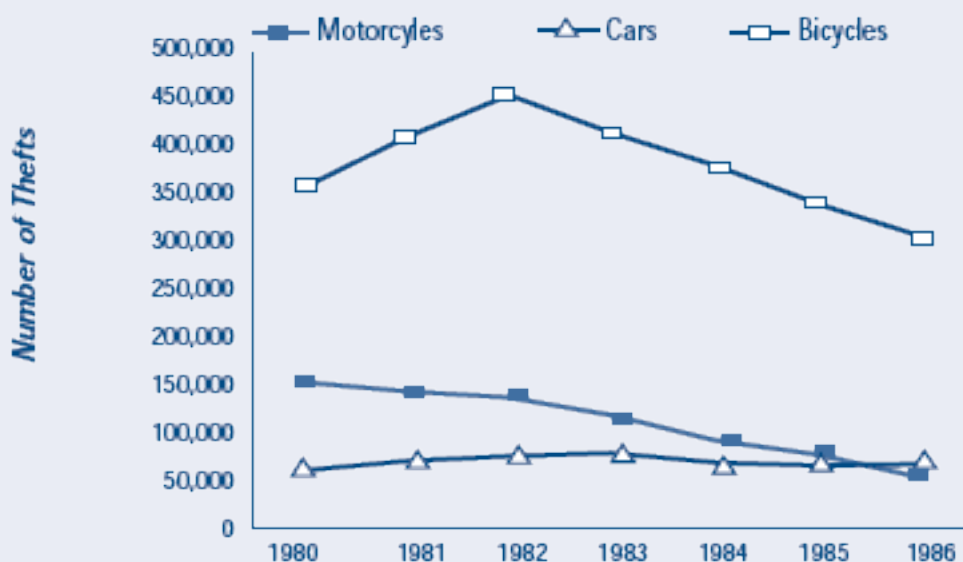
thể trước khi hoàn tất phản hồi mang lại cho bạn hai lợi thế. Đầu tiên, bạn có thể phát triển các biện pháp để phát hiện nó nếu nó xuất hiện. Quan trọng hơn, bạn có thể phát triển các biện pháp đối phó nhằm ngăn chặn sự dịch chuyển.

Nghiên cứu về dịch chuyển mục tiêu: Các quy định về đội mũ bảo hiểm và giảm trộm cắp xe máy

Ở Đức (cũng như những nơi khác), việc ban hành luật đội mũ bảo hiểm đã kéo theo việc giảm đáng kể số vụ trộm xe máy. Sau khi luật này có hiệu lực vào năm 1980, người phạm tội muốn trộm xe máy phải mang theo mũ bảo hiểm nếu không sẽ nhanh chóng bị phát hiện. Con số này cho thấy đến năm 1986, số vụ trộm xe máy đã giảm xuống còn khoảng 1/3 so với mức năm 1980, từ khoảng 150.000 xuống còn khoảng 50.000. (Sự suy giảm dần dần có thể phản ánh việc thực thi mạnh mẽ hơn và kiến thức ngày càng tăng về yêu cầu này). Thực tế này cho thấy hành vi trộm cắp xe máy có thành phần cơ hội lớn hơn nhiều so với những gì mọi người nghĩ. Sự tồn tại của dữ liệu trộm cắp xuất sắc ở Đức cho phép các nhà nghiên cứu điều tra xem liệu tỷ lệ trộm cắp xe máy giảm có dẫn đến việc chuyển mục tiêu sang trộm ô tô hoặc xe đạp, các hình thức vận chuyển cá nhân khác hay không.

Hai dòng còn lại ở đồ thị minh họa dưới đây hiển thị tổng số vụ trộm ô tô và xe đạp trên toàn quốc trong cùng năm. Những điều này cung cấp một số hạn chế về bằng chứng cyar sự dịch chuyển, trong đó các vụ trộm ô tô đã tăng gần 10% từ năm 1980 đến năm 1986, từ khoảng 64.000 lên 70.000. Các vụ trộm xe đạp cũng gia tăng trong khoảng thời gian từ năm 1980 đến năm 1983, nhưng đến cuối thời kỳ này lại giảm xuống mức thấp hơn mức năm 1980. Nhìn chung, rõ ràng chỉ có một tỷ lệ nhỏ trong số 100.000 vụ trộm xe máy được cứu nhờ áp dụng luật đội mũ bảo hiểm, đã hướng các đối tượng trộm cắp sang các mục tiêu phương tiện khác.

Một suy nghĩ nhỏ cho thấy tại sao điều này có thể không đáng ngạc nhiên. Xe máy có thể đặc biệt hấp dẫn để ăn trộm. Đi xe máy sẽ thú vị hơn nhiều so với đi xe đạp đối với những thanh niên chiếm phần lớn trong số những tên trộm. Ngay cả khi mục đích chỉ là về nhà muộn vào ban đêm, xe máy mang lại những lợi ích đáng kể, đặc biệt nếu khoảng cách xa hơn vài dặm. Xe máy cũng có thể dễ bị đánh cắp hơn ô tô vì ô tô phải được đột nhập trước khi khởi động. Giống như xe đạp, ô tô cũng ít gây hứng thú hơn xe máy và có thể cần nhiều kiến thức hơn để vận hành.



Chú thích:

Number of thefts: Số vụ mất trộm;

Motorcycles: Xe máy;

Cars: Ô tô;

Bicycles: Xe đạp

Nguồn: Mayhew, Pat và cộng sự (1989). Trộm xe máy, Luật về mũ bảo hiểm và Di dờ. Tạp chí Tư pháp Hình sự Howard 28:1-8.

Đọc thêm:

- Ekblom, Paul (1987). Ngăn chặn cướp tại các bưu cục phụ: Đánh giá sáng kiến an ninh. Bài báo của Đơn vị Phòng chống Tội phạm số 9. Luân Đôn: Văn phòng Nội vụ.
- Webb, Barry (1994). "Khóa cần gạt lái và trộm xe cơ giới: Đánh giá từ ba quốc gia". Nghiên cứu phòng chống tội phạm, tập 2, Ronald Clarke. Monsey, NY: Nhà xuất bản Tư pháp Hình sự. (Có thể truy cập tại: www.popcenter.org).

Bước 50: Để ý những đối tượng phạm tội khác đang di chuyển

Ba nguyên tắc của sổ tay này là: (1) không chỉ người phạm tội mới tạo ra các vụ việc (2) mọi người không thể phạm tội nếu không có cơ chế hỗ trợ hành vi này; và (3) việc thay đổi cấu trúc cơ hội có thể làm giảm đáng kể các vấn đề. Theo đó, các phản hồi chỉ tập trung vào việc loại bỏ những người phạm tội sẽ có tác dụng hạn chế đối với các vấn đề. Sau khi một số người phạm tội bị loại bỏ, tình hình có thể suy giảm trong một thời gian ngắn, sau đó hoặc những người phạm tội cũ quay lại tận dụng cơ hội hoặc những người phạm tội mới bắt đầu lợi dụng chúng. Điều này đôi khi được gọi là sự dịch chuyển của đối tượng phạm tội. Việc thay thế người phạm tội một cách tự nhiên có thể diễn ra chậm, đặc biệt nếu cơ hội không rõ ràng. Nhưng nếu ai đó phát hiện ra cơ hội phạm tội trong quá khứ thì những người khác sẽ khám phá lại chúng trong tương lai. Và nếu những người phạm tội cũ được loại bỏ bằng hình thức bỏ tù, một số người có thể quay trở lại để tận dụng các cơ hội sau khi được thả.

Những đối tượng phạm tội mới bị thu hút bởi các cơ hội có thể góp phần vào các chu kỳ tội phạm lâu dài. Các vụ cướp ngân hàng ở nhiều nơi trên nước Hoa Kỳ có thể là một ví dụ về điều này. Trong một vài năm sẽ có một số lượng lớn những tội phạm này và sau đó chúng sẽ giảm trong vài năm, chỉ sau đó mới tăng trở lại để bắt đầu lại chu kỳ. Một giả thuyết cho những chu kỳ này là trong những năm cao điểm của vụ cướp, các ngân hàng bắt đầu áp dụng một loạt các biện pháp phòng ngừa và hầu hết kẻ phạm tội đều bị bắt và bỏ tù. Những nỗ lực này đã đẩy lùi vụ cướp ngân hàng. Sau vài năm xảy ra ít vụ cướp ngân hàng, an ninh ngân hàng trở nên lỏng lẻo và cơ hội cướp ngân hàng tăng lên. Sau đó, những kẻ phạm tội mới bắt đầu lợi dụng mức độ an ninh thấp hơn, bắt đầu một làn sóng cướp và ngăn chặn mới. Giả thuyết này thu hút sự chú

ý đến thực tế là cần nhiều hơn việc thực thi mới có hiệu quả và các lợi ích ngăn ngừa phải được duy trì để duy trì hiệu quả.

Trên thực tế, việc đọc những mô tả về nỗ lực giải quyết vấn đề bắt đầu bằng mô tả về những nỗ lực thực thi không thành công là điều khá phổ biến. Trong mọi tình huống, người phạm tội cũ tiếp tục quay lại hoặc người phạm tội mới thay thế họ. Có ba cách mà đối tượng phạm tội mới có thể gặp phải những cơ hội xúc phạm:

1. Họ tiếp xúc với chúng thông qua thói quen hàng ngày bình thường của họ. Ví dụ, cảnh sát bắt giữ những thanh niên ăn trộm đồ từ những chiếc ô tô không khóa ở trung tâm thành phố, nhưng những chiếc ô tô không khóa có đồ bên trong vẫn ở đó. Trong số rất nhiều người sử dụng trung tâm thành phố hàng ngày, một số ít sẽ chú ý đến những chiếc xe này và thử trộm cắp. Nếu thành công, một số cá nhân này sẽ tiếp tục ăn trộm ô tô.
2. Họ có nguy cơ phạm tội thông qua mạng lưới bạn bè và người quen không chính thức. Những người đã có kinh nghiệm lợi dụng cơ hội để phạm tội hoặc gây rối loạn có thể mời người khác đến giúp đỡ họ hoặc tận hưởng trải nghiệm. Vì chúng tôi hiếm khi thành công 100% trong việc loại bỏ tất cả những kẻ phạm tội trong thời gian dài nên thường có nhiều người xung quanh có thể giới thiệu những cơ hội cho những người mới.
3. Họ phát hiện ra những cơ hội vi phạm thông qua việc tuyển dụng. Kẻ tiếp nhận tội phạm có thể thuê những kẻ trộm mới nếu những kẻ cũ không thể cung cấp hàng hóa cho anh ta nữa. Nếu hoạt động mại dâm được tổ chức thì người chặn dất có thể tuyển dụng gái mại dâm mới để lấp đầy những công việc mà những gái mại dâm trước đây để lại. Các băng nhóm có thể tuyển thêm thành viên mới để thay thế thành viên cũ. Có ý kiến cho rằng

những người trưởng thành buôn bán ma túy, đối mặt với các hình phạt nghiêm khắc hơn đối với tội phạm ma túy, đã bắt đầu thuê trẻ vị thành niên thực hiện các nhiệm vụ nguy hiểm nhất vì hình phạt dành cho trẻ vị thành niên sử dụng ma túy thấp hơn nhiều so với người lớn.

Làm thế nào bạn biết được liệu kẻ phạm tội có đang di chuyển vào hay không? Phương pháp đơn giản nhất là so sánh tên của những người phạm tội liên quan đến vấn đề trước phản hồi với tên của những người phạm tội liên quan đến vấn đề sau phản hồi. Nếu tên khác nhau thì những kẻ phạm tội có thể đang chuyển đến. Khó khăn với phương pháp này là hiếm khi có được danh sách đầy đủ những kẻ phạm tội có liên quan. Vì vậy, không rõ liệu những cái tên mới có thực sự là những kẻ phạm tội mới hay chúng đã là một phần của vấn đề một thời gian nhưng chỉ mới được phát hiện gần đây.

Phỏng vấn người phạm tội cũng có thể hữu ích. Người phạm tội có thể cho bạn biết khi nào họ tham gia vào vấn đề, họ tham gia như thế nào và ai khác có liên quan. Họ cũng có thể cung cấp thông tin về chiến thuật và các hình thức di dời khác. Tuy nhiên, người phạm tội có thể không hợp tác và không đáng tin cậy (*Bước 10*).

Đôi khi việc kiểm tra chi tiết các phương pháp được sử dụng để phạm tội có thể cung cấp những hiểu biết sâu sắc về việc liệu những kẻ phạm tội mới có liên quan hay không. Nếu các chiến thuật hoàn toàn khác so với những chiến thuật được sử dụng trước đó thì có khả năng những kẻ phạm tội mới đang hoạt động. Tuy nhiên, cũng có thể những kẻ phạm tội cũ đã chuyển chiến thuật.

Kết hợp trần áp với sửa đổi môi trường: Kiểm soát "Ngày đi vắng" của gái mại dâm ở Công viên Finsbury

Roger Matthews mô tả vấn đề mại dâm ở London ở khu Finsbury Park của London. Các cuộc trấn áp liên tục của cảnh sát trong nhiều năm đã không thể kiểm soát được thị trường mại dâm vì gái mại dâm chỉ quay trở lại khu vực cũ. Khi các cuộc trấn áp kết hợp với các rào chắn trên đường phố nhằm gây khó khăn cho nam giới tìm thấy gái mại dâm bằng cách lái ô tô quanh khu vực, mức độ hoạt động mại dâm đã giảm đáng kể. Matthews gợi ý rằng chính sự kết hợp của các chiến lược - loại bỏ tội phạm thông qua cường chế và ngăn chặn cơ hội thông qua các rào chắn trên đường phố - đã dẫn đến sự suy giảm. Một lý do quan trọng khiến những biện pháp can thiệp này thành công là vì gái mại dâm không thực sự cam kết với cách kiếm sống này. Rất ít người trong số họ nghiện ngập hoặc bị bòn ma cô kiểm soát. Trên thực tế, lý do phổ biến nhất mà họ đưa ra khi hành nghề mại dâm là vì họ có thể kiếm được nhiều tiền hơn các hình thức làm việc khác, họ thích sự độc lập và thích gặp gỡ nhiều loại đàn ông. Nhiều người trong số họ đến Finsbury Park từ những vùng xa xôi hẻo lánh bằng vé tàu giá rẻ. Cùng với những người phụ nữ khác, họ thuê phòng ở một trong nhiều nhà trọ hoặc khách sạn dân cư trong khu vực, hoặc tiến hành công việc kinh doanh trên ô tô của khách hàng. Khi không làm gái mại dâm, nhiều người trong số họ làm hầu gái, vũ công cờ vây hoặc nhân viên cửa hàng. Cam kết tương đối nhẹ nhàng của họ đối với mại dâm và những cách kiếm tiền thay thế của họ có thể giúp giải thích tại sao các nhà nghiên cứu có thể tìm thấy rất ít bằng chứng về việc gái mại dâm ở Công viên Finsbury chuyển đến các khu vực lân cận khác ở London.

Đọc thêm

Matthews, Roger (1997). "Phát triển các chiến lược hiệu quả hơn để hạn chế mại dâm" Phòng chống tội phạm theo tình huống: Nghiên cứu trường hợp thành công (tái bản lần 2), Ronald Clarke. Monsey, NY: Nhà xuất bản Tư pháp Hình sự.

Bước 51: Cảnh giác với những lợi ích bất ngờ

Bạn có thể đánh giá thấp tác động của sự can thiệp nếu không tính đến khả năng lan tỏa của những lợi ích (*Bước 13*). Bạn có thể kết luận rằng sự can thiệp đó không đáng nỗ lực hoặc nó đã thất bại trong việc giải quyết vấn đề. Điều này đặc biệt đúng khi sự lan truyền làm ô nhiễm nhóm kiểm soát của bạn.

Các nhóm kiểm soát cho biết điều gì sẽ xảy ra với vấn đề nếu bạn không làm gì (*Bước 47*). Họ cần phải giống nhất có thể với nhóm đối tượng quản lí, nhưng họ *không được bị ảnh hưởng* bởi việc áp dụng. Nếu việc phòng ngừa lan sang khu vực kiểm soát, bạn sẽ có ấn tượng sai lầm rằng mọi việc sẽ tốt hơn nếu không có phản hồi nào xảy ra. Kết luận không hợp lệ này sẽ khiến bạn đánh giá thấp tính hiệu quả của chương trình. (Xem *Bước 48* để biết các vấn đề liên quan đến chuyển vị).

Kate Bowers và Shane Johnson đề xuất hai cách để lựa chọn các khu vực kiểm soát khi có thể dịch chuyển hoặc phân tán lợi ích. Đầu tiên là tạo hai vùng đồng tâm xung quanh vùng phong tỏa. Việc phòng ngừa có thể lan tỏa vào vùng đệm lân cận nhưng không làm ô nhiễm vùng kiểm soát bên ngoài. Điều này khả thi nếu khu vực kiểm soát và xử lý rất giống nhau và sự khuếch tán hoặc dịch chuyển không đến được vùng kiểm soát. Nếu không đáp ứng được các điều kiện này thì nên sử dụng phương án 2. Ở đây sử dụng các vị trí dịch chuyển/khuếch tán gần khu vực xử lý, nhưng các khu vực kiểm soát được tách biệt hoàn toàn khỏi khu vực xử lý và khu vực khuếch tán/dịch chuyển. Các biện pháp kiểm soát được lựa chọn cụ thể vì sự tương đồng và cách ly của chúng với khu vực điều trị. Nhiều khu vực kiểm soát có thể được chọn và tỷ lệ tội phạm được tính trung bình.

Hình vẽ thể hiện ví dụ về phương án 2. Hãy tưởng tượng phản ứng đối với hành vi trộm cắp phương tiện ở các bãi đậu xe ở trung tâm thành phố Charlotte (*Bước 27*). Một địa điểm có điểm nóng về trộm cắp được chọn để phản hồi. Các điểm nóng lân cận là những địa điểm khuếch tán/chuyển dịch tốt. Phân tích trước đó cho thấy rằng một tuyến đường sắt đi qua các lô đất này đã tạo điều kiện thuận lợi cho vấn đề, vì vậy lô điểm nóng thứ ba ở phía nam và phía tây trên tuyến đường sắt này cũng là một địa điểm dịch chuyển-khuếch tán hữu ích. Các lô kiểm soát không nằm trên tuyến đường sắt và đủ xa địa điểm ứng phó nên khó có khả năng khuếch tán và dịch chuyển.

Để xác định tác động tổng thể của phản ứng đối với vấn đề (bao gồm mọi hiệu ứng khuếch tán hoặc dịch chuyển), bạn cần trả lời bốn câu hỏi. Mỗi câu hỏi có một công thức đơn giản. Các chữ cái trong công thức tuân theo mẫu này.

- **R** số lượng hoặc tỷ lệ tội phạm trong khu vực ứng phó.
- **D** là số lượng hoặc tỷ lệ tội phạm trong khu vực di dời/lan tỏa.
- **C** là số lượng hoặc tỷ lệ tội phạm trong khu vực kiểm soát.
- Các chỉ số dưới a và b cho biết thời điểm tội phạm được tính; sau hoặc trước khi phản hồi bắt đầu. Ví dụ: **R** a là tỷ lệ tội phạm trong khu vực ứng phó trước khi triển khai ứng phó và **C** b là tỷ lệ tội phạm trong khu vực kiểm soát sau khi triển khai ứng phó.

- a. Vấn đề có thay đổi từ trước đến sau phản hồi không? Trừ tội phạm trong khu vực điều trị trước phản hồi khỏi khu vực điều trị sau phản hồi để có được Hiệu ứng gộp (GE):

$$GE = Rb - Ra$$

Một số dương cho thấy sự suy giảm của vấn đề. Số 0 biểu thị không có thay đổi. Và một con số âm cho thấy mọi thứ đang trở nên tồi tệ hơn.

- b. Phản hồi có phải là nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi không? Browsers và Johnson đề nghị xem xét sự khác biệt về tỷ lệ giữa vùng điều trị và vùng đối chứng trước và sau; tức là chia phản hồi trước cho điều khiển trước trừ đi phản hồi sau chia cho điều khiển sau. Đây là Hiệu ứng ròng (NE):

NE	=	Rb	-	Ra
Cb		Ca		

Nếu hiệu ứng thực tế gần bằng 0 thì phản hồi có thể không hiệu quả và nếu NE âm thì phản hồi có thể khiến mọi việc trở nên tồi tệ hơn. Trong cả hai trường hợp, sự dịch chuyển và khuếch tán đều không liên quan nên bạn có thể dừng lại bằng câu trả lời cho câu hỏi này. Nhưng nếu NE dương thì có lý do để tin rằng phản hồi có thể đã tạo ra sự cải thiện. Điều này làm tăng khả năng khuếch tán và dịch chuyển. Vì vậy bạn cần phải trả lời câu hỏi tiếp theo.

- 1) Kích thước tương đối của sự dịch chuyển hoặc khuếch tán là gì? Bowers và Johnson đề xuất Chỉ số dịch chuyển có trọng số (WDQ) để đo lường điều này:

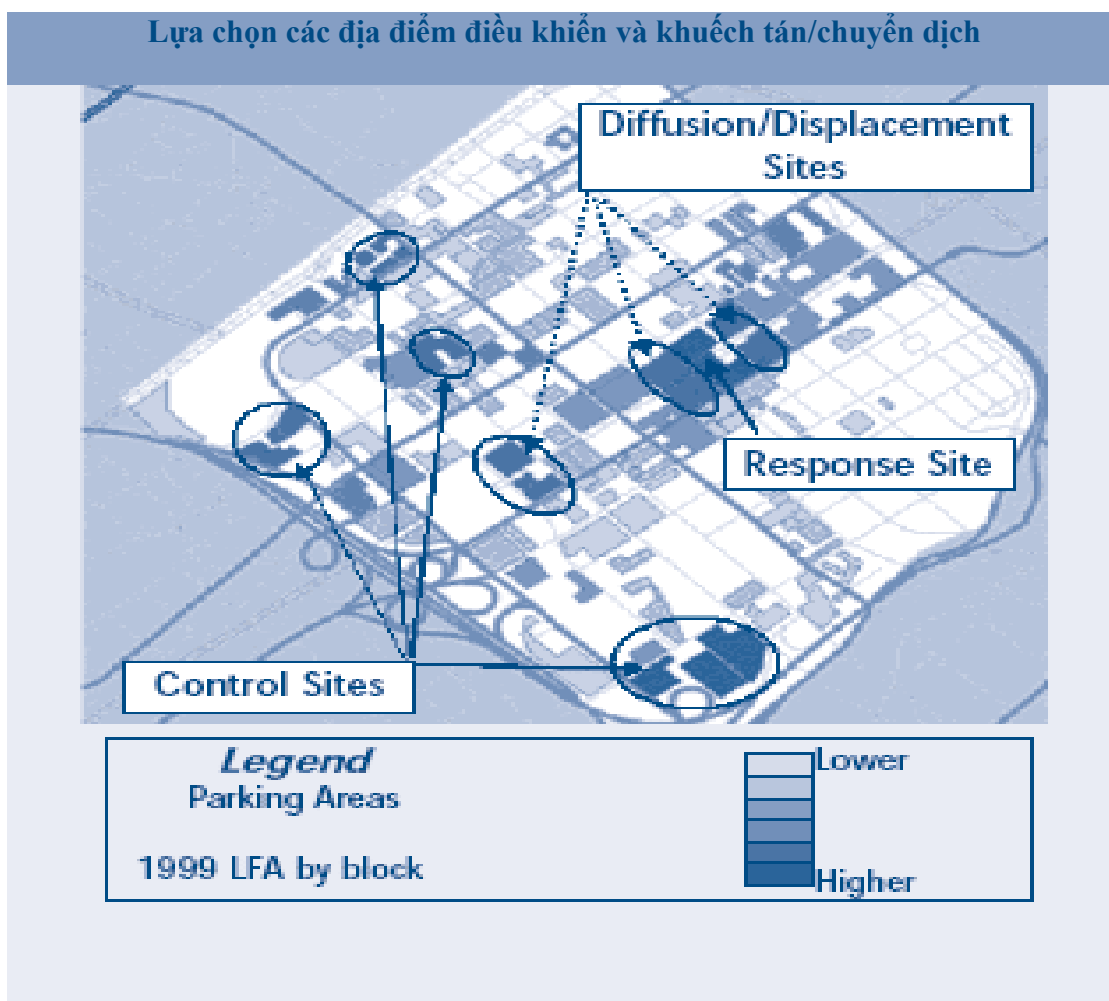
WDQ	=	Da	-	Db
Ca		Cb		
Ra	-	Rb		
Ca		Cb		

Da là tỷ lệ tội phạm ở khu vực khuếch tán/di dời sau chương trình và **Db** là tỷ lệ tội phạm ở khu vực này trước chương trình. Số hạng dưới cùng (mẫu số) là thước đo hiệu quả của phản ứng, liên quan đến biện pháp kiểm soát. Một chương trình hiệu quả sẽ tạo ra số âm ở mẫu số. Số hạng trên cùng (tử số) cho biết mức độ khuếch tán hoặc dịch chuyển tương đối. Tử số là âm khi có sự khuếch tán và dương khi có sự dịch chuyển. Nếu nó gần bằng 0 thì không có và WDQ bằng 0 (vì vậy bạn có thể bỏ qua câu hỏi 4). Nếu WDQ dương thì có hiện tượng khuếch tán (hãy nhớ rằng tỷ lệ giữa hai số âm là dương) và nếu nó lớn hơn một thì hiệu ứng khuếch tán sẽ lớn hơn hiệu ứng phản hồi. Nếu WDQ âm thì có sự dịch chuyển. Khi WDQ nằm giữa 0 và âm, sự dịch chuyển sẽ làm xói mòn một số, nhưng không phải tất cả, các hiệu ứng phản ứng. Về mặt lý thuyết, WDQ có thể nhỏ hơn âm, cho thấy phản ứng khiến mọi việc trở nên tồi tệ hơn. Tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy đây là một điều khó xảy ra.

2. Hiệu ứng rỗng tổng thể của phản ứng (bao gồm cả khuếch tán và dịch chuyển) là gì? Bowers và Johnson đề xuất sử dụng công thức sau để tính TNE:

$$TNE = \left[\frac{R_b - R_a}{C_b} \right] + \left[\frac{D_b - D_a}{C_b} \right]$$

Phần đầu tiên cho thấy tác dụng của phản hồi trong vùng phản hồi. Việc kiểm soát càng hiệu quả thì hoạt động này càng mang lại tích cực lớn. Phần thứ hai cho thấy mức độ khuếch tán hoặc dịch chuyển. Nó sẽ dương khi có sự khuếch tán và âm khi có sự dịch chuyển. TNE càng tích cực thì phản ứng càng hiệu quả.



Chú thích:

Diffusion/Displacement Sites: Khu vực khuếch tán/dịch chuyển;

Response site: Khu vực xử lý;

Control sites: Khu vực kiểm soát;

Parking areas: Khu vực đỗ xe;

Block: Các tòa nhà;

Lower: Thấp hơn;

Higher: Cao hơn

Đọc thêm

Bowers, Kate và Shane Johnson (2003). “Đo lường sự dịch chuyển về mặt địa lý và sự lan tỏa các tác động có lợi của hoạt động phòng chống tội phạm.” Tạp chí Tội phạm học Định lượng, số 19(3), trang 275-301.

Bước 52: Dự kiến sớm các điều kiện phạm tội

Người phạm tội thường tin rằng các biện pháp phòng ngừa đã được áp dụng trước khi chúng thực sự được bắt đầu. Điều này dẫn đến cái được gọi là “lợi ích có thể đoán trước” của việc phòng ngừa. Mặc dù những tác động báo trước này có thể xảy ra một cách tình cờ nhưng cảnh sát có thể thực hiện những nỗ lực có chủ ý để tạo ra hoặc tăng cường chúng. Để làm được điều đó thành công, cảnh sát phải có cái nhìn sâu sắc hữu ích về cách người phạm tội nhìn nhận tình hình và có phương pháp đánh lừa người phạm tội về bản chất thực sự của sự can thiệp.

Martha Smith và các đồng nghiệp của cô đã tìm thấy bằng chứng về lợi ích dự đoán trong 40% nghiên cứu phòng ngừa tình huống mà dữ liệu của họ có thể tiết lộ những lợi ích đó. Họ đã đề xuất sáu cách giải thích khả dĩ cho những lợi ích dự đoán được quan sát thấy:

1. Hiệu ứng chuẩn bị-dự đoán xảy ra khi người phạm tội tin rằng chương trình đang hoạt động trước khi nó thực sự hoạt động. Ví dụ, chương trình đánh dấu tài sản có thể được công bố tới công chúng nhưng người dân vẫn chưa được huy động, hoặc camera truyền hình mạch kín có thể được lắp đặt nhưng chưa được giám sát.
2. Hiệu ứng công khai/thông tin sai lệch xảy ra khi người phạm tội tin rằng việc thực thi bí mật tồn tại do công khai hoặc tin đồn. Nhận thức của người phạm tội có thể bị thao túng, ít nhất là trong thời gian ngắn, thông qua thông tin sai lệch. Thay vì thông tin sai lệch, thông tin liên lạc có mục tiêu đôi khi có thể có hiệu quả. Một dự án ở Boston nhằm giảm thiểu tội phạm giết người ở thanh thiếu niên đã sử dụng phương pháp liên lạc trực tiếp với

những kẻ phạm tội tiềm năng để cảnh báo họ rằng một số hành vi cụ thể sẽ dẫn đến việc trừng phạt.

3. Hiệu ứng chuẩn bị-gián đoạn xảy ra khi việc chuẩn bị cho chương trình phòng ngừa gây ra sự giám sát tại các địa điểm phòng ngừa. Khảo sát người dân có thể cảnh báo người phạm tội. Các dự án giải quyết vấn đề có thể tạo ra những phản hồi mang tính dự đoán trong giai đoạn phân tích nếu có sự tìm hiểu rõ ràng đáng kể trong cộng đồng. Vào cuối những năm 1980, trong khuôn khổ phân tích vấn đề trộm cắp, các thành viên của Sở Cảnh sát Newport News đã tiến hành khảo sát từng nhà ở một khu vực có tỷ lệ trộm cắp cao. Điều này có thể đã góp phần làm giảm số vụ trộm sau đó. Khi xem xét các chiến lược trị an hiệu quả, Sherman và Eck lưu ý rằng việc liên hệ với cảnh sát từng nhà thường được cho là có tác dụng giảm tội phạm.
4. Việc triển khai dần dần xảy ra khi các phần của phản hồi có hiệu lực trước ngày bắt đầu chính thức. Người đánh giá có thể coi ngày 1 tháng 6 là ngày bắt đầu của toàn bộ chương trình, nhưng người phạm tội phát hiện việc triển khai theo từng giai đoạn trong những tuần trước ngày 1 tháng 6 và thay đổi hành vi của họ cho phù hợp.
5. Hiệu ứng chuẩn bị-đào tạo xảy ra khi việc lập kế hoạch, đào tạo và khảo sát giúp công chúng hoặc cảnh sát chuẩn bị tốt hơn để giải quyết các vấn đề và họ sử dụng kiến thức mới này trước khi chương trình có hiệu lực. Ví dụ, một chương trình chống trộm cắp được phối hợp giữa nhiều doanh nghiệp có thể được lên kế hoạch bắt đầu vào một ngày cụ thể, nhưng các cuộc thảo luận và đào tạo nhân viên sẽ khiến họ chú ý hơn trước ngày đó.

6. Động lực của các sĩ quan hoặc công chúng xảy ra vì những lý do tương tự như việc đào tạo chuẩn bị, ngoại trừ việc những người liên quan có động cơ cao hơn là được trang bị tốt hơn. Động lực cao hơn dẫn đến hiệu suất được cải thiện trước khi thực hiện phản hồi.

Việc sử dụng dòng thời gian để ghi lại cẩn thận thời điểm các phản phản hồi được triển khai sẽ hữu ích trong việc chứng minh rằng tác động dự đoán là hợp lý (xem *Bước 46*).

Smith và các đồng nghiệp của cô cũng xác định bốn trường hợp riêng biệt được coi là tác động báo trước nhưng thực chất là kết quả của việc giải thích sai hoặc phân tích không đầy đủ:

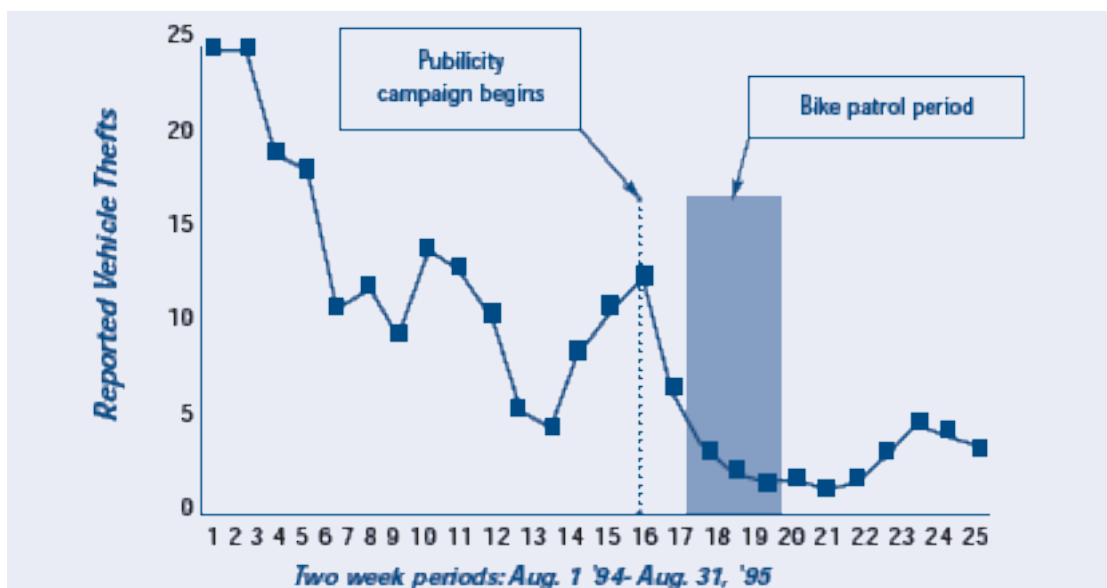
1. Những thay đổi theo mùa có thể tạo ra những hiệu ứng dự đoán giả khi sự can thiệp bắt đầu ngay sau khi tội phạm giảm theo mùa. Kiểm soát tính thời vụ (*Bước 26 và 47*) có thể loại bỏ vấn đề này.
2. Hiệu ứng hồi quy đề cập đến sự giảm tội phạm một cách tự nhiên từ mức cực cao xảy ra ngay cả khi không làm gì cả (*Bước 47*). Nếu xu hướng tội phạm vừa giảm xuống do hiệu ứng hồi quy và một chương trình phòng ngừa được thực hiện thì sự suy giảm tự nhiên sẽ giống như một hiệu ứng được báo trước. Việc kiểm tra mức độ tội phạm trung bình dài hạn (*Bước 26*) trước khi có biện pháp ứng phó, như được đề xuất ở *Bước 47*, có thể cho thấy hiệu ứng hồi quy giả dạng như một hiệu ứng báo trước.
3. Nếu một loại tội phạm (A) đã được ghi lại quá nhiều bằng cách thay đổi cách phân loại của một tội phạm khác, thì có thể nhận được kết quả trông giống như một hiệu ứng báo trước. Điều này có thể xảy ra nếu một loại tội phạm được tăng cao để có được nguồn tài trợ nhằm giải quyết loại tội phạm

đó và sau khi nhận được tài trợ, việc phân loại được thay đổi trở lại bình thường. Hiệu ứng báo trước không có thật này có thể được phát hiện bằng cách xem xét các xu hướng trái ngược trong tội phạm khác. Việc tìm ra hai tội phạm tương tự có xu hướng trái ngược nhau cung cấp manh mối cho thấy sự thay đổi phân loại có thể là nguyên nhân.

4. Hoàn thiện dữ liệu (*Bước 26*) để phát hiện xu hướng bị che giấu bởi biến thể ngẫu nhiên có thể tạo ra kết quả giống như hiệu ứng dự đoán. Sự di chuyển càng rộng (ví dụ 5 chu kỳ thay vì 3 chu kỳ) phản ánh tỷ lệ giảm tội phạm càng nhiều với nhiều biện pháp can thiệp thì việc hoàn thiện dữ liệu càng có nhiều khả năng tạo ra hiệu ứng dự đoán giả. So sánh dữ liệu được xử lý tốt và không được xử lý tốt sẽ tiết lộ hiệu ứng dự đoán giả này.

Tác dụng dự đoán của công khai

Paul Barclay và các đồng nghiệp đã đánh giá tác động của việc tuần tra bằng xe đạp đối với hành vi trộm cắp ô tô từ một bãi đậu xe lớn ở ngoại ô Vancouver, British Columbia. Hành vi trộm cắp phương tiện đã giảm sau khi có phản hồi, nhưng nó đã giảm trong vài tuần trước các cuộc tuần tra bằng xe đạp, kể từ khi thực hiện chiến dịch quảng bá trước các cuộc tuần tra bằng xe đạp. Trong trường hợp này, hiệu ứng đoán trước có thể góp phần rất lớn vào hiệu quả tổng thể của các cuộc tuần tra. Mặc dù một mức trung bình chuyển động được sử dụng để làm cân đối các biến thể ngẫu nhiên, nhưng mức độ giảm trộm cắp từ khi bắt đầu công khai đến khi bắt đầu tuần tra bằng xe đạp là quá lớn để có thể xử lý tốt dữ liệu.



Chú thích:

Reported vehicle thefts: Báo cáo các vụ mất phương tiện;

Publicity campaign begins: Các chiến dịch công đồng bắt đầu;

Bike patrol period: Thời điểm tuần tra bằng xe đạp;

Two week periods: Chu kì 2 tuần

Nguồn: Barclay, Paul và các đồng nghiệp (1996) "Ngăn chặn trộm ô tô ở các khu vực dành cho người đi làm ở ngoại ô Vancouver: Tác dụng của việc tuần tra bằng xe đạp." Nghiên cứu Phòng chống Tội phạm, tập 6, Monsey, NY: Nhà xuất bản Tư pháp Hình sự.

Đọc thêm

Sherman, Lawrence và John Eck. 2002. Cảnh sát phòng chống tội phạm, trang 295-329 trong *Phòng chống tội phạm dựa trên bằng chứng*, do Lawrence Sherman và các đồng nghiệp biên tập. New York: Routledge.

Smith, Martha và cộng sự (2002). Lợi ích dự đoán trong phòng chống tội phạm. Trong *Phân tích phòng chống tội phạm. Nghiên cứu Phòng chống Tội phạm*, Tập 13. Monsey, New York: Nhà xuất bản Tư pháp Hình sự.

Bước 53: Kiểm tra mức độ quan trọng

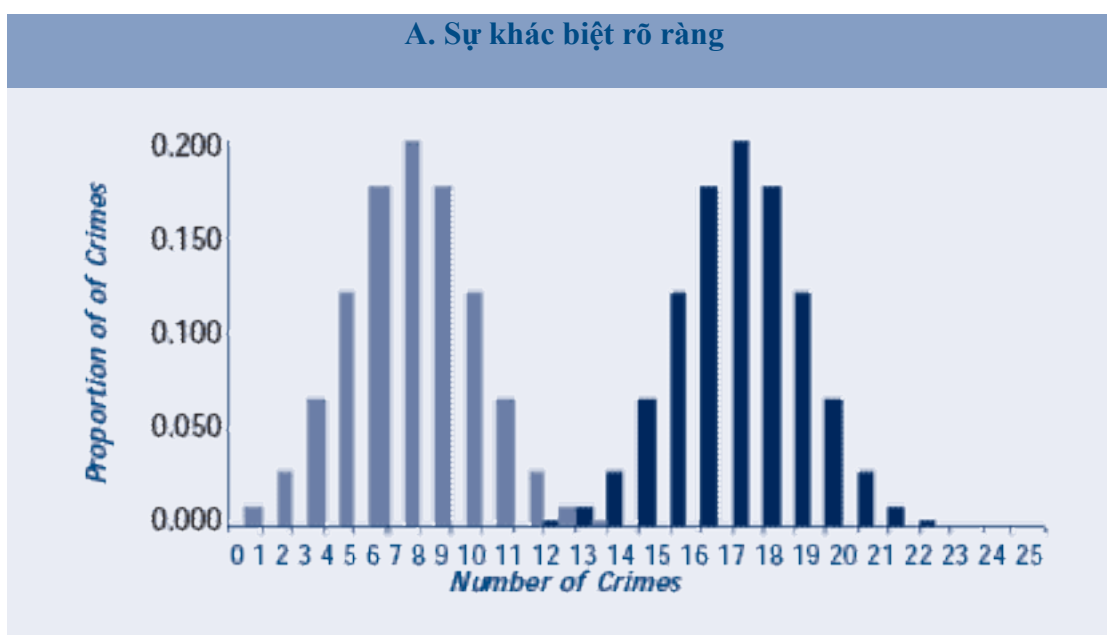
Làm thế nào để bạn biết rằng một phản hồi đã khiến vấn đề bị từ chối? Hầu hết các vấn đề đều có cường độ khác nhau, ngay cả khi không có biện pháp giải quyết nào. Ví dụ: trung bình có 32 vụ trộm xe mỗi tuần ở một trung tâm thành phố cụ thể, nhưng hiếm khi có tuần nào có đúng 32 vụ trộm. Thay vào đó, 95 phần trăm số tuần có từ 25 đến 38 vụ trộm và trong 5 phần trăm số tuần có ít hơn 25 hoặc nhiều hơn 38 vụ trộm được ghi nhận. Sự biến đổi ngẫu nhiên như vậy là phổ biến. Việc giảm số vụ trộm xe từ mức trung bình 32 vụ mỗi tuần xuống mức trung bình 24 vụ mỗi tuần có thể chỉ là do tính ngẫu nhiên chứ không phải là do phản ứng. Hãy coi tính ngẫu nhiên là những biến động không thể đoán trước của tội phạm do có rất nhiều ảnh hưởng nhỏ, do đó, ngay cả khi cảnh sát không làm gì thì tội phạm cũng sẽ thay đổi.

Một *phép kiểm tra ý nghĩa* cho chúng ta biết khả năng thay đổi về tội phạm là do ngẫu nhiên. Sự *khác biệt đáng kể* là sự khác biệt *khó* có thể xảy ra do sự ngẫu nhiên. Việc phân biệt liệu một sự khác biệt nhỏ có đáng kể hay không khó hơn việc tìm ra ý nghĩa trong một sự khác biệt lớn. Cũng khó tìm thấy sự khác biệt đáng kể trong một vấn đề tội phạm thường hay thay đổi, ngay cả khi biện pháp ứng phó có hiệu quả. Và sẽ khó tìm thấy ý nghĩa hơn nếu bạn chỉ xem xét một vài trường hợp (con người, địa điểm, sự kiện hoặc thời gian) so với khi bạn xem xét nhiều trường hợp (một lần nữa, ngay cả khi phản hồi có hiệu quả). Bạn không thể kiểm soát quy mô của sự khác biệt hoặc tính không ổn định của vấn đề, nhưng bạn có thể thu thập dữ liệu về nhiều trường hợp hơn.

Hãy xem xét tình huống phổ biến sau đây. Bạn muốn xác định xem tội phạm có giảm trong một khu vực sau khi có phản hồi hay không. Bạn có một số tuần dữ liệu tội phạm trước phản hồi và một số tuần dữ liệu cho cùng một khu vực sau phản hồi. Bạn

tính toán số tội phạm trung bình (trung bình) mỗi tuần trong mỗi nhóm tuần và thấy rằng tội phạm đó đã giảm xuống.

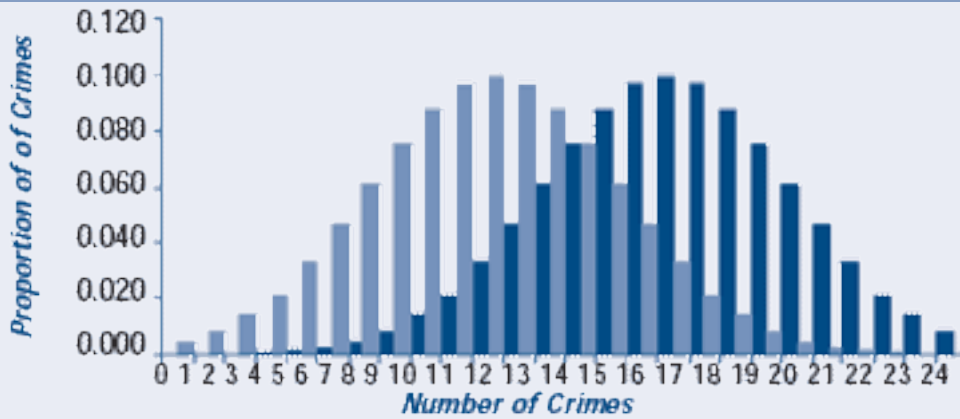
Hình vẽ cho thấy ba kết quả có thể xảy ra. Trong mỗi bảng có hai phân bố, một cho các tuần trước phản hồi và một cho các tuần sau phản hồi. Các thanh dọc trong mỗi biểu đồ hiển thị tỷ lệ các tuần có 0, 1, 2 hoặc nhiều tội phạm hơn (ví dụ: ở biểu đồ trên cùng, 6 tội phạm xảy ra trong 20% số tuần sau phản hồi). Trong bảng A, các phân bố hầu như không trùng nhau vì sự khác biệt về giá trị trung bình lớn và độ lệch chuẩn của hai nhóm nhỏ (*xem Bước 22*). Ngay cả với một vài tuần dữ liệu, một thử nghiệm quan trọng có thể loại trừ nguyên nhân ngẫu nhiên. Trong bảng B, có sự trùng lặp lớn hơn trong phân bố, có sự khác biệt nhỏ hơn về giá trị trung bình và độ lệch chuẩn lớn hơn. Phải mất nhiều trường hợp hơn nữa để phát hiện ra sự khác biệt không ngẫu nhiên trong những tình huống như thế này. Trong bảng C, gần như có sự trùng lặp hoàn toàn, chênh lệch trung bình thậm chí còn nhỏ hơn và độ lệch chuẩn thậm chí còn lớn hơn. Chỉ một nghiên cứu với số lượng trường hợp rất lớn mới có thể tìm thấy sự khác biệt đáng kể ở đây. Bài học là sự khác biệt về tội phạm càng ít rõ ràng thì bạn càng cần phải chắc chắn rằng sự ngẫu nhiên không phải là nguyên nhân của sự khác biệt.



Before Mean =16 Std Dev=2

After Mean =5 Std Dev=2

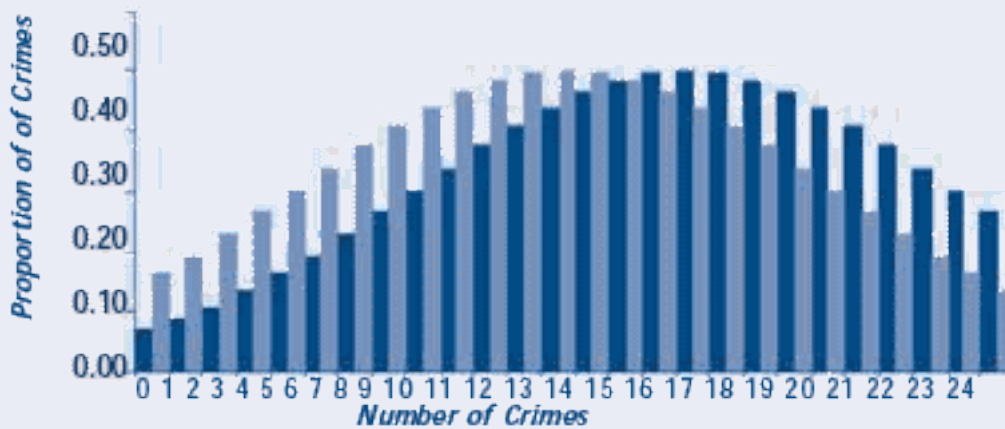
B. Sự khác biệt mơ hồ



Before Mean =16 Std Dev=4

After Mean =10 Std Dev=4

C. Có lẽ là sự khác biệt ngẫu nhiên



Before Mean =12 Std Dev=8

After Mean=12 Std Dev=8

Chú thích:

Proportion of crimes: Tỷ lệ tội phạm;

Number of crimes: Số vụ tội phạm

Before/After Mean: Trước/Sau Trung bình

Std Dev: Độ lệch chuẩn

Lý thuyết xác suất cho phép chúng ta sử dụng giá trị trung bình, độ lệch chuẩn và số vụ việc để tính xác suất rằng sự ngẫu nhiên là nguyên nhân gây ra sự khác biệt. Nếu có ít hơn 5% khả năng rằng sự thay đổi của vấn đề là do những biến động ngẫu nhiên, chúng tôi sẽ bác bỏ cách giải thích tính ngẫu nhiên là nguyên nhân của sự thay đổi. Ở đây, 5 phần trăm được gọi là mức có ý nghĩa. Nói tóm lại, vì xác suất mà tính ngẫu nhiên là nguyên nhân thấp hơn *mức ý nghĩa* (5%) nên chúng tôi "đánh cược" rằng có điều gì đó không phải là tính ngẫu nhiên đã gây ra sự thay đổi. Mặc dù 5 phần trăm là mức ý nghĩa thông thường nhưng bạn có thể chọn mức nghiêm ngặt hơn, chẳng hạn như 1 phần trăm. Mức ý nghĩa bạn chọn càng nghiêm ngặt thì khả năng bạn kết luận nhầm rằng phản hồi đó không hiệu quả khi nó thực sự có tác dụng càng cao. Loại sai lầm này được gọi là "tiêu cực giả" (*xem Bước 37*). Bạn có thể chọn một mức ý nghĩa nghiêm ngặt nếu chi phí của phản hồi cao đến mức bạn cần phải chắc chắn rằng nó có hiệu quả.

Đôi khi, các nhà phân tích sử dụng mức ý nghĩa ít nghiêm ngặt hơn, chẳng hạn như 10%. Mức độ bạn chọn càng ít nghiêm ngặt thì khả năng bạn xác nhận nhầm một phản hồi không có tác dụng càng cao. Loại lỗi này được gọi là "tích cực giả" (*xem Bước 37*). Bạn có thể muốn chọn mức độ ít nghiêm ngặt hơn nếu vấn đề nghiêm trọng, các biện pháp giải quyết vấn đề không đặc biệt tốt và bạn rất lo ngại về việc vô tình từ chối một phản hồi tốt.

Có hai cách sử dụng mức ý nghĩa. Trong cuộc thảo luận ở trên, chúng tôi đã sử dụng chúng làm ngưỡng từ chối: dưới mức bạn từ chối cơ hội ngẫu nhiên và trên mức bạn chấp nhận nó là nguyên nhân. Luôn chọn mức ý nghĩa trước khi tiến hành kiểm tra mức ý nghĩa để tránh việc "xào nấu" các số liệu nhằm đạt được kết quả mong muốn.

Tốt hơn là nên sử dụng mức ý nghĩa như một công cụ hỗ trợ quyết định, cùng với các dữ kiện khác (mức độ nghiêm trọng của vấn đề, chi phí chương trình, mức giảm tuyệt đối của các vấn đề, v.v.), để đưa ra lựa chọn sáng suốt. Nhiều ngành khoa học, chẳng hạn như y học, đi theo cách tiếp cận này. Nếu bạn làm theo phương pháp này, hãy sử dụng giá trị p thay vì kiểm tra mức ý nghĩa. Giá trị p là xác suất chính xác mà sự thay đổi của vấn đề là do ngẫu nhiên. Vì vậy, giá trị p là 0,062 cho bạn biết rằng có khoảng 6% khả năng mắc lỗi tích cực giả khi chấp nhận phản hồi. Điều này có thể được giải thích một cách đại khái là trong 100 quyết định như vậy, quyết định loại bỏ tính ngẫu nhiên để ủng hộ phản hồi sẽ sai khoảng sáu lần. Việc bạn hay đồng nghiệp của bạn có đặt cược như vậy hay không còn phụ thuộc vào nhiều thứ.

Điều quan trọng là phải phân biệt giữa quan trọng và ý nghĩa. "Quan trọng" có nghĩa là sự khác biệt khó có thể xảy ra do ngẫu nhiên. "Ý nghĩa" có nghĩa là sự khác biệt đủ lớn để trở thành vấn đề. Với các trường hợp đầy đủ, ngay cả một sự khác biệt rất nhỏ cũng có ý nghĩa. Nhưng điều đó không có nghĩa là nó đáng giá. Quan trọng có thể được tính toán. Ý nghĩa là sự đánh giá của chuyên gia.

Việc điều tra tính ngẫu nhiên có thể trở nên rất phức tạp vì có nhiều loại kiểm định ý nghĩa khác nhau cho nhiều tình huống khác nhau. Có một số trang web cũng như sách rất hữu ích có thể giúp bạn lựa chọn trong số đó và có nhiều chương trình phần mềm thống kê có thể thực hiện các phép tính cần thiết. Nhưng nếu có nhiều vấn đề phụ thuộc vào kết quả của một bài kiểm tra ý nghĩa hoặc giá trị p và bạn không được đào

tạo bài bản về lý thuyết xác suất hoặc thống kê, bạn nên tìm kiếm sự trợ giúp chuyên môn từ một trường đại học địa phương hoặc các tổ chức khác sử dụng số liệu thống kê về một cách thường xuyên.

Đọc thêm

- Crow, Edwin và cộng sự (1960). Sổ tay thống kê. New York: Dover.

Bước 54: Kể một câu chuyện rõ ràng

Mục đích công việc của bạn là giúp mọi người đưa ra quyết định tốt hơn. Để hỗ trợ những người ra quyết định, bạn phải kể một câu chuyện rõ ràng dẫn từ một câu hỏi quan trọng đến những câu trả lời khả thi và sau đó là những hành động hiệu quả. Để giao tiếp hiệu quả, bạn cần biết khán giả của mình là ai và những câu hỏi họ muốn được trả lời. Câu chuyện của bạn phải giải quyết được nhu cầu cụ thể của họ. Câu chuyện này có thể được kể dưới dạng báo cáo bằng văn bản hoặc dưới dạng thuyết trình (*xem Bước 58*).

Đừng chỉ kể lại những gì bạn đã làm để phát hiện, phân tích, phản hồi hoặc đánh giá. Điều này thật tế nhị và không giúp mọi người đưa ra quyết định hữu ích từ công việc của bạn. Bạn phải chuyển tác phẩm phân tích của mình thành một câu chuyện đáp ứng được nhu cầu của khán giả.

Công việc của bạn có thể giúp trả lời bốn câu hỏi cơ bản. Những câu hỏi này tương ứng với các giai đoạn của quy trình SARA:

1. Bản chất của vấn đề là gì? (Sàng lọc)
2. Điều gì gây ra vấn đề? (Phân tích)
3. Nên làm gì về vấn đề này? (Giải quyết)
4. Sự phản ứng có mang lại sự giảm bớt vấn đề không? (Đánh giá)

Rõ ràng, những câu hỏi này phải được đặt ra cụ thể hơn dựa trên thực tế của vấn đề đang được xem xét. Ví dụ, người dân địa phương có thể phàn nàn về tiếng ồn vào đêm khuya và tìm thấy rác dọc đường phố của họ. Thay vì câu hỏi rà soát chung chung, bạn có thể phát triển một bộ câu hỏi cụ thể, dựa trên bài kiểm tra CHEERS (*Bước 14*):

- Bản chất của sự cố tiếng ồn là gì? (Sự kiện)
- Những sự cố này giống nhau ở điểm nào? (Sự tương đồng)
- Có trường hợp tái diễn tiếng ồn và rác thải vào đêm khuya làm phiền cư dân không? (Định kỳ)
- Những sự cố này xảy ra với ai, khi nào và ở đâu? (Cộng đồng)
- Những sự cố này làm phiền mọi người như thế nào? (Làm hại)
- Ai mong đợi cảnh sát giải quyết vấn đề? (Kỳ vọng)

Trả lời câu hỏi chung - Bản chất của vấn đề là gì? - yêu cầu bạn trả lời một loạt câu hỏi cụ thể hơn.

Nhiệm vụ đầu tiên của bạn khi kể một câu chuyện mạch lạc là quyết định xem bạn đang muốn trả lời loại câu hỏi nào. Tiếp theo, bạn nên cố gắng cấu trúc tài khoản của mình xung quanh các lý thuyết và cách tiếp cận cơ bản được mô tả trong sổ tay này (ví dụ: bài kiểm tra CHEERS, tam giác tội phạm hoặc quy tắc 80-20). Đây là những khuôn khổ. Khung là một "vỏ câu chuyện" chung liên kết nhiều yếu tố tương tác và có thể được áp dụng cho nhiều vấn đề khác nhau. Sự lựa chọn khuôn khổ của bạn phụ thuộc vào vấn đề, những phát hiện của bạn và nhu cầu của những người ra quyết định. Hãy chắc chắn rằng có một luồng logic từ câu hỏi cơ bản, thông qua khuôn khổ và các phát hiện, đến câu trả lời. Kiểm tra các lỗ hổng trong logic. Bây giờ hãy phác thảo câu chuyện của bạn. Có bốn phác thảo câu chuyện cơ bản có thể hướng dẫn công việc của bạn. Các chi tiết của câu chuyện sẽ phụ thuộc vào chi tiết cụ thể của vấn đề của bạn.

Đừng quá máy móc bám theo những nội dung này một cách rập khuôn; chúng tôi cung cấp chúng như một điểm khởi đầu để gợi ý các ý tưởng. Thay vào đó, hãy điều chỉnh chúng phù hợp với lượng thời gian bạn có và trên hết là phù hợp với mối quan tâm của những người mà bạn đang nói chuyện. Cố gắng đoán trước câu hỏi của họ và

sửa đổi dàn ý phù hợp cho phù hợp. Mặc dù chúng tôi đã sử dụng các thuật ngữ kỹ thuật trong sách hướng dẫn này trong phần tóm tắt này, nhưng bạn có thể cần sử dụng từ vựng phổ biến trong bài thuyết trình của mình. Nếu khán giả của bạn chưa quen với thuật ngữ phân tích vấn đề, có lẽ bạn nên sử dụng nó một cách tiết kiệm hoặc không nên sử dụng chút nào.

Tóm tắt bốn câu chuyện

1. Bản chất của vấn đề là gì?

- a. Khung tổ chức - ví dụ: các yếu tố CHEERS.
- b. Mô tả có hệ thống các bằng chứng về loại vấn đề và sự tồn tại:

- Bản chất của các sự kiện là gì?
- Những sự kiện này giống nhau ở điểm nào?
- Những sự kiện này có thường xuyên tái diễn không?
- Những sự kiện này xảy ra khi nào và ở đâu?
- Ai bị tổn hại bởi những sự kiện này và bằng cách nào?
- Ai mong đợi cảnh sát giải quyết vấn đề?

- c. Ý nghĩa của việc phân tích và hợp tác giải quyết vấn đề:

- Những câu hỏi cần trả lời.
- Các vấn đề về định nghĩa và đo lường.
- Đối tác cần tham gia.

- d. Bản tóm tắt.

2. Điều gì gây ra vấn đề?

- a. Bộ khung tổ chức cho vấn đề/vụ việc - ví dụ: tam giác phân tích vấn đề.
 - b. Mô tả một cách có hệ thống vấn đề bằng cách trả lời các câu hỏi sau:
 - Những người phạm tội là ai?
 - Mục tiêu là ai hoặc cái gì?
 - Vấn đề xảy ra ở những địa điểm và thời gian nào?
 - Điều gì đã đưa những kẻ phạm tội và mục tiêu đến cùng một nơi?
 - Tại sao những người khác không can thiệp để ngăn chặn những cuộc chạm trán này?
 - Điều gì tạo điều kiện thuận lợi hoặc ngăn cản vấn đề?
 - c. Ý nghĩa của hình thức chung của các hướng giải quyết phù hợp với thông tin:
 - Quyền truy cập hoặc kiểm soát của người phạm tội.
 - Hành vi hoặc sự bảo vệ của nạn nhân/mục tiêu.
 - Quyền truy cập hoặc quản lý cơ sở.
 - d. Bản tóm tắt.
3. Nên làm gì về vấn đề này?
- a. Bộ khung tổ chức các hoạt động - ví dụ: phòng ngừa tội phạm theo tình huống:
 - Người phạm tội

- Mục tiêu/nạn nhân.
 - Địa điểm.
- b. Mô tả có hệ thống về chiến lược ứng phó:
- Tăng rủi ro hoặc nỗ lực.
 - Giảm phần thưởng, lời bào chữa hoặc sự khiêu khích.
 - Ai sẽ thực hiện các hành động, khi nào và ở đâu?
 - Nguồn lực bổ sung cần thiết.
- c. Ý nghĩa và kết quả dự kiến:
- Kết quả trực tiếp.
 - Sự dịch chuyển.
 - Khuếch tán.
 - Các tác dụng phụ khác.
 - Việc đánh giá nên được tiến hành như thế nào.
- d. Bản tóm tắt.
4. Cách giải quyếtn đã làm giảm vấn đề không?
- a. Bộ khung tổ chức - ví dụ, nguyên tắc đánh giá.
- b. Mô tả có hệ thống về đánh giá:
- Việc ứng phó có được thực hiện theo kế hoạch không?
 - Vấn đề có thay đổi không?
 - Tại sao có khả năng phản ứng đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự thay đổi.

- Mức độ dịch chuyển, khuếch tán và các tác dụng phụ khác.

c. Ý nghĩa cho hành động tiếp theo:

- Nỗ lực giải quyết vấn đề này đã hoàn thành chưa?
- Những hành động tiếp theo là cần thiết?
- Có nên tiến hành phân tích sâu hơn không?
- Có nên thay đổi câu trả lời?

d. Bản tóm tắt.

Bước 55: Lập các bản đồ rõ ràng

Bản đồ có vai trò quan trọng trong việc kể những câu chuyện hấp dẫn về các vấn đề. Nhưng họ cần phải rõ ràng để thực hiện được điều này. Nghĩa là, bản đồ phải chứa càng nhiều thông tin liên quan càng tốt và không có thông tin không liên quan. Hiện có sẵn một số hướng dẫn về các nguyên tắc vẽ bản đồ tốt (*xem minh họa và Đọc thêm*).

Chúng tôi sẽ minh họa việc sử dụng bản đồ để kể chuyện bằng một bộ bản đồ từ một dự án giải quyết vấn đề do Cảnh sát Na Uy thực hiện. Hình 1 và 2 minh họa cách sử dụng bản đồ để mô tả các vấn đề và giải pháp. Johannes Knutsson, thuộc Học viện Cảnh sát Quốc gia Na Uy, và Knut-Erik Svik, thuộc Khu Cảnh sát Vestfold, đang cố gắng giải quyết vấn đề taxi bất hợp pháp (“gypsy”) ở một thị trấn nhỏ ven biển Tnsberg (dân số 36.000 người). Vào cuối tuần, 30 cơ sở uống rượu thu hút rất đông người dân di chuyển qua lại trên đường cao tốc, vì vậy đường cao tốc đóng cửa vào tối thứ Sáu và thứ Bảy. Khu vực đỗ xe cũng đóng cửa. Tuy nhiên, taxi và xe buýt hợp pháp có thể di chuyển dọc theo đường cao tốc. Những chiếc taxi “gypsy” không có giấy phép đã chiếm phần lớn hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực này, một phần là do đe dọa những người điều hành taxi được cấp phép. Một số tội ác nghiêm trọng đã được quy cho những người lái những chiếc taxi bất hợp pháp này và họ là đối tượng của nhiều đơn khiếu nại.

Bối cảnh của vấn đề được thể hiện trên hai bản đồ trong Hình 1. Bảng bên trái là bản đồ đường phố. Nó hiển thị nhiều tính năng không liên quan đến vấn đề và không hiển thị nhiều tính năng quan trọng. Bảng bên phải là phiên bản được chỉnh sửa kỹ lưỡng của bản đồ này. Nó chỉ chứa các tính năng có liên quan của bản đồ cơ sở và thêm các tính năng quan trọng bị bỏ qua, mang lại một bức tranh rõ ràng hơn về bối cảnh.

Hình 2 chứa hai bản đồ tóm tắt kết luận từ phân tích và các đặc điểm quan trọng của phản hồi. Bản đồ bên trái hiển thị các tuyến đường di chuyển chính của các tài xế taxi gypsy. Những chiếc taxi gypsy tận dụng rào chắn trên đường và bãi đậu xe để đón khách. Bản đồ này cũng cho thấy bến xe buýt và bến taxi (hợp pháp) quá xa người dân sử dụng khu vực. Khi các quán bar đóng cửa sau 3 giờ sáng, nhu cầu vận chuyển rất lớn và những chiếc taxi bất hợp pháp đang ở vị trí tốt nhất để đáp ứng nhu cầu. Bản đồ phản hồi ở bên phải Hình 2 cho thấy hàng rào trên đường cao tốc đã được di chuyển như thế nào để ngăn xe taxi gypsy tiếp cận khách hàng tiềm năng, các bãi đậu xe bị phong tỏa vào đêm khuya để ngăn những chiếc xe này vào, và bến xe hợp pháp và bến xe buýt như thế nào chuyển đến những địa điểm thuận tiện hơn cho khách hàng. Bản đồ này là một phần quan trọng của quá trình đánh giá (*Bước 46*).

Đặt cùng với nhau, ba bản đồ này minh họa rõ ràng bản chất của vấn đề và những gì đã được thực hiện để giải quyết vấn đề đó. Kết quả của dự án này là gần như đã loại bỏ được vấn đề taxi gypsy ở Tnsberg mà không làm gia tăng tình trạng hỗn loạn.

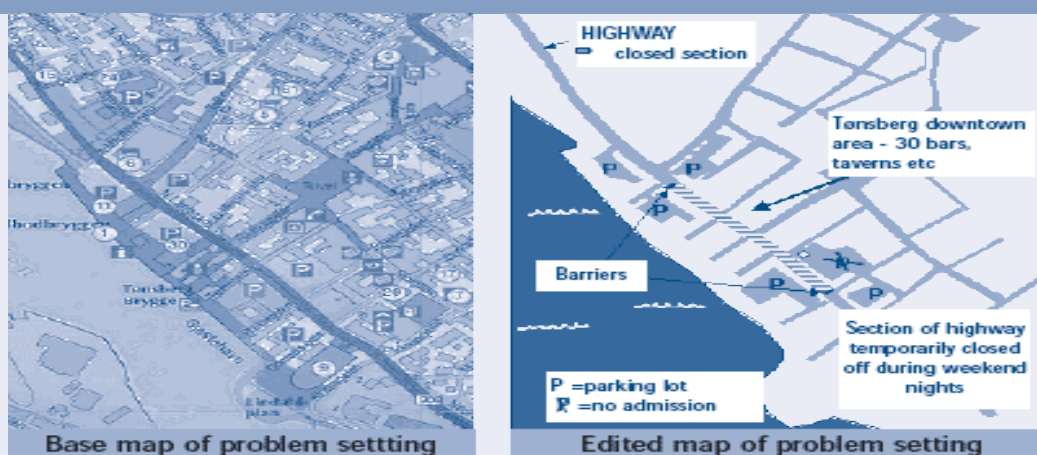
Knutsson và Svik chú thích rất nhiều vào những bản đồ này để hiển thị những đặc điểm mà một hệ thống thông tin địa lý điển hình sẽ không hiển thị. Đây là thực hành tốt. Nhiều thông tin về các vấn đề không có trong máy tính.

Tuy nhiên, vẫn còn thiếu một số tính năng của bản đồ tốt. Không có hướng la bàn. Tuy nhiên, phương hướng không đóng vai trò gì trong vấn đề nên sự vắng mặt của nó không làm giảm đi sự rõ ràng của bản đồ. Ngoài ra còn thiếu một tỷ lệ hiển thị kích thước tương đối của các đối tượng địa lý trên bản đồ. Điều này cản trở sự hiểu biết của những người không quen thuộc với khu vực này.

Tạo những bản đồ hữu ích

1. Biết thông tin nào khán giả của bạn sẽ thấy hữu ích (và thông tin nào gây nhầm lẫn).
2. Giữ bản đồ đơn giản. Loại bỏ tất cả các tính năng không góp phần hiểu được vấn đề.
3. Tránh đồ họa thu hút sự chú ý nhiều hơn đến dữ liệu.
4. Bao gồm các chi tiết giúp người xem hiểu được vấn đề, ngay cả khi điều đó có nghĩa là thêm thông tin này bằng tay.
5. Bao gồm một thang đo và, nếu cần, hướng la bàn (thường là hướng Bắc ở trên cùng).
6. Sử dụng sự chuyển màu có ý nghĩa để thể hiện cường độ của các điểm nóng. Ví dụ, màu hiển thị ngày càng nóng (vàng đến đỏ) khi vấn đề trở nên trầm trọng hơn.
7. Áp dụng đúng chiều hướng tập trung tội phạm: dấu chấm cho địa điểm (và đôi khi là nạn nhân); tuyến đường tập trung dọc đường phố, đường cao tốc; và các khu vực lân cận.
8. Tận dụng các bảng và hình cùng với bản đồ.

Hình 1: Xác định vấn đề và hiển thị cài đặt của nó



Chú thích:

Base map of problem setting: Bản đồ gốc về các sự việc;

Edited map of problem setting: Bản đồ điều chỉnh về các sự việc;

Highway: đường cao tốc;

Closed section: Đóng đường;

Barriers: Các rào chắn;

Section of highway temporarily closed off during weekend nights: Các đường đóng tạm thời trên cao tốc các tối cuối tuần;

Tnsberg downtown area: Khu vực thương mại Tnsberg;

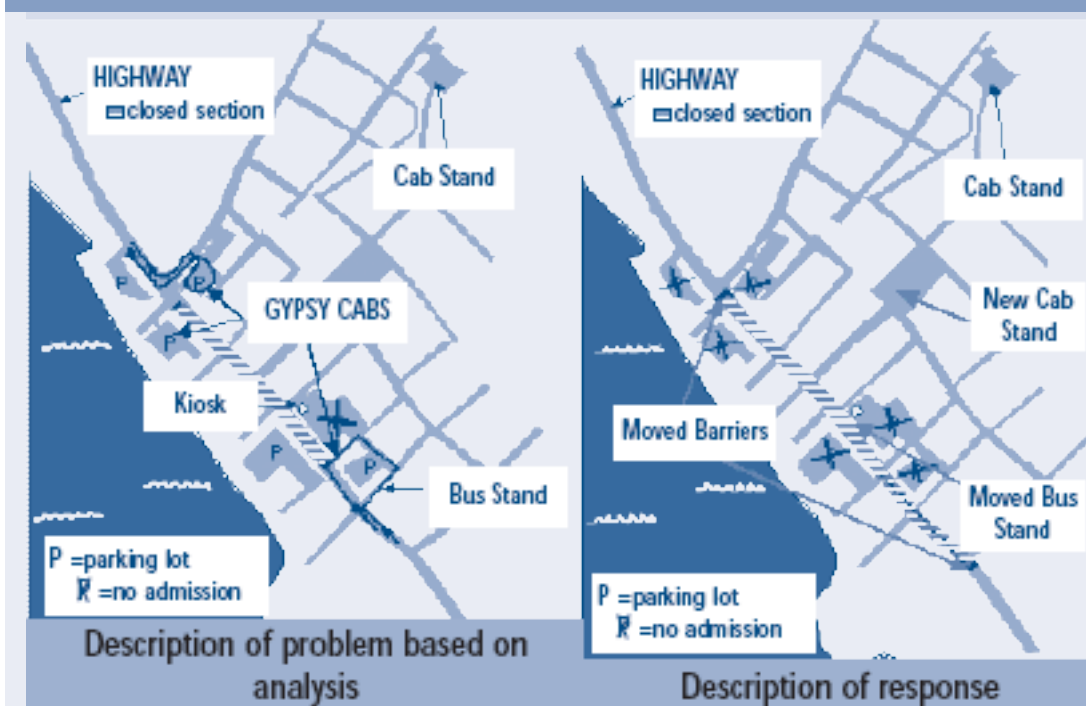
Bars: quán Bar;

Taverns: Quán rượu;

Parking lot: Vị trí đậu xe;

No Admission: Không được phép đậu xe

Hình 2: Phân tích vấn đề và hiển thị phản hồi



Chú thích:

Highway: đường cao tốc;

Closed section: Đóng đường;

Kiosk: Các cửa hàng;

Gypsy cabs: Taxi bất hợp pháp;

Cab stand: Khu vực taxi;

Bus stand: Khu vực xe buýt;

New cab stand: Khu vực Taxi mới;

Moved barriers: Di chuyển các rào chắn;

Moved bus stand: Di chuyển khu vực xe buýt;

Parking lot: Vị trí đậu xe;

No Admission: Không được phép đậu xe

Đọc thêm

- Boba, Rachel (2005) *Phân tích tội phạm và lập bản đồ tội phạm: Giới thiệu*. Thousand Oaks, CA: Ấn phẩm Sage.
- Harries, Keith (1999). *Lập bản đồ tội phạm: Nguyên tắc và thực hành*. Washington, DC: Viện Tư pháp Quốc gia, Trung tâm Nghiên cứu Bản đồ Tội phạm.
- Knutsson, Johannes và Knut-Erik Svik (2004) Xe taxi giang hồ ở Tnsberg. Gửi tới Giải thưởng Herman Goldstein. (có thể truy cập tại www.popcenter.org)
- Jerry Ratcliffe có danh sách các mẹo lập bản đồ tại: www.jratcliffe.net

Bước 56: Sử dụng các bảng biểu đơn giản

Các bảng biểu là công cụ hiệu quả để kể một câu chuyện hấp dẫn nếu chúng được làm đơn giản. Nhưng phần mềm được sử dụng để tạo bảng sẽ bổ sung thêm cách đóng gói không cần thiết và gây mất tập trung - các dòng và nhãn được sử dụng để diễn giải dữ liệu - và các nhà phân tích không phải lúc nào cũng sắp xếp các bảng theo cách có ý nghĩa trực quan.

Giả sử rằng bạn đang cố chứng tỏ rằng cách trưng bày bia góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc trộm bia từ các cửa hàng. Một số cửa hàng trưng bày bia gần lối vào phía trước và một số ở phía sau. Bạn đang cố gắng chứng tỏ rằng các cửa hàng trưng bày phía sau ít xảy ra vụ trộm bia hơn những cửa hàng có quầy trưng bày ở phía trước. Bảng 1 đang cho thấy thông điệp này. Dữ liệu được tổ chức kém và bao bì gây mất tập trung.

Bảng 2 tổ chức dữ liệu hợp lý. Tỷ lệ phần trăm được coi là trung tâm của câu chuyện. Bởi vì những con số thô không kể lên câu chuyện chính nhưng có thể hữu ích cho người đọc muốn xem xét kỹ hơn nên chúng được coi là phụ thuộc bằng cách đặt chúng trong ngoặc. Cuối cùng, thay vì tỷ lệ phần trăm theo hàng (như trong bảng đầu tiên), Bảng 2 sử dụng tỷ lệ phần trăm theo cột.

Bất cứ khi nào chúng ta xem xét một mối quan hệ trong đó điều gì đó có thể gây ra điều gì đó khác, cách tốt nhất là ghi nguyên nhân vào các cột và sử dụng tỷ lệ phần trăm trong cột. Sau đó, thực hiện so sánh giữa các hàng. Ở đây, chúng ta thấy ngay rằng 29% cửa hàng trưng bày phía trước không có vụ trộm nào so với gần 83% cửa hàng trưng bày phía sau. Ở thái cực ngược lại, gần 46% các cửa hàng trưng bày

phía trước có ba vụ trộm trở lên, nhưng không có cửa hàng trưng bày phía sau nào xảy ra trường hợp này.

Bảng 2 có ít những thông số được giới thiệu hơn. Những đường viền đậm đã được loại bỏ và thay thế bằng những đường kẻ mỏng. Bên trong, dòng duy nhất còn lại ngăn cách tiêu đề với nội dung. Thay vì các dòng, khoảng trắng được sử dụng để hướng mắt người đọc qua các hàng và các cột. Bằng cách thông báo cho người đọc trong tiêu đề rằng các số quan trọng là tỷ lệ phần trăm (và số nguyên nằm trong ngoặc), không cần phải đưa ký hiệu phần trăm vào mỗi ô. Chỉ còn lại tổng số cột. Điều này cho người đọc biết rằng tổng quan trọng là theo chiều dọc. Cuối cùng, tất cả tỷ lệ phần trăm được làm tròn đến một chữ số thập phân, do đó cho phép các số liệu cột thẳng hàng, giúp việc giải thích dễ dàng hơn. Với tất cả những thay đổi này, phần lớn nội dung của bảng là dữ liệu chứ không phải sự giới thiệu về những thông số có ý nghĩa.

Một vấn đề thường có nhiều nguyên nhân. Mặc dù các bảng có thể được xây dựng để hiển thị số lượng lớn các nguyên nhân, nhưng một bảng sẽ truyền đạt kém khi bạn kiểm tra nhiều hơn hai nguyên nhân. Các nguyên tắc cơ bản của việc xây dựng bảng vẫn giữ nguyên:

- Tất cả các nguyên nhân đều đi theo cùng một hướng (thường là các cột).
- Tổng kết đi theo hướng của nguyên nhân (cột xuống).
- Việc so sánh các nguyên nhân diễn ra theo hướng ngược lại (theo hàng, nếu nguyên nhân nằm trong cột).

Bảng 3 được gọi là bảng ba chiều vì ba thứ được kiểm tra (các bảng trước đó là bảng hai chiều). Bảng 3 trả lời câu hỏi: mối quan hệ giữa vị trí trưng bày và hành vi trộm cắp có khác nhau đối với hai chuỗi cửa hàng khác nhau (Drink-Lots và Tippers).

Câu trả lời là không phải vậy. Có mô hình cơ bản giống nhau cho cả hai chuỗi mà chúng ta đã thấy trong Bảng 2. Trong cả hai trường hợp, chúng tôi tính tổng cột và so sánh các cửa hàng trưng bày phía trước với các cửa hàng trưng bày phía sau. Điều này ngụ ý rằng bất kỳ cửa hàng nào trưng bày bia ở phía sau sẽ ít bị trộm hơn, bất kể nó thuộc chuỗi nào.

Trong thực tế, Bảng 3 giữ nguyên loại cửa hàng. Các yếu tố khác có thể được giữ không đổi nếu chúng ta cho rằng chúng quan trọng. Ví dụ: chúng tôi có thể nhóm các cửa hàng theo quy mô (nhỏ, vừa và lớn) và phân tích riêng biệt mối quan hệ giữa vị trí trưng bày và hành vi trộm cắp cho từng danh mục quy mô. Điều này sẽ yêu cầu ba bảng, nhưng nếu không thì các nguyên tắc tương tự sẽ được áp dụng.

Hãy lưu ý một số tính năng khác của Bảng 3:

- Nếu bạn cộng các số thô (trong ngoặc) trong các ô Drink-Lots vào các ô tương ứng của chúng trong Tipper, bạn sẽ nhận được số liệu thô trong Bảng 2. Nói cách khác, Bảng 2 là bản tóm tắt của Bảng 3. Nhưng bạn không thể suy ra Bảng 3 từ Bảng 2.
- Vì Bảng 3 chứa hai nguyên nhân có thể gây ra sự cố nên chúng tôi đã thêm một đường thẳng đứng để thu hút sự chú ý đến hai loại cửa hàng này.
- Nhãn hàng áp dụng cho cả hai loại cửa hàng, do đó không cần phải sao chép chúng.
- Do làm tròn tỷ lệ phần trăm, đôi khi chúng cộng lại thành hơn 100. Trong một số trường hợp, các tổng này có thể chỉ dưới 100, thường là 99,9. Những sai lệch nhỏ như vậy hiếm khi được quan tâm nhiều.

Sổ Tay 60 Bước Cơ bản Trong Phân Tích Tội Phạm

Nếu bạn thường xuyên tạo các bảng giống nhau cho cùng những người ra quyết định, hãy cho họ xem một số định dạng bảng khác nhau có cùng dữ liệu. Xác định định dạng nào giúp họ nhiều nhất và sau đó sử dụng định dạng tiêu chuẩn này.

Bảng 1: Địa điểm và nạn trộm bia (Tháng 6)

Vị trí hiển thị			
Số vụ báo cáo trộm cắp	Đằng trước	Ở phía sau	Tổng cộng
0	7 (17,5%)	33 (82,5%)	40
1-2	6 (46,15%)	7 (53,85%)	13
3 hoặc nhiều hơn	11 (100%)	0 (0%)	11
Tổng cộng	24 (37,5%)	40 (62,5%)	64

Bảng 2: Phần trăm cửa hàng có vụ trộm bia được báo cáo (Con số trong ngoặc)

Vị trí hiển thị		
Trộm cắp vào tháng sáu	Đằng trước	Ở phía sau
0	29,2 (7)	82,5 (33)
1-2	25,0 (6)	29,2 (7)
3 hoặc nhiều hơn	45,8 (11)	0,0 (0)
Tổng cộng	100 (24)	100,1 (40)

Bảng 3: Phần trăm cửa hàng có vụ trộm bia được báo cáo theo chuỗi bán lẻ (Con số trong ngoặc)

Trộm cắp vào tháng sáu	Cửa hàng đồ uống		Cửa hàng xe di động		Cửa hàng đồ uống		Cửa hàng xe di động	
	Màn hình phía trước	Màn hình phía sau	Màn hình phía trước	Màn hình phía sau	Màn hình phía trước	Màn hình phía sau	Màn hình phía trước	Màn hình phía sau
0	30,8	(4)	84,2	(16)	27,3	(3)	81,0	(17)
1-2	23,1	(3)	15,8	(3)	27,3	(3)	19,0	(4)

Sổ Tay 60 Bước Cơ bản Trong Phân Tích Tội Phạm

3 hoặc nhiều hơn	46,2	(6)	0,0	(0)	45,5	(5)	0,0	(0)
Tổng cộng	100,1	(13)	100,0	(19)	100,1	(11)	100,0	(21)

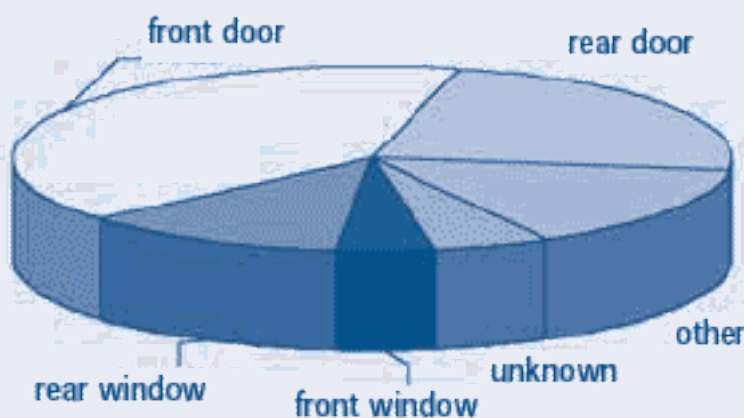
Bước 57: Sử dụng các bảng biểu đơn giản

Giống như bảng và bản đồ, số liệu và biểu đồ là những công cụ hiệu quả để truyền tải thông tin nhưng chỉ khi chúng được giữ đơn giản. Tất cả các số liệu bao gồm hai phần bao bì và nội dung. Nội dung chính là những thông tin bạn quan tâm truyền tải đến người khác. Mục đích của việc đóng gói là đảm bảo rằng nội dung có thể được diễn giải nhanh chóng, dễ dàng và chính xác. Đơn giản có nghĩa là giữ bao bì ở mức tối thiểu. Sai lầm phổ biến nhất là thêm các yếu tố cản trở câu chuyện. Để minh họa điều này, chúng ta bắt đầu bằng một ví dụ về một hình được thiết kế kém. Sau đó, chúng tôi sẽ chỉ ra cách các số liệu trở nên rõ ràng và mạnh mẽ hơn bằng cách làm cho chúng đơn giản hơn.

Hình 1 là biểu đồ tròn thể hiện cách kẻ trộm đột nhập vào nhà. Hình ảnh 3-D bóp méo thông điệp. Như chúng ta sẽ thấy sau, cửa ra vào là vấn đề lớn nhất và cửa sổ phía sau đứng thứ tư, sau "cái khác" là lối vào được lựa chọn của những tên trộm này. Hiệu ứng 3-D làm tăng tầm quan trọng của các lát cắt ở phía trước (trong ví dụ này là các cửa sổ phía trước, điểm ít có khả năng xâm nhập nhất) trong khi làm giảm tầm quan trọng của các lát cắt ở phía sau. Đặc điểm có giá trị duy nhất của biểu đồ hình tròn là nó cho thấy các bộ phận đóng góp như thế nào vào tổng thể. Điều này bị mất khi sử dụng hiệu ứng 3-D. Lưu ý rằng cần sử dụng nhiều sắc thái và kiểu dáng khác nhau để hiển thị sáu loại. Điều này làm tăng thêm sự lộn xộn.

Hình 2 cho thấy sự biến dạng mà hiệu ứng 3-D có thể tạo ra trong biểu đồ thanh. Việc so sánh chiều cao của thanh rất khó vì người ta phải chọn giữa cạnh trên trước và cạnh trên sau của thanh. Không bao giờ nên sử dụng hiệu ứng 3-D.

Hình 1: Phương thức đột nhập



Chú thích:

Front/rear door: Cửa trước/nách;

Front/rear window: Cửa sổ trước/nách;

Unknown: Không xác định;

Other: Khác

Biểu đồ này có một số tính năng khác khiến biểu đồ khó sử dụng: bóng bề mặt che đi sự tương phản giữa các thanh và nền, các nhãn thanh thừa và nhãn trục dọc cũng như các đường ngang gây mất tập trung. Khung xung quanh hình là không cần thiết.

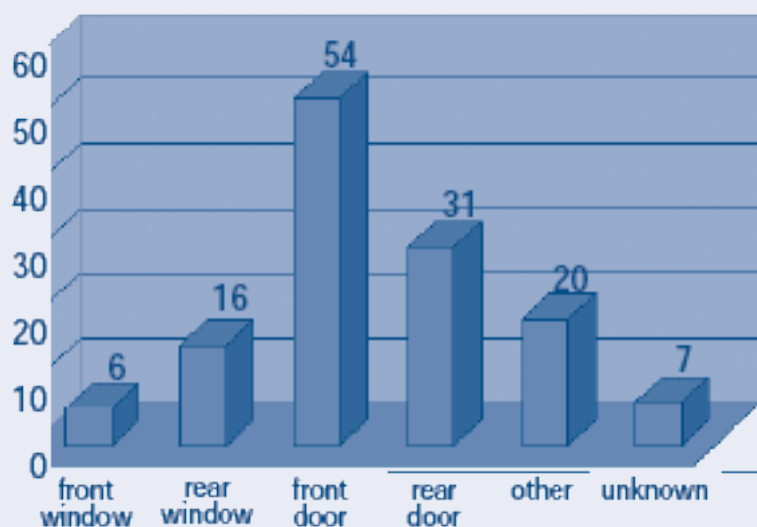
Biểu đồ thanh đơn giản trong Hình 3 truyền đạt thông tin rất hiệu quả vì tất cả các đặc điểm khó hiểu của Hình 2 đã bị loại bỏ. Nếu muốn mỗi thanh hiển thị tỷ lệ phần trăm chính xác, chúng ta có thể gắn nhãn cho các đỉnh của thanh. Nhưng sau đó chúng ta nên loại bỏ trục tung vì tính năng này truyền tải thông tin tương tự.

Ngoài ra, dữ liệu trong Hình 3 đã được sắp xếp lại. Thay vì số liệu thô về các vụ trộm, biểu đồ này hiển thị tỷ lệ phần trăm trên tổng số. Điều này truyền đạt hai điểm:

phương pháp nào được sử dụng thường xuyên hơn và mỗi phương pháp đại diện cho phần nào của tổng thể. Nếu bạn cần thể hiện sự đóng góp tương đối cho tổng thể, hãy sử dụng tỷ lệ phần trăm trong biểu đồ thanh thay vì biểu đồ hình tròn.

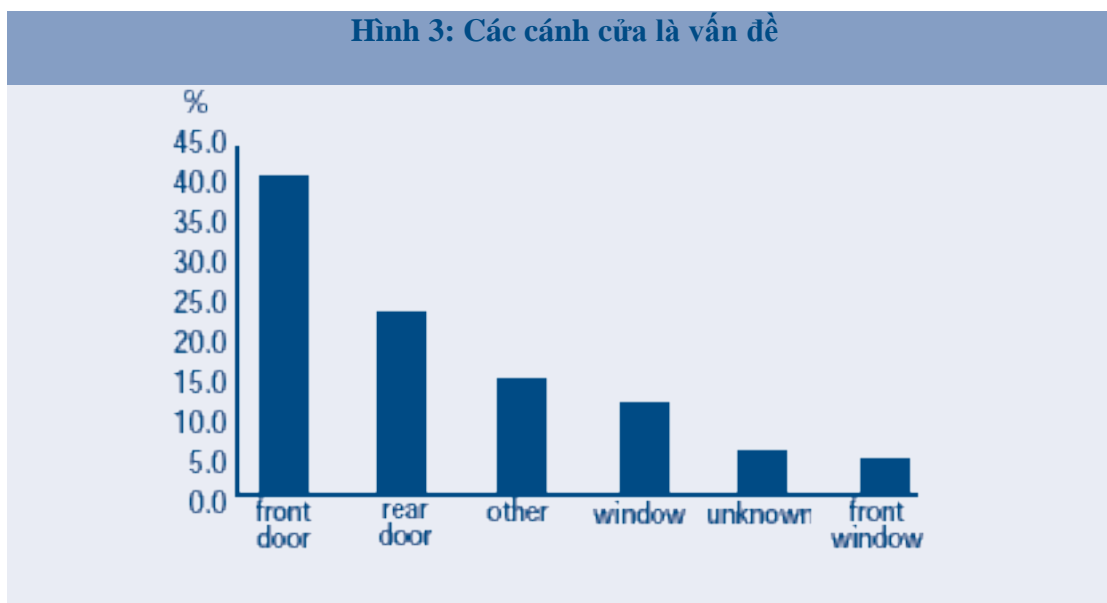
Một đặc điểm khác của Hình 3 là các danh mục được sắp xếp theo thứ tự có ý nghĩa: từ nhiều nhất đến ít nhất. Điều này chỉ ra nơi độc giả của bạn nên tập trung sự chú ý của họ. Thứ tự có ý nghĩa rất khó truyền đạt trong biểu đồ hình tròn vì nó không có điểm bắt đầu hoặc kết thúc rõ ràng. Thực sự không cần thiết phải sử dụng biểu đồ hình tròn vì biểu đồ thanh có thể giao tiếp tốt hơn. Khi bạn có dữ liệu theo danh mục, biểu đồ thanh sẽ đơn giản và hiệu quả.

Hình 2: Phương thức đột nhập



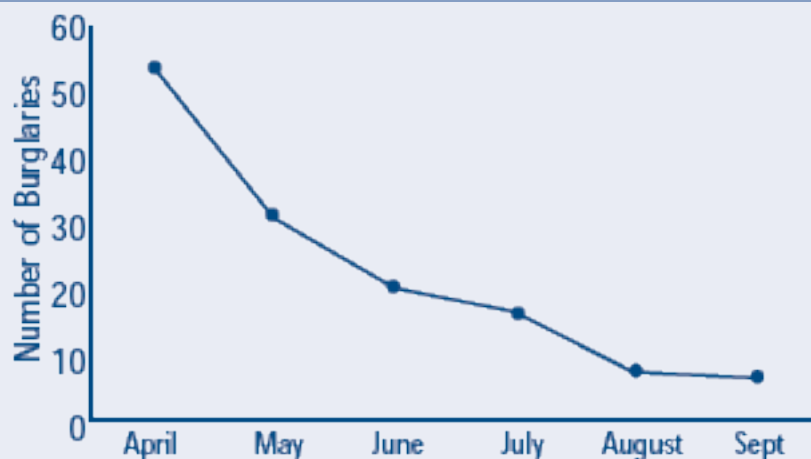
Đừng quên tiêu đề của hình. Trong Hình 3, tiêu đề đậm nét kể một câu chuyện. Điều này không chỉ thú vị hơn nhiều so với "Phương pháp thâm nhập", mà còn khiến câu chuyện trở nên rõ ràng. Nói tóm lại, Hình 3 có thể tự đứng vững. Không cần đọc bất kỳ văn bản đi kèm nào, người đọc sẽ hiểu được ý.

Hình cuối cùng mô tả một biểu đồ đường. Chúng thường được sử dụng khi theo dõi dữ liệu theo thời gian. Trong Hình 4, dữ liệu bao gồm 6 tháng. Các dấu chấm tượng trưng cho số vụ trộm và các đường biểu thị sự kết nối liên tục theo thời gian. Bạn nên gắn nhãn cho trục tung để hình vẽ tự truyền đạt câu chuyện. Trong hình này, nhìn thoáng qua chúng ta biết rằng trục tung biểu thị số vụ trộm chứ không phải tỷ lệ trộm.



Nếu bạn muốn hiển thị số lượng sự kiện ở mỗi khoảng thời gian, hãy gắn nhãn cho các dấu chấm nhưng hãy xóa trục tung: giờ đây nó đã trở nên dư thừa. Tuy nhiên, hãy cẩn thận. Nhãn số tại mọi thời điểm có thể làm cho biểu đồ khó đọc. Nếu nhiều biểu đồ được hiển thị trong cùng một hình (ví dụ: xu hướng trộm cắp ở một số quận cảnh sát), hãy đảm bảo rằng các đường khác nhau được đánh dấu rõ ràng và dễ dàng phân biệt trên biểu đồ.

Hình 4: Trộm cắp đang giảm dần



Chú thích:

Number of burglaries: Số vụ trộm cắp;

April-Sept: Tháng tư-Tháng chín

Thiết kế số liệu hiệu quả

- Giữ chúng đơn giản. Đừng đóng gói quá nhiều.
- Không sử dụng các hiệu ứng hời hợt như 3-D.
- Tránh biểu đồ hình tròn.
- Sử dụng biểu đồ thanh cho dữ liệu được phân loại.
- Sử dụng biểu đồ đường cho các xu hướng theo thời gian.
- Sử dụng nhãn hiệu quả.
- Chọn tiêu đề một cách cẩn thận.
- Hãy để họ tự đứng vững mà không cần sự trợ giúp từ văn bản.

Đọc thêm

- Kosslyn, Stephen (1994). Các yếu tố của thiết kế đồ thị. New York: Nhà xuất bản WH Freeman.

Bước 58: Tổ chức các bài thuyết trình hiệu quả

Bài thuyết trình nên bắt đầu bằng một câu hỏi cơ bản, sử dụng một khuôn khổ để chuyển qua phần mô tả các phát hiện và kết thúc bằng một loạt kết luận cụ thể (*xem Bước 54*). Tài liệu đồ họa phải được chuẩn bị theo hướng dẫn từ Bước 55 đến 57. Ở bước này, chúng tôi sẽ tập trung vào câu chuyện bạn đang kể. Ở Bước 59, chúng ta sẽ xem xét cách trình bày bài thuyết trình, bao gồm cả việc sử dụng PowerPoint.

Trọng tâm chính của bài thuyết trình của bạn phải là trả lời các câu hỏi cụ thể sẽ hỗ trợ việc ra quyết định và nó phải bao gồm những nội dung sau:

- Một tập hợp các slide được sắp xếp xung quanh câu chuyện của bạn.
- Mô-típ đồ họa hoặc trang trình bày phác thảo giúp khán giả tập trung vào câu chuyện.

Các slide minh họa cách trình bày các kết quả phân tích. Người dẫn chương trình, Trung sĩ Smith, có hai mục tiêu. Đầu tiên là trả lời câu hỏi “Điều gì gây ra vấn đề này?” Thứ hai là mở ra một cuộc thảo luận về các phản ứng có thể có. Slide tiêu đề đặt câu hỏi (và giới thiệu người trình bày). Phần này và các slide từ 2 đến 4 tạo thành phần giới thiệu. Trang trình bày 2 củng cố một tập hợp các điểm đã được thống nhất làm nền tảng cho nội dung tiếp theo. Slide 3 tóm tắt cách trình bày và slide 4 tóm tắt việc thu thập dữ liệu.

Khung này được trình bày trong slide thứ năm. Thượng sĩ Smith sử dụng tam giác tội phạm. Anh ấy đưa ra tất cả những phát hiện tiếp theo về tam giác này. (Lưu ý rằng điều này chỉ hiệu quả nếu khán giả của Smith đã quen thuộc với hình tam giác. Nếu không, Smith nên sử dụng một bộ khung khác). Để củng cố thông điệp này và để khán giả không bị lạc lối, Sgt. Smith sử dụng mô-típ hình tam giác trong suốt quá trình

trình bày các phát hiện, với những sửa đổi nhỏ nhưng quan trọng: phần bóng mờ và màu sắc thay đổi khi các slide di chuyển từ mục tiêu và người giám hộ, đến các địa điểm và người quản lý cũng như đến người phạm tội và người xử lý. Mũi tên tròn trong slide 5 biểu thị thứ tự ngược chiều kim đồng hồ trong đó Sgt. Smith sẽ trình bày những phát hiện. Vì vậy, trong slide này, Sgt. Smith đã đồng thời mô tả khuôn khổ của mình và đưa ra phác thảo về những phát hiện chính.

Các slide từ 6 đến 13 trình bày các bảng, hình và bản đồ giúp khán giả biết về các yếu tố được mô tả trong khung. Biểu đồ thanh có thể hiển thị các hành động được sử dụng để bảo vệ mục tiêu. Bản đồ vị trí có thể hiển thị những nơi có vấn đề đặc biệt phổ biến so với những nơi không có vấn đề. Hình ảnh có thể hiển thị các tính năng đặc biệt quan trọng của các trang web này. Một bảng có thể cho thấy tần suất người phạm tội bị bắt giữ.






Slide số 14 tóm tắt những phát hiện này. Ở đây, hình tam giác thể hiện tất cả các cạnh được tô bóng, củng cố quan điểm rằng những phát hiện riêng biệt là một phần của một tổng thể lớn hơn. Các slide cuối cùng liệt kê các phương án phản hồi phù hợp với kết quả phát hiện và các phương án không nhất quán. Mặc dù Thượng sĩ Smith đưa ra ý kiến chuyên môn của mình, những slide cuối cùng này nhằm mục đích mở ra một cuộc thảo luận dựa trên những phát hiện trước đó. Người ra quyết định là người có tiếng nói cuối cùng trong vấn đề này.

Điều quan trọng là giữ cho khán giả của bạn tập trung vào câu chuyện lớn hơn và không bị lạc vào các chi tiết. Hai phương pháp để thực hiện điều này là sử dụng mô-típ liên tục (như hình tam giác trong hình) hoặc trang chiếu phác thảo được đánh dấu. Khi sử dụng slide dàn bài, dàn bài được hiển thị trước mỗi chủ đề. Chủ đề sắp trình bày

được đánh dấu trên dàn ý và các chủ đề khác được làm mờ đi. Trong bài trình bày của Thượng sĩ Smith, slide phác thảo sẽ được chiếu bốn lần, trước mỗi chủ đề chính.

Bản phân phát các slide của bạn rất hữu ích nhưng có một số hạn chế. Bạn có thể thực hiện những thay đổi vào phút cuối trên các slide dễ dàng hơn so với trong các tài liệu phát tay. Nếu bạn mong đợi những thay đổi lớn vào phút cuối, tài liệu phát tay có thể không tương ứng với hình ảnh. Các slide màu thường không thể đọc được khi sao chụp đen trắng. Nếu bạn đang sử dụng PowerPoint thì tùy chọn "thuần đen trắng" trong mục "In ấn" sẽ tạm thời chuyển các trang chiếu màu của bạn sang đen trắng để in ra giấy.

Hầu hết những người ra quyết định không quan tâm nhiều đến các phương pháp bạn sử dụng để phân tích vấn đề của mình như bạn. Vì vậy, đừng dành nhiều thời gian để mô tả các phương pháp của bạn, trừ khi đây là mục tiêu của bài thuyết trình. Thay vào đó, hãy tóm tắt các yếu tố chính (xem slide 4). Bạn có thể chuẩn bị các slide riêng biệt về các phương pháp đã được hiệu đính để giải thích nếu khán giả có thắc mắc về phương pháp của bạn.

<p>1 <i>What Causes the XYZ Problem ?</i></p> <p><i>Sgt. Rodney Smith</i> <i>Problem Analysis Section</i></p>	<p>2 <i>What is the XYZ Problem ?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + High number of reported X events. + Concentrated in sector Y. + First documented in 1986. + Does not respond well to enforcement. + Common to other police forces.
<p>3 <i>This Presentation Shows</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Data sources used - How the data was organized - Why we have this problem - Possible responses 	<p>4 <i>Analysis of XYZ Problem</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Undertaken by Problem Analysis Section + Data from a Variety of Sources <ul style="list-style-type: none"> -Reported X events -Interviews with Merchants & Shoppers -Offender Interviews -Review of CCTV recordings + Experts from other Police Forces
<p>5 <i>Elements of the XYZ Problem</i></p> 	<p>6-13</p> <ul style="list-style-type: none">  Slides describing targets and guardians  Slides describing places and managers  Slides describing offenders and handlers
<p>14 <i>Causes of the XYZ Problem</i></p>  <p>A bulleted summary of the previous slides</p>	<p>15 <i>Inconsistent Responses</i></p> <p>Targets and Handlers</p> <ol style="list-style-type: none"> a. b. <p>Places and Managers</p> <ol style="list-style-type: none"> a. b. <p>Offenders and Handlers</p> <ol style="list-style-type: none"> a. b.
<p>16 <i>Consistent Responses</i></p> <p>Targets and Handlers</p> <ol style="list-style-type: none"> a. b. <p>Places and Managers</p> <ol style="list-style-type: none"> a. b. <p>Offenders and Handlers</p> <ol style="list-style-type: none"> a. b. 	

Chú thích:

Slide 1: What causes the XYZ problems: Trang số 1: Những Nguyên nhân nào của vấn đề XYZ

Sgt. Rodney Smith, Problem Analysis Section: Thượng sĩ Rodney Smith, Bộ phận phân tích vấn đề

Slide 2: What is the XYZ problem?: Trang số 2: Vấn đề XYZ là gì

- High number of reported X events: Nhiều báo cáo về sự kiện X
- Concentrated in sector Y: Tập trung nhiều vào yếu tố Y
- First document in 1986: Tài liệu đầu tiên ghi nhận vào năm 1986
- Does not respond well to enforcement: Thực thi pháp luật xử lí chưa được tốt

Slide 3: This presentation shows: Trang số 3: Bày trình bày này cho thấy

- Data sources used: Các nguồn dữ liệu đã được sử dụng
- How the data was organised: Các dữ liệu đã được tổ chức thế nào
- Why we have this problem: Tại sao chúng ta có vấn đề này
- Possible responses: Các hướng có thể giải quyết

Slide 4: Analysis of XYZ problem: Trang số 4: Phân tích các vấn đề XYZ

- Undertaken by problem analysis section: Đã được thực hiện bởi bộ phận phân tích các vấn đề
- Data from a variety of sources: Dữ liệu được xây dựng từ nhiều nguồn
 - Reported X events: Báo cáo các sự kiện X
 - Interviews with Merchants & Shoppers: Các cuộc phỏng vấn với người bán hàng và người bán buôn
 - Offender interviews: Các phỏng vấn với người phạm tội
 - Review of CCTV recordings: Đánh giá các bản ghi từ truyền hình mạch kín
- Experts from other police forces: Các chuyên gia từ lực lượng cảnh sát khác

Slide 5: Elements of the XYZ problem: Trang số 5: Những yếu tố của vấn đề XYZ

Handlers/Managers/Guardians: Người xử lý/Người quản lý/Người giám hộ

Offenders/Places/Targets: Đối tượng phạm tội/Các địa điểm/Các mục tiêu

Slide 6-13: Trang số 6-16

- Slides describing targets and guardians: Những trang miêu tả về các mục tiêu và người giám hộ
- Slides describing places and managers: Những trang miêu tả về các địa điểm và những người quản lý
- Slides describing offenders and handlers: Những trang miêu tả về đối tượng phạm tội và người xử lý

Slide 14: Causes of the XYZ problem: Trang số 14: Những nguyên nhân của vấn đề XYZ

A bulleted summary of the previous slides: Một vài điểm tóm tắt lại các trang trước

Slide 15: Inconsistent responses: Trang số 15: Những các giải quyết không nhất quán

- Targets and handlers: Những mục tiêu và người xử lý
 - a
 - b
- Places and managers: Các địa điểm và người quản lý
 - A
 - B
- Offenders and handlers: Đối tượng phạm tội và người xử lý
 - A
 - B

Slide 16: Consistent responses: Trang số 16: Những giải quyết nhất quán

- Targets and handlers: Những mục tiêu và người xử lý
-

- a
- b
- Places and managers: Các địa điểm và người quản lí
 - A
 - B
- Offenders and handlers: Đối tượng phạm tội và người xử lí
 - A
 - B

Đọc thêm

- RAND, Hướng dẫn chuẩn bị các báo cáo tóm tắt, Santa Monica, CA, 1996, <http://www.rand.org/publications/CP/CP269/CP269.pdf>
- Ratcliffe, Jerry H, (2004) "Mười mẹo lập bản đồ tội phạm hàng đầu của Jerry." <http://www.jratcliffe.net/papers/Jerry%27s%20top%20ten%20mapping%20tips.pdf>

Bước 59: Trở thành người thuyết trình hiệu quả

Tất cả các chuyên gia đều được yêu cầu phải thuyết trình và kỹ năng thuyết trình đang trở nên quan trọng như khả năng viết tốt. Chìa khóa để có một bài thuyết trình tốt là sự chuẩn bị kỹ lưỡng. Những điểm sau đây đến từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm cả kinh nghiệm của chính chúng tôi - tốt và xấu.

Sự chuẩn bị

Đừng bao giờ cố gắng "phó mặc cho nó". Ngay cả những người thuyết trình có kinh nghiệm cũng thường lo lắng, vì vậy đừng lo lắng về cảm giác bồn chồn trước khi thuyết trình. Sự chuẩn bị kỹ lưỡng giúp kiểm soát thần kinh.

1. Biết chủ đề của bạn.
2. Biết khán giả của bạn, bao gồm cả những người khác đang trình bày.
3. Thiết lập độ dài bài thuyết trình.
4. Chuẩn bị hoàn thành sớm vài phút nhưng hãy dành toàn bộ thời gian nếu bạn cần.
5. Luyện tập cách trình bày và tính thời gian cho nó.
6. Luyện tập lại, nếu cần thiết.

Kiểm tra phòng vào ngày thuyết trình

Đảm bảo rằng bạn hiểu môi trường thuyết trình của mình sẽ hoàn thành được ba mục tiêu. Đầu tiên, nó giúp bạn không bị ngạc nhiên. Thứ hai, nó cho phép bạn lập kế hoạch dự phòng. Thứ ba, nó giúp bạn giữ bình tĩnh. Điều này đặc biệt đúng khi bạn trình bày tại một hội nghị hoặc một số địa điểm khác bên ngoài cơ quan của bạn. Cơ sở tổ chức hội nghị của khách sạn có sự khác biệt đáng kể trong cách bố trí.

1. Thiết bị bạn cần đã sẵn sàng chưa?
 - Bảng lật
 - Bảng đen/trắng
 - Phấn/bút đánh dấu
 - Máy chiếu
 - Cái mic cò rô
 - Con trỏ laser
 - Bạn có biết cách sử dụng thiết bị không?
 - Bạn đã thử nó chưa?
 - Bạn có biết cách triệu tập kỹ thuật viên không?
 - Bạn có biết cách làm mờ đèn không?
 - Có phần nào của căn phòng mà khán giả sẽ khó nhìn hoặc nghe thấy bạn không?

Máy chiếu

Thiết bị thuyết trình hiện đại vừa phức tạp vừa dễ bị hỏng hóc. Hãy chắc chắn rằng bạn biết nó hoạt động như thế nào và có kế hoạch dự phòng. Nếu thời gian cho phép, chúng tôi luôn tiến hành chạy thử với các thiết bị trong phòng. Và trong quá trình chạy thử này, chúng tôi nhận thấy việc ngồi ở các phần khác nhau của phòng và xem các slide phức tạp nhất là rất hữu ích. Ngay cả khi bạn không thể điều chỉnh, bạn vẫn có thể cảnh báo trước cho khán giả của mình sau này. (Ví dụ: "Những người ở bên trái có thể muốn di chuyển đến giữa vì có một số đồ họa khó nhìn thấy từ các ghế ngoài cùng bên trái").

1. Xác định vị trí máy chiếu ở vị trí tốt nhất cho khán giả và chính bạn.
2. Hãy chắc chắn rằng nó không chặn tầm nhìn của màn hình.

3. Nếu cần, hãy nhận trợ giúp về cách trình bày các slide.
4. Đảm bảo các slide có thể được đọc từ phía sau phòng.
5. Kéo rèm hoặc rèm nếu cần thiết.
6. Đừng bao giờ cho rằng mọi thứ sẽ diễn ra theo đúng kế hoạch!

Phong cách trình bày

Mặc dù hiểu biết về tài liệu là rất quan trọng nhưng bạn cần phải có phong cách được khán giả đánh giá cao. Tối thiểu, hãy đảm bảo khán giả không phải nỗ lực vượt qua phong cách của bạn để hiểu bài thuyết trình của bạn. Đối xử với khán giả của bạn bằng sự tôn trọng là vô cùng quan trọng.

1. Đừng đọc bài báo của bạn ngay cả khi bạn đã cung cấp một phiên bản bằng văn bản.
2. Nói từ ghi chú (sử dụng thẻ giúp bạn không bị mất vị trí).
3. Bắt đầu một cách lịch sự (cảm ơn chủ tọa, giới thiệu bản thân, chào khán giả, v.v.)
4. Nếu có thể, hãy đứng lên và phát biểu (điều này giúp kiểm soát khán giả).
5. Đối với những bài thuyết trình dài, bạn có thể thay đổi vị trí đứng (nhưng đừng đi lại không ngừng nghỉ)
6. Không chặn tầm nhìn của khán giả đối với hình ảnh slide.
7. Hãy chắc chắn rằng bạn có thể được nghe thấy.
8. Đừng nói quá nhanh (khoảng 120 từ mỗi phút là tốt).
9. Duy trì giao tiếp bằng mắt với khán giả (nhưng không chỉ một người!).
10. Đảm bảo khán giả của bạn biết khi nào là thời điểm thích hợp để đặt câu hỏi - trong hoặc sau buổi thuyết trình.

11. Lặp lại câu hỏi để người khác có thể nghe, trả lời ngắn gọn và hỏi người hỏi xem bạn đã giải quyết được câu hỏi của họ chưa.
12. Đảm bảo tài liệu phát tay rõ ràng (và bạn có đủ).
13. Kết thúc đúng giờ.
14. Hãy cố gắng tận hưởng chính mình!

Phần mềm thuyết trình

PowerPoint và các phần mềm trình bày tương tự khác cho phép khán giả nhận thông tin đồng thời ở hai chế độ: trực quan và thính giác. Do đó, họ có nhiều khả năng hiểu và ghi nhớ những điểm chính. Có bốn mối nguy hiểm từ các bài thuyết trình điện tử. Đầu tiên, chúng có thể dẫn đến những bài thuyết trình được tiêu chuẩn hóa và nhanh chóng trở nên nhàm chán đối với những khán giả sành sỏi hơn. Thứ hai, chúng có thể trở nên phức tạp đến mức khán giả chú ý đến phương tiện truyền thông hơn là thông điệp. Thứ ba, sự cố trở nên phổ biến và phức tạp hơn. Thứ tư, họ có thể ngăn chặn các câu hỏi từ khán giả. Việc xem bạn sửa chữa một chương trình đa phương tiện hoành tráng sẽ khiến khán giả của bạn chán nản và lãng phí thời gian. Hãy nhớ nguyên tắc KIS: Keep It Simple (Giữ nó đơn giản).

1. Đừng đọc các slide - bài nói của bạn không nên chỉ lặp lại các slide.
2. Hãy nhìn vào khán giả - không phải vào các slide của bạn!
3. Bắt đầu với tiêu đề của bài thuyết trình, tên và cơ quan liên kết của bạn (nhưng không phải bằng cấp của bạn).
4. Chỉ sử dụng một hình thức chuyển tiếp slide xuyên suốt và chỉ sử dụng một chuyển tiếp đơn giản để không làm khán giả mất tập trung vào những điểm chính của bạn.

Các slide PowerPoint riêng lẻ

Giữ mỗi slide đơn giản. Rất nhiều văn bản trên một slide rất khó đọc. Mục tiêu của bạn là làm cho mỗi slide có tính điện báo. Mỗi slide nên tập trung sự chú ý vào một điểm quan trọng và tránh gây xao lãng từ điểm đó. Vì vậy hãy làm cho chúng dễ đọc và dễ hiểu.

1. Chỉ có một điểm.
2. Trình bày vừa đủ chi tiết để giải quyết vấn đề và không hơn thế nữa.
3. Tránh các hiệu ứng âm thanh, hoạt ảnh, phong chữ và chuyển tiếp gây mất tập trung.
4. Sử dụng nền tối (ví dụ: xanh đậm) và màu sáng cho văn bản (ví dụ: màu vàng).
5. Sử dụng phong chữ lớn và màu sắc tương phản (không xung đột, ví dụ: màu xanh lam và màu cam đậm là xung đột, nhưng màu xanh lam và màu vàng lại tương phản).
6. Tránh những đường nét và chữ mảnh không thể dễ dàng phân biệt được với nền. Đây có thể là một vấn đề cụ thể với biểu đồ đường và bản đồ.
7. Tránh sử dụng quá nhiều màu đỏ - bạn nên sử dụng màu đỏ có chọn lọc để nhấn mạnh những điểm quan trọng.
8. Sử dụng đồ họa trực quan hơn là từ ngữ khi có thể.
9. Sử dụng hình ảnh, bản đồ, số liệu và bảng biểu rõ ràng và đơn giản.
10. Sử dụng các cụm từ có dấu đầu dòng ngắn, không phải các câu tường thuật, trên biểu đồ từ.
11. Đảm bảo rằng mỗi dấu đầu dòng đều liên quan đến điểm chính của slide.

Cuối cùng, hãy an toàn

Giả sử mọi việc sẽ đi sai hướng! Nếu máy chiếu bị lỗi, hãy chuẩn bị sẵn các slide chiếu trên cao và máy chiếu. Nếu điều đó cũng không thành công, hãy sử dụng tài liệu phát tay của bạn để thay thế. Nếu bạn chuẩn bị cho sự suy sụp, bạn sẽ bớt lo lắng hơn và khán giả sẽ thông cảm.

1. Tránh những công nghệ thường xuyên bị hỏng hoặc những công nghệ mà bạn không quen thuộc.
2. Có kế hoạch dự phòng cho các lỗi thiết bị và phần mềm.
3. Cung cấp tài liệu phát các slide dưới dạng phần bổ sung.

Đọc thêm

- Ratcliffe, Jerry H, (2004) "Mười mẹo PowerPoint hàng đầu của Jerry." <http://www.jratcliffe.net/papers/Jerry%27s%20top%20ten%20powerpoint%20tips.pdf>
- Ratcliffe, Jerry H, (2004) "Mười mẹo thuyết trình hàng đầu của Jerry." <http://www.jratcliffe.net/papers/Jerry%27s%20top%20ten%20trình%20bày%20tips.pdf>

Bước 60: Đóng góp vào kho tàng kiến thức

Phần lớn những gì chúng ta biết về các vấn đề ngày nay đều chưa được biết đến cách đây 20 năm. Sự tích lũy kiến thức này phần lớn là do sự chia sẻ kiến thức của những người hành nghề cảnh sát và các nhà nghiên cứu ở Hoa Kỳ, Canada, Vương quốc Anh và các quốc gia khác. Các bước từ 54 đến 57 mô tả cách liên lạc với những người ra quyết định trong lực lượng cảnh sát và trong cộng đồng của bạn. Bạn cũng có nhiệm vụ cải thiện nghề nghiệp của mình bằng cách chia sẻ công việc của mình ra bên ngoài cơ quan và cộng đồng địa phương.

Có hai cách tiếp cận để giao tiếp với đồng nghiệp của bạn. Đầu tiên là thông qua các tài liệu bằng văn bản. Chúng có thể được xuất bản trong các báo cáo, tạp chí định kỳ chuyên nghiệp hoặc các bài báo phổ biến. Thứ hai là thông qua các bài thuyết trình tại các hội nghị, cuộc họp chuyên môn. Chiến lược hiệu quả nhất để truyền đạt thông tin là sử dụng kết hợp các phương pháp này.

Báo cáo bằng văn bản có thể trình bày nhiều thông tin chi tiết, hữu ích mà người khác có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo. Có một số cách phổ biến thông tin bằng văn bản. Nó có thể được cung cấp ở định dạng có thể tải xuống từ các trang web. Nó có thể được xuất bản trong các tạp chí chuyên nghiệp. Các bài viết ngắn hơn được thiết kế để thu hút sự chú ý của mọi người có thể được đăng trên các bản tin chuyên nghiệp và các tạp chí định kỳ khác. Cuối cùng, việc khuyến khích các nhà báo chuyên nghiệp viết về những nỗ lực của bạn có thể tiếp cận được nhiều đối tượng hơn. Các phần ngắn hơn và dễ tiếp cận hơn sẽ tiếp cận được nhiều đối tượng nhưng chứa ít thông tin hơn.

Hội nghị cho phép giao tiếp trực tiếp, đặt câu hỏi và trả lời cũng như thảo luận về những phát triển mới nhất. Các cuộc thảo luận không chính thức rất hữu ích cho việc

trao đổi quan điểm về những ý tưởng chưa đủ phát triển để được công bố. Và chúng cho phép bạn tìm kiếm lời khuyên từ các chuyên gia ngang hàng về những vấn đề khó khăn.

Hoa Kỳ và Vương quốc Anh tổ chức các hội nghị thường niên về chính sách định hướng vấn đề. Ngoài ra còn có nhiều cuộc phân tích tội phạm và các hội nghị cảnh sát khác trên toàn cầu, nơi bạn có thể trình bày thông tin mới về cách giải quyết vấn đề.

Cuối cùng, bạn cũng nên xem xét các hội nghị của các ngành nghề khác, đặc biệt nếu bạn đang làm việc với các đối tác từ các lĩnh vực khác. Hạn chế chính của hội nghị là thời gian trình bày tài liệu có hạn, thiếu hồ sơ chi tiết về diễn biến hội nghị và số lượng người tham dự tương đối ít. Nhưng những người tham dự có thể truyền bá thông tin đến những người không có mặt.

Một chiến lược truyền thông toàn diện nên bao gồm những điều sau:

1. Đối với những người quan tâm đến chi tiết, có thể tải xuống báo cáo kỹ thuật thông qua một trang web dễ sử dụng.
2. Đối với lượng lớn khán giả có mối quan tâm chung, một hoặc nhiều bài viết ngắn trên các tạp chí chuyên ngành hoặc tạp chí phổ thông có tham chiếu đến trang web.
3. Đối với các đồng nghiệp và học giả chuyên nghiệp, một bài viết dài hơn trên một tạp chí chuyên ngành.
4. Đối với một nhóm đồng nghiệp chuyên nghiệp nhỏ nhưng có tầm ảnh hưởng, bạn nên ít nhất một bài thuyết trình tại một hội nghị chuyên môn.

Ngoài ra, sẽ rất hữu ích nếu gửi bản sao các bài báo cho những người quan tâm đến chủ đề bạn đang nghiên cứu. Điều này không chỉ truyền đạt ý tưởng của bạn mà còn cho phép bạn xin lời khuyên về cách truyền đạt ý tưởng của mình tới người khác.

Các chuyên gia đặc biệt quan tâm đến những điều sau đây:

1. Khám phá các vấn đề mới hoặc đang thay đổi.
2. Những tiến bộ trong kỹ thuật phân tích có thể trả lời các câu hỏi mới hoặc trả lời các câu hỏi cũ chính xác hơn và ít sai sót hơn.
3. Những phản hồi mới cho vấn đề hoặc ứng dụng mới của những phản hồi cũ.
4. Bằng chứng về tính hiệu quả, thiếu hiệu quả hoặc tác dụng phụ của các phản ứng.

Mỗi chủ đề này có thể được viết dưới dạng nghiên cứu điển hình về vấn đề cụ thể của bạn. Đề cương cơ bản của một nghiên cứu điển hình hữu ích bao gồm bốn điểm:

1. Không hài lòng với tình trạng cũ - tại sao sự hiểu biết hoặc thực hành tiêu chuẩn là không đủ trong những trường hợp cụ thể.
2. Tìm kiếm các giải pháp thay thế - cách khám phá một cách hiểu hoặc cách thực hành mới.
3. Bằng chứng hỗ trợ các lựa chọn thay thế - so sánh các phương pháp cũ và mới.
4. Kết luận và hàm ý - tóm tắt những điều mọi người nên cân nhắc dựa trên thông tin mới này.

Đề cương này tuân theo quy trình SARA. Việc rà soát cho thấy sự không hài lòng với một hoàn cảnh cụ thể. Phân tích là tìm kiếm một sự hiểu biết mới về vấn đề.

Việc ứng phó đòi hỏi phải so sánh một cách có hệ thống các phương pháp tiếp cận thay thế và lựa chọn một phương pháp tiếp cận mới cụ thể. Và đánh giá tóm tắt những gì người ta đã học được từ kinh nghiệm.

Bảng này cho thấy cách áp dụng phác thảo này cho từng chủ đề trong bốn chủ đề nghiên cứu điển hình. Những loại nghiên cứu điển hình này có thể được kết hợp tùy theo hoàn cảnh yêu cầu. Ví dụ, một kỹ thuật mới để phân tích vấn đề có thể tiết lộ một loại vấn đề mới. Trong trường hợp như vậy, hai loại nghiên cứu trường hợp đầu tiên có thể được kết hợp.

Tương tự, mô tả về một phản ứng mới đối với một vấn đề có thể bao gồm thông tin đánh giá, do đó kết hợp hai loại nghiên cứu điển hình cuối cùng. Sự kết hợp khác là có thể.

Cuối cùng, chúng tôi đưa ra lời biện hộ thay mặt cho việc phân tích tội phạm như một nghề và khoa học về tội phạm như một môn học. Dù bạn muốn làm cho mình được hiểu rõ ràng đến đâu, đừng bao giờ nhượng bộ trước cám dỗ phóng đại bằng chứng của mình.

Không có gì có khả năng gây tổn hại đến danh tiếng của bạn và của đồng nghiệp hơn là bị cho đã xuyên tạc sự thật. Những người khác có thể đi tắt hoặc đi đến kết luận. Các chuyên gia phân tích tội phạm hướng đến sự siêng năng và chính trực khi gặp phải một sự việc hay quá quá nhiều hóc búa. Nếu bạn không biết câu trả lời hoặc chỉ hiểu một phần vấn đề, hãy nói như vậy. Bằng cách đó, khi bạn biết câu trả lời, mọi người sẽ sẵn sàng tin tưởng vào nhận định chuyên môn của bạn hơn.

Thế kỷ 21 đang trở thành thế kỷ của phân tích trong lĩnh vực cảnh sát và bạn có thể đóng góp lớn. Một trăm năm nữa, việc phân tích sẽ được thiết lập vững chắc trong

hoạt động cảnh sát và sẽ có nhiều thay đổi. Công nghệ chắc chắn sẽ khác. Nhưng quan trọng hơn, những người kế nhiệm của chúng ta sẽ biết nhiều về tội phạm và cách phòng chống tội phạm hơn chúng ta. Và họ sẽ biết điều này vì bạn và những người như bạn đã đặt những câu hỏi quan trọng, thu thập và phân tích dữ liệu cũng như báo cáo kết quả của bạn một cách trung thực và rõ ràng.

Bốn loại sử dụng tình huống				
Phác thảo	1. Vấn đề mới	2. Kỹ thuật phân tích mới	3. Hướng giải quyết mới	4. Bằng chứng mới về tính hiệu quả
1. Không hài lòng	Phát hiện tình huống bất thường	Tại sao kỹ thuật cũ bị hạn chế	Tại sao phản hồi cũ bị hạn chế	Sự không chắc chắn về hiệu quả của phản ứng trong các trường hợp cụ thể
2. Tìm kiếm	Khám phá những gì khác biệt	Kỹ thuật mới được phát hiện như thế nào	Phản ứng mới được phát hiện như thế nào	Khó khăn trong việc đánh giá phản ứng trong những trường hợp này
3. Bằng chứng	So sánh vấn đề cũ với vấn đề mới	So sánh có hệ thống kỹ thuật cũ và mới dựa trên tiêu chí khách quan	So sánh có hệ thống phản ứng cũ và mới dựa trên tiêu chí khách quan	Các phương pháp đánh giá được sử dụng và kết quả của chúng
4. Các Kết luận	Điều này ngụ ý gì về việc giải quyết vấn đề	Những trường hợp mà kỹ thuật mới đặc biệt hữu ích	Những trường hợp phản hồi mới đặc biệt hữu ích	Các trường hợp nên được sử dụng và chờ đợi kết quả